

**ĐẠI CƯƠNG
KINH THỦ LĂNG NGHIÊM**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI



Biên dịch: TT. THÍCH TRÍ HẢI

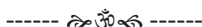
ĐẠI CƯƠNG
KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

ĐẠI CƯƠNG
KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

大疆首楞嚴經

LỜI NÓI ĐẦU



Phật giáo là một trong những tôn giáo lâu đời nhất trên thế giới. Những lời dạy của Đức Phật đã đóng góp tích cực, thiết thực, đầy triết lý cho đời sống tinh thần nhân loại, hơn hai ngàn năm trăm năm qua và sẽ mãi còn tiếp tục đóng góp thông qua phương thức hoằng truyền Phật pháp.

Trong quá trình chuyển tải Phật pháp, đặc tính bất biến tùy duyên là sự chuyển đổi từ một trật tự xã hội truyền thống, sang một trật tự xã hội công nghệ hiện đại. Dấu hiệu của sự thay đổi này là việc thu thập và phân bố thông tin, chuyển tải chánh pháp của Phật đến cùng khắp quảng đại Phật tử rằng: Chư Phật và chúng sanh, cùng đồng một Bản thể chân tâm không khác. Chúng sanh vì mê muội bất giác thể tánh chân tâm, nên phải chịu sanh tử luân hồi, còn chư Phật đã ngộ nhập chân tâm Viên giác tánh, hay Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, nên được tự tại giải thoát. Vì vậy, Kinh Niết Bàn Đức Phật dạy: Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.

Chúng sanh vì quên mất chân tâm, lang thang trong nẻo đường ba cõi. Từng ý niệm si mê đắm chìm trong lục đạo, lại nhận làm tứ đại, ngũ uẩn làm tướng tự thân, nhận sự phân

biệt của tiền trần làm tướng tự tâm, bỏ quên đi Pháp thân thanh tịnh vĩnh hằng và chân tâm thường trú của chính mình. Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật với lòng từ bi vô lượng, đã chỉ rõ con đường tu duy nhất (mặc dù có nhiều phương tiện, tông phái, với vô lượng pháp môn) được thành Phật là giác ngộ chân tâm; thật là một bộ Kinh Đại thừa, vừa quý giá, vừa cao siêu. Với tinh thần truyền bá giáo pháp của Phật theo hướng cô đọng, mang an lạc đến cho mọi người, đặc biệt là Tăng Ni sinh, khi thâm nhập chánh pháp Phật giáo, phù hợp với hiện trạng của xu thế hội nhập toàn cầu.

Trên tinh thần tu tập qua tư tưởng của kinh Thủ Lăng Nghiêm, hay Kinh Lăng Nghiêm (Trích quyển 7 là 1 trong 10 quyển của Kinh) ở Việt Nam hầu hết các chùa đang hành trì nhật tụng, vào buổi công phu sáng hằng ngày. Qua đó người con Phật và những ai tu học giáo nghĩa kinh này, không những đã tháo gỡ khổ đau phiền lụy nơi thế gian, mà còn đạt đến nơi vĩnh hằng an lạc, giải thoát nghiệp chướng, dẫn đến thành tựu quả vị Vô thượng Bồ Đề, như Đức Phật đã thiết thân chứng nghiệm và truyền dạy.

Nhận đảm nhiệm môn kinh Thủ Lăng Nghiêm và Nhị Thời Khóa Tụng Giải, hướng dẫn Tăng Ni sinh các khóa IV, V, VI và VII (2013-2017) trường Phật Học Đồng Tháp. Chúng tôi mạo muội biên soạn, lược giải, trong quá trình biên dịch chúng tôi thành kính đánh lễ tri ân các bậc Tôn túc đã dày công phiên dịch, chủ sở cho ra đời các pho sách quý giá, mà chúng tôi tham khảo, học hỏi, trích dẫn. Chúng tôi

chỉ mong giúp huynh đệ đồng tu, thuận tiện việc nghiên tâm học hỏi, và người giảng giải cũng thu góp được nhiều kết quả trên bước đường hành hóa. Vì là lược giảng, đại cương; còn rất nhiều điều phải nói, nên không sao tránh khỏi những sơ sót. Kính mong các bậc Tôn túc thạc đức, chư vị thức giả cao minh, các vị đồng tu từ bi hoan hỷ.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát, Ma Ha Tát.
Cẩn bạch

Tỳ Kheo THÍCH TRÍ HẢI

TỔNG LUẬN KINH THỦ LĂNG NGHIÊM



首楞嚴經總論

I – XUẤT XỨ BẢN KINH (出處本經)

Kinh Lăng Nghiêm là nói tắt, gọi đủ là Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhơn Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh, là một bộ kinh thuộc Kinh Tạng Đại Thừa. Khởi đầu, kinh nói về chuyện ngài A Nan đi vào trong xóm khất thực bị nàng Ma Đăng Già bắt. Phật bèn nói một thần chú và sai một vị Bồ Tát tên là Văn Thù đi đến cứu ngài A Nan.

Sau khi ngài A Nan và Ma Đăng Già về đến Tịnh xá, đức Phật đã khai thị dạy về: Thất xứ trung tâm, chỉ bài các thứ tâm từ vọng đến chân, từ thô đến tế, thuyết minh tầm quan trọng của tâm tác tạo; là cội gốc của sinh tử luân hồi, mà cũng là căn bản của Bồ Đề Niết Bàn, các pháp môn tu bao gồm Thiền Giáo, Tịnh Tông, Mật Pháp, các công đức hạnh nguyện, qua sự trình bày pháp tu Viên thông của 25 vị Thánh giả và các món Ma (Nội ma và Ngoại ma) nhiễu loạn chúng sinh trong tam giới, mà trên bước đường học đạo, hành đạo và hóa đạo giác ngộ, giải thoát, dẫn đến thành tựu đạo

nghiệp, những người con Phật sẽ gặp phải, để biết phương cách xa lìa hay điều phục và chế ngự.

Như vậy, Phật thuyết Kinh Thủ Lăng Nghiêm cốt yếu là chỉ bày cho chúng sinh giác ngộ Tự tánh Phật đạo, thể nhập Như Lai Tạng và thật chứng Pháp Giới Tánh như Phật. Đó là Như Lai chân thật nghĩa, là Tông yếu của Kinh Thủ Lăng Nghiêm, là Bản hoài của chư Phật, mà cũng chính là Đại sự nhân duyên Phật xuất hiện nơi thế gian, khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến.

Một nguyên nhân nữa, đức Phật thuyết Kinh Thủ Lăng Nghiêm là việc ngài A Nan đi khát thực mắc phải chú thuật Tiên Phạm Thiên của nàng Ma Đăng Già. Sau khi được Phật cứu thoát, ngài A Nan tự trách mình học rộng nghe nhiều, mà không đủ định lực vượt qua tà thuật của ngoại đạo, nên thiết tha cầu Phật dạy những phương pháp tu hành, làm thế nào để mau thể nhập Phật tri kiến, thành tựu đạo quả vô thượng Bồ Đề, mà thị hiện nhân duyên để cầu thỉnh đức Phật chỉ bày giáo nghĩa Đại Định Thủ Lăng Nghiêm. Đó cũng là lý do riêng biệt, phát khởi kinh này.

Ngoài nhân duyên chung và riêng, chúng ta có thể nói thêm một nhân duyên khác. Vào khoảng 150 năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Phật giáo chia thành nhiều bộ phái, kéo dài mấy trăm năm. Thời kỳ này gọi là thời kỳ Phật Pháp Bộ Phái, có những bộ phái giới xuất gia đã có khuynh hướng sống xả ly, sống một cuộc đời quá tách rời với xã hội. Những vị Thanh Văn Tăng chỉ lo chuyện giải thoát cho riêng mình, về sau gọi là Giới bảo thủ; giới bảo thủ đã có khuynh hướng biến đạo Phật thành một đạo lý phục vụ riêng cho một số

người xuất gia. Người cận sự, người tại gia, người cư sĩ ngoài đời chỉ có bốn phận cúng dường và hộ trì mà không được thừa hưởng và thực tập những lời Phật dạy. Vì vậy mà đạo Phật. Các chùa lúc bấy giờ, hay giới xuất gia đã không đến gần được với đại đa số quần chúng trong xã hội. Những cái nhìn thiển cận, những cái thấy lệch lạc về giáo điển của một số khá đông người xuất gia đã làm cho đạo Phật mất đi rất nhiều hào quang của thời Nguyên thủy. Đường hướng tu học của một số đông đã trở nên có tính cách tiêu cực, và Niết Bàn của Thanh văn, Nhị thừa đã trở thành một Niết Bàn nhỏ bé dành riêng cho một thiểu số những người xuất gia.

Vì vậy trong giới Phật tử xuất gia cũng như tại gia cư sĩ, tư tưởng quần chúng hóa đạo Phật đã phát khởi và tư tưởng đại thừa Phật giáo, do đó mà bắt đầu nảy mầm, tạo nên một phong trào nhằm khai quật những tư tưởng uyên áo, thâm sâu của giáo pháp Phật, phục hồi năng lượng vĩ đại của tâm chí Bồ Đề và đưa đạo Phật nhập thế tùy duyên, hòa quang đồng trần, phụng sự cuộc đời giáo độ chúng sanh và phong trào Đại thừa hóa giáo pháp của Phật, mà giáo nghĩa Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Duy Ma... xuất hiện.

Trên cơ sở đó, Đại thừa giáo pháp đã thành hình, những Tôn giả cao đức khởi xướng thấy rằng, nếu những tư tưởng sâu sắc này, không được cắm rễ vào sự sống thực tế của Tăng đoàn Pháp Thân Phật, thì tư tưởng đó chưa thực sự trở nên hữu ích cho quần chúng và sẽ khó được chấp nhận hay thể hiện nơi cuộc đời. Điều này có nghĩa là giáo nghĩa Đại Thừa không phải chỉ được biểu hiện dưới hình thức tư tưởng, mà

còn phải được biểu hiện hội nhập với tư cách của một tập thể, một bộ phận gồm có người xuất gia và có người tại gia.

Trong lịch sử văn hóa Phật giáo Đại thừa, thì kinh Bát Nhã (tiếng Phạn Prajnaparamita Sutra) xuất hiện trước hết, rồi đến các kinh Bảo Tích (Ratnakuta Sutra), Kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka-sutra)... Sau đó mới đến những bộ kinh Duy Ma Cật (Vimalairtinirdesa Sutra)...

Đến thế kỷ thứ hai, có một tôn giả người xứ Tỳ Đạt Bà (Vidharbha) rất thông minh, bát học đa văn nổi tiếng biện tài xuất chúng, tên là Long Thọ (Nagarjuna - Na Già Hạt Thọ Na) xuất hiện. Tôn giả đã biên tập rất nhiều kinh sách, trong đó có một tác phẩm xuất sắc là Đại Trí Độ Luận (Mahaprajnaparamita). Đại Trí Độ Luận là một tác phẩm lớn, nhằm giảng giải Kinh Đại Bát Nhã. Trong bộ luận này, Bồ Tát Long Thọ (Bodhisattva Nagarjuna) trích dẫn rất nhiều kinh điển Đại Thừa đã xuất hiện trước khi Ngài ra đời.

Chúng ta có thể ghi nhận một thời điểm đánh dấu ngày đức Thích Tôn nhập diệt. Năm trăm bốn mươi bốn năm, sau khi Phật nhập Niết Bàn. Sau đó khoảng hai thế kỷ thì ngài Long Thọ ra đời, đến thế kỷ thứ năm, lại có hai vị Tôn giả cũng rất nổi tiếng xuất hiện đó là Bồ Tát Vô Trước (Bodhisattva Asanga - Bồ Tát A Tăng Già), và Bồ Tát Thế Thân (Bodhisattva Vasubandhu - Bồ Tát Bà Tu Bàn Đầu).

Đối với tư tưởng Phật giáo Đại thừa xem mọi người, mọi giới đều đồng đẳng, đều có khả năng tu học Phật pháp, và đều có thể thành đạo chứng quả, không phân biệt nam hay nữ, tất cả các ngành nghề, cho đến các loại hình chúng sinh. Bằng chứng là trong kinh Thủ Lăng Nghiêm này, nàg

Ma Đăng Già cũng có thể về đến Tịnh xá lễ Phật tu hành; hay kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Long Nữ cấp thời tu hành chứng quả; kinh Duy Ma Cật, Thiên Nữ trong phẩm thứ bảy (Phẩm Quán Chúng Sinh) là một nhân vật lỗi lạc về giáo pháp Đại thừa; người trẻ như Đồng tử Quang Nghiêm trong Phẩm thứ tư (Phẩm Bồ Tát) cũng là một vị Bồ Tát...

Trong thời kỳ các kinh Đại Thừa vừa mới xuất hiện, các đại đệ tử của đức Phật như ngài Xá Lợi Phất (Sariputra), ngài Mục Kiền Liên (Maudgalyayana), ngài Tu Bồ Đề (Subhuti) v.v... đều bị xem là những người Tiểu Thừa. Đến thời kỳ kinh Pháp Hoa (Saddharma Pundarika Sutra) xuất hiện, người ta mới thấy Ngài Xá Lợi Phất phát tâm Đại Thừa mà không còn nghi hối. Với tư tưởng Đại Thừa, mục đích là để diễn bày cho hàng Thanh Văn, Nhị Thừa thấy con đường của họ đang hành trì là Pháp nhỏ. Con đường của Đại Thừa mới là Pháp lớn, có khả năng dẫn hành giả đi đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó cũng chính là một nguyên nhân Phật thuyết Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm. Chính nhờ những kinh này mà Phật giáo Đại Thừa hồi đó đã thành lập, đồng thời tạo dựng được nền tảng vững chắc và truyền thừa phát triển cho đến ngày nay.

Nói về giáo pháp, sự thuyết hóa của Phật suốt 49 năm, tông Thiên Thai đã chia ra: Tạng, Thông, Biệt, Viên là Tứ giáo Hóa Pháp; còn Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định là Tứ giáo Hóa Nghi, hợp lại thành Tám.

Tạng: Thời A Hàm thuộc về Tạng giáo, chính là Tam tạng giáo, nói về giáo lý của hàng Tiểu thừa.

Thông: Thời Phương Đẳng về Thông giáo (Thông giáo tam thừa, thông giáo ngũ thừa).

Biệt: Thời Bát Nhã thuộc về Biệt giáo.

Viên: Thời Hoa Nghiêm thuộc về Viên giáo đại thừa, nhưng kiêm cả Biệt giáo; mà thời Pháp Hoa thì thuần Viên giáo.

Đốn: Chính là đạt được rất nhanh, trong nháy mắt liền được khai ngộ, đây gọi là Đốn giáo.

Tiệm: Nghĩa là dần dần được khai ngộ, từng bước từng bước tu hành, khai ngộ từng tí từng tí.

Bí Mật: Những giáo pháp bí mật mà Phật nói ra chính là Thần chú, tất cả chú này đều thuộc Bí Mật. Bí Mật nghĩa là Nói cho người kia thì người này không biết, nói cho người này thì người kia không biết, hai bên không biết lẫn nhau, đây gọi là Bí Mật giáo.

Bất Định: Chính là nói: Pháp không có pháp cố định, nên có câu rằng Pháp còn phải xả, huống gì phi pháp? Vì không có cố định nên gọi là Bất Định Pháp.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm được ngài A Nan ghi chép lại những lời Phật dạy tại Tịnh xá Kỳ Hoàn, nơi thành Thất La Phiệt, là một bộ kinh Đại Thừa quý báu, cao siêu nhất. Người tu hành hiểu được Kinh Lăng Nghiêm, chẳng khác nào như người thủy thủ có kim chỉ nam, người thợ có dây mực, cây thước. Nội dung của kinh chỉ đường lối tu hành một cách rành mạch, mà đức Phật đã khai thị Giáo, Lý, Hạnh, Quả rõ ràng. Những người tu hành phải trải qua bao nhiêu địa vị, trong khi tu gặp những điều nguy hiểm thế nào, phải làm sao

mới tránh khỏi những điều nguy hiểm ấy, thì trong Kinh Lăng Nghiêm này đức Phật dạy hết sức tường tận.

Kinh Lăng Nghiêm quý giá như thế, nên thuở xưa các vị vua Ấn Độ xem là một quốc bảo, giữ gìn nghiêm ngặt không cho truyền bá ra ngoài.

Ngài Bát Thích Mật Đế, người Ấn Độ, đã nhiều lần tìm cách đem Kinh Thủ Lăng Nghiêm đến truyền bá tại Trung Hoa, nhưng không kết quả, vì luật nước nghiêm cấm, kiểm soát rất chặt chẽ. Cuối cùng, ngài viết kinh trong tấm lụa mỏng, sau đó cuộn lại, rồi xẻ thịt bấp vế nhét vào, băng lại làm như người có ghẻ, mới đem ra khỏi nước.

Chúng ta nên nhớ tưởng lại kỳ công vì pháp quên mình, của ngài Bát Thích Mật Đế. Thử nghĩ xem: Một cây cỏ cắt vào da còn đau; một mụn ghẻ nhỏ còn biết nhức; huống chi xẻ một đường dài nơi bắp thịt, nhét cho được một cuộn lụa con, trải qua bao nhiêu ngày, từ Ấn Độ sang đến Trung Hoa. Nếu không may bị tiết lộ thì mắc phải tội chết. Như thế chúng ta đủ thấy sự quý báu trân trọng của Kinh Lăng Nghiêm là dường nào! Phát tâm vì đạo quên mình của Bồ Tát Bát Thích Mật Đế đáng cho chúng sanh trọn đời bái phục.

Khi vào Trung Hoa, ngài đến đất Nam Thuyền, gặp quan Thừa tướng tên Phòng Dung, là bậc bác học uyên thâm, lại có lòng mộ Phật, nên ngài trình bày với Thừa tướng, về giá trị của Kinh Lăng Nghiêm mà ngài đã mang đến. Quan Thừa tướng nghe nói rồi hết sức mừng rỡ, cho là đặng một vật báu chưa từng có. Nhưng khi đem cuộn lụa ra thì, vì bị máu mủ bám vào lâu ngày, nên mất cả chữ nghĩa. Người có công lớn trong việc này, là phu nhân của Thừa tướng. Bà đem cuộn lụa ấy nấu với một chất hóa học, thì máu mủ đều theo

nước mà tan đi, chỉ lưu lại các nét mực, nên còn thấy để phiên dịch và lưu truyền.

Quan Thừa tướng cung thỉnh ngài Bát Thích Mật Đế dịch chữ Phạn ra chữ Hán. Ngài Di Già Thích Ca chú thích từ ngữ, còn quan Thừa tướng nhuận sắc. Từ xưa các học giả, không những trong đạo Phật, mà cả đạo nho, các đại gia văn chương, một phen xem đến Kinh Lăng Nghiêm, đều kính phục và vô cùng khen ngợi cái nghĩa lý cao siêu, và văn chương tuyệt diệu của kinh.

Bổn giáo trình Kinh Thủ Lăng Nghiêm này (此本首楞嚴經教程) chúng tôi y cứ vào phiên bản của ngài Bát Lạt Mật Đế (Pramiti). Người Trung Thiên Trúc (中天竺) dịch từ Phạn ngữ ra Hán văn, tại chùa Chế Chỉ ở Thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa, năm 705 thời đại nhà Đường. 在唐代中國所寫作，再偽託為印度傳入作品。翻此經，名大佛頂如來密因修證了義諸菩薩萬行首楞嚴經，又名中印度那爛陀大道場經。

Vì nhận thấy ở Việt Nam từ trước đến nay chư vị cổ đức phần đông căn cứ vào bản dịch đó, nhiều nhà nghiên cứu, dịch giảng và chú giải về kinh này làm cho kinh Lăng Nghiêm càng phong phú và sâu sắc hơn.

II - THÍCH NGHĨA ĐỀ KINH (釋義題經)

Thích nghĩa đề kinh, nói khác là Giải thích tên kinh. Kinh này có nhiều tên gọi:

大佛頂首楞嚴經 (梵語: Sūraṃgama Sūtra 漢語: 首楞嚴經。全名大佛頂如來密因修證了義諸菩薩萬行首楞嚴經，又名中印度那爛陀大道場經，簡稱大佛頂首楞嚴

經、大佛頂經、首楞嚴經，大乘佛教經典。據傳說，由般刺密諦在唐朝時傳至中國，經懷迪證義，房融筆受，譯成漢文。印順法師認為它與圓覺經、大乘起信論屬於晚期如來藏真常唯心系的作品。

在明朝與清朝後，楞嚴經長期被漢傳佛教人士高度推崇，曾有：自從一讀楞嚴後，不看人間糟粕書！詩句。楞嚴經梵文原本未傳世，從面世開始，因未被列入正式譯經目錄，對於它的真偽，就有了經久不息的爭議，佛教學者認為它是在唐代中國所寫作，再偽託為印度傳入的作品。

- Đại Phật Đảnh Tất Bát Đa Bát Đát Ra, Vô thượng Bảo Ấn Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn.

- Cứu Hộ Nhân Thân Độ Thoát A Nan Cập Thủ Hội Trung Tính Tỳ Kheo Ni đắc Bồ Đề Tâm Nhập Biến Tri Hải.

- Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni.

- Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm.

- Tên đầy đủ: Kinh Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm; gọi tắt là Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

a - Vì kinh này rất quý báu, lại khó gặp, hàng Tiểu thừa Thinh văn và Quyền thừa Bồ Tát không thể thấu suốt được, nên dụ như cái Vô Kiến Đảnh tướng của Phật. Vì tướng này hàng phàm phu, Nhị thừa không thể thấy.

b - Mười phương chư Phật đều y theo kinh này làm nhơn tu địa hành mà được thành đạo chứng quả, nên gọi là Như Lai Mật Nhơn.

c - Nương theo kinh này tu, chứng thì lối tu chứng ấy mới là rốt ráo, nên gọi rằng Tu Chứng Liễu Nghĩa.

d- Các vị Bồ Tát tu Lục độ vạn hạnh đều y theo kinh này, nên gọi là Chư Bồ Tát Vạn Hạnh.

Thủ Lăng Nghiêm, dịch là: Đại Định Kiên Cố. Nghĩa là cái Bản thể chân tâm sẵn có của tất cả chúng sanh và chư Phật, nó bao trùm khắp cả vũ trụ, nên gọi là Đại. Tâm ấy thường hằng tịch tịnh không vọng động nên gọi rằng Định. Nó không bị thời gian thay đổi, hay không gian chuyển dời, thấu xưa suốt nay, bao giờ cũng vẫn thường như thế, ở bậc thánh không thêm, nơi phàm phu cũng không bớt, như như bất động, nên gọi rằng **Kiên Cố**.

Mười chín chữ đầu đề của kinh này: Đại Phật Đảnh, Như Lai mật nhơn, tu chứng liễu nghĩa, chư Bồ Tát vạn hạnh, Thủ Lăng Nghiêm, đã bao hàm toàn bộ kinh, nào là: Giáo, Lý, Hạnh, Quả, Thể đại, Tướng đại và Dụng đại, nhơn địa tu chứng đều trùm cả, mà rốt cuộc chỉ ở nơi tự tâm tịch tịnh sẵn có của chúng sinh trọn đủ.

Nói một cách khác, Thủ Lăng Nghiêm là tên của một loại Đại Thiên Định cao sâu cùng tột, chứa nhóm hằng sa công đức, chứng đạt rốt ráo thành tựu viên mãn muôn hạnh của bậc Bồ Tát.

Định Thủ Lăng Nghiêm là: Thể nhập tâm tánh bản lai

thanh tịnh, đầy đủ trí tuệ cao tột, trừ sạch vô minh phiền não, lấy danh tướng của Phật làm biểu tượng nên gọi là Đại Phật Đảnh.

Như Lai Mật Nhân: Là cái nhân sâu kín nhiệm màu của các đức Như Lai, tức Pháp Thân Phật, chỉ cho vị Hóa Phật ngồi hoa sen báu nghìn cánh, tuyên thuyết Lăng Nghiêm Tâm Chú.

Tu Chứng Liễu Nghĩa: Chỉ cho sự tu chứng rốt ráo trọn vẹn, tức đạt đến cảnh giới Tu vô tu tu, Chứng vô chứng chứng, Vô sở chứng đắc.

Chư Bồ Tát Vạn Hạnh: Hành giả tu tập thể nhập Thủ Lăng Nghiêm tức thành tựu muôn hạnh Bồ Tát.

Đối tượng tu tập của Thủ Lăng Nghiêm là những chúng sinh lòng nhiều dục vọng tham đắm, nhiễm trần huyễn ảo do vọng tâm sở tạo.

Công đức tu tập của Thủ Lăng Nghiêm là hàng phục phiền não trần lao, thể nhập Phật tri kiến, chế ngự lục căn tham chấp cho đến vọng tâm điên đảo.

Mục đích tu tập là chứng nhập Phật tri kiến thành tựu đại đạo tâm, chứng đắc đạo quả vô thượng Bồ Đề.

III - LƯỢC SỬ DỊCH GIẢ - SƠ GIẢI (略史譯者疏解)

Bản dịch của kinh này từ Phạn văn sang Hán văn là ngài Bát Lật Mật Đế (H. 般刺密諦 S. Pramiti, ?-?). Ngài là người Trung Thiên Trúc (中天竺), tức miền Trung Ấn Độ (中印度), trên bước đường lợi sinh hoằng pháp viễn du, đã đem nguyên bản Kinh Thủ Lăng Nghiêm bằng Phạn văn, đến chùa

Chế Chỉ, đất Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa. Đến năm 705 thời đại nhà Đường dịch bản kinh này.

Theo truyền thuyết, Kinh Thủ Lăng Nghiêm được Bồ Tát Long Thọ (S. Bodhisattva Nagarjuna, H. 菩薩龍受), một vị Bồ Tát có trí huệ tuyệt luân và thần thông quảng đại người Ấn Độ, sau khi đã đọc hết tất cả sách vở thế gian, cũng như xuất thế gian. Nghe nói rằng ở Long Cung (龍宮) có chứa nhiều pháp bảo, ngài mới nhập định, dùng thần lực xuống đáy biển, vào Long Cung để tìm kinh. Nhân khi thuyết pháp ở cung rồng Ta Kiệt La, thấy trong kho có bộ kinh này, bèn lấy ra xem, cho đó là bộ kinh hy hữu. Ngài Long Thọ (Nagarjuna - Na Già Hạt Thọ Na, H. 那迦鷄樹那) tụng thàm hết bộ kinh, và nhớ thuộc lòng. Trở về lại trú xứ, ngài chép bộ kinh ấy ra để trình lên quốc vương xin lưu truyền. Nhà vua trân trọng và cho đó là Pháp bảo hiếm có, bèn ban lệnh cất vào kho, làm vật quốc bảo của Thiên Trúc, không những bị cấm mang ra khỏi nước mà còn bị cấm dạy cho các du tăng ngoại quốc đến Thiên Trúc tu học.

Kinh Lăng Nghiêm khi chưa truyền đến Trung Hoa, thì tên của bộ kinh này đã được người Trung Hoa nghe biết và kính ngưỡng rồi. Nguyên do một hôm, có vị Phạn tăng từ Ấn Độ đến núi Thiên Thai, tham kiến Trí Khải đại sư (538-597), nghe đại sư giảng thuyết pháp môn Chỉ Quán, vị Phạn tăng tán thán và bội phục, nói rằng: Pháp môn Chỉ Quán do ngài phát minh và thuyết trình rất gần với giáo nghĩa của Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm ở Thiên Trúc. Đại sư Trí Khải rất xúc động khi nghe vị Phạn tăng nói lên điều đó!

Ngài Thiên Thai Trí Khải muốn được thấy nghe và thọ

trì bộ kinh ấy, đồng thời để xem pháp môn Chỉ Quán của mình giống với lời dạy của Đức Phật tới mức độ nào; hoặc có những gì sai biệt. Ngài liền tạo lập một cái đài trên núi Thiên Thai, gọi là Bái Kinh Đài. Từ đó ngài Trí Khải khao khát ngưỡng mộ, mỗi sáng tối hướng về Thiên Trúc kính thành lễ bái, suốt 16 năm, cho đến khi thị tịch. Ở phía bên trái chùa Thiên Thai tại Nam Nhạc đến nay vẫn còn lưu dấu đài kinh.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm từ khi xuất hiện ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam đến nay đã ngót hai ngàn năm mà sức sống ngày càng mạnh và rộng. Các bậc tiền bối tổ sư trong Phật giáo đã đầu tư trí tuệ, ra sức phát huy cái Diệu nghĩa, Huyền nghĩa, Thông nghĩa, Mật nghĩa, của kinh Thủ Lăng Nghiêm mà hình như chưa có vị nào có thể cho là mình bằng lòng trọn vẹn. Tuy nhiên, mỗi ngài đều có cái sở tri, tâm đắc, tuệ nhãn riêng để nhận thức tương đương với sự thâm ngộ và thể nhập của mình. Mỗi ngài viết ra thành tác phẩm nhằm ghi lại những cái kết quả đó. Còn vấn đề đem lại lợi lạc, ít hay nhiều cho tăng tín đồ Phật giáo, thì tùy thuộc vào nhân duyên, căn cơ, tu tập, liễu ngộ, ứng dụng và chủng tánh của mỗi người.

IV – BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG KINH (分断经文)

Bố cục của kinh, nghiên cứu tu học bao gồm Kinh Tiền Huyền Đàm, A Nan Thị Đạo, Ba Lần Phá Thức, Mười Phen Hiển Kiến, Tứ Khoa Thất Đại, Tùng Căn Giải Kết, chương Hai Mười Lăm Vị Thánh Sở Chứng Viên Thông, Bốn Loại Thanh Tịnh Minh Hối, Lăng Nghiêm Thần Chú, Thập Nhị Loại Sinh, Lịch Vị Tu Chứng, Thất Thú, Năm Mười Ấm Ma v.v...

Nội dung kinh dạy cho chúng ta nhập đạo từ căn bản, từ tự tánh tu tự tánh; với mục đích dứt trừ vọng tưởng điên đảo của mỗi người trong chúng ta, phá tà hiển chánh, bỏ bến mê mà quay về bờ giác.

Nói một cách khác, nội dung của Kinh Thủ Lăng Nghiêm là Đức Phật chỉ dạy cho chúng ta ngộ được chân tâm. Chúng ta vì không ngộ được chân tâm nên phải vĩnh kiếp làm chúng sinh, trầm luân trong biển sinh tử, chịu không biết bao nhiêu khổ sở. Còn như Phật thoát ly sinh tử luân hồi, được tự do giải thoát, thần thông tự tại, trí huệ vô ngại v.v... đều do các Ngài đã ngộ chân tâm.

Ngài A Nan cầu Đức Phật chỉ dạy phương pháp nào mà mười phương các Đức Phật đã tu hành và đều được chứng quả, thì Phật chỉ dạy, phải ngộ Chân tâm thường trú, Thể tánh tịnh minh. Đây là phương pháp duy nhất mà mười phương chư Phật tu hành đã được thành đạo chứng quả.

Thế nên, người phát tâm tu hành tìm về con đường giải thoát giác ngộ, vấn đề văn tư tu là rất cần, nhưng nếu chỉ có đa văn, là một học giả, dù uyên thâm đến đâu, thì cũng không đủ đảm bảo an toàn khi vô minh phiền não xâm hại. Ma Đăng Già biểu trưng lòng nhiều dục vọng, nặng luyến ái đam mê. Đại Trí Văn Thù biểu trưng vô phân biệt trí, thứ trí nhìn hiện tượng vạn pháp bằng cái tướng Như Thị của chính nó được lưu xuất từ Thể tánh tịnh minh. Đại Trí Văn Thù đem thần chú Thủ Lăng Nghiêm hóa giải chú Tiên Phạm Thiên của nàng Ma Đăng Già, có ý nghĩa là: Tình cảm đen tối thì hãy đem lý trí rực sáng mà rọi vào. Sáng đến thì tối phải đi, người Phật tử phải đi, người Phật tử phải học: Muốn

phá yêu thuật, đánh đuổi ma quân diệt giặc vô minh, phải sử dụng Trí lực mà không dùng Thể lực phải vận dụng tâm thanh tịnh mà không thể dùng sức lực của bắp thịt, chân tay để đối phó. Do lẽ đó, nội dung Kinh Thủ Lăng Nghiêm rất quan trọng ở sự nhận thức về Chân Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh sẵn có trong tất cả mọi chúng sinh.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm gồm 10 quyển, những lời dạy vô cùng ân cần, tha thiết của Phật đối với ngài A Nan và chúng hội, bằng thú hưởng vô tận thâm diệu, chúng ta có thể tóm yếu như sau:

QUYỂN THỨ NHẤT

Kinh Thủ Lăng Nghiêm sau Phần tựa. Nói về Sáu món Chứng Tín, cũng gọi Lục Chung thành tựu (Tín, văn, thời, chủ, xứ, chúng thành tựu), đức Phật đã nêu vấn đề trọng tâm chính yếu, là chỉ ngay chỗ viên ngộ Chân tâm, với Bảy lần gạn hỏi về tâm (Thất xứ trưng tâm), Thuyết minh tầm quan trọng của tâm (Tâm là căn bản của Bồ Đề Niết Bàn, và cũng là căn bản của sanh tử luân hồi); đồng thời khai thị Tánh thấy và những vấn đề liên quan đến Tánh thấy, tất cả diệu dụng đều được biểu hiện từ Như Lai Tạng, Bản thể nhất như, Chân tâm thường trú, Thể tánh tịnh minh... của tất cả vạn loại chúng sinh, muôn trùng trong pháp giới.

QUYỂN THỨ HAI

Phật khai thị những tính chất của bản tánh thấy, không sinh không diệt, bỏ tâm phan duyên, phá những thuyết nhân duyên, tự nhiên, phi nhân duyên, phi tự nhiên... chỉ thẳng

sự thật nhận thấy tánh thấy cùng những nhận thức sai lầm, khiến cho chúng sinh mê mờ bị vô lượng sanh tử; đồng thời đức Thế Tôn chỉ bày thể tánh chân thật, nhằm nắm vững Bốn khoa, Bảy đại, cho đến các pháp diệu dụng, lưu xuất biểu hiện từ Như Lai Tạng, để từ đó có thể giải ngộ, tu tập dẫn đến chứng nhập Diệu Chân như tánh.

QUYỂN THỨ BA

Đức Phật triển khai về Lục nhập (Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập) Thập nhị xứ (Lục căn và lục trần) cùng 18 giới (Lục căn, lục trần và lục thức) và khai thị Thất đại hoàn nguyên (Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức), để xác định mê ngộ, sống chết, thời gian không gian, ngũ hầu viên ngộ được tự thân các pháp, không pháp nào trói buộc chúng sinh, chỉ vì tâm vọng khởi sinh vô minh phiền não. Thế nên, tuy hiện thân là phàm phu nhưng vẫn đồng một pháp giới tánh với chư Phật.

QUYỂN THỨ TƯ

Đức Phật dạy ông Phú Lô Na và đại chúng những duyên khởi do sự hư vọng sinh ra thế giới, chúng sinh và nghiệp quả tương tục, từ đó cột thành nhiều gút (Thập triền, Thập sử tích thành hữu lậu chi nhân. Lục căn, Lục trần vọng tác vô biên chi tội) để phá trừ mê vọng cùng các nhận thức sai lầm, đối đãi của chúng sinh chỉ rõ tánh diệu minh hợp về Như Lai Tạng lìa (phi) tất cả tướng, lại là (tức) tất cả pháp; nhưng cũng là tất cả tướng, tất cả tánh, tất cả pháp. Đồng

thời Phật chỉ bày hai nghĩa quyết định tu hành, qua Tri kiến lập tri và Tri kiến vô kiến, đến ngã pháp câu không, để được tự tại an lạc giải thoát.

QUYỂN THỨ NĂM

Đức Phật rõ biết đại chúng lầm chấp căn cảnh là nguồn gốc của sự buộc ràng, tạo thành các gút, nên Phật dạy: Căn, trần, thức... nhấn đến Kiến, văn, giác, tri... vốn không có chủ thể, tự ngã; vậy muốn giải thoát nên chọn tìm nơi mỗi căn, cơ, một căn thù thắng rồi tinh tấn tu tập. Đến đây Phật bảo ông La Hầu La đánh chuông để trắc nghiệm nhĩ căn qua chân tâm thường trú, khai thị cách cởi gút, thứ lớp trước sau, trình bày chỗ thanh tịnh chân thật, tiêu được vọng, trở về chân. Đức Phật chỉ dạy nhân địa, thứ lớp trải nghiệm tu hành, qua sự trình bày của 25 vị Bồ Tát, A La Hán lần lượt nêu lên 25 con đường tu tập, dựa trên Căn, Trần, Thức, Đại... là những cơ sở chính, nguyên nhân trọng yếu dẫn đến trọn đủ công hạnh tu chứng Viên thông.

QUYỂN THỨ SÁU

Sau khi Bồ Tát Quán Thế Âm đối trước Phật và đại chúng trình bày (một trong 25 pháp tu chứng Viên Thông, tiếp theo quyển thứ năm) pháp tu Nhĩ Căn viên thông (Nhất căn ký phản nguyên, Lục căn thành giải thoát), tùy tâm ứng hiện 32 hóa thân, 14 pháp vô úy, và Bốn đức nhiệm màu không thể nghĩ bàn; thành tựu pháp Vị Tăng Hữu Thuyết Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm. Kế đến Phật bảo ngài

Văn Thù so sánh tính ưu, khuyết của các Căn, Trần, Thức..., để tuyển trạch pháp tu, ngõ hầu người đời sau thấy được các tánh ưu khuyết nơi thân tâm của chính mình mà tu tập, sau khi phân tích rõ ràng ngài Văn Thù đã trình bạch Phật: Nhĩ căn ưu việt nhất. Phật liền khai Ba môn vô lậu (Giới Luật Tôn) và Bốn pháp xuất trần, hình thành pháp môn Đại Thừa Tâm Giới là pháp môn của bậc Bồ Tát tu hành.

QUYỂN THỨ BẢY

Đức Phật khai thị pháp tu Mật Giáo chỉ bày phương thức kiến lập đạo tràng, tụng đọc, thọ trì thần chú Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm với phương pháp Tam mật gia trì (Thân, khẩu, ý mật dung thông). Bảy giờ, ngài A Nan và đại chúng thỉnh cầu đức Thế Tôn tuyên thuyết Thủ Lăng Nghiêm tâm chú.

Thuyết tâm chú xong Phật dạy: Đó là những câu Tâm Chú bí mật nhiệm màu của Hóa Thân Phật từ hào quang trên đảnh Như Lai: Nhân, nắm, cỡi, ngậm, giữ, nương, theo, hành, tụng... truyền tâm chú đó cứu cánh nhất thiết, nên Tâm Chú đó gọi Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú. Kế đến Phật dạy hai nhân duyên đảo làm nhân sanh khởi 12 loại hình chúng sinh (Trong kinh Kim Cang chỉ nói chín loại – Cửu hữu, Tứ sinh).

QUYỂN THỨ TÁM

Phật khai thị Ba món tiệm thứ, chỉ dạy đường lối: Tiệm tu tiệm ngộ, đốn ngộ tiệm tu, tiệm ngộ đốn tu, đốn ngộ đốn

tu, và cũng từ Ba môn tiệm thứ, Phật pháp đón nhận hết thảy mọi căn cơ, chủng tánh, tầng lớp con người trong xã hội, tu tập bước lên địa vị Hiền, Thánh cho đến Đẳng Giác và Vô thượng Bồ Đề Phật quả.

Nói khác, người tu hành Phật pháp điều kiện tiên quyết là phải điều phục, chế ngự những dục nhiễm luyến ái, biết tự huấn luyện mình sống nhiều nơi lý trí và đỉnh cao của lý trí là Càn Huệ địa, thứ đến hàng Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Kế đến nhân quả thế và nhân quả xuất thế gian, dị nhân dị quả, các hiện báo, dư báo, cùng chỉ bày nhân quả của các cõi Trời Dục giới.

QUYỂN THỨ CHÍN

Sau khi chỉ dạy nhân quả hiện báo và dư báo của chúng sinh nơi Ba ác đạo cùng Sáu quả vị của Trời Dục giới, Đức Thế Tôn thuyết minh nhân quả đắc thành vị Trời Sắc giới, và Bốn loài A Tu La (Trời, Người, A Tu La - Tam thiện đạo; Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh - Tam ác đạo; Thần Tiên - Dị nhân quả đạo) đồng thời chỉ bày các hiện tướng thuộc phạm vi Sắc ấm, Thọ ấm và Tưởng ấm khuấy nhiễu lung lạc hành giả trên lộ trình tu tập giác ngộ giải thoát.

QUYỂN THỨ MƯỜI

Phật chỉ bày các hiện tướng thuộc phạm vi Hành ấm và Thức ấm, thuyết minh chỗ hư vọng của Bảy loài (Thiên Nhơn, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và Mười loài Tiên).

Nói đến đây Đức Phật khuyến tấn Ngài A Nan và đại chúng tu tập, thọ trì, truyền lưu hậu thế Thủ Lăng Nghiêm Tâm Chú, mà Như Lai trong mười phương, nhận đây tu Chứng Liễu Nghĩa, viên mãn quả Bồ Đề, đến nơi Vô sở đắc; dặn dò Phó Chức lưu thông.

Tóm yếu Kinh Thủ Lăng Nghiêm, nhân duyên ngài A Nan phát đại Bồ Đề tâm thương tưởng chúng sinh đời sau, thị hiện nhân duyên đặc biệt phi thường, thiết nghĩ thời Phật tại thế không một Tôn giả nào chấp nhận, đồng thời nhắc nhở người học Phật rằng: Nếu chỉ học rộng nghe nhiều mà khiếm khuyết về sự dụng công tu tập, thì khó có thể được giác ngộ giải thoát rốt ráo. Cũng từ nhân duyên trên ngài A Nan cầu thỉnh đức Phật khai thị pháp môn Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, một pháp tu mau chóng nhất, có khả năng hàng phục tất cả ma đạo tiến đến Bồ Đề quả vị; lại chỉ dạy cho người học Phật ngộ nhập, quán triệt, tu chứng và luôn sống với thể tánh tịnh minh, chân tâm thường trú nơi bản tâm thanh tịnh nhiệm mầu. Chúng sinh vì không ngộ được chân tâm nên phải vĩnh kiếp làm chúng sinh, trầm luân trong biển sanh tử, chịu không biết bao nhiêu khổ sở. Còn như Phật thoát ly sanh tử luân hồi, được tự do giải thoát, thần thông tự tại, trí huệ vô ngại v.v... đều do các Ngài đã chứng ngộ thể nhập chân tâm. Đây là phương pháp duy nhất mà mười phương chư Phật tu hành đã được thành đạo chứng quả.

V – CÔNG ĐỨC CỦA KINH (首楞嚴經功德)

Đọc học Kinh Thủ Lăng Nghiêm muốn hiểu được tâm, cần phải có quá trình học Phật và dụng công tu tập tư duy.

Tư duy rằng: Tâm là căn bản của Bồ Đề, Niết Bàn nếu khéo tu tập, vận dụng sống theo con đường chánh pháp; trái lại tâm là nguồn gốc của luân hồi sinh tử; nếu đánh mất hoặc không phát hiện được cái chân tâm thường trú sẵn có của mình.

Muốn sử dụng tốt cái tâm Bồ Đề đó, cần phải dụng công tu tập Giới, Định, Tuệ để thân chứng. Nói đến sự tu tập phải đúng chánh pháp. Bởi vì người ta rất dễ nhận lầm tâm, là sự thấy nghe tri thức hiểu biết, sự ưa muốn, sự ghét thương... Những tác dụng tâm lý đó, nó không rời tâm, nhưng nó không phải chân tâm, nó là vọng tưởng. Người khéo biết tu tập sẽ có được chân tâm thường trú hiện ở cõi đời này. Phật chỉ là một người, nhưng có khác với nhiều người ở chỗ Phật sống bằng chân tâm thường trú ấy, và đã đem lại nguồn giáo lý trác tuyệt lưu truyền cho hậu thế, qua tự thân chứng nghiệm Thủ Lăng Nghiêm Đại Định này.

Thủ Lăng Nghiêm Kinh là một bộ kinh được lưu truyền sâu rộng ở các nước Phật giáo theo hệ tư tưởng Đại Thừa. Ở Việt Nam khắp Tông lâm, Tự viện, Am thất đều đọc tụng thọ trì. Xem thế đủ biết diệu lực của Kinh Thủ Lăng Nghiêm, đức tin của người Phật tử đối với kinh nhiệm mầu, thâm diệu biết chừng nào.

Chú thích từ ngữ:

Linh Thứu Sơn: Cũng gọi Thứu Lãnh 鷲嶺, Thứu Đài 鷲臺, Thứu Đầu Sơn 鷲頭山, Thứu Phong 鷲峰, gọi tắt của Linh Thứu Sơn 靈鷲山, phiên âm của nguyên ngữ Sanskrit là Kỳ Xà Quật Sơn (S: Gr̥dhra-kūṭa, P: Gijjhakūṭa H: 耆闍崛山), tên ngọn núi nằm ở phía Đông Bắc Thành Vương Xá, thuộc

nước Ma Kiệt Đà (S, P: Magadha H: 摩竭陀), hiện tại nằm ở phía Đông Rajgir của Ấn Độ. Đây là một trong những Thánh địa của Phật Giáo, là nơi đức Phật đã từng thuyết pháp; cho nên người ta cho rằng phần lớn các kinh điển Đại Thừa như Kinh Pháp Hoa, Bát Nhã, Đại Bảo Tích, Vô Lượng Thọ, v.v., và cũng như câu chuyện Niêm Hoa Vi Tiếu (拈花爲笑) của Thiền Tông đều phát xuất từ đây.

Trong bộ Long Hưng Phật Giáo Biên Niên Thông Luận (隆興佛教編年通論 卅 tục Tạng Kinh Vol. 75, No. 1512) quyển 12 do Thạch Thất Sa Môn Tổ Tú (石室沙門祖琇) ở phủ Long Hưng (隆興府) soạn, có đoạn: “Huyền Trang... sưu dương Tam Tạng tận Long Cung chi sở trữ, nghiên cứu Nhất Thừa cùng Thấu Lãnh chi di chỉ, tinh dĩ tải ư Bạch Mã hoàn hiến Tử Thần, tầm mông hạ chiếu sắc sử phiên dịch 玄奘。。。 搜揚三藏盡龍宮之所儲，研究一乘窮鷲嶺之遺旨，并已載於白馬還獻紫宸，尋蒙下詔敕使翻譯。Huyền Trang... tìm tòi Tam Tạng kinh điển tàng trữ tận chốn Long Cung, nghiên cứu giáo lý Nhất Thừa soi rõ yếu chỉ của Thấu Lãnh, cùng bỏ lên Bạch Mã mang về dâng Hoàng triều, mong trên hạ chiếu cho người phiên dịch).” Trong bài thơ Linh Ẩn Tự (靈隱寺) của thi sĩ Tống Chi Vấn (宋之問 khoảng 656-712) đầu thời nhà Đường có câu trữ danh là: “Thấu Lãnh uất thiền nghiêu, Long Cung kiêu tịch liêu, lâu quán thương hải nhật, môn đối Triết Giang triều, quế tử nguyệt trung lạc, thiên hương vân ngoại phiêu (鷲嶺鬱岩峽，龍宮矯寂寥，

樓觀滄海日，門對浙江潮，桂子月中落，千香雲外飄，
 Thửu Lãnh rậm vút cao, Long Cung mờ tịch liêu, trên lầu
 biển xanh ngấm, cửa tựa Triết Giang triều, hàng quế trắng
 thăm rụng, hương trời mây trắng bay).” Hoặc trong bài Hòa
 Vương Ký Thất Tùng Triệu Vương Xuân Nhật Du Đà Sơn Tự (和
 王記室從趙王春日遊陀山寺) của Lạc Tân Vương (駱賓
 王 khoảng 619-687) nhà Đường cũng có câu: Điểu dư bồi
 phỏng đạo, Thửu Lãnh hiệp thê chơn, Tứ Thiên minh tĩnh
 nghiệp, Tam Không quảng thắng nhân, tường hà sơ điệp
 giản, huệ nhật kiếu trùng luân, điệp ám Long Cung mật, hoa
 minh Lộc Uyển xuân (鳥旗陪訪道，鷺嶺狎棲真，四禪明
 靜業，三空廣勝因，祥河疏疊澗，慧日皎重輪，葉暗龍
 宮密，花明鹿苑春。Cờ xí lên vấn đạo, Thửu Lãnh dưỡng
 nuôi chơn, Bốn Thiên sáng nghiệp lắng, Ba Không rõ duyên
 nhân, sông từ trong khe mát, trời tuệ tỏ thế nhân, lá che
 Long Cung thăm, hoa tươi Lộc Uyển xuân).

Trong Đại Đường Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư
 Truyện (大唐大慈恩寺三藏法師傳 Taishō Vol. 50, No.
 2053) quyển 6, bài Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo Tự (唐
 三藏聖教寺) lại có đoạn: “Song Lâm, Bát Thủy, vị đạo xan
 phong; Lộc Uyển, Thửu Phong, chiêm kỳ ngưỡng dị 雙林，
 八水味道餐風，鹿苑，鷺峰，譚奇仰異，(Song Lâm,
 Tám Sông [của Ấn Độ], ném đạo ăn phong; Lộc Uyển, Thửu
 Phong, nhìn kỳ trông lạ).” Ngoài ra, từ Thửu Phong còn từ
 dùng thay thế cho tự viện Phật Giáo. Như trong bài thơ Tái
 Tập Chu Lâm Tu Trạch (再集朱林修宅) của Đỗ Giới (杜芥

1617-1693) nhà Thanh có câu: Tửu hát thi nhân ái vũ thiên, hồi quang tháp hỏa Thửu Phong yên (酒喝詩人愛雨天, 迴光塔火驚峰煙 rượu uống thi nhân thích trời mưa, chiều tà tháp rực chùa khói mờ).

Tỳ Lô Giá Na Phật (S: Vairocana Buddha, H. 毘盧这那佛): Còn gọi là Tỳ Lô Xá Na (毘盧舍那佛), hay Lô Xá Na (盧舍那), âm dịch là Tỳ Lô Giá Na (毘樓这那), Tỳ Lô Chiết Na (盧折那), Phệ Lô Già Na (吠盧遮那); ý dịch là Biến Nhất Thiết Xứ (遍一切處), Biến Chiếu (遍照), Quang Minh Biến Chiếu (光明遍照), Đại Nhật Biến Chiếu (大日遍照), Tịnh Mãn (淨滿), Quảng Bác Nghiêm Tịnh (廣搏嚴淨), Đại Nhật Như Lai (大日如來). Các kinh điển giải thích về đức Phật này như Hoa Nghiêm Kinh (華嚴經), Phạm Võng Kinh (梵網經), Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp Kinh (觀普賢菩薩行法經), Đại Nhật Kinh (大日經), v.v., đều khác nhau và thậm chí các tông phái ở Trung Quốc giải thích về đức Phật này cũng có sự khác biệt lẫn nhau. Kinh Hoa Nghiêm thì cho rằng đức Tỳ Lô Giá Na Phật đã từng tu công đức trong vô lượng kiếp, chứng quả chánh giác, trú nơi Thế giới Liên Hoa Tạng (世界蓮花藏), phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, phóng đám mây hoá thân từ nơi lỗ chân lông để diễn xuất biển vô lượng kế kinh. Theo Phạm Võng Kinh thì cho rằng đức Phật này đã tu hành tâm địa trong hàng trăm A Tăng Kỳ kiếp để thành đẳng chánh giác, trú nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, chung quanh đảnh liên hoa ấy có ngàn cánh (ngàn thế giới); đức Tỳ Lô Giá Na Phật biến thành ngàn Hoá Thân của đức Thích Ca Mâu Ni Phật và trú trong ngàn thế giới này.

Hơn nữa, trong mỗi thế giới cánh sen ấy có hàng trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trăng và mặt trời, hàng trăm ức cõi thiên hạ, hàng trăm ức Bồ Tát, Thích Ca đang diễn thuyết pháp môn tâm địa của Bồ Tát. theo Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp Kinh thì cho rằng đức Thích Ca Mâu Ni Phật có tên là Tỳ Lô Giá Na Biến Nhất Thiết Xứ (毘盧这那遍一切處) và trú nơi Thường Tịch Quang Độ (常寂光土), cảnh giới được hình thành từ Bốn Ba La Mật là Thường Lạc Ngã Tịnh (常樂我淨). Trong khi đó, Hoa Nghiêm Kinh và Phạm Võng Kinh thì cho rằng Tỳ Lô Giá Na Phật là Báo Thân Phật; còn Quán Phổ Hiền Kinh thì cho là Pháp Thân Phật. Về phía Thiên Thai Tông và Pháp Tướng Tông thì lập nên Tam Tôn là Tỳ Lô Xá Na, Lô Xá Na và Thích Ca, trong đó họ xem Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân (自性身 Tự tánh Thân), Lô Xá Na là Báo Thân (受用身 Thọ Dụng Thân) và Thích Ca là Ứng Thân (遍化身 Biến Hoá Thân). Trong 10 danh hiệu đức Phật có câu: Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật, Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật, Thiên Bách Ức Hoá Thân Thích Ca Mâu Ni Phật (清淨法身毘盧遮那佛。圓滿報報身盧舍那佛。千百億化身釋迦牟尼佛)”, cũng phát xuất từ giải thích nói trên. Riêng chơn Ngôn Tông thì lấy thuyết của Đại Nhật Kinh mà chủ trương Tỳ Lô Giá Na Phật là Đại Nhật Pháp Thân với Lý Trí Bất Nhị. Trong bài Phật Tâm Ca (佛心歌) của Tuệ Trung Thượng Sĩ (慧中上士, 1230 - 1291) có câu “A thủy ư thử tín đắc cập, cao bộ Tỳ Lô đánh thượng hành, 阿誰於此信得及, 高步毘盧頂上行 Ai người theo đây tin được đến, cao bước Tỳ Lô mau bước đi). Về chư vị Bồ Tát quyền thuộc của Ngài, Tu Thiết Du Già Tập

Yếu Thí Thực Đàn Nghi (修設瑜伽集要施食壇儀 Tạng Kinh Vol, 59, No. 1081) cho biết rằng: Tỳ Lô Phật tứ Bồ Tát giả, nhất Kim Cang Ba La Mật Bồ Tát, nhị kim Cang Bảo Ba La Mật Bồ Tát, tam Kim Cang Pháp Ba La Mật Bồ Tát, tứ Kim Cang Yết Ba La Mật Bồ Tát (Bốn vị Bồ Tát của Tỳ Lô Phật là, một Kim Cang Ba La Mật Bồ Tát, hai Kim Cang Bảo Ba La Mật Bồ Tát, ba Kim Cang Pháp Ba La Mật Bồ Tát, bốn Kim Cang Yết Ba La Mật Bồ Tát). Trong Phật Mẫu Khổng Tước Tôn Kinh Khoa Thức (佛母孔雀尊經科式 Tục Tạng Kinh Vol. 74, No. 1479) giải thích rõ về Ngài như sau: Phụng thỉnh trung phương Tỳ Lô Phật, kỳ thân hoàng sắc phóng quang minh, thù ấn chấp trì Thiên Bức Luân, chúng đảnh chí tâm quy mạng lễ (cung thỉnh phương giữa Tỳ Lô Phật, thân Ngài sắc vàng phóng hào quang, tay ấn cầm giữ Thiên Bức Luân, chúng con chí tâm cung kính lễ). Trong Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Lễ (金剛頂瑜伽三十七尊禮 Taishō Vol. 18, No. 879) có đảnh lễ danh hiệu của Ngài: Nam mô Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật (南無清淨法身毘盧遮那佛。Kính Lễ Phật Tỳ Lô Giá Na Có Pháp Thân Thanh Tịnh).

Phật: 佛 là dịch âm tiếng Phạn, nói tắt của chữ Phật đà (Bouddha). Chữ Phật, Hán dịch là Giác giả, là sáng suốt hoàn toàn, chỉ cho những bậc Đại giác, Đại ngộ. Những bậc biết rõ tất cả sự lý trong vũ trụ một cách chân chính, cùng tột và không còn một chút mê lầm, điên đảo, do đó còn được gọi là Vô thượng Biến Chánh giác. Có đầy đủ ba tánh giác ngộ là Tự giác, Giác tha, và Giác hạnh viên mãn.

1. Tự Giác: 自覺 Tự trở nên giác ngộ; bậc tự giác thì không như hàng phàm phu chưa được giác ngộ. Người tu theo Nhị thừa đều có thể tự trở nên giác ngộ.

2. Giác Tha: 覺他 Làm cho người khác trở nên giác ngộ. Hàng Nhị thừa có thể trở nên giác ngộ, nhưng họ không giác ngộ người khác. Do đó, người có thể khiến cho người khác trở nên giác ngộ là bậc Bồ Tát. Bồ Tát xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng như nhau; cho nên sau khi đã tự giác ngộ rồi, các ngài mong rằng hết thảy chúng sanh cũng đều được giác ngộ, được sáng suốt như mình. Đó gọi là Giác tha.

3. Giác Hạnh Viên Mãn: 覺行圓滿 bậc Bồ Tát tuy có thể giác ngộ người khác, nhưng vẫn chưa thể đạt được giác hạnh viên mãn. Chư Phật đã có thể tự trở nên giác ngộ, lại có thể làm cho người khác được giác ngộ, và còn có thể hoàn thành viên mãn hạnh tự giác giác tha của mình nữa. Chính nhờ đã hoàn tất trọn vẹn cả ba hạnh nguyện này nên các ngài đã thành Phật.

Thuyết: 說 Nghĩa là nói. Kinh này do đức Phật nói ra. Chữ Thuyết còn bao hàm ý nghĩa Duyệt sở hoài. Tức là nói ra những điều mà trong lòng mình ưa thích, và một khi đã nói ra rồi thì càng cảm thấy hoan hỷ vui vẻ hơn.

Bồ Tát: (S. Bodhisattva, P. Bodhistta, H. 菩薩): Từ gọi tắt của âm dịch Bồ Đề Tát Đỏa (菩提薩埵), hay Bồ Đề Sách Đa (索多), Mạo Địa Tát Đát Phược (冒地薩怛縛), Phù Tát (扶薩); ý dịch là Đạo Chúng Sanh (道眾生), Giác Hữu Tình (覺有情), Đại Giác Hữu Tình (大覺有情), Đạo Tâm Chúng

Sanh (心众生), Đại Sĩ (大士). 菩薩是菩提薩埵之略称。菩提薩埵, 梵语 Bodhi-sattva, 巴利语 Bodhi-satta。又作: 菩提索多、冒地薩怛縛。意译作: 道眾生、覺有情、大覺有情、道心众生。

Nguyên ngữ của nó được kết hợp bởi hai từ Bodhi và Sattva. Từ Bodhi là Bồ Đề (菩提) có nghĩa là sự khai ngộ, tỉnh thức, dịch là giác (覺). Sattva (tát đỏa 薩埵) nghĩa là sinh vật, nên được dịch là chúng sanh (眾生), hữu tình (有情) Khi hai từ này được kết hợp lại với nhau, chúng có nghĩa là người tìm cầu sự giác ngộ hay người có trang bị đầy đủ sự giác ngộ. Đặc biệt, đối với trường hợp của Đại Thừa Phật Giáo, Bồ Tát không phải là người tu hành để tìm cầu sự giác ngộ cho tự thân mình, mà tồn tại trong hiện thực của cuộc đời để tìm cầu chân lý giác ngộ, tu hành thực tiễn (hạnh từ bi lợi tha, 行慈悲利他) cho mọi người trên đời, nỗ lực tinh tấn Tịnh Độ hóa (tác thanh tịnh quốc độ Phật, 作清淨國土佛) hiện thực xã hội bằng chân lý giác ngộ. Từ đó, Đại Thừa Phật giáo phê phán hai thừa Thanh Văn (聲聞) Duyên Giác (緣覺) vốn thoát ly hiện thực của Phật Giáo Nguyên Thủy, và nhấn mạnh vai trò của Bồ Tát Nhất Thừa (菩薩一乘). Trong các kinh điển Đại Thừa như Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (S: Saddharma Pundarika Sutra 妙法蓮華經), v.v., đôi khi phủ nhận người xuất gia Tiểu Thừa, thay vào đó lập nên hình tượng Bồ Tát. Từ thế giới giác ngộ, vị này thể nhập vào cuộc đời, đồng cam cộng khổ với mọi người và tận lực cứu độ chúng sanh. Do đó, nhiều loại Bồ Tát được dựng lên và được tôn thờ trong dân gian. Tỷ dụ

như Bồ Tát Quan Thế Âm (S: Avalokitesvara 菩薩觀世音), Bồ Tát Địa Tạng (S: Ksitigarbha 菩薩地藏), v.v Chính vì vậy, việc điêu khắc hình tượng Bồ Tát cũng trở nên thịnh hành. Tại Nhật Bản đất nước có đặc sắc khảng định con người và trung tâm hiện thực ngay từ buổi ban sơ khi Phật giáo mới được truyền vào, chư vị thần được xem như là chúng sanh mê muội chẳng khác gì con người, cũng có địa vị tối cao như là vị thần của quốc gia hay của dân tộc và dần dần được thánh hóa là Bồ Tát. Trường hợp Bát Phan Đại Bồ Tát (八幡大菩薩) là một thí dụ điển hình. Bên cạnh đó, những con người thực tế như Bồ Tát Hành Cơ (Gyoki 668-749 菩薩行基), v.v., cũng được Bồ Tát hóa để tôn xưng vị tu hành có đạo cao đức trọng. Ở Việt Nam, trường hợp Bồ Tát Thích Quảng Đức cũng như vậy. Tại Từ Bi Đình (慈悲亭) của Lôi Âm Tự (雷音寺), ở Nhiêu Bình (饒平), Tỉnh Quảng Đông (廣東省) có hai câu đối tương truyền do Pháp sư Định Nhân (法師定因) sáng tác: Từ thủy trường lưu Bồ Tát trí quang chiếu chúng khổ. Bi tâm vĩnh tại Phật đà tuệ nhật chứng Tam Không (慈水長流菩薩智光照衆苦, 悲心水在佛陀慧日證三空, Nước từ chảy mãi Bồ Tát trí sáng chiếu muôn khổ, tâm bi thường tại Phật Đà trời tuệ chứng tam không).

[2] Kinh: 經 Nguyên là chữ Phạn Sùtra, Trung Hoa dịch là Kinh 經. Phạm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Kinh có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Trong kinh Đại Bảo Tích, đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất:

- Nói những việc thế gian là bất liễu nghĩa, nói về thắng nghĩa là liễu nghĩa.

- Nói mà tạo nghiệp phiền não là bất liễu nghĩa, nói để nghiệp phiền não sạch là liễu nghĩa.

- Nói mà chán lìa sanh tử tìm cầu Niết bàn là bất liễu nghĩa, nói phiền não tức Bồ đề, sanh tử và Niết bàn không hai là liễu nghĩa.

- Nói các thứ văn cú sai biệt là bất liễu nghĩa, nói pháp sâu xa khó thấy khó giác là liễu nghĩa.

Kinh (sutra) chính yếu có 10 ý nghĩa như sau:

1 - Dũng tuyền 泉湧 : Nghĩa là suối phun nước có mạch ngầm dưới đất. Chân lý chứa đựng trong kinh như nước suối tuôn trào, gội sạch mọi phiền não cấu bẩn, khiến ta thân tâm thanh tịnh. Suối nước chảy trên mặt đất thì có thể cạn, còn suối nước có mạch ngầm dưới đất thì tương đối bất tận. Hình ảnh suối chảy róc rách, gợi lên cho mọi người cảm giác tươi mát, dễ chịu. Lời kinh chính là nước suối mát, dội sạch lửa nóng nãy.

2 - Xuất sinh 出生 : Cũng như mặt trời, lúc nào cũng tỏa ra ánh sáng, lúc nào cũng phát ra năng lượng, kinh cũng vậy: Nó lúc nào cũng tỏa ánh hào quang, lúc nào cũng làm phát sinh đủ mọi công đức, đủ mọi pháp lành, bởi vì chân lý trong kinh có thể làm ta thức tỉnh, phát tâm Bồ Đề, rồi theo đó thực hành. Tam thế chư Phật đều từ chân lý trong kinh mà đắc giác ngộ. Nhiều người chỉ nghe một câu kinh mà cả đời thay đổi, bỏ ác làm lành. Như trong kinh này ngài Huệ Năng nghe một câu kệ trong kinh Kim Cang, rồi không biết bao

nhieu hạt giống Bồ Đề của ngài đã gieo trồng trong vô số kiếp trước đột nhiên sống lại, khiến ngài giác ngộ. Đó chính là tác dụng làm xuất sinh pháp lành của kinh.

3 - Hiển thị 顯示 : Hiển là làm lộ ra, Thị là chỉ cho thấy. Giống như mặt trăng, ngôi sao sáng hay ngọn đăng tháp có thể rọi sáng bóng đêm hiển bày mọi cảnh tượng. Kinh cũng là mặt trăng hay ngọn hải đăng, làm hiển thị những định luật, chân lý của vũ trụ mà bình thường ta khó thấy rõ trong màn đêm vô minh của tâm trí. Nhờ học hiểu kinh ta mới biết được những cảnh giới vô hình như những buổi thuyết pháp của Phật trên cung trời Đâu Suất. Hoặc kinh diễn bày những triết lý giải thích về chân lý.

4 - Thẳng mặc 繩繹 : Nghĩa là dây dọi, hay thước đo. Thẳng mặc ở đây mang hai ý nghĩa: Một, là phương tiện đo đạc: Không có dây dọi thì chẳng sao xây nhà cho thẳng. Không có thước đo thì chẳng sao vẽ hình cho đúng được. Hai, là đơn vị đo lường tiêu chuẩn: Như các hệ thống đo lường trong toán học, vật lý hay hoá học; các đơn vị đo đạc trừu tượng dùng trong khoa kinh tế học, tâm lý học, xã hội học, đều là thẳng mặc. Kinh là phương tiện đo đạc và chân lý trong kinh là tiêu chuẩn đo đạc để ta theo đó tu hành. Những chân lý trong kinh là những tiêu chuẩn của thiện nghiệp, đạo đức, công hạnh tu tập, quá trình tu chứng, và quả vị. Thí dụ như kinh dạy rằng: Con đường giải thoát là giới định huệ.

5 - Quán xuyên 貫串 : Nghĩa là khâu kết lại với nhau. Như vòng hoa khâu kết mấy cánh hoa rời rạc lại với nhau. Chân lý trong kinh khâu kết mọi sự lý, mọi hiện tượng lại với nhau trong một quan hệ nhân quả. Kinh khâu kết những

chuyện mà ta cảm thấy rời rạc không liên quan gì với nhau thành ra một bức hình toàn diện của vạn pháp (Tổng tướng), trong đó mọi thành phần (Biệt tướng) thì quan hệ mật thiết, không thể phân chia, tách rời. Tất cả những biến đổi của mỗi thành phần, dù tốt hay xấu, hoặc trở nên tương đồng (Đồng tướng), hoặc trở nên khác biệt (Dị tướng), hoặc sinh ra (Thành tướng), hoặc chết mất (Hoại tướng); tất cả mọi chu kỳ và biến thiên của mọi hiện tượng trong vũ trụ và pháp giới đều bao hàm trong một đại thể. Kinh là lăng kính mà qua đó ta có thể thấy đại thể ấy. Cũng có nghĩa rằng kinh là lăng kính giúp ta đạt được cái nhìn Như thị: Thấy vạn pháp bằng chân lý, không bị ảnh hưởng bởi thành kiến, ngã kiến hay phiền não.

6 - Nhiếp trì 攝持 : Nghĩa là nắm giữ, giữ gìn, không để cho biến mất hay hư hoại. Cũng giống như sức hút của trái đất, hay trọng lực, nhiếp trì tất cả mọi vật trên mặt đất, kinh nhiếp trì tất cả mọi chân lý. Kinh là một thứ hoàn toàn thanh tịnh, không phát sinh từ tham sân si, với năng lực vô song duy trì tâm thức của người tu trên con đường thanh tịnh và trí huệ. Mỗi một ý trong kinh là một hạt giống bất diệt trong tâm thức của người tu. Hạt giống ấy một khi đã gieo xuống thì bất diệt, từ từ lớn mạnh, tạo ảnh hưởng khiến ta hướng vào đường lành, tránh ngõ ác.

7 - Thường 常 : Nghĩa là thường hằng bất diệt. Ví như hư không: Chẳng sao phá hủy được nó. Cũng vậy, chân lý trong kinh chẳng ai có thể hủy hoại được. Ta có thể hủy báng, chê

bai, thiêu đốt kinh sách, cấm cản phát hành, nhưng không sao thay đổi được những đạo lý trong kinh.

8 – Pháp 法 : Pháp ở đây có nghĩa là lý tất nhiên, lẽ đương nhiên. Kinh bao hàm những lý lẽ không sao phủ định được, mà ta gọi là chân lý, tức là Pháp (Tam thế chư Phật đồng tuân viết Pháp).

9 - Điển 典 : Có nghĩa là tập hợp những nghĩa lý tốt lành, không chút tà vạy. Điển là thứ ta có thể tin cậy để dựa vào, để nghiên cứu, để tìm hiểu, vì nó không có bóng dáng của lòng ích kỷ, thiên vị hay quan niệm lệch lạc. Những sách vở nói về một triết thuyết, học thuyết, quan điểm của một cá nhân thì nó chưa phải là điển. Khi nào những gì được trình bày trong sách vở ấy hoàn toàn vắng bật dấu vết của lòng truy cầu danh vọng, cảnh giới hẹp hòi nhỏ bé của bản ngã thì nó sẽ thành kinh điển.

10 – Kinh Lộ 經路 : Nghĩa là con đường. Trong danh từ Hán Việt, chữ này đồng âm với chữ kinh của kinh điển. Con đường thì có to nhỏ, dài ngắn khác nhau. Những đạo lý trong kinh điển dạy cũng giống như con đường, hay nói đúng hơn là bản đồ để ta theo đó tu hành giải thoát sinh tử. Ngoại đạo là con đường dẫn ta đi ra khỏi Đạo, hướng ngoại, rời bỏ chân lý và chân tâm.

Tâm: Trong đạo Phật, khái niệm Tâm được diễn đạt bằng nhiều danh từ khác nhau:

1. Trong thuyết Ngũ uẩn, thì sắc uẩn bao gồm tất cả các Sắc pháp, còn thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn bao

gồm tất cả Tâm pháp. Đó là theo thuyết ngũ uẩn, một trong những thuyết xưa nhất và căn bản nhất thì tất cả các hành động tâm lí không ở ngoài cảm thụ (Ph. Sensations), tưởng tượng, tri giác (Ph. Perceptions), hành dục (Ph. Voitions) và thức phân biệt, hay biết (Ph. Conscience discriminative).

2. Trong thuyết 12 nhân duyên, ở chi Danh sắc, danh đại biểu cho tâm pháp, sắc đại biểu cho sắc pháp. Vì sao gọi tâm pháp là danh? Bởi lẽ các tâm pháp không có hình tướng như sắc pháp, cho nên chỉ có thể dùng tên để gọi chúng mà thôi.

3. Trong tông Duy Thức, những hoạt động tâm lí được phân tích cặn kẽ hơn và được bao gồm trong hai nhóm hoạt động chính, nhóm tâm vương và nhóm tâm sở. Nói hoạt động của Tâm vương và Tâm sở theo Duy Thức tông, nói tất cả mọi hoạt động của tâm. Hoạt động của tâm vương là hoạt động chủ đạo. Hoạt động của tâm sở là hoạt động phụ thuộc của tâm vương. Vương, nghĩa là vua. Còn sở là sở hữu. Tâm sở có nghĩa là những pháp sở hữu của tâm vương.

Duy Thức tông phân biệt có 8 Tâm vương và 51 Tâm sở. Nói tóm lại, thứ nhất, đạo Phật không quan niệm tâm lý là một cái gì thuần nhất, giản đơn theo kiểu như khái niệm linh hồn... thứ hai, đạo Phật xem tâm pháp thuộc pháp hữu vi, nghĩa là những pháp sinh diệt, có tạo tác chứ không phải như khái niệm một linh hồn linh thiêng bất tử theo như một số tôn giáo khác quan niệm.

Nếu định nghĩa Tâm một cách khái quát nhất thì trong

các kinh điển Phật giáo, chữ tâm thường được dùng theo sáu nghĩa:

1. **Nhục đoàn tâm:** Quả tim vật chất, làm chức năng bơm máu đi khắp cơ thể.

2. **Tập khởi tâm:** Tức là thức thứ 8 (đệ bát thức; S. Alaya vijnana), Hán dịch là Tạng thức là toàn bộ tâm thức, cơ sở của mọi hoạt động tâm lý.

3. **Tư lương tâm:** Tư lương là dẫn đo, suy nghĩ. Tâm thức tư lương là tâm thức thứ bảy (Mạt na thức). Tác dụng của nó là liên tục, không phút nghỉ dừng, chấp thức thứ tám (Tạng thức) là Ta (cái ta riêng biệt). Thức thứ bảy là khái niệm mà Tâm lý học phương Tây chưa từng biết. Vì tác dụng của nó là chấp ngã, cho nên nó là cơ sở của những phiền não cơ bản xoay xung quanh cái Ta, ngư Ngã si (si mê về cái Ta), ngã kiến (thấy sai lầm có cái Ta riêng biệt), Ngã ái (đam mê yêu thương cái Ta), và Ngã mạn (đặt cái Ta cao hơn tất cả). Một từ khác dùng để chỉ tâm thức thứ bảy là Ý, chỉ tướng trạng của thức này là sinh diệt nối tiếp nhau không bao giờ bị gián đoạn (có bao giờ ta quên ta là ta đâu!). Đồng thời, thức thứ bảy là nơi nương tựa, nơi y chỉ của thức thứ sáu (ý thức) cho nên sách Phật cũng gọi thức thứ bảy là Ý căn (căn năng của ý thức).

4. **Liễu biệt tâm:** Ý thức và năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, tỷ thức, thân thức) có tác dụng duyên với ngoại cảnh và phân biệt nhận thức chúng.

5. **Kiên thực tâm:** Chân tâm, cái tâm không hư vọng,

đó là Phật tính, cái mầm mống giác ngộ vốn sẵn có trong mỗi chúng ta.

6. **Tinh yếu tâm:** Như nói Bát nhã Ba la mật đa tâm kinh. Tâm ở đây nghĩa là cái tinh yếu, cái cốt lõi. Bộ kinh Bát nhã rất dài có đến 600 cuốn (Hán dịch) nhưng một cuốn kinh nhỏ là Bát nhã ba la mật đa tâm kinh đã thu tóm được toàn bộ tinh hoa của bộ Bát nhã trong hai ba trang sách, cho nên gọi là Tâm kinh.

Câu hỏi ôn tập:

1. Tóm tắt quá trình ngài Bát Thích Mật Đế đem Kinh Lăng Nghiêm từ Ấn Độ truyền vào Trung Hoa như thế nào?

2. Nói ý nghĩa tên kinh Đại Phật Đảnh, Như Lai mật nơn, tu chứng liễu nghĩa, chư Bồ Tát vạn hạnh, Thủ Lăng Nghiêm?

3. Trình bày tóm tắt ý nghĩa quyển thứ nhất, thứ sáu và thứ bảy của Kinh Lăng Nghiêm?

4. Cho biết tên gọi 10 ý nghĩa của chữ Kinh?

ĐỀ MỤC CỦA 10 PHẨM

十第經文題目

----- 卍 卍 卍 -----

第一因緣所說

第二心本萬法

第三明心真妄

第四二義決定

第五方便多門

第六耳根憂越

第七大乘心戒

第八說真實語

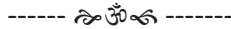
第九進程修證

第十解除所執

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 1

因緣說經

NHÂN DUYÊN SỞ THUYẾT



如是我聞。一時佛在室羅筏城，祇桓精舍。與大比丘眾，千二百五十人俱。皆是無漏大阿羅漢。佛子住持，善超諸有。能於國土，成就威儀。從佛轉輪，妙堪遺囑。嚴淨毗尼，弘範三界。應身無量，度脫眾生。拔濟未來，越諸塵累。

其名曰。大智舍利弗。摩訶目犍連。摩訶拘絺羅。富樓那彌多羅尼子。須菩提。優波尼沙陀等。而為上首。復有無量辟支無學。并其初心。同來佛所。屬諸比丘休夏自恣。十方菩薩咨決心疑。欽奉慈嚴將求密義。即時如來敷座宴安。為諸會中，宣示深奧。法筵清眾，得未曾有。迦陵仙音，遍十方界。恒沙菩薩，來聚道場。文殊師利而為上首。

時波斯匿王，為其父王諱日營齋。請佛宮掖。自迎如來。廣設珍羞無上妙味。兼復

親延諸大菩薩。城中復有長者居士同時飯僧。佇佛來應。佛敕大殊，分領菩薩及阿羅漢，應諸齋主。唯有阿難，先受別請。遠遊未還，不遑僧次。既無上座，及阿闍黎。途中獨歸。其日無供。即時阿難，執持應器，於所遊城，次第循乞。心中初求最後檀越，以為齋主。無問淨穢，刹利尊姓。及旃陀羅。方行等慈，不擇微賤。發意圓成，一切眾生，無量功德。阿難已知如來世尊，訶須菩提，及大迦葉，為阿羅漢，心不均平。欽仰如來，開闡無遮，度諸疑謗。經彼城隍，徐步郭門。嚴整威儀，肅恭齋法。爾時阿難，因乞食次，經歷婬室，遭大幻術。摩登伽女，以娑毗迦羅先梵天咒，攝入婬席。婬躬撫摩，將毀戒體。

如來知彼婬術所加，齋畢旋歸。王及大臣長者居士，俱來隨佛，願聞法要。於時世尊。頂放百寶無畏光明，光中出生千葉寶蓮，有佛化身，結跏趺坐，宣說神咒。敕文殊師利將咒往護。惡咒消滅。提獎阿難，及摩登伽，歸來佛所。阿難見佛。頂禮悲泣。恨無始來。一向多聞，未全道力。殷勤啟請，十方如來得成菩提，妙奢摩他，三摩，

禪那，最初方便。於時復有恒沙菩薩。及諸十方大阿羅漢。辟支佛等。俱願樂聞。退坐默然。承受聖旨。

佛告阿難：汝我同氣，情均天倫。當初發心，於我法中，見何勝相，頓捨世間深重恩愛。阿難白佛：我見如來三十二相。勝妙殊絕。形體映徹猶如琉璃。常自思惟，此相非是欲愛所生。何以故？欲氣麤濁，腥臊交邁，膿血雜亂，不能發生勝淨妙明紫金光聚。是以渴仰，從佛剃落。佛言：善哉阿難。汝等當知一切眾生，從無始來。生死相續，皆由不知常住真心性淨明體。用諸妄想。此想不真，故有輪轉。汝今欲研無上菩提真發明性。應當直心訓我所問。十方如來同一道故，出離生死，皆以直心。心言直故，如是乃至終始地位，中間永無諸委曲相。

阿難，我今問汝。當汝發心緣於如來三十二相，將何所見，誰為愛樂。阿難白佛言：世尊，如是愛樂，用我心自由目觀見如來勝相，心生愛樂。故我發心，願捨生死。佛告阿難：如汝所說。真所愛樂，因於心目。若不識知心目所在，則不能得降伏塵

勞。譬如國王，為賊所侵，發兵討除。是兵要當知賊所在使汝流轉，心目為咎。吾今問汝，唯心與目，今何所在？

阿難白佛言：世尊，一切世間十種異生，同將識心居在身內。縱觀如來青蓮華眼，亦在佛面。我今觀此浮根四塵，祇在我面。如是識心，實居身內。佛告阿難：汝今現坐如來講堂。觀祇陀林今何所在。世尊，此大重閣清淨講堂，在給孤園。今祇陀林實在堂外。阿難，汝今堂中先何所見？世尊，我在堂中先見如來。次觀大眾。如是外望，方矚林園。阿難，汝矚林園，因何有見。世尊，此大講堂，戶牖開豁。故我在堂得遠瞻見。

爾時世尊，在大眾中，舒金色臂，摩阿難頂。告示阿難及諸大眾。有三摩提。名大佛頂首楞嚴王，具足萬行，十方如來一門超出妙莊嚴路。汝今諦聽。阿難頂禮伏受慈旨。

佛告阿難：如汝所言，身在講堂，戶牖開豁，遠矚林園。亦有眾生在此堂中，不見如來，見堂外者。阿難答言：世尊，在堂不見如來，能見林泉，無有是處。阿難，汝亦

如是。汝之心靈一切明了。若汝現前所明了心實在身內，爾時先合了知內身。頗有眾生，先見身中，後觀外物，縱不能見心肝脾胃，爪生髮長，筋轉脈搖，誠合明了，如何不知。必不內知，云何知外？是故應知，汝言覺了能知之心，住在身內無有是處。

阿難稽首而白佛言：我聞如來如是法音。悟知我心實居身外。所以者何？譬如燈光然於室中，是燈必能先照室內，從其室門，後及庭際。一切眾生，不見身中，獨見身外。亦如燈光，居在室外，不能照室。是義必明，將無所惑。同佛了義得無妄耶。

佛告阿難：是諸比丘，適來從我室羅筏城，循乞搏食，歸祇陀林。我已宿齋。汝觀比丘，一人食時，諸人飽不。阿難答言：不也，世尊。何以故。是諸比丘，雖阿羅漢，軀命不同。云何一人能令眾飽？佛告阿難：若汝覺了知見之心，實在身外，身心相外，自不相干。則心所知，身不能覺。覺在身際，心不能知。我今示汝兜羅綿手，汝眼見時，心分別不。阿難答言：如是，世尊。佛告阿難：若相知者，云何在外？是故應知，汝言覺了能知之心，住在身外，無有是處。

阿難白佛言：世尊，如佛所言，不見內故，不居身內。身心相知，不相離故，不在身外。我今思惟，知在一處。佛言：處今何在？阿難言：此了知心，既不知內，而能見外。如我思忖，潛伏根裏。猶如有人，取琉璃碗，合其兩眼。雖有物合，而不留礙。彼根隨見，隨即分別。然我覺了能知之心，不見內者，為在根故。分明矚外，無障礙者，潛根內故。佛告阿難。如汝所言，潛根內者，猶如琉璃。彼人當以琉璃籠眼，當見山河，見琉璃不。如是，世尊，是人當以琉璃籠眼，實見琉璃。佛告阿難。汝心若同琉璃合。者當見山河，何不見眼？若見眼者，眼即同境，不得成隨。若不能見，云何說言此了知心，潛在根內，如琉璃合。是故應知，汝言覺了能知之心，潛伏根裏，如琉璃合，無有是處。

阿難白佛言：世尊，我今又作如是思惟。是眾生身，腑藏在中，竅穴居外。有藏則暗。有竅則明。今我對佛，開眼見明，名為見外。閉眼見暗，名為見內。是義云何？佛告阿難：汝當閉眼見暗之時，此暗境界，為與眼對，為不對眼。若與眼對，暗在眼

前，云何成內。若成內者，居暗室中，無日月燈，此室暗中，皆汝焦腑。若不對者，云何成見？若離外見，內對所成。合眼見暗，名為身中。開眼見明，何不見面？若不見面，內對不成。見面若成，此了知心，及與眼根，乃在虛空，何成在內？若在虛空，自非汝體。即應如來今見汝面，亦是汝身。汝眼已知，身合非覺。必汝執言身眼兩覺，應有二知，即汝一身，應成兩佛。是故應知，汝言見暗名見內者，無有是處。

阿難言：我嘗聞佛開示四眾。由心生故，種種法生。由法生故，種種心生。我今思惟，即思惟體，實我心性。隨所合處，心則隨有。亦非內外中間三處。佛告阿難：汝今說言由法生故，種種心生，隨所合處。心隨有者，是心無體，則無所合。若無有體而能合者，則十九界因七塵合。是義不然。若有體者，如汝以手自捏其體。汝所知心，為復內出，為從外入。若復內出，還見身中。若從外來，先合見面。阿難言：見是其眼。心知非眼。為見非義。佛言：若眼能見，汝在室中，門能見不。則諸已死，尚有眼存，應皆見物。若見物者，云何名死？阿難，又

汝覺了能知之心，若必有體，為復一體，為有多體。今在汝身，為復遍體，為不遍體。若一體者，則汝以手捏一支時，四支應覺。若咸覺者，捏應無在。若捏有所，則汝一體，自不能成。若多體者，則成多人，何體為汝。若遍體者，同前所捏。若不遍者，當汝觸頭，亦觸其足，頭有所覺，足應無知。今汝不然。是故應知，隨所合處，心則隨有，無有是處。

阿難白佛言：世尊，我亦聞佛，與文殊等諸法王子，談實相時，世尊亦言，心不在內，亦不在外。如我思惟，內無所見，外不相知。內無知故，在內不成。身心相知，在外非義。今相知故，復內無見，當在中間。佛言：汝言中間，中必不迷，非無所在。今汝推中，中何為在？為復在處。為當在身。若在身者，在邊非中，在中同內。若在處者，為有所表，為無所表。無表同無。表則無定。何以故？如人以表，表為中時，東看則西，南觀成北。表體既混，心應雜亂。阿難言：我所說中，非此二種。如世尊言，眼色為緣，生於眼識。眼有分別，色塵無知。識生其中，則為心在。佛言：汝心若在根塵

之中，此之心體，為復兼二，為不兼二。若兼二者，物體雜亂。物非體知，成敵兩立，云何為中？兼二不成，非知不知即無體性，中何為相？是故應知，當在中間無有是處。

阿難白佛言：世尊，我昔見佛，與大目連、須菩提、富樓那、舍利弗，四大弟子，共轉法輪。常言覺知分別心性，既不在內，亦不在外，不在中間，俱無所在，一切無著，名之為心。則我無著名為心不。佛告阿難：汝言覺知分別心性，俱無在者，世間虛空水陸飛行，諸所物象，名為一切。汝不著者，為在為無。無則同於龜毛兔角，云何不著？有不著者，不可名無。無相則無，非無即相，相有則在，云何無著？是故應知，一切無著名覺知心，無有是處。

爾時阿難，在大眾中，即從座起，偏袒右肩，右膝著地，合掌恭敬，而白佛言：我是如來最小之弟，蒙佛慈愛，雖今出家，猶恃憍憐。所以多聞未得無漏。不能折伏娑毗羅咒。為彼所轉，溺於婬舍。當由不知真際所詣。惟願世尊，大慈哀愍，開示我等奢摩他路，令諸闍提。墮彌戾車。作是語已，五體投地，及諸大眾，傾渴翹佇，欽聞示誨。

爾時世尊，從其面門，放種種光。其光晃耀，如百千日。普佛世界，六種震動。如是十方微塵國土，一時開現佛之威神，令諸世界合成一界。其世界中，所有一切諸大菩薩，皆住本國，合掌承聽。

佛告阿難：一切眾生，從無始來，種種顛倒，業種自然，如惡叉聚。諸修行人，不能得成無上菩提，乃至別成聲聞緣覺，及成外道，諸天魔王，及魔眷屬。皆由不知二種根本，錯亂修習。猶如煮沙，欲成嘉饌，縱經塵劫，終不能得。云何二種？

阿難，一者，無始生死根本。則汝今者，與諸眾生，用攀緣心，為自者。二者，無始菩提涅槃元清淨體。則汝今者識精元明，能生諸緣，緣所遺者。由諸眾生，遺此本明，雖終日行，而不自覺，枉入諸趣。

阿難，汝今欲知奢摩他路，願出生死。今復問汝。即時如來舉金色臂，屈五輪指，語阿難言：汝今見不。阿難言：見。佛言：汝何所見？阿難言：我見如來舉臂屈指，為光明拳，耀我心目。佛言：汝將誰見。阿難言：我與大眾，同將眼見。佛告阿難：汝今答我，如來屈指為光明拳，耀汝心目。汝目

可見，以何為心，當我拳耀？阿難言：如來現今徵心所在。而我以心推窮尋逐，即能推者，我將為心。佛言：咄。阿難，此非汝心。阿難矍然，避座合掌起立白佛：此非我心，當名何等。佛告阿難：此是前塵虛妄相想，惑汝真性。由汝無始至於今生，認賊為子，失汝元常，故受輪轉。

阿難白佛言：世尊，我佛寵弟，心愛佛故，令我出家。我心何獨供養如來。乃至遍歷恒沙國土，承事諸佛，及善知識，發大勇猛，行諸一切難行法事，皆用此心。縱令謗法，永退善根，亦因此心。若此發明不是心者，我乃無心同諸土木，離此覺知，更無所有。云何如來說此非心？我實驚怖。兼此大眾，無不疑惑。惟垂大悲，開示未悟。

爾時世尊。開示阿難。及諸大眾。欲令心入無生法忍。於師子座，摩阿難頂，而告之言：如來常說諸法所生，唯心所現。一切因果，世界微塵，因心成體。阿難，若諸世界，一切所有，其中乃至草葉縷結，詰其根元，咸有體性。縱令虛空，亦有名貌。何況清淨妙淨明心，性一切心，而自無體。若汝執吝，分別覺觀，所了知性，必為心者。

此心即應離諸一切色香味觸諸塵事業，別有全性。如汝今者承聽我法，此則因聲而有分別。縱滅一切見聞覺知，內守幽閑，猶為法塵分別影事。我非敕汝，執為非心。但汝於心，微細揣摩。若離前塵有分別性，即真汝心。若分別性，離塵無體，斯則前塵分別影事。塵非常住，若變滅時，此心則同龜毛兔角，則汝法身同於斷滅，其誰修證，無生法忍。即時阿難，與諸大眾，默然自失。佛告阿難：世間一切諸修學人，現前雖成九次第定，不得漏盡成阿羅漢，皆由執此生死妄想，誤為真實。是故汝今雖得多聞不成聖果。

阿難聞已。重復悲淚，五體投地，長跪合掌，而白佛言：自我從佛發心出家，恃佛威神。常自思惟，無勞我修，將謂如來惠我三昧。不知身心本不相代。失我本心。雖身出家，心不入道。譬如窮子，捨父逃逝。今日乃知雖有多聞，若不修行，與不聞等。如人說食，終不能飽。世尊，我等今者，二障所纏。良由不知寂常心性。惟願如來，哀愍窮露，發妙明心，開我道眼。

即時如來，從胸卍字，涌出寶光。其光

晃昱有百千色。十方微塵，普佛世界，一時周遍。遍灌十方所有寶刹諸如來頂。旋至阿難，及諸大眾。告阿難言：吾今為汝建大法幢。亦令十方一切眾生，獲妙微密，性淨明心，得清淨眼。阿難，汝先答我見光明拳。此拳光明，因何所有。云何成拳。汝將誰見？阿難言：由佛全體闍浮檀金，赭如寶山，清淨所生，故有光明。我實眼觀，五輪指端，屈握示人，故有拳相。佛告阿難。如來今日實言告汝。諸有智者，要以譬喻而得開悟。阿難，譬如我拳，若無我手，不成我拳。若無汝眼，不成汝見。以汝眼根，例我拳理，其義均不。

阿難言：唯然世尊。既無我眼，不成我見。以我眼根，例如來拳，事義相類。佛告阿難。汝言相類，是義不然。何以故？如無手人，拳畢竟滅。彼無眼者，非見全無。所以者何？汝試於途，詢問盲人，汝何所見？彼諸盲人，必來答汝，我今眼前，唯見黑暗，更無他矚。以是義觀，前塵自暗，見何虧損。阿難言：諸盲眼前，唯睹黑暗，云何成見？佛告阿難：諸盲無眼，唯觀黑暗，與有眼人，處於暗室，二黑有別，為無有

別。如是世尊。此暗中人，與彼群盲，二黑校量，曾無有異。阿難，若無眼人，全見前黑，忽得眼光，還於前塵見種種色，名眼見者。彼暗中人，全見前黑，忽獲燈光，亦於前塵見種種色，應名燈見。若燈見者，燈能有見，自不名燈。又則燈觀，何關汝事。是故當知，燈能顯色。如是見者，是眼非燈。眼能顯色，如是見性，是心非眼。阿難，雖復得聞是言，與諸大眾，口已默然，心未開悟。猶冀如來慈音宣示，合掌清心，佇佛悲誨。

爾時世尊。舒兜羅綿網相光手，開五輪指，誨敕阿難，及諸大眾。我初成道，於鹿園中，為阿若多五比丘等，及汝四眾言：一切眾生，不成菩提，及阿羅漢，皆由客塵煩惱所誤。汝等當時，因何開悟，今成聖果。

時憍陳那，起立白佛：我今長老，於大眾中，獨得解名。因悟客塵二字成果。世尊，譬如行客，投寄旅亭，或宿或食，食宿事畢，俶裝前途，不遑安住。若實主人，自無攸往。如是思惟，不住名客，住名主人，以不住者，名為客義。又如新霽。清暘升天，光入隙中，發明空中諸有塵相。塵質搖

動，虛空寂然。如是思惟，澄寂名空。搖動名塵。以搖動者，名為塵義。

佛言：如是。即時如來，於大眾中，屈五輪指，屈已復開，開已又屈。謂阿難言：汝今何見。阿難言：我見如來百寶輪掌，眾中開合。佛告阿難：汝見我手，眾中開合。為是我手，有開有合。為復汝見，有開有合。阿難言：世尊寶手，眾中開合。我見如來手自開合。非我見性有開有合。佛言：誰動誰靜？阿難言：佛手不住。而我見性，尚無有靜，誰為無住。佛言：如是。

如來於是從輪掌中，飛一寶光，在阿難右。即時阿難，迴首右盼。又放一光，在阿難左，阿難又則迴首左盼。佛告阿難：汝頭今日何因搖動？阿難言：我見如來出妙寶光，來我左右，故左右觀，頭自搖動。阿難，汝盼佛光，左右動頭，為汝頭動，為復見動。世尊，我頭自動，而我見性尚無有止，誰為搖動。佛言：如是。於是如來，普告大眾：若復眾生，以搖動者名之為塵。以不住者，名之為客。汝觀阿難頭自動搖，見無所動。又汝觀我手自開合見無舒卷。云何

汝今以動為身，以動為境？從始泊終，念念生滅，遺失真性，顛倒行事。性心失真，認物為己。輪迴是中，自取流轉。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 1

因緣說經

NHÂN DUYÊN SỞ THUYẾT

----- ॐ -----

Như thế này Tôi nghe, lúc bấy giờ ở tại, nơi Tinh xá Kỳ Hoàn, đại thành Thất La Phiệt, Đức Phật và đại chúng, những bậc đại Tỳ kheo, ngàn hai trăm năm mươi, vị đại A La Hán, đầy đủ các oai nghi, giới hạnh toàn thanh tịnh, chấm dứt sự luân hồi, theo phụng sự Đức Phật, giáo hóa các cõi nước, làm mô phạm trời người, ứng hiện vô biên thân, độ khắp chúng sanh khổ, ra khỏi chốn trần lao, các vị đó chính là: Đại trí Xá Lợi Phất, Ma ha Mục Kiền Liên, Ma ha Câu Sy La, Phú Lô Na Ni Tử, Ưu Ba Ni Sa Đà, Tu Bồ Đề... đều là bậc thượng thủ, vô số Bích Chi Phật, cùng với hàng đệ tử, chúng tỳ kheo tự tứ, cùng Bồ tát mười phương, đều đến chỗ của Phật, xin giải những nghi ngờ, cầu Phật thương dạy bảo.

Bấy giờ đức Như Lai, vì các hàng đại chúng, chỉ bày Vị Tăng Hữu, pháp nghĩa lý thâm sâu, khắp mười phương quốc độ, vang pháp âm vi diệu, khiến Bồ tát các cõi, cũng đều vân tập lại, trong các bậc Bồ tát, thượng thủ ngài Văn Thù.

Lúc ấy Ba Tư Nặc, nhân ngày giỗ Phụ vương, sắm bày các món ăn, thiết trai tăng cúng dường, thân lâm đến thỉnh Phật, với hàng đại chúng tăng, vào cung để thọ trai. Ở trong thành cũng có, hàng trưởng giả cư sĩ, cùng ngày ấy thiết trai,

nên Phật bảo Văn Thù, và các hàng trong chúng, chia nhau thành nhiều nhóm, ứng lời thỉnh cúng dường, chỉ có ngài A Nan, đi dạy riêng ở xa, không cùng đại chúng về.

Khi trên đường trở về, một mình ngài A Nan, không có bậc Thượng tọa, A xà lê cùng đi, trong lòng lại nhớ nghĩ, trước nay Ngài từng nghe, Phật ở trong đại chúng, thường quở ông Ca Diếp, cùng với Tu Bồ Đề, là bậc A La Hán, lại dụng tâm phân biệt, chọn giàu nghèo khát thực, nên với tâm bình đẳng, không phân biệt quý tiện, thành tựu cho tất cả, chúng sanh được gieo trồng, ruộng phước lành vô thượng. Vừa suy nghĩ như thế, thứ lớp đi từng nhà, trên tay ôm bình bát, như pháp mà khát thực.

Lúc ấy ngài A Nan, ngang qua nhà người nữ, tên là Ma Đăng Già, nàng dùng chú Phạm Thiên, bắt A Nan vào nhà, diễn nhiều trò cám dỗ, khiến cho ông A Nan, gần sắp mất giới thể. Phật biết trước việc đó, thọ trai xong liền về, Vua quan cùng trưởng giả, và cư sĩ rất đông, theo về nơi tinh xá, ngộ hầu được nghe Phật, chỉ dạy pháp nhiệm mầu.

Bấy giờ Vô Kiến Đảnh, tướng diệu mầu của Phật, phóng hào quang bá bửu, trong hào quang nở ra, hoa sen sáu nghìn cánh, Hóa Phật ngự tòa sen, tuyên chú Thủ Lăng Nghiêm đồng khiến ngài Văn Thù, đem tiêu diệt tà chú, cứu hộ ông A Nan, và đem Ma Đăng Già, cùng về nơi tinh xá. Ông A Nan gặp Phật, khóc lóc tự trách mình, từ trước cho đến nay, chỉ chuyên lo học rộng, cùng nghĩ nhớ sâu xa, mà đạo lực chưa đủ, có thể tự cứu mình, trong một lúc bất giác, cơn vô minh

chợt đến. Ông tha thiết cầu Phật, dạy ba môn thiền quán, phương pháp Sa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, và pháp tu Thiền Na, mà mười phương Như Lai, nhân tu thành Phật quả. Lúc giờ cũng có, hằng hà sa Bồ tát, La Hán Bích chi Phật, Vô học và Hữu học, đều im lặng ngồi yên, chờ nghe lời Phật dạy.

THẤT XỨ TRƯNG TÂM

Khi ấy, đức Thế Tôn giơ bàn tay dụi dàng xoa đầu ông A Nan và bảo hàng đại chúng:

- Có pháp Tam Ma Đề, là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương Tam Muội, bao hàm muôn vạn hạnh, rất vi diệu trang nghiêm, cũng là pháp thù thắng đưa đến quả giải thoát của mười phương Như Lai, người hãy chú ý nghe.

- A Nan và đại chúng nên biết là chúng sanh từ vô thỉ đến nay, sanh tử mãi liên tục, chỉ vì chẳng nhận biết chơn tâm thể thường trụ, bản tánh trong sạch sáng tỏ, lại nương theo vọng tưởng, nên sanh khởi luân hồi. Mười phương các đức Phật lia khỏi sự sanh tử, do trực tâm, ngay thẳng, chẳng có tướng hư vọng.

Này A Nan, lúc phát tâm duyên theo ba mươi hai hảo tướng của Như Lai, ông lấy gì để thấy? Ai biết sự ham thích?

- Bạch Thế Tôn, dùng tâm và mắt của con thấy tướng thẳng Như Lai, sanh lòng ham thích nên phát tâm, nguyện xả bỏ sanh tử.

Phật dạy ngài A Nan: Như người vừa nói, sự ham thích do nơi tâm và mắt. Nếu chẳng biết tâm và mắt ở đâu thì chẳng

thể hàng phục được trần lao; khiến người bị luân chuyển ấy là lỗi tại tâm và mắt, vậy Tâm của ông hiện đang ở đâu?

CHẤP TÂM Ở TRONG THÂN

Bạch Thế Tôn! Tất cả mười loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân. Nay con nhận được mắt con ở trên mặt con và tâm thức ở trong thân, như mắt Thanh Liên Hoa của Như Lai ở trên mặt Như Lai vậy.

Phật bảo: A Nan! Bây giờ người ở trong giảng đường trước tiên thấy gì, do nhân nào được thấy?

- Bạch Thế Tôn! Con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, sau thấy đại chúng, rồi nhìn ra ngoài mới thấy rừng cây. Vì cửa sổ giảng đường mở trống nên con ở trong thấy suốt bên ngoài.

Phật bảo A Nan: Nhờ cửa mở trống nên thấy rừng cây; nhưng có người nào ở trong giảng đường này lại chẳng thấy Như Lai, mà chỉ thấy rừng cây nơi bên ngoài kia chăng?

- Bạch Thế Tôn! Ngồi ở trong giảng đường mà chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài thì thật không có lý.

- A Nan! Cũng như vậy, tâm của người tất cả sáng tỏ, nếu tâm của người thật ở trong thân thì trước tiên phải thấy rõ trong thân. Vậy có chúng sanh nào trước thấy trong thân rồi sau mới thấy vật bên ngoài chăng? Nếu trong thân chẳng thấy thì làm sao thấy vật bên ngoài? Cho nên người nói: Cái tâm trụ ở trong thân, là chẳng đúng.

CHẤP TÂM Ở NGOÀI THÂN

A Nan bạch Phật: Vậy Tâm ở ngoài thân. Vì nếu ở trong

thân, sao không thấy được các vật ở bên trong, mà chỉ thấy cảnh vật bên ngoài. Vậy nên con biết tâm ở ngoài thân. Cũng như cái đèn đốt ngoài nhà, nên chẳng sáng trong nhà.

Phật hỏi A Nan: Cái tâm của ông, nếu ở ngoài thân, thì thân và tâm ông không dính dấp với nhau. Vậy trong lúc tâm biết, thân phải không biết; còn khi thân biết, thì tâm phải không biết...

Vậy ông thử xem cánh tay của ta đây, trong lúc mắt ông vừa thấy, tâm ông có biết liền không?

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn, trong lúc con mắt vừa thấy, thì tâm con liền phân biệt.

Phật hỏi: Nếu mắt ông vừa thấy, tâm ông liền biết, thì thân ông và tâm không thể rời nhau được, như thế thì ông nói: Tâm ở ngoài thân, cũng không phải.

CHẤP TÂM ẨN TRONG CON MẮT

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn, tâm không phải ở trong thân, vì nó chẳng thấy được bên trong; cũng không phải ở ngoài thân, vì mắt vừa thấy, tâm liền biết, rõ ràng tâm thân không rời nhau. Vậy Tâm núp trong con mắt; cũng như con mắt của người mang kiến, nên chỉ thấy các cảnh vật bên ngoài, mà không thấy được vật bên trong.

Phật hỏi A Nan: Nếu tâm con núp trong con mắt, cũng như con mắt người mang kiến; vậy tôi hỏi: Người mang kiến trong khi họ thấy cảnh vật, họ có thấy được cái kiến mang đó không?

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn, thấy được .

Phật hỏi: Nếu tâm ông cũng như con mắt người mang kiến, thì vậy sao người mang kiến có thể thấy được cái kiến, còn tâm ông sao không thấy được con mắt của ông?

Nếu tâm ông thấy được con mắt của ông, thì con mắt của ông thành ra cảnh bị thấy, nó phải ở ngoài thân ông mới phải. Nếu thân, tâm ngoài nhau, thì làm sao mắt ông vừa thấy, tâm ông liền phân biệt được? Nên ông nói: Tâm núp trong con mắt, như con mắt người núp sau cái kiến, cũng không phải.

CHẤP TRỞ LẠI TÂM Ở TRONG THÂN

A Nan thưa: Nhắm mắt thấy tối, là tâm thấy trong thân; nhờ cửu khiếu, thất huyết trống hỏ, nên mở mắt thấy sáng là tâm thấy các cảnh vật ngoài thân. Chẳng biết nghĩa này có đúng không?

Phật hỏi A Nan: Nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân; vậy thì khi ông thấy tối, cảnh tối đó có đối trước mắt ông hay không?

Nếu cái tối không đối trước mắt, thì không thành cái nghĩa thấy. Còn có đối trước mắt, thì thấy tối là thấy trước, sao lại nói thấy trong?

Nếu cho thấy tối là thấy trong thân, thì khi ở trong nhà tối không có ánh sáng, ông thấy tối đó, cũng là thấy ngũ tạng của ông sao?...

Lại nữa, trong lúc con mắt ông biết, thì thân ông cũng phải không biết, khi thân biết, thì con mắt ông phải không

biết. Nếu ông cho cả hai đều biết, thì một mình ông có hai cái biết, vậy khi tu hành chứng quả, ông sẽ thành hai vị Phật sao?

Thế nên phải biết: Thấy tối là thấy trong thân, cũng không phải.

CHẤP TÂM TÙY HÒA HIỆP MÀ CÓ

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn, con thường nghe Phật dạy: Do tâm sanh, nên các pháp mới sanh, do các pháp sanh, cho nên tâm mới sanh. Nay con suy nghĩ, thì cái Suy nghĩ đó là tâm của con; tùy hòa hiệp chỗ nào, thì tâm liền theo đó mà có, không phải ở trong, ngoài và chính giữa.

Phật hỏi A Nan: Ông nói: Tùy hòa hiệp chỗ nào, thì tâm liền theo đó mà có; như thế thì cái tâm của ông không có thật thể.

Lại nữa, nếu cái tâm hiểu biết có thật thể, thì có một thể hay nhiều thể, ở khắp cả thân ông, hay không khắp cả thân?

Nếu tâm có một thể, và ở khắp cả thân, thì khi ông lấy tay đánh thủ một nơi trên thân ông, đáng lẽ ra thân đều biết đau hết, vì tâm ở khắp cả thân và đồng một thể. Nếu cả thân đều biết đau, thì cái đau đó lẽ ra không có ở nhứt định chỗ nào.

Nếu có đau có chỗ ở nhứt định, thì nói: Cái tâm một thể và ở khắp cả thân, cũng không phải. Còn nói Tâm ông có nhiều thể, thì thành ra nhiều người; vậy cái nào là tâm của ông?...

Thế nên ông nói: Tùy hòa hiệp chỗ nào, thì tâm theo đó mà có, cũng không phải.

CHẤP TÂM Ở CHÍNH GIỮA

A Nan bạch Phật: Con nghe Phật với ngài Văn Thù... luận về Thật tướng Tâm chẳng ở trong và cũng chẳng ở ngoài. Nay con suy nghĩ: Nếu tâm ở trong thân, sao chẳng biết được bên trong? Còn nói tâm ở ngoài, thì sao tâm lại biết nhau? Như thế tâm chắc ở chính giữa.

Phật hỏi: Ông nói Tâm ở chính giữa, vậy cái chính giữa; nếu ở chính giữa thân, thì đồng thời với ở trong thân, như đã nói trước... Còn về cảnh, thì có thể nêu ra được, hay không nêu ra được?...

Vì sao? Như người lấy cái cắm chính giữa, nếu người ở phía đông thì xem thấy cây ấy cắm ở phía tây; còn người ở phía nam, thì xem thấy cây ở phía bắc. Cái cây đó đã không nhứt định chỗ nào là chính giữa, thì cái tâm của ông cũng phải lộn lạo không định.

A Nan thưa: Con nói Chính giữa, không phải hai chỗ ấy. Con mắt đối với sắc trần, sanh ra nhãn thức. Một bên con mắt thì có phân biệt, một bên sắc trần lại không phân biệt, cái thức sanh chính giữa, đó là chỗ của tâm ở.

Phật hỏi: Tâm ông sanh chính giữa căn và trần cảnh, hay không gồm cả hai.

Nếu gồm cả hai, thì căn với cảnh lộn lạo. Song trần cảnh thì không có tri giác, còn căn lại có tri giác, hai bên đối lập riêng khác, vậy lấy chỗ nào làm giữa. Còn như không gồm cả căn và cảnh, thì tâm không thật thể. Vậy lấy cái gì làm chính giữa?

Thế nên biết: Ông nói Tâm ở chính giữa, cũng không đúng.

CHẤP CÁI KHÔNG TRƯỚC LÀM TÂM

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn, ngày trước con thấy khi Phật cùng với ông Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề v.v... nói pháp, Phật có dạy rằng: Cái tâm hiểu biết phân biệt, không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở chính giữa, không ở chỗ nào cả; không dính mắc tất cả, đó gọi là tâm.

Phật hỏi: Ông lấy cái không dính mắc, làm tâm. Vậy tôi hỏi ông: Tất cả các vật tượng trong này, nào là hư không, thế giới... Vậy các vật tượng ấy có mà ông không dính mắc hay là không, mà ông không dính mắc?

Nếu các vật tượng ấy không có, thì cũng như lông rùa, sừng thỏ: Nó đã không, thời có gì mà dính mắc. Nếu còn có cái Không dính mắc, thì không thể nói rằng: Không dính mắc được. Vì cái gì không có hình tướng thì không, còn có hình tướng là có. Nếu có hình tướng thì phải bị dính mắc.

Thế nên ông nói: Không dính mắc tất cả làm tâm, cũng không phải.

LƯỢC GIẢI

Như vậy (Tín thành tựu) Tôi nghe (Ngài A Nan – Văn chúng tín), một thuở (Thời chứng tín – vì mỗi nơi có khác, mê không phải nói rõ) Đức Phật (Chủ chứng tín) tại tịnh xá Kỳ Hoàn, thành Thất La Phiệt (Xứ chứng tín) số chúng Đại Tỳ kheo 1250 vị (Chúng chứng tín).

Với sáu chứng tín này, đã xác quyết kinh này, pháp này

do Đức Thế Tôn chỉ dạy, làm cho người không còn lòng nghi ngờ, sinh tâm tín thọ, phát trí xuất thế, ngộ nhập tự tâm thanh tịnh, tự tánh sáng suốt. Cũng từ sáu món chứng tín, để xác chứng những lời Đức Phật thuyết giảng khi trụ thế là đúng, đồng thời phá tan nghi ngờ, để ngăn chặn hành động phóng túng có thể xảy ra. Do đó, lục chủng chứng tín còn có tên là sáu món thành tựu: Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng thành tựu.

Chúng ta cũng nên lưu ý; trong kinh này, ngài A Nan đại diện cho chúng sanh mê lầm hiện tại, cũng như tương lai mà đứng ra thưa hỏi.

Có những đoạn Ngài trình bày hoặc thưa hỏi rất thấp, là đại diện cho những chúng sinh mê lầm bực hạ căn. Có những đoạn Ngài trình bày hoặc thưa hỏi thâm thúy, là đại diện cho những căn tánh bực thượng. Vậy chúng ta không nên căn cứ lời trình bày trên mặt văn tự mà phê phán trình độ của Ngài. Thế nên chúng ta thấy Ngài trình bày Thất Xứ Trưng Tâm:

1. Chấp tâm ở trong thân
2. Chấp tâm ở ngoài thân
3. Chấp tâm ẩn sau con mắt
4. Chấp nhắm mắt thấy tối là tâm
5. Chấp hợp với chỗ nào tâm chỗ đó
6. Chấp tâm ở chặng giữa
7. Chấp vô trước là tâm

Đã bảy lần Phật gạn về tâm, ông A Nan đều nói không

trúng. Vậy nên biết: Nếu chưa ngộ được thể tánh chơn tâm, thì dù cho nói cách nào cũng sai cả. Chẳng khác nào như trong Nhiếp Đại Thừa luận có cái dụ: Kẻ mù sờ voi. Người sờ nhằm cái chân thì nói con voi như cột nhà, người sờ nhằm lỗ tai, thì nói voi như ki hốt rác, người sờ nhằm đuôi, thì nói voi như cây chổi quét nhà vv.. mặc dù sờ trúng, nhưng nói và nghĩ thế nào cũng sai cả. Phải thấy chơn tướng của con voi, thì nói mới không sai.

Con người vật chất ấy được gọi là thân. Còn cái tác dụng tư duy phân biệt, không sờ mó nắm bắt được, người ta gọi nó là tâm, cũng có trường hợp gọi là ý thức. Ông A Nan đại diện cho hàng Phật tử, đóng vai trò một người có quan niệm nhận thức thông thường đó, để cùng Phật luận bàn tìm hiểu cái tâm. Nhưng sự tranh luận giữa Phật và ông A Nan ở đây, không phải nhằm để xác định các dạng nhận thức tư duy ấy là tâm hay là ý thức. Bởi vì tâm hay ý thức, với giáo lý đạo Phật, không có gì cần phải tranh luận. Mỗi khi thuyết pháp Phật đề cập vấn đề tâm, ý, bàn bạc ở tất cả các kinh.

Vấn đề Phật muốn dạy ông A Nan và Phật tử chúng ta là: Hãy phát hiện chân tâm thường trú sẵn có của mình. Nó là căn bản Bồ Đề Niết Bàn. Không phát hiện được Chơn Tâm Thường Trú, dù có lý luận: Rằng nó là cái này, nó là cái kia, nó ở trong thân, nó ở ngoài thân, hoặc ở chặng giữa... đều không đem lại lợi ích gì.

Ngài A Nan đã bảy lần chỉ tâm (Thất Xứ Trưng Tâm) đều không phải, vì chấp vọng tưởng là tâm, nên bị Phật bác

cả, lần thứ hai ông đứng dậy chấp tay kính lạy, cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để thoát ly sanh tử luân hồi. Vì Ngài A Nan chấp cái “Suy nghĩ phân biệt” làm tâm. Đây là Phật chỉ tâm lần thứ nhất. Chỉ cái thấy làm Tâm, không phải con mắt. Phật chỉ tâm lần thứ hai. Ngài A Nan cầu Phật chỉ dạy ở nơi thân này cái nào Chân và cái nào Vọng. Kể đến Vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch hỏi Phật. Đức Phật chỉ tâm lần thứ ba Chỉ cái thấy không sanh diệt.

KINH VĂN

A Nan thưa rằng: Con là em Thế Tôn, tuy đã xuất gia rồi, mà vẫn còn ỷ lại lòng thương yêu của Phật chỉ học rộng nghe nhiều, ít chuyên cần tu tập, nên chưa chứng đạo quả, chẳng hàng phục tà chú; trái lại, còn bị Ma Đẳng Già bắt vào phòng dâm... Xin Phật từ bi chỉ dạy phương pháp tu hành, để phá trừ ác ma, nghiệp chướng và chứng thành đạo quả.

Thưa thỉnh xong, Ngài A Nan đành lễ, nắm vóc gieo sát đất, cùng đại chúng kính nghe Phật chỉ dạy.

Lúc bấy giờ Phật dạy: Ông nay muôn đặng đạo vô Bồ đề, thì điều cần nhất là phải hiểu rõ hai món thượng căn bản:

Một là căn bản sanh tử luân hồi là vọng tâm.

Hai là căn bản Bồ Đề, Niết Bàn là chơn tâm.

Nếu ông nhận lầm căn bản của sanh tử (*vọng tâm*) làm nhân tu hành, thì không bao giờ giải thoát được. Cũng như người nhận giặc làm con, thì chỉ thêm bị phá hoại gia sản của mình mà thôi. Và cũng như người nấu cát làm cơm, dầu trải bao nhiêu năm cũng chẳng thành cơm được.

Nay ông muốn biết đường lối tu để ra khỏi sanh tử luân hồi, thì ông hãy nghe Ta hỏi đây. Phật liền đưa bàn tay, co lại năm ngón và hỏi ông A Nan rằng: Ông có thấy không?

- Bạch Thế Tôn, thấy.

- Ông thấy cái gì?

- Con thấy Phật đưa bàn tay co năm ngón lại.

- Ông lấy cái gì để thấy và lấy cái gì làm tâm?

A Nan thưa: Con lấy “mắt” để thấy và cái “biết suy nghĩ phân biệt” làm tâm.

Phật quở: Sai rồi, A Nan! Cái đó không phải là tâm của ông. A Nan hoảng hốt, đứng dậy thưa Phật: Bạch Thế Tôn, cái “suy nghĩ, phân biệt” này, nếu không phải là tâm của con thì gọi nó là cái gì?

Phật dạy: Nó là “vọng tưởng» bởi các ông từ hồi nào đến giờ, lầm nhận vọng tưởng làm “chân tâm», nên nhiều kiếp trầm luân. Như người nhận giặc làm con, nên bị giặc phá hại.

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn, con vì thương Phật nên mới xuất gia, thì con mới dùng cái tâm này mà thương Phật... Ngày hôm nay Phật nói nó không phải tâm của con, cúi xin Thế Tôn từ bi chỉ giáo.

Phật dạy rằng: Nay A Nan nếu ông chấp cái suy nghĩ, phân biệt là tâm của ông, thì khi rời cảnh vật hiện tiền, cái tâm hiểu biết, phân biệt ấy, cũng vẫn còn, thế mới phải là tâm của ông. Nếu rời cảnh vật hiện tiền, mà tâm hiểu biết phân biệt ấy mất đi, thì không phải là chân tâm của ông rồi. Dầu cho ông diệt hết năm tri giác bên ngoài là thấy, nghe,

hay, biết (*năm giác quan*), chỉ còn lưu lại cái phân biệt bên trong (*thức thứ sáu*) thì đó cũng là cái vọng tưởng phân biệt là bóng dáng pháp trần không phải là chơn tâm của ông...

Nếu ông nhận cái “hư vọng phân biệt sanh diệt” làm tâm của ông, thì khi cảnh vật hiện tiền qua rồi, tâm ấy cũng theo cảnh vật mà diệt đi. Lúc ấy thành ra ông không có tâm rồi. Nếu không có tâm, thì ông lấy cái gì để tu hành, và thành đạo chứng quả.

Ông phải biết rằng: trong thế gian tất cả người tu hành, không được thành đạo, đều do chấp lầm cái Vọng tưởng sanh diệt, này làm chân tâm. Ông nay cũng thế nên chưa vào được quả Thánh. Ngài A Nan cùng Đại chúng, nghe Phật nói như vậy, đều ngẩn ngơ và im lặng.

Lúc bấy giờ ông A Nan cúi đầu lạy Phật, quỳ gối chấp tay vừa khóc lóc, vừa bạch Phật rằng: Con từ khi xuất gia theo Phật đến nay, vì ý lại là em của Phật, tin chắc sẽ nhờ oai thần Phật ban cho đạo quả, chẳng cần tu, tránh cực nhọc; không ngờ ai tu nấy chứng, không thể thay thế cho nhau được.

Khi đó Phật đưa bàn tay lên, năm ngón co lại rồi mở ra và hỏi ông A Nan: Ông có thấy cái gì không?

- Thấy Phật đưa tay lên co vào rồi mở ra.
- Tự cái tay của ta co mở, hay cái thấy của ông co mở?
- Tự tay Phật co mở “cái thấy” không co mở.

Phật khen: Phải lắm.

Phật liền phóng một đạo hào quang trên vai phía mặt của A Nan; A Nan liền xoay đầu ngó về phía bên mặt. Phật

lại phóng hào quang trên vai phía trái của A Nan; A Nan xoay đầu ngó qua phía trái. Phật hỏi: Cái đầu của ông hôm nay tại sao xoay qua lắc lại như vậy?

A Nan thưa: Vì Phật phóng hào quang trên hai vai của con, nên con xoay qua lắc lại để xem.

Phật hỏi: Vậy cái đầu của ông lắc, hay cái thấy của ông lắc?

A Nan thưa: Tự cái đầu con xoay qua lắc lại, chớ cái thấy của con không có xoay lắc.

Phật hỏi: Cái nào động, cái nào tịnh?

A Nan thưa: Cái đầu của con có động và tịnh chớ cái thấy của con không có động và tịnh.

CHỈ TÂM CHƠN – VỌNG

Phật nói: Đúng thế, do đó cái nào có co, có mở, có động, có tịnh, có sinh, có diệt, thì cái đó là vọng, thuộc về khách không phải ông. Còn cái nào không động tịnh, co mở, không sinh diệt, thì cái đó là chơn, thuộc về chủ chính là ông. Như thế chơn và vọng rất rõ ràng.

Vậy mà, các ông cứ nhận cái vọng thân tứ đại giả hợp này, cho là thật Thân của mình; cái vọng tưởng sinh diệt này, cho là thật Tâm của mình; cảnh vật giả tạm, cho là thật Cảnh của mình. Hằng ngày làm nhiều việc trái ngược, nhận vật làm thân, nhận vọng tưởng làm tâm, xoay dần luân chuyển trong đó, tự chuốc lấy sự trôi lăn trong sáu nẻo, nhiều kiếp sanh tử, thật rất oan uổng!

LƯỢC GIẢI

Sự thật, luân hồi sanh tử không phải là hiện tượng họa gởi tai bay mà là do sự vô minh bất giác của con người chiêu cảm, thông qua những bất thiện nghiệp nơi thân khẩu ý của con người. Tự tánh vốn bất nhị, nếu cho “thật chẳng ở trong” là nhị, cho “thật chẳng ở ngoài” cũng là nhị, cho đến bất cứ có ở một chỗ nào, hay chẳng ở một chỗ nào đều là nhị. Nên Phật nói: Phạm hữu ngôn thuyết, giai phi thật nghĩa.

Người muốn đi trên đường Bồ Đề, Niết Bàn chỉ cần tu tập tư duy quán chiếu thân tâm, cảnh giới quanh cuộc sống hằng ngày của bản thân mình. Đức Phật đã dạy quá rõ rằng: Cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc, cái biết, nói chung là những tác dụng nhận thức của sáu giác quan, Phật bảo chúng không phải chân tâm, nhưng chúng cũng không rời ngoài chân tâm mà có. Tiền trần luôn thay đổi lúc có lúc không, thì sự hồi tưởng lại cái tướng của tiền trần cũng lúc sanh lúc diệt. Vì vậy, Phật gọi sự hồi tưởng bóng dáng tiền trần vào trong ký ức phân biệt chi là vọng tâm, là những phiền não khách trần. Vì là khách cho nên không được ở luôn. Vì là trần nên không có phút giây yên lặng. Phật dạy cho người đệ tử phương pháp tu học để sống với sự an lành, yên lặng, như hư không và quay về với vai trò người chủ, không đi đâu nữa. Trong sự loạn động cuồn cuộn tuôn bay của trần, còn có hư không yên lặng không hề lay chuyển.

Trước sự nắm mở duỗi co, qua nắm tay của Phật, còn có cái không duỗi co nắm mở đó là cái thấy của ông A Nan. Thế thì, sự nhận thức của sáu giác quan, luôn luôn thay đổi từng sát na, từng phút từng giờ, nhưng ngoài sự thay đổi

luôn luôn ấy, con người còn có một cái. Cái đó là chân tâm thường trú. Vậy chân tâm thường trú có thể biểu hiện ở mọi người, khi trí tuệ con người có khả năng nhận thức được vọng tâm. Nhận được vọng tâm cũng nhận thức được cái gì là vô minh phiền não khách trần để rồi hóa giải chúng đến độ hoàn toàn sạch bóng.

Sự tu hành thì ai tu nấy chứng, không ai tu thế cho ai được. (Ngài A Nan nghĩ nương theo Phật là thành Phật). Đó là sự thật hiển nhiên, người trí không ai có thể phủ nhận. Vì đó là chân lý. Chân lý đó, nói lên cái chân lý Nhân quả của thế gian và xuất thế gian. Nó bao trùm xuyên suốt hết nền giáo lý Phật.

Chú thích từ ngữ:

A Nan Đà (阿難陀): Gọi tắt là A Nan (阿難), ý dịch là Khánh Hỷ (慶喜), Vô Nhiễm (無染), con trai của cương tộc Sĩ Cam Lộ Phạn (S: Amrtodana, H. 士甘露飯) thuộc dòng họ Thích Ca (釋迦), anh em với Đề Bà Đạt Đa (S, P: Devadatta, H. 提婆達多). Sau khi thành đạo, lần đầu tiên Thế Tôn trở về thành Ca Tỳ La Vệ (S: Kapilavastu, P: Kapilavatthu, 迦毘羅衛), khi ngài trú tại Vườn Xoài (S: Amrapali-vana, P: Ambapali-vana, H. 菴婆波梨園, tức Am Bà Ba Lợi Viên), Tôn giả A Nan đã cùng với các vương tử thuộc dòng họ Thích Ca và người thợ hớt tóc Ưu Ba Ly (S, P: Upāli, H. 優波離) đến xin xuất gia theo Phật. Từ đó trở đi, Tôn giả thường hầu hạ bên Đức Thế Tôn, phần nhiều nghe được những lời dạy của ngài, nên được gọi là Đa Văn Đệ Nhất (多聞第一, nghe nhiều số một). Khi dưỡng mẫu của Phật là bà Ma Ha Ba Xà

Ba Đề (S: Mahaprajapati Gautami, P: Mahapajapati Gotami, H. 摩訶波磔闍波提) cầu xin xuất gia nhưng không được phép, chính Tôn giả đã đích thân xin Phật và sau khi được phép thì Tôn giả là người đã tận lực sáng lập giáo đoàn Tỳ Kheo Ni đầu tiên. Vào tháng thứ 2 sau khi Phật diệt độ, khi cuộc kết tập lần đầu tiên được tiến hành tại Hang Thất Diệp (S: Sapta-parna-guha, H. 七葉窟) ngoài thành Vương Xá (S: Rajagrha, P: Rajagaha, H. 王舍城), Tôn giả đã cùng tham dự với 499 vị đệ tử đã chứng quả A La Hán của Đức Phật. Khi Đức Phật diệt độ, tương lai giáo đoàn được phó thác lại cho Ma Ha Ca Diếp (s: Mahakasyapa, p: Mahakassapa, 摩訶迦葉), sau đó A Nan được Ca Diếp truyền trao giáo pháp cho và trở thành vị tổ thứ 2 của Thiền Tông Tây Thiên.

Có thuyết rằng: Ngài A Nan sinh năm 605 TCN - là anh em chú bác với Đức Phật vì cha của ông, vua Amitodana – tức Bạch Phạn Vương, là em vua Suddhodana – tức Tịnh Phạn Vương, thân phụ của Đức Phật. A Nan Đà (阿難陀) là con thứ của Bạch Phạn Vương, em ruột của Đề Bà Đạt Đa, ngài gia nhập giáo đoàn của Phật hai năm sau ngày thành lập vào lúc 18 tuổi, và trở thành thị giả thân cận của Đức Phật.

Theo các tài liệu như Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh (救拔焰口餓鬼陀羅尼經, Taishō 1313), Cứu Diệm Nhiên Ngạ Quỷ Đà La Ni Thần Chú Kinh (救面燃餓鬼陀羅尼神咒經, Taishō 1314), Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh (瑜伽集要救阿難陀羅尼焰口儀軌經, taishō 1318), Du Già Tập Yếu Diệm Khẩu Thí Thực Khởi Giáo A Nan Đà Duyên Do (瑜伽集要焰口施食起教阿難陀緣由, Taishō 1319), có dẫn về nguồn gốc

cúng thí thực ngạ quỷ, âm linh cô hồn. Câu chuyện kể rằng có một đêm nọ trong khi đang hành Thiền định quán chiếu những lời dạy của Đức Phật, vào canh ba Tôn giả chợt thấy một con quỷ đỏ thật hung tợn tên là Diệm Khẩu (s: Ulka-mukha, 焰口) có thân hình gầy ốm, miệng rực cháy lửa và cổ họng của nó nhỏ như cây kim. Con quỷ ấy đến trước mặt Tôn giả thưa rằng ba ngày sau mạng của Tôn giả sẽ hết và sanh vào thế giới ngạ quỷ (ma đói). Nghe vậy, Tôn giả A Nan vô cùng ngạc nhiên và lấy làm sợ hãi, bèn hỏi con quỷ kia xem có cách nào thoát khỏi tai họa ấy không. Con quỷ trả lời rằng: Vào sáng ngày mai nếu Tôn giả có thể cúng dường thức ăn và nước uống cho trăm ngàn ức chúng ngạ quỷ nhiều như các Sông Hằng, cho vô số đạo sĩ Bà La Môn, cho chư thiên và các vị thần cai quản việc làm của con người, cho quá cố các vong linh, dùng cái học của nước Ma Kiệt Đà (S, P: Mgadha, H. 摩揭陀) để cúng dường cho 49 hộ thức ăn và nước uống, và vì họ mà cúng dường cho Tam Bảo, như vậy Tôn giả sẽ được tăng thêm tuổi thọ, cùng lúc đó sẽ làm cho chúng tôi thoát khỏi cảnh khổ đau của ngạ quỷ và sanh lên cõi trời. Trên cơ sở của nguồn gốc này, nghi lễ cúng thí thực cho âm linh cô hồn ngạ quỷ ra đời cho đến ngày nay.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 2

心本萬法

TÂM BỔN VẠN PHÁP



爾時阿難，及諸大眾。聞佛示誨，身心泰然。念無始來，失卻本心。妄認緣塵，分別影事。今日開悟，如失乳兒，忽遇慈母。合掌禮佛。願聞如來，顯出身心，真妄虛實，現前生滅與不生滅，二發明性。

時波斯匿王，起立白佛：我昔未承諸佛誨教。見迦旃延毗羅胝子。咸言此身死後斷滅，名為涅槃。我雖值佛，今猶狐疑。云何發揮證知此心，不生滅地？今此大眾，諸有漏者，咸皆願聞。

佛告大王：汝身現在。今復問汝。汝此肉身，為同金剛常住不朽，為復變壞。世尊，我今此身，終從變滅。佛言大王。汝未曾滅，云何知滅？世尊，我此無常變壞之身雖未曾滅。我觀現前，念念遷謝，新新不住。如火成灰，漸漸銷殞。殞亡不息，決知此身，當從滅盡。佛言：如是，大王，汝今生

齡，已從衰老，顏貌何如童子之時。世尊，我昔孩孺，膚腴潤澤。年至長成，血氣充滿。而今頹齡。迫於衰耄，形色枯悴，精神昏昧，髮白面皺，逮將不久，如何見比充盛之時。佛言：大王。汝之形容，應不頓朽。王言：世尊。變化密移，我誠不覺。寒暑遷流，漸至於此。何以故？我年二十，雖號年少顏貌已老初十歲時。三十之年，又衰二十。於今六十，又過於二，觀五十時，宛然強壯。世尊，我見密移。雖此殂落。其間流易，且限十年。若復令我微細思惟，其變寧唯一紀二紀，實為年變。豈唯年變。亦兼月化。何直月化。兼又日遷。沈思諦觀，剎那剎那，念念之間，不得停住。故知我身，終從變滅。

佛告大王：汝見變化，遷改不停，悟知汝滅。亦於滅時，汝知身中有不滅耶。波斯匿王。合掌白佛。我實不知。佛言，我今示汝不生滅性。大王，汝年幾時，見恒河水。王言：我生三歲，慈母攜我，謁耆婆天，經過此流，爾時即知是恒河水。佛言：大王。如汝所說，二十之時，衰於十歲，乃至六十，日月歲時，念念遷變。則汝三歲見此河時，至年十三，其水。云何？王言：如三歲時，

宛然無異。乃至於今，年六十二，亦無有異，佛言：汝今自傷髮白面皺。其面必定皺於童年。則汝今時，觀此恒河，與昔童時，觀河之見，有童耄不。王言：不也，世尊。佛言：大王。汝面雖皺，而此見精，性未曾皺。皺者為變。不皺非變。變者受滅。彼不變者，元無生滅。云何於中受汝生死。而猶引彼末伽黎等，都言此身死後全滅。王聞是言。信知身後捨生趣生。與諸大眾，踊躍歡喜，得未曾有。

阿難即從座起。禮佛合掌，長跪白佛：世尊，若此見聞，必不生滅，云何世尊，名我等輩，遺失真性，顛倒行事。願興慈悲，洗我塵垢？

即時如來垂金色臂，輪手下指，示阿難言：汝今見我母陀羅手，為正為倒。阿難言：世間眾生，以此為倒，而我不知誰正誰倒。佛告阿難。若世間人，以此為倒，即世間人，將何為正，阿難言：如來豎臂，兜羅綿手，上指於空，則名為正。佛即豎臂，告阿難言：若此顛倒，首尾相換。諸世間人，一倍瞻視。則知汝身，與諸如來清淨法身，比類發明，如來之身，名正遍知。汝等之

身，號性顛倒。隨汝諦觀。汝身佛身，稱顛倒者，名字何處，號為顛倒。

於時阿難與諸大眾，瞪瞽瞻佛，目睛不瞬，不知身心，顛倒所在。佛興慈悲，哀愍阿難及諸大眾。發海潮音，遍告同會。諸善男子，我常說言，色心諸緣，及心所使諸所緣法，唯心所現。汝身汝心，皆是妙明真精妙心中所現物。云何汝等，遺失本妙，圓妙明心，寶明妙性？認悟中迷。晦昧為空，空晦暗中，結暗為色。色雜妄想，想相為身。聚緣內搖，趣外奔逸。昏擾擾相，以為心性。一迷為心，決定惑為色身之內。不知色身，外洎山河虛空大地，咸是妙明真心中物。譬如澄清百千大海棄之。唯認一浮漚體，目為全潮，窮盡瀛渤。汝等即是迷中倍人。如我垂手。等無差別。

如來說為可憐愍者。阿難承佛悲救深誨。垂泣叉手，而白佛言：我雖承佛如是妙音，悟妙明心，元所圓滿，常住心地。而我悟佛現說法音，現以緣心，允所瞻仰，徒獲此心，未敢認為本元心地。願佛哀愍，宣示圓音。拔我疑根，歸無上道。

佛告阿難：汝等尚以緣心聽法，此法亦

緣，非得法性。如人以手，指月示人。彼人因指，當應看月。若復觀指以為月體，此人豈唯亡失月輪，亦亡其指。何以故？以所標指為明月故。豈唯亡指。亦復不識明之與暗。何以故？即以指體，為月明性。明暗二性，無所了故。汝亦如是，若以分別我說法音，為汝心者。此心自應離分別音有分別性。譬如有客，寄宿旅亭，暫止便去，終不常住。而掌亭人，都無所去，名為亭主。此亦如是。若真汝心，則無所去。云何離聲，無分別性？斯則豈唯聲分別心。分別我容，離諸色相，無分別性。如是乃至分別都無，非色非空，拘舍離等，昧為冥諦。離諸法緣，無分別性。則汝心性，各有所還，云何為主。

阿難言：若我心性，各有所還。則如來說，妙明元心，云何無還？惟垂哀愍，為我宣說。

佛告阿難：且汝見我，見精明元。此見雖非妙精明心。如第二月，非是月影。汝應諦聽。今當示汝無所還地。阿難：此大講堂，洞開東方，日輪升天，則有明耀。中夜黑月，雲霧晦暝，則復昏暗。戶牖之隙，則復

見通。牆宇之間，則復觀壅。分別之處，則復見緣。頑虛之中，遍是空性。鬱宇之象，則紆昏塵。澄霽斂氛。又觀清淨。阿難：汝咸看此諸變化相。吾今各還本所因處。云何本因？阿難：此諸變化：明還日輪。何以故？無日不明，明因屬日，是故還日。暗還黑月。通還戶牖。壅還牆宇。緣還分別，頑虛還空。鬱宇還塵。清明還霽。則諸世間一切所有，不出斯類。汝見八種見精明性，當欲誰還。何以故？若還於明，則不明時，無復見暗。雖明暗等，種種差別，見無差別。諸可還者，自然非汝。不汝還者，非汝而誰。則知汝心，本妙明淨，汝自迷悶。喪本受輪，於生死中，常被漂溺。是故如來，名可憐愍。

阿難言：我雖識此見性無還。云何得知是我真性？

佛告阿難：吾今問汝。今汝未得無漏清淨。承佛神力，見於初禪，得無障礙。而阿那律。見閻浮提，如觀掌中菴摩羅果。諸菩薩等，見百千界，十方如來，窮盡微塵，清淨國土，無所不矚。眾生洞視，不過分寸。阿難：且吾與汝，觀四天王所住宮殿。中間

遍覽水陸空行。雖有昏明，種種形像。無非前塵，分別留礙。汝應於此，分別自他。今吾將汝，擇於見中，誰是我體，誰為物象。阿難：極汝見源，從日月宮，是物非汝。至七金山，周遍諦觀，雖種種光，亦物非汝。漸漸更觀，雲騰鳥飛，風動塵起，樹木山川，草芥人畜，咸物非汝。阿難：是諸近遠諸有物性，雖復差殊，同汝見精，清淨所矚。則諸物類，自有差別，見性無殊。此精妙明，誠汝見性。若見是物，則汝亦可見吾之見。若同見者，名為見吾。吾不見時，何不見吾不見之處。若見不見，自然非彼不見之相。若不見吾不見之地，自然非物，云何非汝？又則汝今見物之時。汝既見物，物亦見汝。體性紛雜，則汝與我，并諸世間，不成安立。阿難：若汝見時，是汝非我，見性周遍，非汝而誰。云何自疑汝之真性，性汝不真，取我求實。

阿難白佛言：世尊。若此見性，必我非餘。我與如來，觀四天王勝藏寶殿，居日月宮，此見周圓，遍娑婆國。退歸精舍，祇見伽藍。清心戶堂，但瞻簷廡。世尊。此見如是，其體本來周遍一界。今在室中，唯滿一室，為復此見縮大為小。為當牆宇夾令斷

絕。我今不知斯義所在。願垂弘慈為我敷演。

佛告阿難：一切世間大小內外，諸所事業，各屬前塵，不應說言見有舒縮。譬如方器，中見方空。吾復問汝。此方器中所見方空，為復定方，為不定方。若定方者，別安圓器，空應不圓。若不定者，在方器中，應無方空。汝言不知斯義所在。義性如是。云何為在？阿難：若復欲令入無方圓。但除器方，空體無方。不應說言，更除虛空方相所在。若如汝問，入室之時，縮見令小。仰觀日時，汝豈挽見齊於日面。若築牆宇，能夾見斷。穿為小竇，寧無續跡。是義不然。一切眾生，從無始來，迷己為物，失於本心，為物所轉。故於是中，觀大觀小。若能轉物，則同如來，身心圓明，不動道場。於一毛端，遍能含受十方國土。

阿難白佛言：世尊，若此見精，必我妙性。今此妙性，現在我前，見必我真。我今身心，復是何物。而今身心分別有實。彼見無別分辨我身。若實我心，令我今見。見性實我，而身非我。何殊如來先所難言，物能見我。惟垂大慈，開發未悟。

佛告阿難：今汝所言，見在汝前，是義非實。若實汝前，汝實見者，則此見精，既有方所，非無指示。且今與汝坐祇陀林，遍觀林渠，及與殿堂，上至日月，前對恒河。汝今於我師子座前，舉手指陳，是種種相。陰者是林。明者是日。礙者是壁。通者是空。如是乃至草樹纖毫，大小雖殊。但可有形，無不指著。若必其見，現在汝前。汝應以手確實指陳，何者是見。阿難當知。若空是見，既已成見，何者是空。若物是見，既已是見，何者為物？汝可微細披剝萬象，析出精明淨妙見元，指陳示我，同彼諸物，分明無惑。

阿難言：我今於此重閣講堂，遠洎恒河，上觀日月，舉手所指，縱目所觀，指皆是物，無是見者。世尊。如佛所說，況我有漏初學聲聞，乃至菩薩，亦不能於萬物象前，剖出精見，離一切物，別有自性。

佛言：如是如是。佛復告阿難：如汝所言。無有見精，離一切物，別有自性。則汝所指是物之中，無是見者。今復告汝。汝與如來，坐祇陀林，更觀林苑，乃至日月，種種象殊，必無見精，受汝所指。汝又發明此

諸物中，何者非見。阿難言：我實遍見此祇陀林。不知是中何者非見。何以故？若樹非見，云何見樹？若樹即見，復云何樹？如是乃至若空非見，云何見空？若空即見。復云何空？我又思惟，是萬象中，微細發明，無非見者。

佛言：如是，如是。於是大眾，非無學者，聞佛此言，茫然不知是義終始，一時惶悚，失其所守。如來知其魂慮變懼。心生憐愍。安慰阿難，及諸大眾。諸善男子。無上法王。是真實語，如所如說，不誑不妄。非末伽黎，四種不死矯亂論議。汝諦思惟，無忝哀慕。

是時文殊師利法王子。愍諸四眾，在大眾中，即從座起，頂禮佛足，合掌恭敬，而白佛言：世尊，此諸大眾，不悟如來發明二種精見色空。是非是義。世尊。若此前緣色空等象，若是見者，應有所指。若非見者，應無所矚。而今不知是義所歸。故有驚怖。非是疇昔善根輕鮮。惟願如來大慈發明，此諸物象，與此見精，元是何物，於其中間，無是非是。

佛告文殊，及諸大眾：十方如來。及大菩

薩，於其自住三摩地中，見與見緣，并所想相。如虛空華，本無所有。此見及緣，元是菩提妙淨明體。云何於中有是非是？文殊。吾今問汝。如汝文殊。更有文殊是文殊者。為無文殊。

如是世尊。我真文殊。無是文殊。何以故？若有是者，則二文殊。然我今日，非無文殊。於中實無是非二相。

佛言：此見妙明，與諸空塵，亦復如是。本是妙明無上菩提淨圓真心。妄為色空。及與聞見。如第二月，誰為是月，又誰非月。文殊。但一月真。中間自無是月非月。是以汝今觀見與塵，種種發明，名為妄想。不能於中出是非是。由是真精妙覺明性。故能令汝出指非指。

阿難白佛言：世尊。誠如法王所說，覺緣遍十方界，湛然常住，性非生滅。與先梵志娑毗迦羅，所談冥諦，及投灰等諸外道種，說有真我遍滿十方，有何差別。世尊亦曾於楞伽山，為大慧等敷演斯義。彼外道等，常說自然，我說因緣，非彼境界。我今觀此覺性自然非生非滅，遠離一切虛妄顛倒，似非因緣，與彼自然。云何開示，不入群邪，獲

真實心妙覺明性。

佛告阿難：我今如是開示方便，真實告汝。汝猶未悟，惑為自然。阿難。若必自然，自須甄明有自然體。汝且觀此妙明見中，以何為自？此見為復以明為自，以暗為自，以空為自，以塞為自。阿難。若明為自，應不見暗。若復以空為自體者，應不見塞。如是乃至諸暗等相以為自者，則於明時，見性斷滅，云何見明？

阿難言：必此妙見，性非自然。我今發明，是因緣生。心猶未明，咨詣如來。是義云何，合因緣性？

佛言：汝言因緣。吾復問汝。汝今因見見性現前。此見為復因明有見，因暗有見，因空有見，因塞有見。阿難。若因明有，應不見暗。如因暗有，應不見明。如是乃至因空因塞，同於明暗。

復次阿難。此見又復緣明有見，緣暗有見，緣空有見，緣塞有見。阿難。若緣空有，應不見塞。若緣塞有，應不見空。如是乃至緣明緣暗。同於空塞。當知如是精覺妙明，非因非緣，亦非自然，非不自然，無非不非，無是非是，離一切相，即一切法。汝

今云何於中措心？以諸世間戲論名相，而得分別。如以手掌撮摩虛空，祇益自勞。虛空云何隨汝執捉？

阿難白佛言：世尊，必妙覺性，非因非緣。世尊云何常與比丘。宣說見性具四種緣。所謂因空因明，因心因眼，是義云何？佛言：阿難。我說世間諸因緣相，非第一義。阿難。吾復問汝。諸世間人，說我能見。云何名見。云何不見？

阿難言：世人因於日月燈光，見種種相，名之為見。若復無此三種光明，則不能見。

阿難若無明時，名不見者應不見暗。若必見暗，此但無明，云何無見？阿難。若在暗時，不見明故，名為不見。今在明時，不見暗相，還名不見。如是二相，俱名不見。若復二相自相陵奪，非汝見性於中暫無。如是則知二俱名見，云何不見？是故阿難。汝今當知，見明之時，見非是明。見暗之時，見非是暗。見空之時，見非是空。見塞之時，見非是塞。四義成就。汝復應知。見見之時，見非是見。見猶離見，見不能及，云何復說因緣自然，及和合相？汝等聲聞，狹劣無識，不能通達清淨實相。吾今誨汝。當善

思惟。無得疲怠妙菩提路。

阿難白佛言：世尊。如佛世尊為我等輩，宣說因緣，及與自然，諸和合相，與不和合，心猶未開。而今更聞見見非見，重增迷悶。伏願弘慈，施大慧目，開示我等覺心明淨。作是語已，悲淚頂禮，承受聖旨。

爾時世尊，憐愍阿難，及諸大眾。將欲敷演大陀羅尼，諸三摩提。妙修行路。告阿難言：汝雖強記，但益多聞，於奢摩他微密觀照，心猶未了。汝今諦聽。吾當為汝分別開示。亦令將來，諸有漏者，獲菩提果。阿難。一切眾生，輪迴世間，由二顛倒分別見妄，當處發生，當業輪轉。云何二見？一者，眾生別業妄見。二者，眾生同分妄見。

云何名為別業妄見。阿難，如世間人，目有赤眚，夜見燈光別有圓影，五色重疊。於意云何。此夜燈明所現圓光，為是燈色，為當見色。阿難。此若燈色，則非眚人何不同見，而此圓影。唯眚之觀。若是見色，見已成色，則彼眚人見圓影者，名為何等？復次阿難。若此圓影離燈別有，則合傍觀屏帳几筵，有圓影出。離見別有，應非眼矚，云何眚人目見圓影？是故當知，色實在燈，見病

為影。影見俱眚，見眚非病。終不應言是燈是見。於是中有非燈非見。如第二月，非體非影。何以故？第二之觀，捏所成故。諸有智者，不應說言，此捏根元，是形非形，離見非見，此亦如是，目眚所成今欲名誰是燈是見。何況分別非燈非見？

云何名為同分妄見？阿難。此閻浮提，除大海水，中間平陸，有三千洲正中大洲東西括量，大國凡有二千三百。其餘小洲在諸海中，其間或有三兩百國。或一或二至於三十四五十。阿難。若復此中，有一小洲，祇有兩國。唯一國人，同感惡緣則彼小洲，當土眾生，睹諸一切不祥境界或見二日，或見兩月其中乃至暈適珮玦。彗孛飛流。負耳虹蜺。種種惡相，但此國見彼國眾生，本所不見，亦復不聞。

阿難。吾今為汝。以此二事，進退合明。阿難。如彼眾生。別業妄見，矚燈光中所現圓影，雖現似境，終彼見者，目眚所成。眚即見勞，非色所造。然見眚者，終無見咎。例汝今日，以目觀見山河國土。及諸眾生，皆是無始見病所成。見與見緣，似現前境。元我覺明見所緣眚。覺見即眚。本覺明心，

覺緣非眚。覺所覺眚，覺非眚中，此實見見，云何復名覺聞知見？是故汝今見我及汝，并諸世間十類眾生，皆即見眚。非見眚者，彼見真精，性非眚者，故不名見。阿難。如彼眾生同分妄見，例彼妄見別業一人。一病目人，同彼一國。彼見圓影，眚妄所生。此眾同分所見不祥，同見業中，瘴惡所起。俱是無始見妄所生。例閻浮提三千洲中，兼四大海，娑婆世界，并洎十方諸有漏國，及諸眾生。同是覺明無漏妙心，見聞覺知虛妄病緣，和合妄生，和合妄死。若能遠離諸和合緣，及不和合，則復滅除諸生死因。圓滿菩提，不生滅性。清淨本心，本覺常住。

阿難。汝雖先悟本覺妙明，性非因緣，非自然性。而猶未明如是覺元，非和合生，及不和合。阿難。吾今復以前塵問汝。汝今猶以一切世間妄想和合，諸因緣性，而自疑惑，證菩提心和合起者。則汝今者妙淨見精。為與明和，為與暗和，為與通和，為與塞和。若明和者，且汝觀明，當明現前，何處雜見，見相可辨，雜何形像。若非見者，云何見明？若即見者，云何見見？必見圓滿，何處和明？若明圓滿，不合見和。見必

異明。雜則失彼性明名字。雜失明性，和明非義。彼暗與通，及諸群塞，亦復如是。復次阿難。又汝今者妙淨見精，為與明合，為與暗合，為與通合，為與塞合。若明合者，至於暗時，明相已滅，此見即不與諸暗合，云何見暗？若見暗時，不與暗合，與明合者，應非見明。既不見明，云何明合？了明非暗。彼暗與通，及諸群塞，亦復如是。

阿難白佛言：世尊。如我思惟，此妙覺元，與諸緣塵，及心念慮，非和合耶。佛言：汝今又言覺非和合。吾復問汝。此妙見精非和合者，為非明和，為非暗和，為非通和，為非塞和。若非明和，則見與明，必有邊畔。汝且諦觀，何處是明，何處是見，在見在明，自何為畔？阿難。若明際中必無見者，則不相及，自不知其明相所在，畔云何成？彼暗與通，及諸群塞，亦復如是。又妙見精，非和合者，為非明合，為非暗合，為非通合，為非塞合。若非明合，則見與明，性相乖角。如耳與明，了不相觸。見且不知明相所在，云何甄明合非合理？彼暗與通，及諸群塞，亦復如是。

阿難。汝猶未明一切浮塵，諸幻化相，當

處出生，隨處滅盡。幻妄稱相，其性真為妙覺明體。如是乃至五陰六入，從十二處，至十八界，因緣和合，虛妄有生，因緣別離虛妄名滅。殊不能知生滅去來本如來藏。常住妙明，不動周圓妙真如性。性真常中求於去來迷悟生死，了無所得。

阿難。云何五陰，本如來藏妙真如性？阿難。譬如有人，以清淨目，觀晴明空，唯一晴虛，迴無所有。其人無故，不動目睛，瞪以發勞，則於虛空，別見狂華，復有一切狂亂非相。色陰當知亦復如是。阿難。是諸狂華，非從空來，非從目出。如是阿難。若空來者，既從空來，還從空入。若有出入，即非虛空。空若非空，自不容其華相起滅。如阿難體，不容阿難。若目出者，既從目出，還從目入。即此華性從目出故，當合有見。若有見者，去既華空，旋合見眼。若無見者，出既翳空，旋當翳眼。又見華時，目應無翳。云何晴空，號清明眼？是故當知色陰虛妄，本非因緣，非自然性。

阿難。譬如有人，手足宴安，百骸調適，忽如忘生，性無違順。其人無故，以二手掌，於空相摩，於二手中，妄生澀滑冷熱諸

相。受陰當知亦復如是。阿難。是諸幻觸，不從空來，不從掌出。如是阿難。若空來者，既能觸掌，何不觸身。不應虛空，選擇來觸。若從掌出，應非待合。又掌出故，合則掌知，離則觸入，臂腕骨髓，應亦覺知入時蹤跡。必有覺心，知出知入。自有一物身中往來。何待合知，要名為觸。是故當知，受陰虛妄，本非因緣，非自然性。

阿難。譬如有人，談說酢梅，口中水出。思蹋懸崖，足心酸澀。想陰當知，亦復如是。阿難。如是酢說，不從梅生，非從口入。如是阿難。若梅生者，梅合自談，何待人說。若從口入，自合口聞，何須待耳。若獨耳聞，此水何不耳中而出。想蹋懸崖，與說相類。是故當知，想陰虛妄，本非因緣，非自然性。

阿難。譬如瀑流，波浪相續，前際後際，不相踰越。行陰當知，亦復如是。阿難。如是流性，不因空生，不因水有，亦非水性，非離空水。如是阿難。若因空生，則諸十方無盡虛空，成無盡流，世界自然俱受淪溺。若因水有，則此瀑流性應非水，有所有相，今應現在。若即水性，則澄清時，應非水

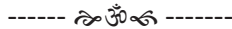
體。若離空水，空非有外，水外無流。是故當知，行陰虛妄，本非因緣，非自然性。

阿難。譬如有人，取頻伽餅，塞其兩孔，滿中擊空，千里遠行，用餉他國。識陰當知亦復如是。阿難。如是虛空，非彼方來，非此方入，如是阿難。若彼方來，則本餅中既貯空去，於本餅地，應少虛空。若此方入，開孔倒餅，應見空出。是故當知，識陰虛妄，本非因緣，非自然性。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 2

心本萬法

TÂM BỔN VẠN PHÁP



Khi ấy A Nan và đại chúng được nghe Phật tạm chỉ: Cái thấy không động tịnh là Tâm, nên tất cả đều hớn hở vui mừng, và nghĩ rằng: Từ vô thủy đến nay, tự mình làm mất bản tâm, nhận cái vọng tưởng phân biệt theo bóng dáng của trần cảnh làm tâm, ngày hôm nay mới ngộ được Tâm mình, nên hết sức vui mừng, nên ông và đại chúng cầu Phật chỉ rõ ở nơi thân tâm hiện tiền đây, cái nào chơn thật không sanh diệt và cái nào hư vọng có sanh diệt.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật: Xưa kia con chưa được nghe lời dạy của Phật, thấy bọn ngoại đạo Ca Chiên Diên (chấp các pháp cũng có cũng không) và Tỳ La Chi Tử (chấp mãi kiếp tự nhiên đắc đạo), đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt gọi là Niết Bàn. Nay dù gặp Phật nhưng vẫn còn hồ nghi, chẳng biết làm thế nào mới được chứng tỏ chỗ chẳng sanh diệt của tâm này, hiện nay hàng hữu lậu trong chúng đều mong cùng nghe.

Phật nói với vua: Thân ông ở đây, nay ta hỏi ông, cái nhục thân này là đồng như kim cang, thường trực chẳng hoại hay có biến diệt?

- Bạch Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dời đổi, xưa con còn nhỏ, da thịt mịn mơn, đến khi trưởng thành, khí huyết sung túc, nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mệt mỏi, tóc bạc mặt nhăn, sự sống chẳng còn bao lâu nữa, làm sao so bằng lúc trẻ mạnh!

TÂM VÔ SANH DIỆT

Phật nói: Ông thấy biến hóa dời đổi chẳng ngừng, ngộ biết phải diệt. Vậy trong lúc diệt, ông còn biết trong thân có cái gì chẳng diệt chẳng? Vua chấp tay bạch Phật: Con thật chẳng biết!

Phật nói: Nay ta chỉ cho ông cái tánh chẳng sanh diệt. Đại Vương thấy nước sông Hằng hồi mấy tuổi?

Vua đáp: Lúc lên ba, mẹ con dắt đi yết lễ thần Tỳ Bà Thiên, có đi qua khi ấy đã biết sông Hằng.

Phật nói: Như lời ông nói, lúc hai mươi tuổi thì sút hơn lúc lên mười, cho đến sáu mươi niệm niệm dời đổi theo từng ngày giờ. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông, rồi đến năm mười ba, thấy nước sông, tánh thấy như thế nào?

Vua đáp: Tánh thấy khi ba tuổi, cho đến năm nay đã sáu mươi hai cũng chẳng có khác. Phật nói: Nay ông tự than đã già, mặt ông chắc phải nhăn hơn lúc trẻ, vậy hiện nay thấy sông Hằng với lúc nhỏ thấy sông Hằng, cái tánh thấy có già trẻ gì chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật nói: Mặt ông dù nhăn mà cái tánh của kiến tinh

(*năng thấy*) chưa từng nhả, có nhả là biến, chẳng nhả thì bất biến; biến ắt phải diệt, bất biến vốn chẳng sanh diệt. Vậy lấy gì để thọ nhận sanh tử cho ông? Mà còn đem tà thuyết của bọn Mạt Già Lê kia, cho là thân này sau khi chết đoạn diệt! Vua nghe Phật dạy, tin biết Bốn Kiến thật chẳng đoạn diệt!

Vua nghe Phật dạy, tin biết Bốn Kiến thật chẳng đoạn diệt, bỏ thân này sẽ được thân khác, nên cùng đại chúng vui mừng được pháp chưa từng có. Ngay đó, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay đánh lễ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu cái tánh thấy nghe này thật chẳng sanh diệt, sao Thế Tôn lại nói chúng con lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo? Xin Phật từ bi, rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, ngón tay chỉ xuống, bảo với A Nan: Nay người thấy tay ta là chánh hay đảo?

A Nan đáp: Chúng sanh cho đây là đảo, mà con thì chẳng biết thế nào chánh, thế nào đảo.

Phật bảo A Nan: Nếu người thế gian cho đây là đảo thì lấy gì làm chánh?

A Nan đáp: Như Lai đưa cánh tay chỉ lên trời gọi là chánh.

Phật liền giơ cánh tay lên, bảo rằng: Theo tánh thấy là chánh, theo cảnh trần là đảo; tánh thấy chẳng có chánh, đảo, cảnh trần mới có chánh, đảo, nay chẳng theo tánh thấy

mà duyên theo cảnh trần, đã là một lớp điên đảo. Lại, theo lý lẽ thường, cánh tay chỉ xuống thuận theo thân là chánh, cánh tay chỉ lên nghịch với thân là đảo; nay người thế gian đầu đuôi đối nhau, cho thuận là, đảo, cho nghịch là chánh, thành điên đảo bội phần. Vậy đem thân người so với pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì được biết rõ, thân Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, thân các người gọi là tánh điên đảo. Người hãy quán xét kỹ giữa thân người và thân Phật, cái cho là điên đảo ấy, ở chỗ nào gọi là điên đảo?

Bấy giờ ngài A Nan và đại chúng ngẩn ngơ nhìn Phật không nháy mắt, chẳng biết chỗ thân tâm điên đảo, Phật phát hải triều âm bảo khắp trong Hội rằng: Các thiện nam tử! Các duyên tâm và sắc với các tâm sở, các pháp sở duyên đều do tâm biến hiện, thân tâm của người cũng là vật do diệu tâm hiện ra, vậy sao các người lại lạc mất cái bản tánh vốn tròn đầy sáng tỏ của diệu tâm, nhận lầm cái mê (*vọng tâm*) nơi ngộ (*bổn tâm*) cho là tâm tánh, bèn mê diệu minh (*diệu tâm minh giác*) trở thành vô minh, từ vô minh biến thành ngoan không, vô minh là năng biến, ngoan không là sở biến, năng sở hòa hợp biến ra tứ đại, là ngoại sắc của y báo, sắc lẫn lộn với tâm vọng tưởng thành có chúng sanh, là nội sắc của chánh báo, tướng (*vọng tưởng*), tướng (*vọng sắc*) làm thân, nhiếp trì thân tâm là thức thứ tám, tụ duyên lay động thức thứ bảy, rong ruổi theo cảnh bên ngoài là thức thứ sáu, từ vô minh biến khởi vọng duyên vọng trần, mà nhận tướng nhiễu loạn lăng xăng này, mê muội cho là tự tâm ở trong sắc thân, chẳng biết sắc thân, núi sông, đất đai cho

đến hư không đều là vật do diệu tâm biến hiện...

Phật bảo A Nan: Nay người thấy được ta là do cái tánh thấy sáng tỏ này, chẳng phải là diệu tâm sáng tỏ, gương nói như mặt trăng thứ hai, cũng chẳng phải bóng của mặt trăng thứ nhất vậy. Người hãy chú ý nghe, bây giờ ta sẽ chỉ rõ chỗ chẳng thể trả về...

A Nan nói: Con dù biết tánh thấy này chẳng thể trả về, nhưng làm sao biết là chân tánh của con?

Phật bảo A Nan: Ta hỏi người, nay người chưa đắc quả vô lậu, nhờ thần lực của Phật, được thấy cõi sơ thiên chẳng có ngăn ngại, mà A Na Luật thấy cõi Ta Bà như xem trái Yêm Ma La trong bàn tay, các Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi, mười phương Như Lai cùng tột vô số quốc độ Phật, chẳng chỗ nào không thấy khắp, mà sức thấy của chúng sanh thì chẳng quá vài dặm...

Phật bảo A Nan: Nay người nói tánh thấy ở trước mắt người, nghĩa này chẳng đúng. Nếu thật ở trước mắt người mà người thật thấy được, thì kiến tinh này đã có phương sở, chẳng phải không chỉ ra được. Nay ta cùng người ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem khắp rừng suối và điện đường, trên từ nhật nguyệt, dưới đến sông Hằng, người hãy ở trước tòa Sư Tử của ta, dùng tay chỉ rõ đủ thứ tướng ấy, chỗ mát là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông là hư không, cho đến cỏ cây, chỉ mảnh, lớn nhỏ dù khác, hể có hình tướng thì đều chỉ ra được. Nếu kiến tinh thật ở trước mắt người, thì người phải dùng tay xác thật chỉ rõ cái nào là tánh thấy.

A Nan nên biết, nếu hư không là tánh thấy thì cái nào là hư không? Nếu vật là tánh thấy thì cái nào là vật? Người hãy ở nơi vạn tượng phân tích kỹ càng, chỉ cho ta xem cái tánh thấy sáng tỏ ấy, rõ ràng đồng như các vật, chẳng được lầm lẫn!...

Bấy giờ, những người chưa đến bậc vô học trong chúng nghe Phật nói vậy, ngơ ngác chẳng hiểu đầu đuôi của nghĩa này, đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay, bỗng nhiên cảm thấy run sợ.

Như Lai biết họ băn khoăn lo sợ, sanh lòng thương xót, an ủi A Nan và đại chúng: Các thiện nam tử, lời chon thật của Vô Thượng Pháp Vương chẳng dối chẳng vọng, như sở như thuyết.

Lúc ấy, Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: Đại chúng trong Hội này chẳng ngộ hai nghĩa Thị, Phi Thị với tánh thấy và Sắc Không của Như Lai vừa hiển bày. Thế Tôn, những hiện tượng sắc không nơi trước mắt, nếu là tánh thấy thì phải chỉ ra được, nếu chẳng phải tánh thấy thì chẳng thể thấy. Nay chẳng biết nghĩa ấy do đâu, nên có kinh sợ chứ chẳng phải vì xưa kia thiện căn thiếu kém, mong Như Lai từ bi, phát minh những vật tượng và tánh thấy, trong đó chẳng có Thị và Phi Thị.

Phật bảo Văn Thù và Đại Chúng : Mươi phương Như Lai và Đại Bồ Tát tự trụ nơi chánh định, thoát khỏi căn trần, tánh thấy (*năng kiến*) với sắc không (*sở kiến*), ý năng tưởng, tướng sở tưởng vốn chẳng thật có, cũng như hoa đốm trên không, vậy kiến tinh và sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ của Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có Thị hay Phi Thị ở

trong đó? Văn Thù, nay ta hỏi người, như người là Văn Thù, lại có Văn Thù nào Thị Văn Thù hay Phi Thị Văn Thù chăng?

- Bạch Thế Tôn! Đúng thế, con là chơn Văn Thù, chẳng Thị Văn Thù. Tại sao? Nếu có Thị tức có hai Văn Thù, mà nay chẳng phải không có Văn Thù, trong đó thật chẳng có hai tướng Thị và Phi.

Phật nói: Bản kiến diệu minh với hư không và lục trần cũng đều như thế, vốn là chơn tâm sáng tỏ, tròn đầy trong sạch của Vô Thượng Bồ Đề, vọng thành sắc không và kiến văn, như đệ nhị nguyệt, vậy cái nào là Thị nguyệt, cái nào là Phi nguyệt? Văn Thù, chỉ một chơn nguyệt, trong đó vốn chẳng Thị nguyệt Phi nguyệt ...

- A Nan, nếu nhân sáng có thấy thì chẳng thể thấy tối; nếu nhân tối có thấy thì chẳng thể thấy sáng. Như vậy cho đến nhân rỗng không, nhân ngăn bít, đều đồng như sáng tối.

- Lại nữa, A Nan, tánh thấy này duyên sáng có thấy hay duyên tối có thấy? Duyên rỗng không có thấy hay duyên ngăn bít có thấy? Nếu duyên rỗng không có thấy thì chẳng thể thấy ngăn bít; nếu duyên ngăn bít có thấy thì chẳng thể thấy rỗng không. Như vậy cho đến duyên sáng duyên tối, đều đồng như rỗng không và ngăn bít.

Nên biết Bản giác phi nhân duyên, phi tự nhiên, phi bất tự nhiên. Vô Phi và Bất Phi, Vô Thị và Phi Thị, là tất cả tướng, là tất cả pháp. Nay người sao lại ở trong đó dùng chấp tâm đuổi theo những danh tướng hí luận của thế gian, vọng khởi phân biệt, cũng như dùng tay nắm bắt hư không, chỉ tự lao nhọc, hư không làm sao cho người bắt được?

- Bạch Thế Tôn! Nếu bản kiến phi nhân phi duyên, tại sao Thế Tôn thường nói với các Tỳ Kheo rằng: Tánh thấy gồm đủ bốn thứ nhân duyên, tức là nhân không, nhân sáng, nhân tâm, nhân mắt, vậy nghĩa này thế nào?

Phật nói: Ta thuyết những tướng nhân duyên của thế gian chẳng phải đệ nhất nghĩa. A Nan, ta lại hỏi người: người thế gian nói “tôi thấy”, vậy cho thế nào gọi là thấy, thế nào gọi là chẳng thấy?... Do hai tướng sáng tối tự đoạt mất nhau, chẳng phải tánh thấy của người tạm thời không có. Vậy thì cả hai đều là thấy, sao nói chẳng thấy?

- A Nan nên biết, trong lúc thấy sáng, tánh thấy chẳng phải sáng; trong lúc thấy tối, tánh thấy chẳng phải tối; trong lúc thấy rõ tánh thấy chẳng phải rõ không; trong lúc thấy ngăn bít, tánh thấy chẳng phải ngăn bít, bốn thứ nghĩa này vốn như vậy.

- Lại người nên biết: Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến do ly kiến, kiến bất năng cập, tại sao lại nói nhân duyên, tự nhiên và tướng hòa hợp? Nay ta dạy các ông nên khéo suy tư, hãy siêng năng tinh tấn, thẳng vào diệu đạo Bồ Đề.

- Bạch Thế Tôn! Phật vì chúng con hiển bày các tướng nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp và chẳng hòa hợp, tâm còn chưa rõ, nay lại nghe nói Kiến Kiến Phi Kiến, khiến con càng thêm mê muội, cúi xin Phật mở lòng từ bi, khai thị cho chúng con được diệu tâm sáng tỏ trong sạch. Nói xong, đánh lễ kính nghe lời dạy của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn sắp khai pháp tổng trì (**Tổng nhất thiết**

pháp. Trì nhất thiết nghĩa), những đường tu vi diệu của các thiên quán Tam Ma Đề, bảo A Nan rằng:

Người dù nhớ hay, nhưng chỉ thêm phần học rộng nghe nhiều, đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp Sa Ma tha, tâm còn chưa rõ, nay người hãy chú ý nghe, ta sẽ vì người khai thị từng lớp một, cũng khiến hàng hữu học tương lai sẽ được chứng quả Bồ Đề. Tất cả chúng sanh cam chịu luân hồi, là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sanh, ngay đó theo nghiệp luân chuyển. Thế nào là hai thứ vọng kiến?

- Một là Vọng kiến Biệt Nghiệp của chúng sanh.

- Hai là Vọng kiến Đồng Phận của chúng sanh.

Sao gọi là vọng kiến Biệt Nghiệp? A Nan! Như người thế gian con mắt bị nhắm, ban đêm thấy ánh sáng, riêng có bóng tròn ngũ sắc bao phủ. Ý người thế nào? Cái bóng tròn hiện nơi ánh đèn này là màu sắc của ngọn đèn hay là màu sắc của kiến tinh?

- Nếu là màu sắc của ngọn đèn, thì người không nhắm sao chẳng cùng thấy, mà chỉ có người nhắm mới thấy bóng tròn này? Nếu là màu sắc của kiến tinh, kiến tinh đã thành màu sắc, thì người nhắm thấy bóng tròn kia gọi là cái gì?

- Lại nữa A Nan! Nếu lia ngọn đèn riêng có bóng tròn này, thì khi nhìn qua bình phong, bàn ghế, phải có bóng tròn hiện ra, nếu lia kiến tinh riêng có bóng tròn thì chẳng phải mắt thấy, vậy sao người nhắm lại thấy bóng tròn?

- Nên biết, màu sắc ở nơi đèn, do mắt bị bệnh mới thấy bóng tròn, bóng tròn và cái thấy đều là bệnh nhắm, kẻ thấy

được nhắm thì chẳng phải bệnh; chớ nên nói bóng tròn là đèn, là thấy, hoặc nói chẳng phải ngọn đèn chẳng phải cái thấy...

- A Nan ! Nếu ở nơi sáng chẳng có kiến tinh thì sáng và kiến tinh chẳng tiếp xúc nhau, làm sao thấy được tướng sáng để thành lập ranh giới? Hòa tối, hòa thông, hòa nghẽn nghĩa cũng như vậy.

- Lại nữa, tánh thấy của người nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa hợp với sáng hay chẳng hòa hợp với tối? Chẳng hợp với thông hay chẳng hợp với nghẽn?

- Nếu chẳng hợp với sáng, thì kiến tinh với sáng hai tánh trái ngược nhau, cũng như lỗ tai với sáng chẳng thể tiếp xúc, thế thì cái thấy còn chẳng biết chỗ của tướng sáng, làm sao xét rõ cái lý hợp hay chẳng hợp? Hợp tối, hợp thông, hợp bí nghĩa cũng như vậy.

- A Nan! Người chưa rõ tất cả tướng huyền hóa tiền trần, tùy nhân duyên sanh ra, theo nhân duyên diệt mất, thể tánh của tướng huyền hóa vốn là diệu giác sáng tỏ, như vậy cho đến ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, vì nhân duyên hòa hợp, hư vọng cho là có sanh, nhân duyên tan rã, hư vọng cho là có diệt, mà chẳng biết sanh diệt khứ lai vốn là Như Lai Tạng, cũng gọi Diệu tánh chơn như, nơi tánh chơn thường tìm sự khứ lai, mê ngộ, sanh diệt đều bất khả đắc.

Ngũ Ấm vốn từ Như Lai Tạng hiện khởi, cũng là Diệu tánh chơn như.

NGŨ ẤM VỐN VÔ SANH

A Nan! Nên biết sắc ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh

nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- A Nan! Ví như có người vô có hai bàn tay xoa nhau, vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng nơi hai bàn tay. Nên biết thọ ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- A Nan! Ví như nghe nói đến trái mơ chua thì tiết ra nước miếng, nghĩ đến leo dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn, nên biết tướng ấm cũng vậy.

Nên biết tướng ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- A Nan! Ví như dòng nước chảy mạnh, làn sóng nối tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau, nên biết Hành Ấm cũng vậy.

A Nan! Tánh dòng nước như thể chẳng do hư không sinh ra, chẳng do nước mà có, chẳng phải tánh của nước, cũng chẳng lìa hư không và nước... Nên biết thức ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

LƯỢC GIẢI

Đồng một thể tánh chân tâm, vì vô minh vọng động, chấp đây thật là Phật, kia thật là chúng sinh. Đó là Điên đảo. Như người đang thức (dụ chân tâm) bỗng chốc buồn ngủ (dụ vô minh). Khi ngủ chiêm bao thấy có hư không, thế giới, chúng sinh và mình (dụ vô minh sinh ra thế giới và chúng sinh), rồi chấp cái thân và tâm trong chiêm bao kia là mình, mà bỏ cả cảnh thức tỉnh rộng lớn này đi v.v... (dụ như vì mê

muội nên nhận cái vọng thân vọng tâm này làm mình, cảnh này là thật, mà bỏ cái toàn thể chân tâm sáng suốt rộng lớn kia). Tâm đã sinh ra các pháp, thì pháp nào cũng là tâm cả: Cũng như vàng đã làm ra các đồ trang sức thì món nào cũng là vàng.

Nếu ngộ tất cả pháp vô sanh thì Sắc như bụi mắt thấy hoa đốm trên không; Thọ như xoa bàn tay sanh những xúc giác trơn, rít, lạnh, nóng; Tưởng như nghe nói trái mơ tiết ra nước miếng; Hành như dòng nước chảy, chẳng có năng sanh sở sanh; Thức như cái bình đựng đầy hư không, bình dụ cho nghiệp thân, hư không dụ cho vọng thức. Bản Giác tánh không, cùng khắp pháp giới, hễ mê thành vọng thức thì thành hư không ở trong bình, nhét bít miệng bình dụ cho vọng phân đồng dị, có trong có ngoài, kỳ thật trong bình ngoài bình chỉ cùng một hư không (dụ cho tánh và thức vốn là một thể), hư không chẳng khứ lai dụ cho tánh chẳng sanh diệt. Bình dụ vọng nghiệp, hư không dụ vọng thức, nghiệp kéo thức chạy theo, như đem bình đựng hư không đi các nước khác, dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi.

Lục nhập, Thập nhị xứ, Thập bát giới, cho đến Thất đại ở quyển sau, đều sáng tỏ nghĩa này (Vạn Pháp Vốn Vô Sanh). Nói cách khác, Như Lai Tàng là bản thể của 5 ấp, 6 nhận, 12 xứ, 18 giới và 7 đại. Đề cập đến bản thể hiện tượng là một vấn đề lớn, một vấn đề mang tính triết học của Phật giáo, nếu ta nhìn Phật giáo qua lăng kính triết học. Nhưng đối với Phật giáo người ta có cho nó là triết học hay không là triết học điều đó chẳng có giá trị thêm bớt gì. Sự thuyết pháp của Phật nhằm nói lên chân lý khách quan, nói lên cái nguyên ủy

của sự hình thành và sự tồn tại khách quan của vũ trụ vạn hữu. Sự thật như thế nào, Phật nói như thế ấy thôi. Giáo lý của kinh Thủ Lăng Nghiêm, triển khai: Tất cả hiện tượng vạn hữu hình thành từ chất liệu của bốn khoa và bảy đại. Rằng hiện tượng vạn hữu do ngũ tuần tổ hợp mà thành. Từ ngũ uẩn lập ra 12 thứ sắc pháp. Từ ngũ uẩn lập ra 8 pháp tâm vương. Từ ngũ uẩn triển khai 51 thứ tâm sở. Từ ngũ uẩn diễn biến ra 24 thứ pháp bất tương ứng. Từ ngũ uẩn thành lập 95 pháp hữu vi và cũng từ ngũ uẩn mà lập 6 thứ vô vi pháp. Tất cả ngàn ấy thứ đều là hiện tượng của Như Lai Tàng, từ chủng tử trong Như Lai Tàng duyên khởi biểu hiện mà ra. Như điện, vào đèn thì đèn cháy, vào quạt quạt lại quay v.v... điện không có phương hướng xứ sở gì, chỉ tùy duyên phát hiện. Còn tâm cũng thế, tâm vẫn là một, nếu đến mắt thì thấy, còn đến tai thì nghe v.v...tùy duyên phát hiện.

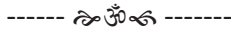
Nói Như Lai Tàng, là đến chỗ cao siêu tuyệt diệu thì không còn suy nghĩ, luận bàn được (bất khả tư nghị); nếu còn suy nghĩ luận bàn được thì không phải là cao siêu tuyệt diệu.

Bởi thế nên Đức Thích Ca đóng cửa thất tại nước Ma Kiệt, ông Duy Ma Cật ngậm miệng tại thành Tỳ Da, tổ Đạt Ma ngồi tại động Thiếu Thất, day mặt vô vách chín năm, không nói một lời, đều vì cái lý cao siêu, không thể luận bàn này vậy.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 3

明心真妄卷第三

MINH TÂM CHÂN VỌNG



復次阿難。云何六入，本如來藏妙真如性？阿難。即彼目睛瞪發勞者，兼目與勞，同是菩提瞪發勞相。因於明暗二種妄塵，發見居中，吸此塵象，名為見性。此見離彼明暗二塵，畢竟無體。

如是阿難。當知是見，非明暗來，非於根出，不於空生。何以故？若從明來，暗即隨滅，應非見暗。若從暗來，明即隨滅，應無見明。若從根生，必無明暗。如是見精，本無自性。若於空出，前矚塵象，歸當見根。又空自觀，何關汝入。是故當知眼入虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。譬如有人，以兩手指急塞其耳，耳根勞故，頭中作聲，兼耳與勞，同是菩提瞪發勞相。因於動靜二種妄塵，發聞居中，吸此塵象，名聽聞性。此聞離彼動靜二塵，畢竟無體。如是阿難，當知是聞，非動靜

來，非於根出，不於空生。何以故。若從靜來，動即隨滅，應非聞動。若從動來，靜即隨滅，應無覺靜。若從根生，必無動靜。如是聞體，本無自性。若於空出，有聞成性，即非虛空。又空自聞，何關汝入。是故當知，耳入虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。譬如有人，急畜其鼻，畜久成勞，則於鼻中，聞有冷觸，因觸分別，通塞虛實，如是乃至諸香臭氣，兼鼻與勞，同是菩提瞪發勞相。因於通塞二種妄塵，發聞居中，吸此塵象，名嗅聞性。此聞離彼通塞二塵，畢竟無體。當知是聞，非通塞來，非於根出，不於空生。何以故。若從通來，塞則聞滅，云何知塞？如因塞有，通則無聞，云何發明香臭等觸？若從根生，必無通塞。如是聞機，本無自性。若從空出，是聞自當迴嗅汝鼻。空自有聞，何關汝入。是故當知鼻入虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。譬如有人，以舌舐吻，熟舐令勞。其人若病，則有苦味。無病之人，微有甜觸。由甜與苦，顯此舌根，不動之時，淡性常在。兼舌與勞，同是菩提瞪發勞相。因甜苦淡二種妄塵，發知居中，吸此塵象，名

知味性。此知味性，離彼甜苦及淡二塵，畢竟無體。如是阿難。當知如是嘗苦淡知，非甜苦來，非因淡有，又非根出，不於空生。何以故。若甜苦來，淡則知滅，云何知淡。若從淡出，甜即知亡，復云何知甜苦二相。若從舌生，必無甜淡及與苦塵。斯知味根，本無自性。若於空出，虛空自味，非汝口知。又空自知，何關汝入。是故當知，舌入虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。譬如有人，以一冷手。觸於熱手。若冷勢多，熱者從冷。若熱功勝，冷者成熱。如是以此合覺之觸，顯於離知。涉勢若成，因於勞觸。兼身與勞，同是菩提瞪發勞相。因於離合二種妄塵，發覺居中，吸此塵象。名知覺性。此知覺體，離彼離合違順二塵，畢竟無體。如是阿難。當知是覺，非離合來，非違順有，不於根出，又非空生。何以故？若合時來，離當已滅，云何覺離？違順二相，亦復如是。若從根出，必無離合違順四相。則汝身知，元無自性。必於空出，空自知覺，何關汝入。是故當知身入虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。譬如有人，勞倦則眠，睡熟便

寤，覽塵斯憶，失憶為忘，是其顛倒生住異滅，吸習中歸，不相踰越，稱意知根。兼意與勞，同是菩提瞪發勞相。因於生滅二種妄塵，集知居中，吸撮內塵，見聞逆流，流不及地，名覺知性。此覺知性，離彼寤寐生滅二塵，畢竟無體。如是阿難。當知如是覺知之根，非寤寐來，非生滅有，不於根出，亦非空生。何以故？若從寤來，寐即隨滅，將何為寐。必生時有，滅即同無，令誰受滅。若從滅有，生即滅無，誰知生者。若從根出，寤寐二相隨身開合，離斯二體，此覺知者，同於空華，畢竟無性。若從空生，自是空知，何關汝入。是故當知，意入虛妄。本非因緣，非自然性。

復次阿難。云何十二處，本如來藏妙真如性？

阿難。汝且觀此祇陀樹林，及諸泉池。於意云何？此等為是色生眼見，眼生色相。阿難。若復眼根，生色相者。見空非色，色性應銷。銷則顯發一切都無。色相既無，誰明空質。空亦口是。若復色塵，生眼見者，觀空非色，見即銷亡。亡則都無，誰明空色。是故當知見與色空，俱無處所。即色與

見，二處虛妄。本非因緣，非自然性。阿難。汝更聽此祇陀園中，食辦擊鼓，眾集撞鐘，鐘鼓音聲，前後相續。於意云何。此等為是聲來耳邊，耳往聲處。阿難。若復此聲，來於耳邊，如我乞食室羅筏城。在祇陀林，則無有我。此聲必來阿難耳處。目連迦葉，應不俱聞。何況其中一千二百五十沙門，一聞鐘聲。同來食處。若復汝耳，往彼聲邊。如我歸住祇陀林中。在室羅城，則無有我。汝聞鼓聲，其耳已往擊鼓之處，鐘聲齊出，應不俱聞。何況其中象馬牛羊，種種音響。若無來往，亦復無聞。是故當知聽與音聲，俱無處所，即聽與聲，二處虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。汝又嗅此鑪中栴檀，此香若復然於一鉢，室羅筏城四十里內，同時聞氣。於意云何。此香為復生栴檀木，生於汝鼻，為生於空。阿難。若復此香，生於汝鼻，稱鼻所生，當從鼻出。鼻非栴檀，云何鼻中有栴檀氣？稱汝聞香，當於鼻入。鼻中出香，說聞非義。若生於空，空性常恒，香應常在，何藉鑪中，爇此枯木。若生於木，則此香質，因爇成煙。若鼻得聞，合蒙煙氣。其煙

騰空，未及遙遠，四十里內，云何已聞。是故當知，香鼻與聞，俱無處所。即嗅與香，二處虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。汝常二時，眾中持鉢，其間或遇酥酪醍醐，名為上味。於意云何？此味為復生於空中，生於舌中，為生食中。阿難。若復此味，生於汝舌，在汝口中，祇有一舌，其舌爾時已成酥味，遇黑石蜜應不推移。若不變移，不名知味。若變移者，舌非多體，云何多味一舌之知。若生於食，食非有識，云何自知。又食自知，即同他食，何預於汝，名味之知。若生於空，汝噉虛空，當作何味。必其虛空若作鹹味，既鹹汝舌，亦鹹汝面，則此界人，同於海魚。既常受鹹，了不知淡。若不識淡，亦不覺鹹。必無所知，云何名味？是故當知，味舌與嘗，俱無處所。即嘗與味，二俱虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。汝常晨朝以手摩頭。於意云何？此摩所知，誰為能觸，能為在手，為復在頭。若在於手，頭則無知，云何成觸？若在於頭，手則無用，云何名觸。若各各有，則汝阿難，應有二身。若頭與手一觸所生，則

手與頭，當為一體。若一體者，觸則無成。若二體者，觸誰為在。在能非所，在所非能。不應虛空與汝成觸。是故當知，覺觸與身，俱無處所。即身與觸，二俱虛妄。本非因緣，非自然性。

阿難。汝常意中。所緣善惡無記三性，生成法則。此法為復即心所生，為當離心，別有方所。阿難。若即心者，法則非塵。非心所緣，云何成處。若離於心，別有方所，則法自性，為知非知。知則名心，異汝非塵，同他心量。即汝即心，云何汝心，更二於汝。若非知者，此塵既非色聲香味，離合冷煖，及虛空相，當於何在。今於色空，都無表示，不應人間，更有空外。心非所緣，處從誰立。是故當知，法則與心，俱無處所。則意與法，二俱虛妄。本非因緣，非自然性。

復次阿難。云何十八界，本如來藏妙真如性？

阿難。如汝所明，眼色為緣，生於眼識。此識為復因眼所生，以眼為界。因色所生，以色為界。阿難。若因眼生，既無色空，無可分別，縱有汝識，欲將何用。汝見

又非青黃赤白，無所表示，從何立界。若因色生，空無色時，汝識應滅，云何識知是虛空性？若色變時，汝亦識其色相遷變，汝識不遷，界從何立。從變則變，界相自無。不變則恒。既從色生，應不識知虛空所在。若兼二種，眼色共生，合則中離，離則兩合，體性雜亂，云何成界？是故當知眼色為緣，生眼識界，三處都無。則眼與色，及色界三，本非因緣，非自然性。

阿難。又汝所明，耳聲為緣，生於耳識。此識為復因耳所生，以耳為界。因聲所生，以聲為界。阿難。若因耳生，動靜二相，既不現前，根不成知。必無所知，知尚無成，識何形貌。若取耳聞，無動靜故，聞無所成。云何耳形，雜色觸塵，名為識界。則耳識界，復從誰立。若生於聲，識因聲有，則不關聞，無聞則亡聲相所在。識從聲生，許聲因聞而有聲相，聞應聞識，不聞非界。聞則同聲。識已被聞，誰知聞識。若無知者，終如草木。不應聲聞雜成中界。界無中位，則內外相，復從何成。是故當知，耳聲為緣，生耳識界，三處都無。則耳與聲，及聲界三，本非因緣，非自然性。

阿難。又汝所明，鼻香為緣，生於鼻識。此識為復因鼻所生，以鼻為界。因香所生，以香為界。阿難。若因鼻生，則汝心中，以何為鼻。為取肉形雙爪之相。為取嗅知動搖之性。若取肉形，肉質乃身，身知即觸，名身非鼻，名觸即塵。鼻尚無名，云何立界？若取嗅知，又汝心中以何為知。以肉為知，則肉之知，元觸非鼻。以空為知，空則自知，肉應非覺。如是則應虛空是汝，汝身非知。今日阿難，應無所在。以香為知，知自屬香，何預於汝。若香臭氣，必生汝鼻，則彼香臭二種流氣，不生伊蘭。及栴檀木。二物不來，汝自嗅鼻，為香為臭。臭則非香，香則非臭。若香臭二俱能聞者，則汝一人，應有兩鼻。對我問道，有二阿難，誰為汝體。若鼻是一，香臭無二，臭既為香，香復成臭。二性不有，界從誰立。若因香生，識因香有。如眼有見，不能觀眼。因香有故，應不知香。知即非生。不知非識。香非知有，香界不成。識不知香，因界則非從香建立。既無中間，不成內外。彼諸聞性，畢竟虛空。是故當知，鼻香為緣，生鼻識界，三處都無。則鼻與香，及香界三，本非因緣，非自然性。

阿難。又汝所明，舌味為緣，生於舌識。此識為復因舌所生，以舌為界。因味所生，以味為界。阿難。若因舌生，則諸世間甘蔗、烏梅、黃連、石鹽、細辛、薑、桂、都無有味。汝自嘗舌，為甜為苦。若舌性苦，誰來嘗舌。舌不自嘗，孰為知覺。舌性非苦，味自不生，云何立界。若因味生，識自為味，同於舌根，應不自嘗，云何識知是味非味？又一切味，非一物生。味既多生，識應多體。識體若一，體必味生。鹹淡甘辛，和合俱生，諸變異相，同為一味，應無分別。分別既無，則不名識，云何復名舌味識界。不應虛空，生汝心識。舌味和合，即於是中元無自性，云何界生？是故當知，舌味為緣，生舌識界，三處都無。則舌與味，及舌界三，本非因緣，非自然性。

阿難。又汝所明，身觸為緣，生於身識。此識為復因身所生，以身為界。因觸所生，以觸為界。阿難。若因身生，必無合離二覺觀緣，身何所識。若因觸生，必無汝身，誰有非身知合離者。阿難。物不觸知，身知有觸。知身即觸，知觸即身。即觸非身，即身非觸。身觸二相，元無處所。合身

即為身自體性。離身即是虛空等相。內外不成，中云何立。中不復立，內外性空則汝識生，從誰立界。是故當知，身觸為緣，生身識界，三處都無。則身與觸，及身界三，本非因緣，非自然性。

阿難。又汝所明，意法為緣，生於意識。此識為復因意所生，以意為界，因法所生，以法為界。阿難。若因意生，於汝意中，必有所思，發明汝意。若無前法，意無所生。離緣無形，識將何用，又汝識心，與諸思量，兼了別性，為同為異。同意即意，云何所生。異意不同，應無所識。若無所識，云何意生。若有所識，云何識意。唯同與異，二性無成，界云何立。若因法生世間諸法，不離五塵。汝觀色法，及諸聲法，香法味法，及與觸法，相狀分明，以對五根，非意所攝，汝識決定依於法生。今汝諦觀，法法何狀若離色空，動靜通塞，合離生滅，越此諸相，終無所得。生則色空諸法等生。滅則色空諸法等滅。所因既無，因生有識，作何形相。相狀不有，界云何生？是故當知，意法為緣，生意識界，三處都無。則意與法，及意界三，本非因緣，非自然性。

阿難白佛言：世尊。如來常說和合因緣，一切世間種種變化，皆因四大和合發明。云何如來，因緣略然，二俱排擯。我今不知，斯義所屬。惟垂哀愍，開示眾生，中道了義，無戲論法。

爾時世尊，告阿難言：汝先厭離聲聞緣覺諸小乘法，發心勤求無上菩提。故我今時，為汝開示第一義諦。如何復將世間戲論，妄想因緣，而自纏繞。汝雖多聞，如說藥人，真藥現前，不能分別。如來說為真可憐愍。汝今諦聽，吾當為汝，分別開示。亦令當來修大乘者，通達實相。阿難默然，承佛聖旨。

阿難。如汝所言四大和合，發明世間種種變化。阿難。若彼大性，體非和合，則不能與諸大雜和。猶如虛空，不和諸色。若和合者，同於變化。始終相成，生滅相續。生死死生，生生死死，如旋火輪，未有休息。阿難。如水成冰，冰還成水。汝觀地，麤為大地，細為微塵。至鄰虛塵，析彼極微色邊際相，七分所成。更析鄰虛，即實空性。阿難。若此鄰虛，析成虛空，當知虛空，出生色相。汝今問言，由和合故，出生世間諸變

化相。汝且觀此一鄰虛塵，用幾虛空，和合而有。不應鄰虛，合成鄰虛。又鄰虛塵，析入空者，用幾色相，合成虛空。若色合時，合色非空。若空合時，合空非色。色猶可析，空云何合。汝元不知如來藏中，性色真空，性空真色，清淨本然，周遍法界。隨眾生心，應所知量，循業發現。世間無知，惑為因緣，及自然性皆是識心，分別計度。但有言說。都無實義。

阿難。火性無我，寄於諸緣。汝觀城中未食之家，欲炊爨時，手執陽燧。日前求火。阿難。名和合者，如我與汝，一千二百五十比丘，今為一眾。眾雖為一，詰其根本，各各有身，皆有所生氏族名字如舍利弗，婆羅門種。優樓頻螺，迦葉波種。乃至阿難，瞿曇種姓。阿難。若此火性，因和合有。彼手執鏡於日求火。此火為從鏡中而出，為從艾出，為於日來。阿難。若日來者，自能燒汝手中之艾，來處林木，皆應受焚。若鏡中出，自能於鏡，出然於艾。鏡何不鎔。紆汝手執，尚無熱相，云何融泮。若生於艾，何藉日鏡光明相接，然後火生。汝又諦觀，鏡因手執，日從天來，艾本地

生，火從何方遊歷於此。日鏡相遠，非和非合，不應火光，無從自有。汝猶不知如來藏中，性火真空，性空真火，清淨本然，周遍法界，隨眾生心，應所知量。阿難。當知世人，一處執鏡，一處火生。遍法界執，滿世間起。起遍世間，寧有方所，循業發現。世間無知，惑為因緣，及自然性。皆是識心，分別計度。但有言說，都無實義。

阿難。水性不定，流息無恒。如室羅城，迦毗羅仙，斫迦羅仙，及砮頭摩，訶薩多等，諸大幻師，求太陰精用和幻藥。是諸師等，於白月晝，手執方諸，承月中水，此水為復從珠中出，空中自有，為從月來。阿難。若從月來，尚能遠方令珠出水，所經林木，皆應吐流。流則何待方諸所出。不流，明水非從月降。若從珠出，則此珠中，常應流水，何待中宵承白月晝。若從空生，空性無邊，水當無際，從人洎天，皆同滔溺。云何復有水陸空行？汝更諦觀，月從天陟。珠因手持，承珠水盤，本人敷設，水從何方，流注於此。月珠相遠，非和非合，不應水精，無從自有。汝尚不知，如來藏中，性水真空，性空真水，清淨本然，周遍法界。隨

眾生心，應所知量。一處執珠，一處水出。遍法界執，滿法界生。生滿世間，寧有方所，循業發現。世間無知，惑為因緣，及自然性。皆是識心，分別計度。但有言說，都無實義。

阿難。風性無體，動靜不常。汝常整衣入於大眾，僧伽梨角動及傍人，則有微風拂彼人面。此風為復出袈裟角，發於虛空，生彼人面。阿難。此風若復出袈裟角，汝乃披風，其衣飛搖，應離汝體。我今說法會中垂衣。汝看我衣，風何所在，不應衣中，有藏風地。若生虛空，汝衣不動，何因無拂。空性常住，風應常生。若無風時，虛空當滅。滅風可見，滅空何狀。若有生滅，不名虛空。名為虛空，云何風出。若風自生被拂之面，從彼面生，當應拂汝。自汝整衣，云何倒拂。汝審諦觀，整衣在汝，面屬彼人，虛空寂然，不曾流動，風自誰方鼓動來此。風空性隔，非和非合，不應風性，無從自有。汝宛不知如來藏中，性風真空，性空真風，清淨本然，周遍法界隨眾生心，應所知量。阿難。如汝一人微動服衣，有微風出。遍法界拂，滿國土生周遍世間，寧有方所，循業

發現。世間無知，惑為因緣，及自然性。皆是識心，分別計度。但有言說，都無實義。

阿難。空性無形，因色顯發。如室羅城，去河遙處，諸刹利種，及婆羅門，毗舍，首陀，兼頗羅墮，旃陀羅等，新立安居，鑿井求水。出土一尺，於中則有一尺虛空。如是乃至出土一丈，中間還得一丈虛空。虛空淺深，隨出多少，此空為當因土所出，因鑿所有，無因自生。阿難。若復此空，無因自生，未鑿土前，何不無礙，唯見大地迴無通達。若因土出，則土出時，應見空入。若土先出無空入者，云何虛空因土而出。若無出入，則應空土元無異因。無異則同，則土出時，空何不出。若因鑿出，則鑿出空，應非出土。不因鑿出，鑿自出土，云何見空。汝更審諦，諦審諦觀，鑿從人手，隨方運轉，土因地移，如是虛空，因何所出。鑿空虛實，不相為用，非和非合，不應虛空，無從自出。若此虛空，性圓周遍，本不動搖。當知現前地水火風，均名五大。性真圓融，皆如來藏，本無生滅。阿難。汝心昏迷，不悟四大元如來藏。當觀虛空，為出為入，為非出入。汝全不知如來藏中，性覺

真空，性空真覺，清淨本然，周遍法界。隨眾生心，應所知量。阿難。如一井空，空生一井。十方虛空，亦復如是。圓滿十方，寧有方所，循業發現。世間無知，惑為因緣及自然性。皆是識心，分別計度，但有言說，都無實義。

阿難。見覺無知，因色空有。如汝今者在祇陀林，朝明夕昏。設居中宵，白月則光黑月便暗。則明暗等，因見分析。此見為復與明暗相，并太虛空，為同一體。為非一體。或同非同，或異非異。阿難此見若復與明與暗，及與虛空，元一體者。則明與暗，二體相亡。暗時無明，明時無暗。若與暗一，明則見亡。必一於明，暗時當滅。滅則云何，見明見暗？若明暗殊，見無生滅，一云何成？若此見精，與暗與明，非一體者。汝離明暗，及與虛空，分析見元，作何形相。離明離暗，及離虛空，是見元同，龜毛兔角。明暗虛空，三事俱異，從何立見明暗相背，云何或同？離三元無，云何或異？分空分見，本無邊畔，云何非同？見暗見明，性非遷改，云何非異？汝更細審微細審詳，審諦審觀，明從太陽，暗隨黑月，通屬虛

空，墜歸大地，如是見精，因何所出？見覺空頑，非和非合，不應見精，無從自出。若見聞知，性圓周遍，本不動搖。當知無邊不動虛空，并其動搖地水火風，均名六大。性真圓融，皆如來藏，本無生滅。阿難。汝性沉淪，不悟汝之見聞覺知，本如來藏。汝當觀此見聞覺知，為生為滅，為同為異。為非生滅，為非同異。汝曾不知如來藏中，性見覺明，覺精明見，清淨本然，周遍法界。隨眾生心，應所知量。如一見根，見周法界。聽嗅嘗觸覺觸覺知，妙德瑩然，遍周法界。圓滿十虛。寧有方所，循業發現。世間無知，惑為因緣，及自然性。皆是識心，分別計度。但有言說，都無實義。

阿難。識性無源，因於六種根塵妄出。汝今遍觀此會聖眾，用目循歷。其目周視，但如鏡中，無別分析。汝識於中次第標指，此是文殊，此富樓那，此目犍連，此須菩提，此舍利弗，此識了知，為生於見，為生於相，為生虛空，為無所因，突然而出。阿難。若汝識性，生於見中，如無明暗及與色空，四種必無，元無汝見，見性尚無，從何發識。若汝識性，生於相中，不從見生，

既不見明，亦不見暗，明暗不矚，即無色空，彼相尚無，識從何發。若生於空，非相非見，非見無辨，自不能知，明暗色空，非相滅緣，見聞覺知，無處安立。處此二非，空則同無，有非同物。縱發汝識，欲何分別。若無所因，突然而出，何不日中，別識明月。汝更細詳，微細詳審，見託汝睛，相推前境，可狀成有，不相成無，如是識緣，因何所出。識動見澄，非和非合。聞聽覺知，亦復如是，不應識緣，無從自出。若此識心，本無所從。當知了別見聞覺知，圓滿湛然，性非從所。兼彼虛空地水火風，均名七大。性真圓融，皆如來藏，本無生滅。阿難。汝心麤浮，不悟見聞，發明了知，本如來藏。汝應觀此六處識心，為同為異，為空為有，為非同異，為非空有。汝元不知，如來藏中，性識明知，覺明真識，妙覺湛然，遍周法界。含吐十虛，寧有方所，循業發現。世間無知，惑為因緣，及自然性，皆是識心，分別計度，但有言說，都無實義。

爾時阿難，及諸大眾，蒙佛如來，微妙開示，身心蕩然，得無罣礙。是諸大眾，各各自知，心遍十方。見十方空，如觀手中所

持葉物。一切世間諸所有物，皆即菩提妙明元心。心精遍圓，含裹十方。反觀父母，所生之身，猶彼十方，虛空之中，吹一微塵，若存若亡。如湛巨海，流一浮漚，起滅無從。了然自知，獲本妙心，常住不滅。禮佛合掌，得未曾有。於如來前，說偈讚佛。偈讚發願

妙湛總持不動尊。
 銷我億劫顛倒想。
 願今得果成寶王。
 將此深心奉塵刹。
 伏請世尊為證明。
 如一眾生未成佛。
 十雄大力大慈悲。
 令我早登無上覺。
 舜若多性可銷亡。

首楞嚴王世希有。
 不歷僧祇獲法身。
 還度如是恒沙眾。
 是則名為報佛恩。
 五濁惡世誓先入。
 終不於此取泥洹。
 希更審除微細惑。
 於十方界坐道場。
 爍迦羅心無動轉。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 3

明心真妄

MINH TÂM CHÂN VỌNG



Lại nữa này, A Nan! Sao nói Lục Nhập (Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) vốn là Như Lai Tạng? - Ví như dùng mắt ngó hẳn một chỗ, lâu tự mỗi mệt, cả con mắt và cái mỗi mệt đó, đều là tướng ngó lâu mỗi mệt của tánh BỒ ĐỀ. Do hai thứ vọng trần Sáng và Tối hiện ra cái thấy, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh thấy; cái thấy này là Sáng và Tối vốn chẳng có tự thể.

LỤC NHẬP VỐN VÔ SANH

- Này A Nan! Tánh thấy này chẳng từ sáng, tối ra, chẳng từ con mắt ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ sáng ra, thì khi tối, Tánh thấy đã theo sáng diệt, lẽ ra chẳng thể thấy tối; nếu từ chỗ tối ra, thì khi sáng, Tánh thấy phải theo tối diệt, lẽ ra chẳng thể thấy sáng. Nếu từ con mắt ra thì chẳng có sáng tối, vậy biết Tánh thấy vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì nhìn ra ngoài thấy cảnh trần, xoay về phải thấy con mắt; lại, hư không tự thấy có liên quan gì chỗ nhập của người? Vậy biết Nhãn Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- Này A Nan! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt

hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng; cả hai tai cùng cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Động và Tĩnh hiện ra cái nghe; thu nạp cảnh trần, gọi là tánh nghe; tánh nghe này là Động và Tĩnh, vốn chẳng có tự thể.

A Nan nên biết! Cái nghe này chẳng từ động tịnh ra, chẳng từ tai ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu cái nghe từ chỗ tịnh ra, thì khi động, cái nghe đã theo tịnh diệt, lẽ ra chẳng thể nghe động; nếu từ chỗ động ra, thì khi tịnh, cái nghe đã theo động diệt, lẽ ra chẳng biết được tịnh. Nếu từ lỗ tai ra thì chẳng có động tịnh, vậy biết cái nghe vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, hư không đã thành tánh nghe thì chẳng phải hư không; lại hư không tự nghe, có liên quan gì chỗ nhập của người? Vậy biết Nhĩ Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- Nay A Nan! Ví như có người hít mạnh hai lỗ mũi, hít lâu mỗi một, thì trong lỗ mũi có xúc giác thấy mát. Do xúc giác phân biệt thông, nghẽn, hư, thật, cho đến các mùi thơm thối, cùng lỗ mũi và cái hít lâu mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Thông và Nghẽn, hiện ra cái người, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh người! Cái người này là thông và nghẽn vốn chẳng có tự thể. Nên biết Tỷ Nhập hư vọng vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- Nay A Nan ! Ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm

mãi mỗi mệ, người có bệnh thấy có vị đắng, người chẳng bệnh thấy có chút vị ngọt, do vị giác thấy ngọt và đắng, tỏ rõ cái lưỡi lúc chưa phát dụng vốn chẳng có vị giác. Cả cái lưỡi cùng cái mỗi mệ đó, đều là tướng ngộ lâu mỗi mệ của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Ngọt và Đắng, hiện ra vị giác, thu nạp cảnh trần gọi là tánh nếm; tánh nếm này lia ngọt và đắng vốn chẳng có tự thể.

Nên biết Thiệt Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- Nay A Nan! Ví như có người dùng bàn tay lạnh tiếp xúc với bàn tay nóng, nếu bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng cũng thành lạnh theo; và ngược lại, cái xúc giác của hai tay hợp lại là nhờ khi hai tay rời ra mới được biết rõ. Do hai thứ vọng trần Ly và Hợp, hiện ra xúc giác, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh xúc giác; tánh xúc giác này lia sự ly, hợp, thuận, nghịch vốn chẳng có tự thể.

A Nan nên biết! Xúc giác này chẳng từ ly hợp ra, chẳng từ thuận nghịch ra, chẳng từ thân thể ra, cũng chẳng từ hư không ra. Nên biết Thân Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- Nay A Nan! Ví như có người ngủ đã bèn thức, gặp cảnh thì nhớ, không nhớ thì quên, như cảnh mộng giả dối cho là chơn thật, ấy là điên đảo... Như hai thứ vọng trần Sanh và Diệt, vọng khởi pháp trần bên trong, thành cái biết của ý căn. Ý căn như dòng nước, sự trước mắt nhờ tai mắt thấy nghe tiền trần bên ngoài là thuận lưu; sự tưởng nhớ

chẳng nhò tai mắt được thấy nghe pháp trần bên trong là nghịch lưu, khi chảy ngược vào, chỗ tai mắt chẳng thể đến chỉ có ý căn mới biết, gọi là tánh hay biết của ý căn; tánh hay biết này lia thức, ngủ, sanh, diệt, vốn chẳng có tự thể.

A Nan nên biết! Cái hay biết của ý căn chẳng từ thức ngủ ra, chẳng từ sanh diệt ra, chẳng từ ý căn ra, cũng chẳng từ hư không ra... Nên biết, Ý Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

THẬP NHỊ XỨ VỐN VÔ SANH

- Lại nữa A Nan! Sao nói Thập Nhị Xứ (*Lục căn với Lục trần*) vốn vô sanh là biểu hiện từ Như Lai Tạng?

- A Nan! Ngươi hãy xem rừng cây và các suối ao trong vườn Kỳ Đà này, ý ngươi thế nào? Ấy là sắc trần sanh ra nhãn căn (*Nhãn căn với sắc trần*), hay nhãn căn sanh ra sắc tướng?

Nếu nhãn căn sanh ra sắc tướng, vậy khi nhìn hư không chẳng phải sắc tướng, thì tánh sắc phải mất; hễ mất thì tất cả chẳng có, sắc tướng chẳng có thì làm sao rõ được tánh không? Sự không cũng như thế. Lại, nếu sắc trần sanh ra nhãn căn, thì khi nhìn hư không chẳng phải sắc, nhãn căn liền mất, nhãn căn đã mất thì lấy gì để phân biệt Sắc và Không. Nên biết sự thấy và sắc không đều chẳng xứ sở, tức sắc trần và sự thấy, hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- A Nan ! Ngươi lại nghe trong vườn Kỳ Đà này, khi đến bữa ăn thì đánh trống, khi hợp chúng thì đánh chuông, tiếng

chuông tiếng trống trước sau nối nhau. Ý người thế nào? Ấy là cái tiếng đến bên nhĩ căn (*Nhĩ căn với thanh trần*), hay nhĩ căn đến chỗ cái tiếng?

Nếu cái tiếng đến bên nhĩ căn, thì cái tiếng chuông ắt phải đến chỗ nhĩ căn của A Nan, thì Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp đều chẳng thể cùng nghe, huống là trong này có 1250 vị Sa Môn, đồng nghe tiếng chuông cùng đến trai đường. Nếu nhĩ căn của người đến bên cái tiếng, vậy khi người nghe tiếng trống, nhĩ căn đã đến chỗ đánh trống rồi, khi ấy tiếng chuông đồng phát ra, thì chẳng thể cùng nghe một lượt, huống là các tiếng voi, ngựa, trâu, dê... Nếu nhĩ căn và cái tiếng chẳng khừ lai thì cũng chẳng thể nghe. Vì vậy, sự nghe và âm thanh đều chẳng xứ sở, đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- A Nan! Người hãy nghĩ mùi hương chiên đàn trong lư này, hương này nếu đốt đến một thù (độ một chỉ), thì thành Thất La Phiệt trong 40 dặm, đồng thời người được mùi hương. Ý người thế nào? Mùi hương này từ cây chiên đàn ra, từ tỷ căn ra (Tỷ căn với hương trần), hay từ hư không ra?

Nếu mùi hương này từ tỷ căn của người ra thì tỷ căn chẳng phải chiên đàn, tại sao trong tỷ căn lại có mùi hương chiên đàn, mà gọi là người người được mùi hương? Lại trong tỷ căn phát ra mùi hương, mà nói là người được thì chẳng đúng nghĩa ...

Nên biết mùi hương và cái người đều chẳng xứ sở, tức cái người và mùi hương hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải

tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- A Nan! Người thường hai thời ở trong chúng ôm bình bát khát thực, đôi lúc gặp những món tô, lạc, đề hồ, gọi là vị ngon, ý người thế nào? Mùi vị từ hư không ra, từ thiệt căn ra (Thiệt căn với Vị trần), hay từ đồ ăn ra?

Nếu mùi vị này từ thiệt căn của người ra, thì trong miệng người chỉ có một thiệt căn, thiệt căn bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra vị tổ chẳng dời đổi; nếu chẳng dời đổi thì chẳng được nói là biết mùi vị, còn nếu dời đổi thì thiệt căn chẳng phải nhiều thể, làm sao một thiệt còn lại biết được nhiều mùi vị?... Nên biết, mùi vị và sự nếm đều chẳng có xứ sở, tức nếm và mùi vị hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- A Nan ! Thân căn với Xúc trần vốn vô sanh. Người thường buổi sáng lấy tay xoa đầu, ý người thế nào? Cái xúc giác khi xoa đầu này từ đâu mà ra? Từ nơi tay hay từ nơi đầu?

Nếu từ nơi tay thì cái đầu chẳng biết, làm sao thành có xúc giác? Nếu từ nơi đầu mà chẳng dùng tay thì làm sao gọi là xúc giác được? Nếu cả hai mỗi mỗi tự có xúc giác, thì một mình người phải có hai thân... Nên biết, xúc giác và thân căn đều chẳng xứ sở, tức cái thân và xúc giác hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

- A Nan! Người thường dùng ý thức duyên theo ba tánh thiện, ác và vô ký, sanh khởi pháp trần. Vậy pháp trần này từ nơi tâm ra, hay lìa tâm riêng có nơi chốn xứ sở?

Nếu từ tâm ra thì pháp trần chẳng phải cảnh trần, chẳng phải là cái sở duyên của tâm, làm sao thành xứ được? Nếu lìa tâm riêng có phương sở, thì tự tánh của pháp trần là biết hay chẳng biết? Biết tức gọi là tâm, tâm này lìa tâm người thì chẳng phải pháp trần của người biết, đồng như tâm của người khác, nếu lìa tâm người lại còn có tâm biết, thì tâm người thành hai sao? Nếu chẳng biết thì pháp trần này đã chẳng phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì phải ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không đều chẳng thể nêu ra, chẳng lẽ trong thế gian lại có cái ở ngoài hư không ư? Lại tâm chẳng phải sở duyên thì xứ từ đâu mà an lập?

Nên biết, pháp trần và tâm đều chẳng có xứ sở, tức ý căn và pháp trần hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

THẬP BÁT GIỚI VỐN VÔ SANH

Lại nữa A Nan! Sao nói Thập Bát Giới (Sáu căn, sáu trần và sáu thức) vốn vốn vô sanh là biểu hiện từ Như Lai Tạng, cũng là Tánh Chơn Như?

1 - A Nan! Như người đã rõ, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh ra nhãn thức. Vậy thức này là từ nhãn căn ra, lấy nhãn căn làm giới; hay từ sắc trần ra, lấy sắc trần làm giới?

- A Nan, nếu từ nhãn căn ra mà chẳng có Sắc Không thì chẳng thể phân biệt, dẫn cho có cái thức của người cũng chẳng dùng được. Sự thấy của người chẳng phải xanh, vàng,

đỏ, trắng, chẳng thể nêu ra, vậy từ đâu để lập giới?

- Nếu từ sắc trần ra, hư không chẳng phải sắc trần thì thức người phải diệt, sao được biết tánh hư không? Nếu lúc sắc trần biến đổi, thức người cũng biết sắc trần biến đổi, mà thức người chẳng biến, vậy giới từ đâu mà an lập? Theo sự biến đổi là biến đổi, giới tướng vốn chẳng có, chẳng biến đổi thì thường còn, thức đã từ sắc trần ra, lẽ ra chẳng biết được chỗ hư không?

- Nếu do căn trần cộng sanh cái giới ở giữa, khi căn trần hợp lại thì chẳng thể lập giới, tức là lìa trung; khi lìa căn thì phải hợp trần, lìa trần thì phải hợp căn, vậy thể tánh lẫn lộn, làm sao thành giới?

Nên biết, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh nhãn thức giới, ba chỗ đều không tức nhãn căn, sắc trần và nhãn thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên .

2 - A Nan! Như người đã rõ, nhĩ căn, thanh trần làm duyên với nhau, sanh ra nhĩ thức. Vậy thức này từ nhĩ căn ra, lấy nhĩ căn làm giới; hay từ thanh trần ra, lấy thanh trần làm giới?

A Nan! Nếu từ nhĩ căn ra, mà chẳng có hai tướng động tịnh thì chẳng thành cái biết của nhĩ căn, tức chẳng có biết, biết còn chẳng có, vậy cái thức là hình tướng gì?

- Nếu do lỗ tai nghe thì lúc chẳng có động tịnh, cái nghe chẳng thành, chỉ có hình tướng của lỗ tai, cũng như sắc trần tiếp xúc với thanh trần, cả hai đều chẳng có thức để phân

biệt thì nhĩ thức giới từ đâu mà lập?

- Nếu từ thanh trần ra, nhĩ thức do thanh trần mà có, thì chẳng liên quan đến cái nghe, chẳng nghe thì cũng chẳng biết tướng thanh trần ở đâu. Lại, nếu nhĩ thức từ thanh trần ra đầu cho thanh trần do cái nghe mà có tướng, thì cái nghe phải nghe được nhĩ thức, nếu chẳng nghe được thì chẳng phải là giới, nếu nghe được thì thức cũng đồng thanh trần, và thức đã là sở nghe thì ai biết nghe cái thức? Còn nếu chẳng biết thì đồng như cỏ cây. Chẳng lẽ thanh trần và cái nghe lẫn lộn, thành giới ở giữa? Giới chính giữa đã chẳng có, tướng trong ngoài từ đâu mà lập ?

- Nên biết, nhĩ căn, thanh trần làm duyên với nhau, sanh nhĩ thức giới, ba chỗ đều không, tức nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên .

3 - A Nan, như người đã rõ, tỷ căn, hương trần làm duyên với nhau, sanh ra tỷ thức. Vậy thức này từ tỷ căn ra, lấy tỷ căn làm giới; hay từ hương trần ra, lấy hương trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ tỷ căn ra, thì trong tâm người lấy gì làm tỷ căn? Lấy cái mũi bằng thịt hay lấy tánh người biết?

- Nếu lấy cái mũi bằng thịt này thì chất thịt thuộc thân căn, thân biết tức là xúc giác, gọi là thân thì chẳng phải tỷ căn; gọi là xúc giác tức là ngoại trần, vậy tỷ căn còn chẳng có tên gọi, làm sao lập giới?

- Nếu lấy tánh người biết làm tỷ căn, thì trong tâm người

lấy gì làm cái có người biết? Nếu lấy lỗ mũi này, thì cái biết của da thịt là xúc trần chứ chẳng phải tỷ căn; nếu lấy hư không làm tánh người biết, thì hư không tự biết, còn da thịt lẽ ra chẳng biết, thế thì hư không là người, thân người chẳng có biết thì hiện nay người cũng chẳng còn ở đây nữa.

- Nếu lấy hương trần làm tánh người biết, thì cái biết thuộc về hương trần, có liên quan gì đến người?

Nếu các mùi thơm thối ắt phải từ tỷ căn ra, thì mùi thơm, thối chẳng từ cây y lan và cây chiên đàn ra, khi hai mùi đó chẳng đến, người tự người tỷ căn xem là thơm hay thối? Thối thì chẳng thơm, thơm thì chẳng thối, nếu cả hai đều người được, thì một mình người phải có hai tỷ căn, và nay hỏi đạo với ta phải có hai A Nan, vậy ai là thể của người? Còn nếu tỷ căn là một, thơm thối không hai, thì thối đã thành thơm, thơm phải thành thối, hai tánh đã chẳng có giới từ đâu lập?

- Lại như con mắt có thấy mà chẳng tự thấy mắt. Cũng vậy, nếu thức do hương trần ra, thì đáng lẽ chẳng biết được hương trần. Nếu biết được thì chẳng phải do hương trần ra; nếu chẳng biết thì lại chẳng phải là tỷ thức.

- Hương trần chẳng phải nhờ người biết mới có thì cái giới của hương trần chẳng thành, thức chẳng biết hương trần thì giới chẳng thể do hương trần mà lập, đã chẳng có giới chính giữa thì chẳng thành trong ngoài, và tất cả những gì người được đều là hư vọng.

Nên biết, tỷ căn, hương trần làm duyên với nhau, sanh

tỷ thức giới, ba chỗ đều không, tức tỷ căn, hương trần, tỷ thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên .

4 - A Nan! Như người đã rõ, thiệt căn, vị trần làm duyên với nhau, sanh ra thiệt thức, vậy thức này từ thiệt căn ra, lấy thiệt căn làm giới; hay từ vị trần ra, lấy vị trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ thiệt căn ra, thì các thứ trên thế gian như mía ngọt, mơ chua, hoàng liên đắng, muối mặn, tế tân, gừng, quế thì cay, tất cả đều chẳng mùi vị, người tự nếm lưỡi là ngọt hay đắng? Nếu tánh của thiệt căn là đắng thì ai biết nếm thiệt căn? Thiệt căn chẳng tự nếm thì lấy gì để biết? Tánh của thiệt căn chẳng phải đắng, vị trần cũng chẳng tự ra, làm sao lập giới ?

- Nếu từ vị trần ra, thức đã là mùi vị thì cũng đồng như thiệt căn, chẳng thể tự nếm, làm sao biết được là mùi vị hay chẳng phải mùi vị? Lại các mùi vị chẳng từ một vật mà ra, mùi vị đã do nhiều thứ sanh ra, thì thức cũng phải có nhiều thể. Thể của thức nếu một, ắt phải do một vị trần sanh ra, thì khi các vị mặn, ngọt, chua, cay hòa hợp cùng sanh, các tướng khác nhau biến đổi thành một mùi vị thì chẳng thể phân biệt; phân biệt đã không thì chẳng gọi là thức, làm sao còn gọi là thiệt thức giới? Chẳng lẽ hư không lại sanh ra cái thức của người? Nếu thiệt căn và vị trần hòa hợp mà sanh, nơi giữa vốn chẳng có tự tánh thì giới từ đâu mà lập?

Nên biết, thiệt căn, vị trần làm duyên với nhau, sanh thiệt thức giới, ba chỗ đều không, tức thiệt căn, vị trần, thiệt

thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5 - A Nan, như người đã rõ, thân căn, xúc trần làm duyên với nhau, sanh ra thân thức. Vậy thức này từ thân căn ra, lấy thân căn làm giới; hay từ xúc trần ra, lấy xúc trần làm giới? Nếu từ thân căn ra, ắt chẳng có hai duyên ly và hợp, chẳng có ly hợp thì thân căn làm sao biết được? Nếu từ xúc trần ra, ắt chẳng phải thân căn của người, vậy có ai chẳng có thân mà biết ly và hợp ư?

- A Nan! Nếu vật chẳng xúc giác, thân biết có xúc, biết thân tức là xúc, biết xúc tức là thân, tức xúc chẳng phải thân, tức thân chẳng phải xúc, hai tướng thân căn và xúc trần vốn chẳng xứ sở, hợp thân tức là tự thể của thân, lia thân tức như tướng hư không, trong và ngoài chẳng thành thì chính giữa từ đâu lập? Giữa chẳng thể lập thì trong ngoài tánh không, vậy thức người từ đâu mà lập?

Nên biết thân căn, xúc trần làm duyên với nhau, sanh thân thức giới, ba chỗ đều không, tức thân căn, xúc trần và thân thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6 - A Nan! Như người đã rõ, ý căn, pháp trần làm duyên với nhau, sanh ra ý thức. Vậy thức này từ ý căn ra, lấy ý căn làm giới; hay từ pháp trần ra, lấy pháp trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ ý căn ra, thì trong ý người ắt phải có suy tư mới phát minh được ý người; nếu chẳng suy tư thì ý chẳng thể sanh, lia duyên thì chẳng có hình tướng, vậy thức

dùng để làm gì? Thức của người với sự suy tư và tánh hiểu biết là đồng hay khác? Nếu đồng với ý tức là ý căn, sao nói từ ý căn ra? Nếu khác với ý thì chẳng phải ý căn, chẳng phải ý căn thì không có năng biết, năng không ắt sở cũng không, nếu không có sở biết thì sao nói từ ý căn ra? Nếu có sở biết thì làm sao biết ý căn? Vậy hai tánh đồng và dị đã chẳng có thì giới từ đâu lập?

- Nếu từ pháp trần ra, thì các pháp trong thế gian chẳng ngoài ngũ trần, người hãy xét xem, các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc đều có tướng rõ ràng để đối với ngũ căn, chẳng thuộc phạm vi của ý căn, nếu thức người nhất định từ pháp trần ra, thì người hãy xét kỹ hình tướng của mỗi pháp như thế nào? Nếu là sắc, không, thông, nghẽn, ly, hợp và sanh, diệt, ngoài các tướng này chẳng có sở đắc, sanh thì các pháp sắc, không cùng sanh, diệt thì các pháp sắc, không cùng diệt, vậy cái nhân sanh ra đã không, làm sao có thức? Thức đã chẳng có, giới từ đâu lập?

Nên biết ý căn, pháp trần làm duyên với nhau sanh ra ý thức giới, ba chỗ đều không, tức ý căn, pháp trần, ý thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên...

- Này A Nan! Nếu thể tánh của Tứ đại chẳng phải hòa hợp thì chẳng thể lẫn lộn nhau, cũng như hư không, chẳng thể hòa hợp với các sắc tướng; nếu là hòa hợp thì đồng như biến hóa, đầu đuôi duyên nhau, sanh diệt tương tục, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay

tròn. A Nan, cũng như nước thành băng, băng lại thành nước, chẳng hề ngừng nghỉ.

THẤT ĐẠI VỐN VÔ SANH

1- Này A Nan, Ông xem xét cái tánh Địa, thô là đại địa, tế là vi trần, cho đến Lân Hư Trần là sắc tướng nhỏ tột, nếu phân tách nữa thì thành tánh hư không.

- A Nan, nếu cái lân hư trần đó tách được thành hư không, thì hư không cũng sanh được sắc tướng. Nay người hỏi rằng, do hòa hợp mà sanh các tướng biến hóa trên thế gian, thì người hãy xét, cái lân hư trần này phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có? Chẳng lẽ lân hư trần hợp thành lân hư trần? Lại lân hư trần đã tách thành hư không, thì dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới được thành hư không? Nếu lúc hợp sắc, sắc chẳng phải hư không, nếu lúc hợp không, hư không chẳng phải là sắc, sắc còn có thể tách ra được, chứ hư không làm sao mà hợp?

- Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng (Tự tánh), tánh Sắc chơn Không (thể tánh của Sắc chẳng phải thật, tức là Chơn Không), tánh Không chơn Sắc (thể tánh của Không chẳng phải thật, tức là Chơn Sắc), tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian chẳng biết những hiện tượng đó chỉ là mở mắt chiêm bao, lại mê lầm cho là nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải thật nghĩa.

2 - A Nan! Tánh Hỏa chẳng có tự thể, nhờ các trợ duyên

mà phát sanh. Người xem các nhà, khi muốn nhúm lửa nấu cơm thì cầm tấm kiếng đưa dưới ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

- A Nan! Nếu lửa từ mặt trời ra, đốt được bụi nhụi trong tay người ấy, thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời chiếu qua, lẽ ra đều bị đốt cả. Nếu từ trong kiếng ra, có thể đốt cháy bụi nhụi, sao cái kiếng lại không chảy? Cả cái tay người cầm kiếng còn chẳng thấy nóng thì làm sao kiếng lại chảy được? Nếu do bụi nhụi ra thì cần gì ánh sáng mặt trời với kiếng tiếp xúc nhau rồi mới có lửa?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh hỏa chơn không, tánh không chơn hỏa, tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu...

3 - A Nan! Tánh Thủy chẳng định, ngưng và chảy không chừng. Như trong thành Thất La Phiệt, các ông Ca Tỳ La, Chước Ca La và các nhà đại huyễn thuật Bát Đầu Ma Ha Tát Đa, khi muốn cầu Thái Âm Tinh để hòa các thuốc huyễn thuật, thì các ông ấy ở giữa đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu, hứng nước dưới ánh trăng. Vậy nước này từ hạt châu ra, từ hư không ra, hay từ mặt trăng ra?...

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh thủy chơn không, tánh không chơn thủy, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Hễ nơi này cầm hạt châu thì nơi này chảy nước; khắp pháp giới cầm hạt châu

thì khắp pháp giới chảy nước. Tánh thủy cùng khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện...

4 - A Nan! Tánh Phong chẳng có tự thể, động tịnh không chừng. Người thường ở nơi chúng mà sửa áo, chèo áo Tăng Già Lê chạm đến người bên cạnh thì có chút gió phất qua mặt người kia, vậy gió này từ chèo áo Cà Sa ra, từ hư không ra, hay từ mặt người kia ra?...

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh phong chơn không, tánh không chơn phong, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy, biến hiện các cảnh giới hiện hữu. A Nan, như một mình người hơi động cái áo thì có chút gió ra, khắp pháp giới đều phất thì khắp pháp giới đều ra gió, tánh phong đầy khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện ...

5 - A Nan! Tánh Không vô hình, nhờ sắc tướng mới được hiển bày. Như trong thành Thất La Phiệt, chỗ cách xa sông, những dòng Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Phệ Xá, Thủ Đà La v.v... khi dựng nhà xong, đào giếng lấy nước, đào ra một thước đất thì có một thước hư không; như vậy cho đến đào ra một trượng đất thì lại được một trượng hư không, hư không sâu hay cạn là tùy theo đất đào ra được nhiều hay ít. Vậy hư không này từ đào đất ra, do đào mà có, hay vô nhân tự sanh?... Tánh hư không cùng khắp, vốn chẳng lay động. Nên biết hiện tiền địa, thủy, hỏa, phong và hư không gọi là Ngũ Đại, tánh chất viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt. Người còn chẳng biết trong Như Lai

Tạng, tánh giác chơn không, tánh không chơn giác, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. A Nan, như đào một giếng thì ra một giếng hư không, vậy mười phương hư không cũng như thế, tánh Không cùng khắp mười phương, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện...

6 – A Nan! Kiến đại có giác chiếu mà không liễu tri phân biệt, vốn chẳng có năng tri sở tri, vì Sắc và Không mới có lập năng sở. Như người hôm nay ở vườn Kỳ Đà, ngày sáng đêm tối, do cái thấy phân biệt nên có sáng và tối. Vậy Kiến này với tướng sáng, tối và hư không, là một thể hay chẳng phải một thể? Hoặç đồng, hay dị?...

- A Nan! Người chẳng ngộ Kiến, Văn, Giác, Tri vốn là Như Lai Tạng. Người hãy suy nghĩ chín chắn cái kiến, văn, giác, tri này là sanh hay diệt, là đồng hay dị, là chẳng sanh diệt hay chẳng đồng dị? Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến (cái bốn kiến là tự tánh vốn giác vốn minh, cái tinh thể của bốn giác vốn minh vốn kiến), vốn tự nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Cho đến tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân xúc, ý biết, sự diệu dụng rõ ràng viên mãn, cùng khắp mười phương pháp giới, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh biến hiện...

7 - A Nan! Tánh của Thức vốn chẳng có nguồn gốc, duyên theo sáu thứ căn trần hư vọng mà sanh. Nay người

xem chúng trong hội này khi mới dùng con mắt lướt qua, chưa khởi phân biệt thì thấy chúng chỉ như bóng tượng trong gương, rồi tâm thức của người theo thứ tự phân biệt đây là Văn Thù, đây là Phú Lô Na, rồi tới Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất... Vậy sự biết từ Tánh thấy ra, từ sắc tướng ra, từ hư không ra, hay khi không vô nhân mà ra?

- Nếu từ Tánh Thấy, Sắc tướng... hư không ra, chẳng phải sắc tướng, cũng chẳng phải Tánh thấy. Nếu chẳng phải Tánh thấy thì chẳng thể phân biệt, tự nhiên không thể biết được các tướng sáng tối và sắc không. Nếu chẳng phải sắc tướng thì sở duyên diệt mất, vậy kiến, văn, giác, tri chẳng có chỗ an lập. Giữa hai thứ chẳng phải kể trên, nếu “Không” thì thức đồng như chẳng có; nếu “Có” thì thức đồng như các vật, dẫn cho có thức cũng không hữu dụng.

Bấy giờ, A Nan và đại chúng được sự khai thị pháp vi diệu của Phật, thân tâm phẳng lặng, chẳng còn ngăn ngại, mỗi mỗi tự biết tâm thức cùng khắp mười phương; tất cả vật tượng trên thế gian đều vốn là tánh Bồ Đề sáng suốt của Diệu tâm. Tâm tánh tròn đầy, cùng khắp mười phương, xem lại cái thân của cha mẹ sanh ra, như mảy bụi lừng lơ trong mười phương hư không thoát còn thoát mất, như một bọt nước trôi trong biển cả, chẳng biết sanh diệt từ đâu. Rõ ràng tự biết được cái Bốn Lai thường trụ chẳng diệt của Diệu Tâm, được pháp chưa từng có, nên chấp tay lễ Phật và nói kệ tán thán Phật rằng:

Bốn tánh Trạng Nhiên chẳng động tịnh
 Định Lăng Nghiêm trên đời ít có
 Tiêu điên đảo tướng vô biên kiếp,

Chẳng trải nhiều đời đặng Pháp thân.
 Nguyên nay đắc quả thành Chánh Giác,
 Lại độ chúng sanh hằng sa cõi.
 Dem trọn lòng phụng sự vô số,
 Đây mới gọi đền thâm ân Phật,
 Cúi thỉnh Thế Tôn vị chứng minh,
 Đội ngũ trược con nguyện vào trước,
 Như còn chúng sanh chưa thành Phật,
 Trọn quyết không vào quả Niết Bàn,
 Đấng đại hùng đại lực đại từ bi,
 Hy vọng dứt trừ vi tế hoặc.
 Khiến con mau đến Vô Thượng Giác,
 Mười phương thế giới tại đạo tràng.
 Tánh Thuận Nhã Đa có thể mất,
 Tâm Thước Ca La chẳng hề lay.

LƯỢC GIẢNG

Tất cả sự vật trên cuộc đời, ngàn ấy thứ đều là hiện tượng của Như Lai Tàng, từ chủng tử trong Như Lai Tàng duyên khởi biểu hiện ra: Tàng có nghĩa là kho tàng.. Như có nghĩa là bất biến. Lai có nghĩa là tùy duyên.

Như Lai Tàng ví như cái kho hàm chứa tất cả chủng tử của hiện tượng vạn hữu. Những chủng tử được chứa trong kho tàng này, tùy duyên sanh ra rồi cũng tùy duyên hoại diệt. Diệt mà không mất hẳn, diệt để lại sanh. Sanh mà không trường sanh, sanh để rồi lại diệt. Sanh diệt, diệt sanh; sanh sanh, diệt diệt, vô thủ vô chung, vô cùng vô cực. Sự hiện sanh

diệt, diệt sanh đó, thuật ngữ Phật học gọi là: Tùy Duyên Bất Biến; Bất Biến Tùy duyên. Sanh diệt, nhưng sanh diệt trong cái vĩnh cửu, nhưng vĩnh cửu trong quá trình sanh diệt.

Ông A Nan và đại chúng nhờ Phật chỉ dạy bằng phương tiện dẫn dụ, lời lẽ khéo léo nhiệm màu. Cả thính chúng thân tâm thanh thoát rỗng rang. Mỗi người tự biết chân tâm màu nhiệm của mình vốn khắp cùng pháp giới và thấy mười phương hư không xem như cành hoa lá đang cầm trên tay, tất cả sự vật hiện tượng trên thế gian đều là diệu dụng của tâm Bồ Đề nhiệm màu, sáng suốt của mình biểu hiện. Như trong Đàn Kinh, Lục Tổ khi hoá nhiên đại ngộ vậy. Tổ ngộ lẽ sống chết của cái thân cha mẹ sanh ra. Như sự diệt sanh của những bong bóng giữa đại dương nổi chìm tụ tán! Chỉ có tâm tánh nhiệm màu khắp khắp mười phương mới thật là tâm tánh bản lai thường trú của chính mình.

Ở trước Phật, ông A Nan thay lời đại chúng, lên bài kệ tán dương Đức Phật, phát nguyện và trình lên điều tâm đắc của mình Xin Phật chứng minh: Bốn tánh Trạng Nhiên chẳng động tịnh...Tánh Thuần Nhĩ Đa có thể mất, Tâm Thức Ca La chẳng lay động.

Trông ra hiện tượng vạn hữu ta thấy nghìn sai muôn khác, lớn, nhỏ, thấp, cao...khó mà dùng ngôn từ diễn đạt cho rành rọt. Nhưng tìm hiểu nguyên nhân gần của chúng, ta thấy tất cả đều hiện theo cái thể liên hoàn của ba chân vạc, tác động qua lại giữa Căn - Trần và Thức, mà hình thành và tồn tại. Cả cái vũ trụ vạn hữu vô thí vô chung vô cùng vô

cực này, nếu tách rời căn trần thức giữa con người và vạn vật ra, thì chẳng còn có gì để luận bàn: Tâm, vật, thực giả, có, không.

Càng không thể có cái gọi là “một đấng thiên liêng” nào ở ngoài có đủ tư cách sáng tạo, sắp xếp vấn đề vũ trụ nhân sinh được.

Căn thì có 6 nên gọi là lục căn. Đó là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu căn kết hợp bởi tứ đại tinh hoa. Trong mỗi căn có hai bộ phận: Một là căn phù trần. Hai là căn tịnh sắc. Căn tịnh sắc cũng còn gọi là “Thắng nghĩa căn”. Căn này được kết hợp bằng những yếu tố tứ đại tinh hoa nhất đối với thân thể con người. Do vậy, nó là cơ quan có công năng phát sanh nhận thức, làm chỗ nương gá cho thức.

Trần có nghĩa là nhiễm ô. Vì những thứ này có thể làm cho căn bị nhiễm ô, ví như những bụi bặm làm ô nhiễm môi trường sống của xã hội loài người. Trần có 6 thứ, gọi là lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Trần mà không có căn thì trần không là trần nữa; ngược lại căn mà không có trần thì căn không còn là căn được.

Thức có 6 nên gọi là lục thức. Đó là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Thức nương căn trần mà phát sanh. Thức mà không có căn trần thì thức không có lý do hiện hữu. Căn trần mà không có thức thì căn trần không biểu hiện được thể dụng của căn trần. Cho nên Căn Trần Thức là một hiện tượng gắn bó mật thiết tác dụng hữu cơ. Hiện tượng vạn pháp hình thành và tồn tại trong cái

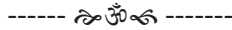
thế duyên sanh không thể tách rời giữa căn, trần, thức ấy.

Vậy mà từ trước đến đây, và chưa phải ngừng ở đoạn kinh này, đức Phật quở rầy và nhắc nhở về cái thuyết nhân duyên sanh ấy. Vì sao như vậy? Vì rằng: Nếu đứng bên Tục đế mà nhìn hiện tượng vạn hữu qua cái lý nhân duyên sanh thì hoàn toàn đúng. Không những nó đúng riêng trong nền giáo lý Phật mà nó đúng sự thật của cuộc đời, đúng với quy luật khách quan của hiện tượng vạn hữu. Nếu đứng trên lập trường Chân đế mà nhìn, với tri kiến đại thừa, cao sâu hơn quán triệt căn nguyên, xuyên suốt bản thể của hiện tượng; thì hiện tượng nào cũng là hiện tượng của bản thể, cũng như bọt sóng nào cũng là bọt sóng của thể nước lặng trong vậy. Nên biết Bản thể thanh tịnh cùng với hiện tượng vạn hữu Bất ly và Bất tức.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 4

二義決定卷第四

NHỊ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH



爾時富樓那彌多羅尼子，在大眾中，即從座起。偏袒右肩，右膝著地，合掌恭敬而白佛言：大威德世尊。善為眾生敷演如來第一義諦。世尊常推說法人中，我為第一。今聞如來微妙法音，猶如聾人，逾百步外，聆於蚊蚋，本所不見，何況得聞。佛雖宣明，令我除惑，今猶未詳斯義究竟無疑惑地。世尊。如阿難輩，雖則開悟，習漏未除。我等會中登無漏者，雖盡諸漏，今聞如來所說法音，尚紆疑悔。世尊。若復世間一切根塵陰處界等，皆如來藏清淨本然。云何忽生山河大地諸有為相？次第遷流，終而復始。又如來說，地水火風，本性圓融，周遍法界，湛然常住。世尊。若地性遍，云何容水。水性周遍，火則不生。復云何明水火二性俱遍虛空，不相陵滅？世尊。地性障礙，空性虛通，云何二俱周遍法界？而我不知是義攸

往。惟願如來，宣流大慈，開我迷雲，及諸大眾。作是語已，五體投地，欽渴如來無上慈誨。

爾時世尊告富樓那，及諸會中漏盡無學諸阿羅漢。如來今日普為此會，宣勝義中真勝義性。令汝會中定性聲聞，及諸一切未得二空迴向上乘阿羅漢等，皆獲一乘寂滅場地，真阿練若，正修行處。汝今諦聽。當為汝說，富樓那等，欽佛法音，默然承聽。

佛言。富樓那。如汝所言，清淨本然，云何忽生山河大地。汝常不聞如來宣說，性覺妙明，本覺明妙。富樓那言。唯然，世尊。我常聞佛宣說斯義。佛言。汝稱覺明。為復性明，稱名為覺。為覺不明，稱為明覺。富樓那言。若此不明名為覺者，則無所明。佛言。若無所明，則無明覺。有所非覺，無所非明。無明又非覺湛明性。性覺必明，妄為明覺。覺非所明。因明立所。所既妄立，生汝妄能。無同異中，熾然成異。異彼所異，因異立同。同異發明，因此復立無同無異。如是擾亂，相待生勞。勞久發塵，自相渾濁。由是引起塵勞煩惱。起為世界。靜成虛空。虛空為同。世界為異。彼無同

異，真有為法。

覺明空昧，相待成搖，故有風輪執持世界。因空生搖，堅明立礙，彼金寶者明覺立堅，故有金輪保持國土。堅覺寶成，搖明風出，風金相摩，故有火光為變化性。寶明生潤，火光上蒸，故有水輪含十方界。火騰水降，交發立堅，濕為巨海，乾為洲潭。以是義故，彼大海中火光常起，彼洲潭中江河常注。水勢劣火，結為高山。是故山石，擊則成燄，融則成水。土勢劣水，抽為草木，是故林藪遇燒成土，因絞成水。交妄發生，遞相為種。以是因緣，世界相續。

復次富樓那。明妄非他，覺明為咎。所妄既立，明理不踰。以是因緣，聽不出聲，見不超色。色香味觸，六妄成就。由是分開見覺聞知。同業相纏，合離成化。見明色發，明見想成。異見成憎，同想成愛。流愛為種，納想為胎。交邁發生，吸引同業。故有因緣生羯羅藍遏蒲曇等。胎卵濕化，隨其所應。卵唯想生。胎因情有。濕以合感。化以離應。情想合離更相變易。所有受業，逐其飛沈。以是因緣，眾生相續。

富樓那。想愛同結，愛不能離，則諸世

間父母子孫，相生不斷，是等則以欲貪為本。貪愛同滋，貪不能此，則諸世間卵化濕胎，隨力強弱，遞相吞食，是等則以殺貪為本。以人食羊，羊死為人，人死為羊，如是乃至十生之類，死死生生，互來相噉，惡業俱生，窮未來際，是等則以盜貪為本。汝負我命，我還汝債，以是因緣，經百千劫，常在生死。汝愛我心，我憐汝色，以是因緣，經百千劫，常在纏縛。唯殺盜婬三為根本。以是因緣，業果相續。

富樓那。如是三種顛倒相續。皆是覺明，明了知性，因了發相，從妄見生。山河大地諸有為相次第遷流。因此虛妄終而復始。

富樓那言：若此妙覺本妙覺明，與如來心不增不減。無狀忽生山河大地諸有為相。如來今得妙空明覺，山河大地有為習漏何當復生。佛告富樓那。譬如迷人，於一聚落，惑南為北，此迷為復因迷而有，因悟所出。富樓那言：如是迷人，亦不因迷，又不因悟。何以故？迷本無根，云何因迷。悟非生迷，云何因悟？佛言：彼之迷人，正在迷時。旣有悟人指示令悟。富樓那。於意云

何？此人縱迷，於此聚落，更生迷不。不也世尊。富樓那。十方如來亦復如是。此迷無本，性畢竟空。昔本無迷，似有迷覺。覺迷迷滅，覺不生迷。亦如翳人見空中華，翳病若除，華於空滅。忽有愚人，於彼空華所滅空地，待華更生。汝觀是人為愚為慧。富樓那言：空元無華，妄見生滅。見華滅空，已是顛倒，敕令更出，斯實狂癡。云何更名如是狂人為愚為慧？佛言：如汝所解，云何問言諸佛如來妙覺明空，何當更出山河大地。又如金礦雜於精金。其金一純，更不成雜。如木成灰，不重為木。諸佛如來菩提涅槃，亦復如是。

富樓那。又汝問言：地水火風，本性圓融，周遍法界。疑水火性不相陵滅。又徵虛空及諸大地，俱遍法界，不合相容。富樓那。譬如虛空，體非群相，而不拒彼諸相發揮。所以者何？富樓那。彼太虛空，日照則明，雲屯則暗，風搖則動，霽澄則清，氣凝則濁，土積成霾，水澄成映。於意云何？如是殊方諸有為相，為因彼生，為復空有。若彼所生。富樓那。且日照時，既是日明，十方世界同為日色，云何空中更見圓日？若是

空明，空應自照云何中宵雲霧之時，不生光耀？當知是明，非日非空，不異空日。觀相元妄，無可指陳。猶邀空華，結為空果。云何詰其相陵滅義？觀性元真，唯妙覺明。妙覺明心，先非水火。云何復問？不相容者。真妙覺明亦復如是。

汝以空明，則有空現。地水火風，各各發明，則各各現。若俱發明，則有俱現。云何俱現。富樓那。如一水中現於日影。兩人同觀水中之日，東西各行，則各有日隨二人去。一東一西，先無準的。不應難言，此日是一，云何各行。各日既雙？云何現一。宛轉虛妄，無可憑據？富樓那。汝以色空相傾相奪於如來藏。而如來藏隨為色空。周遍法界。是故於中，風動空澄，日明雲暗，眾生迷悶，背覺合塵，故發塵勞，有世間相。我以妙明不滅不生合如來藏。而如來藏唯妙覺明圓照法界。是故於中，一為無量，無量為一。小中現大，大中現小。不動道場，遍十方界。身含十方無盡虛空。於一毛端現寶王刹。坐微塵裏轉大法輪。滅塵合覺，故發真如妙覺明性。而如來藏本妙圓心。非心非空。非地非水。非風非火。非眼非耳鼻舌身

意。非色非聲香味觸法。非眼識界，如是乃至非意識界。非明無明，明無明盡。如是乃至非老非死，非老死盡。非苦非集非滅非道。非智非得。非檀那，非尸羅，非毗梨耶，非羼提，非禪那，非般刺若，非波羅密多。如是乃至非怛闍阿竭，非阿羅訶，三耶三菩。非大涅槃。非常非樂非我非淨。以是俱非世出世故。即如來藏元明心妙。即心即空。即地即水。即風即火。即眼即耳鼻舌身意。即色即聲香味觸法。即眼識界，如是乃至即意識界。即明無明，明無明盡。如是乃至即老即死，即老死盡。即苦即集即滅即道。即智即得。即檀那，即尸羅，即毗梨耶，即羼提，即禪那，即般刺若，即波羅密多。如是乃至即怛闍阿竭，即阿羅訶，三耶三菩。即大涅槃。即常即樂即我即淨。以是俱即世出世故。即如來藏妙明心元，離即離非，是即非即。如何世間三有眾生，及出世間聲聞緣覺，以所知心測度如來無上菩提，用世語言入佛知見。譬如琴瑟笙篴琵琶，雖有妙音，若無妙指終不能發汝與眾生，亦復如是。寶覺真心各各圓滿。如我按指，海印發光。汝暫舉心，塵勞先起。由不勤求無上覺道，愛念小乘，得少為足。

富樓那言：我與如來寶覺圓明，真妙淨心，無二圓滿。而我昔遭無始妄想，久在輪迴。今得聖乘，猶未究竟。世尊，諸妄一切圓滅，獨妙真常。敢問如來，一切眾生何因有妄，自蔽妙明，受此淪溺？

佛告富樓那。汝雖除疑，餘惑未盡。吾以世間現前諸事，今復問汝。汝豈不聞室羅城中，演若達多。忽於晨朝以鏡照面，愛鏡中頭眉目可見。瞋責己頭不見面目。以為魑魅無狀狂走。於意云何？此人何因無故狂走。富樓那言：是人心狂，更無他故。佛言：妙覺明圓，本圓明妙既稱為妄云何有因。若有所因，云何名妄？自諸妄想展轉相因。從迷積迷以歷塵劫。雖佛發明，猶不能返。如是迷因，因迷自有。識迷無因，妄無所依。尚無有生，欲何為滅。得菩提者，如寤時人說夢中事。心縱精明，欲何因緣取夢中物。況復無因本無所有。如彼城中演若達多，豈有因緣自怖頭走。忽然狂歇，頭非外得。縱未歇狂，亦何遺失。

富樓那。妄性如是，因何為在。汝但不隨分別世間業果眾生三種相續。三緣斷故，三因不生。則汝心中演若達多狂性自歇，歇

即菩提。勝淨明心，本周法界。不從人得。何藉劬勞肯綮修證？譬如有人於白衣中繫如意珠，不自覺知。窮露他方，乞食馳走。雖實貧窮，珠不曾失。忽有智者指示其珠。所願從心，致大饒富。方悟神珠非從外得。

即時阿難在大眾中，頂禮佛足，起立白佛。世尊現說殺盜婬業，三緣斷故，三因不生。心中達多狂性自歇。歇即菩提，不從人得。斯則因緣皎然明白。云何如來頓棄因緣？我從因緣心得開悟。世尊。此義何獨我等年少有學聲聞。今此會中大目犍連及舍利弗須菩提等，從老梵志聞佛因緣，發心開悟得成無漏。今說菩提不從因緣。則王舍城拘舍梨等，所說自然成第一義。惟垂大悲，開發迷悶。

佛告阿難。即如城中演若達多，狂性因緣，若得滅除。則不狂性自然而出。因緣自然，理窮於是。阿難。演若達多，頭本自然。本自其然，無然非自。何因緣故，怖頭狂走。若自然頭因緣故狂。何不自然因緣故失。本頭不失，狂怖妄出。曾無變易，何藉因緣。本狂自然，本有狂怖。未狂之際，狂何所潛。不狂自然，頭本無妄，何為狂

走？若悟本頭，識知狂走，因緣自然，俱為戲論。是故我言三緣斷故即菩提心。菩提心生，生滅心滅，此但生滅。滅生俱盡，無功用道。若有自然，如是則明，自然心生，生滅心滅，此亦生滅。無生滅者，名為自然。猶如世間諸相雜和，成一體者，名和合性。非和合者，稱本然性。本然非然。和合非合。合然俱離。離合俱非。此句方名無戲論法。菩提涅槃尚在遙遠。非汝歷劫辛勤修證。雖復憶持十方如來十二部經，清淨妙理如恒河沙，祇益戲論。汝雖談說因緣自然決定明了。人間稱汝多聞第一。以此積劫多聞熏習，不能免離摩登伽難。何須待我佛頂神咒，摩登伽心姪火頓歇，得阿那含，於我法中，成精進林。愛河乾枯，令汝解脫。是故阿難。汝雖歷劫憶持如來秘密妙嚴，不如一日修無漏業，遠離世間憎愛二苦。如摩登伽宿為姪女，由神咒力銷其愛欲，法中今名性比丘尼。與羅侯母耶輸陀羅同悟宿因。知歷世因貪愛為苦。一念熏修無漏善故，或得出纏，或蒙授記。如何自欺，尚留觀聽。

阿難及諸大眾，聞佛示誨，疑惑銷除，心悟實相。身意輕安，得未曾有。重復悲

淚，頂禮佛足，長跪合掌而白佛言：無上大悲清淨寶王，善開我心。能以如是種種因緣，方便提獎，引諸沈冥出於苦海。世尊。我今雖承如是法音，知如來藏妙覺明心遍十方界，含育如來十方國土，清淨寶嚴妙覺王剎。如來復責多聞無功，不逮修習。我今猶如旅泊之人，忽蒙天王賜與華屋，雖獲大宅，要因門入。惟願如來不捨大悲，示我在會諸蒙暗者，捐捨小乘，畢獲如來無餘涅槃本發心路。令有學者，從何攝伏疇昔攀緣，得陀羅尼，入佛知見。作是語已，五體投地。在會一心，佇佛慈旨。

爾時世尊，哀愍會中緣覺聲聞，於菩提心未自在者。及為當來佛滅度後，末法眾生發菩提心，開無上乘妙修行路。宣示阿難及諸大眾。汝等決定發菩提心，於佛如來妙三摩提，不生疲倦。應當先明發覺初心二決定義。

云何初心二義決定？

阿難。第一義者，汝等若欲捐捨聲聞，修菩薩乘入佛知見，應當審觀因地發心，與果地覺為同為異。阿難。若於因地以生滅心為本修因，而求佛乘不生不滅，無有是處。

以是義故，汝當照明諸器世間可作之法，皆從變滅。阿難。汝觀世間可作之法，誰為不壞。然終不聞爛壞虛空。何以故？空非可作，由是始終無壞滅故。則汝身中，堅相為地，潤濕為水，煖觸為火，動搖為風。由此四纏，分汝湛圓妙覺明心，為視為聽為覺為察。從始入終，五疊渾濁。

云何為濁？

阿難。譬如清水，清潔本然。即彼塵土灰沙之倫，本質留礙。二體法爾，性不相循。有世間人，取彼土塵，投於淨水。土失留礙，水亡清潔。容貌汨然，名之為濁。汝濁五重，亦復如是。

阿難。汝見虛空遍十方界。空見不分。有空無體。有見無覺。相織妄成。是第一重，名為劫濁。汝身現搏四大為體。見聞覺知，壅令留礙。水火風土，旋令覺知。相織妄成。是第二重，名為見濁。又汝心中憶識通習。性發知見。容現六塵。離塵無相。離覺無性。相織妄成。是第三重，名煩惱濁。又汝朝夕生滅不停。知見每欲留於世間業運每常遷於國土。相織妄成，是第四重，名眾生濁。汝等見聞元無異性。眾塵隔越，無狀

異生。性中相知。用中相背。同異失準。相織妄成。是第五重，名為命濁。

阿難。汝今欲令見聞覺知，遠契如來常樂我淨。應當先擇死生根本，依不生滅圓湛性成，以湛旋其虛妄滅生，伏還元覺，得元明覺無生滅性為因地心，然後圓成果地修證。如澄濁水，貯於靜器，靜深不動，沙土自沈，清水現前，名為初伏客塵煩惱。去泥純水，名為永斷根本無明。明相精純，一切變現，不為煩惱，皆合涅槃清淨妙德。第二義者，汝等必欲發菩提心，於菩薩乘生大勇猛，決定棄捐諸有為相，應當審詳煩惱根本。此無始來發業潤生誰作誰受。

阿難。汝修菩提，若不審觀煩惱根本，則不能知虛妄根塵何處顛倒。處尚不知，云何降伏取如來位。阿難。汝觀世間解結之人，不見所結，云何知解？不聞虛空被汝墮裂。何以故。空無形相，無結解故。則汝現前眼耳鼻舌，及與身心，六為賊媒，自劫家寶。由此無始眾生世界，生纏縛故，於器世間不能超越。

阿難。云何名為眾生世界？世為遷流。界為方位。汝今當知東、西、南、北、東

南、西南、東北、西北、上、下、為界。過去、未來、現在、為世。方位有十。流數有三。一切眾生織妄相成。身中貿遷，世界相涉。而此界性設雖十方，定位可明。世間祇目東西南北，上下無位，中無定方，四數必明。與世相涉，三四四三，宛轉十二。流變三疊，一十百千。總括始終。六根之中，各各功德有千二百。

阿難。汝復於中，克定優劣。如眼觀見，後暗前明。前方全明。後方全暗。左右旁觀三分之二。統論所作，功德不全。三分言功。一分無德。當知眼唯八百功德。如耳周聽，十方無遺。動若邇遙。靜無邊際。當知耳根圓滿一千二百功德。如鼻嗅聞，通出入息。有出有入，而闕中交。驗於鼻根，三分闕一。當知鼻唯八百功德。如舌宣揚，盡諸世間出世間智。言有方分，理無窮盡。當知舌根圓滿一千二百功德。如身覺觸，識於違順。合時能覺。離中不知。離一合雙。驗於身根，三分闕一。當知身唯八百功德。如意默容，十方三世一切世間出世間法，唯聖與凡，無不包容，盡其涯際。當知意根圓滿一千二百功德。

阿難。汝今欲逆生死欲流，返窮流根，至不生滅。當驗此等六受用根，誰合誰離，誰深誰淺，誰為圓通，誰不圓滿。若能於此悟圓通根，逆彼無始織妄業流，得循圓通，與不圓根，日劫相倍。我今備顯六湛圓明，本所功德，數量如是。隨汝詳擇其可入者。吾當發明，令汝增進。十方如來，於十八界一一修行，皆得圓滿無上菩提。於其中間，亦無優劣。但汝下劣，未能於中圓自在慧。故我宣揚，令汝但於一門深入。入一無妄，彼六知根，一時清淨。

阿難白佛言：世尊。云何逆流深入一門，能令六根一時清淨？

佛告阿難：汝今已得須陀洹果。已滅三界眾生世間見所斷惑。然猶未知根中積生無始虛習。彼習要因修所斷得。何況此中生住異滅，分劑頭數。今汝且觀現前六根，為一為六。阿難。若言一者，耳何不見，目何不聞，頭奚不履，足奚無語。若此六根決定成六。如我今會，與汝宣揚微妙法門。汝之六根，誰來領受。

阿難言：我用耳聞。

佛言：汝耳自聞，何關身口。口來問

義，身起欽承。是故應知非一終六，非六終一。終不汝根元一元六。阿難當知。是根非一非六。由無始來顛倒淪替，故於圓湛一六義生。汝須陀洹，雖得六銷，猶未亡一。如太虛空參合群器。由器形異，名之異空。除器觀空，說空為一。彼太虛空，云何為汝成同不同。何況更名是一非一。則汝了知六受用根，亦復如是。

由明暗等二種相形。於妙圓中黏湛發見。見精映色，結色成根。根元目為清淨四大。因名眼體，如蒲萄朵。浮根四塵，流逸奔色。由動靜等二種相擊。於妙圓中黏湛發聽。聽精映聲，卷聲成根。根元目為清淨四大。因名耳體，如新卷葉。浮根四塵，流逸奔聲。由通塞等二種相發。於妙圓中黏湛發嗅。嗅精映香，納香成根。根元目為清淨四大。因名鼻體，如雙垂爪。浮根四塵，流逸奔香。由恬變等二種相參。於妙圓中黏湛發嘗。嘗精映味。絞味成根。根元目為清淨四大。因名舌體，如初偃月。浮根四塵，流逸奔味。由離合等二種相摩。於妙圓中黏湛發覺。覺精映觸，搏觸成根。根元目為清淨四大。因名身體，如腰鼓顙。浮根四塵，流逸

奔觸。由生滅等二種相續。於妙圓中黏湛發知。知精映法，攬法成根。根元目為清淨四大。因名思，如幽室見。浮根四塵，流逸奔法。

阿難。如是六根，由彼覺明，有明明覺，失彼精了，黏妄發光。是以汝今離暗離明，無有見體。離動離靜，元無聽質，無通無塞，嗅性不生。非變非恬，嘗無所出。不離不合，覺觸本無。無滅無生，了知安寄。汝但不循動靜、合離、恬變、通塞、生滅、明暗，如是十二諸有為相。隨拔一根，脫黏內伏歸元真，發本明耀。耀性發明，諸餘五黏，應拔圓脫。不由前塵所起知見。明不循根，寄根明發。由是六根互相為用。

阿難。汝豈不知今此會中，阿那律陀，無目而見。跋難陀龍，無耳而聽。殞伽神女，非鼻聞香。驕梵砵提，異舌知味。舜若多神，無身覺觸。如來光中，映令暫現。既為風質其體元無。諸滅盡定得寂聲聞。如此會中摩訶迦葉，久滅意根，圓明了知不因心念。

阿難。今汝諸根若圓拔已，內瑩發光。如是浮塵及器世間諸變化相，如湯銷冰，應

念化成無上知覺。

阿難。如彼世人聚見於眼。若令急合，暗相現前，六根黯然，頭足相類。彼人以手循體外繞，彼雖不見，頭足一辨，知覺是同。緣見因明，暗成無見。不明自發，則諸暗相永不能昏。根塵既銷，云何覺明不成圓妙？

阿難白佛言：世尊。如佛說言，因地覺心，欲求常住，要與果位名目相應。世尊。如果位中，菩提、涅槃、真如、佛性、菴摩羅識，空如來藏，大圓鏡智，是七種名，稱謂雖別，清淨圓滿，體性堅凝，如金剛王，常住不壞。若此見聽，離於明暗動靜通塞，畢竟無體。猶如念心，離於前塵，本無所有。云何將此畢竟斷滅以為修因，欲獲如來七常住果？世尊。若離明暗，見畢竟空。如無前塵，念自性滅。進退循環，微細推求，本無我心及我心所，將誰立因求無上覺。如來先說湛精圓常。違越誠言，終成戲論。云何如來真實語者？惟垂大慈，開我蒙惛。

佛告阿難：汝學多聞，未盡諸漏，心中徒知顛倒所因。真倒現前，實未能識。恐汝誠心猶未信伏。吾今試將塵俗諸事，當除汝

疑。即時如來敕羅侯羅擊鐘一聲。問阿難言：汝今聞不。阿難大眾，俱言我聞。鐘歇無聲。佛又問言：汝今聞不。阿難大眾，俱言不聞。時羅侯羅又擊一聲。佛又問言：汝今聞不。阿難大眾，又言俱聞。佛問阿難：汝云何聞，云何不聞？阿難大眾俱白佛言：鐘聲若擊，則我得聞。擊久聲銷，音響雙絕，則名無聞。如來又敕羅侯擊鐘。問阿難言。汝今聲不。阿難大眾，俱言有聲。少選聲銷。佛又問言：爾今聲不。阿難大眾，答言：無聲。有頃羅侯更來撞鐘。佛又問言：爾今聲不。阿難大眾，俱言有聲。佛問阿難：汝云何聲，云何無聲？阿難大眾俱白佛言：鐘聲若擊，則名有聲。擊久聲銷，音響雙絕，則名無聲。佛語阿難及諸大眾。汝今云何自語矯亂？大眾阿難，俱時問佛。我今云何名為矯亂？佛言：我問汝聞。汝則言聞。又問汝聲，汝則言聲。唯聞與聲，報答無定。如是云何不名矯亂？阿難。聲銷無響，汝說無聞。若實無聞，聞性已滅，同於枯木。鐘聲更擊，汝云何知。知有知無，自是聲塵或無或有。豈彼聞性為汝有無。聞實云無，誰知無者。是故阿難。聲於聞中自有生滅。非為汝聞聲生聲滅。令汝聞性為有

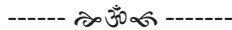
為無汝尚顛倒，惑聲為聞。何怪昏迷以常為斷，終不應言。

離諸動靜閉塞開通，說聞無性。如重睡人，眠熟床枕。其家有人，於彼睡時，擣練舂米。其人夢中聞舂擣聲，別作他物。或為擊鼓。或為撞鐘。即於夢時自怪其鐘為木石響。於時忽寤，遙知杵音。自告家人，我正夢時，惑此舂音將為鼓響。阿難。是人夢中，豈憶靜搖開閉通塞。其形雖寐，聞性不昏。縱汝形銷，命光遷謝，此性云何為汝銷滅。以諸眾生從無始來，循諸色聲，逐念流轉。曾不開悟性淨妙常。不循所常，逐諸生滅。由是生生雜染流轉。若棄生滅，守於真常，常光現前，根塵識心應時銷落。想相為塵，識情為垢，二俱遠離。則汝法眼應時清明。云何不成無上知覺？

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 4

二義決定卷第四

NHỊ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH



Bấy giờ, Phú Lô Na ở trong chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, quỳ gối chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

Thế Tôn khéo vì chúng sanh hiển bày Đệ nhất nghĩa đế. Thế Tôn thường khen con là bậc nhất trong những người thuyết pháp, mà nay con nghe pháp âm nhiệm màu của Như Lai, cũng như người điếc, cách xa trăm bước mà nghe tiếng muỗi bay, vốn chẳng thể thấy, huống là được nghe! Phật dù chỉ rõ, khiến con dứt trừ lỗi lầm, nhưng con còn chưa thấu suốt chỗ chẳng nghi hoặc của nghĩa này.

Bạch Thế Tôn - Nếu tất cả các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v... của thế gian đều là Như Lai Tạng, bản tánh vốn trong sạch, sao lại bỗng sanh các tướng hữu vi như núi sông, đất đai, thành rồi hoại, hoại rồi thành, thành hoại chẳng ngừng?

- Lại nữa, Như Lai nói Địa, Thủy, Hỏa, Phong, bản tánh viên dung, cùng khắp pháp giới, trạm nhiên thường trụ. Thế Tôn, nếu tánh Địa cùng khắp, thì làm sao dung nạp được Thủy? Nếu tánh Thủy cùng khắp thì Hỏa chẳng thể sanh; sao lại nói hai tánh Thủy và Hỏa đều cùng khắp hư không, chẳng

đoạt mất nhau? Tánh Địa thì ngăn ngại, tánh không thì trống rỗng, làm sao hai tánh ấy đều cùng khắp pháp giới? Nay con chẳng biết nghĩa này, xin Phật từ bi, khai mở lòng mê muội của con và đại chúng. Nói xong, nắm vốc gieo sát đất, kính mong lời dạy Vô Thượng của Như Lai.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Phú Lô Na và hàng đại A La Hán trong hội rằng: Hôm nay, Như Lai vì đại chúng hiển bày thắng nghĩa trong thắng nghĩa, khiến hàng định tánh Thanh Văn và tất cả A La Hán chưa được Nhị Không, phát tâm hướng về thượng thừa, chỗ tu hành chơn chánh, thiết thực chẳng xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa, các người hãy chú ý nghe.

Phật bảo: Phú Lô Na, như lời người nói, bản tánh trong sạch, sao lại bỗng sanh núi sông đất đai. Người chẳng thường nghe Như Lai dạy rằng: Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu hay sao?

- Bạch Thế Tôn, con thường nghe.

Phật bảo: Người nói giác minh, là do tánh minh được gọi là giác; hay là cái giác bất minh, gọi là minh giác?

- Nếu cái bất minh này gọi là giác, thì chẳng có sở minh.

Phật bảo: Nếu chẳng có sở minh thì chẳng có minh giác, có sở chẳng phải là giác, không sở chẳng phải là minh, chẳng minh lại chẳng phải tánh trạm nhiên sáng tỏ của bản giác. Vì tánh giác ắt minh, vọng cho là minh giác, bản giác chẳng phải sở minh, do chấp sự minh nên lập sở minh, sở minh đã vọng lập, thì sanh cái năng minh hư vọng của người.

Ở trong chẳng đồng dị, vọng chấp thành dị, khác với cái dị này, do sự dị mà lập sự đồng, tương đồng dị đã sanh, từ đó lại lập ra cái chẳng đồng chẳng dị. Nhiều loạn như thế, đối đãi nhau sanh ra mỗi một, mỗi lâu thành trần, tự hỗn tạp lẫn nhau, do đó sanh ra trần lao phiền não, khởi dậy thành thế giới, tịch lặng thành hư không; hư không là đồng, thế giới là dị, do đồng dị lập ra chẳng đồng chẳng dị, ấy là pháp hữu vi, cái vốn chẳng đồng dị của bản giác, mới thật là pháp vô vi.

Bản giác tánh không, chẳng minh chẳng vô minh, tùy theo nghiệp thức biến hiện nên vô minh bắt đầu; một niệm vô minh bỗng khởi, thì bản giác lìa tánh không mà sanh vọng minh, tánh không cũng lìa bản giác mà sanh ám muội. Bản giác sanh vọng minh thì phát ra thức, chỗ trong lặng chẳng lay động của thức tinh (*nguồn gốc của thức*) tức là Thủy, tánh “không” sanh ám muội, kết tụ thành sắc, tức là Địa (*trái đất*), Địa và Thủy nhiều loạn nhau thành Phong (*Bầu khí quyển*). Vì tánh “không” bị ám muội, cố chấp cái năng minh thành chướng ngại, nên vọng cho bản giác là sở minh, năng sở nhiều loạn, nên vọng có tánh biến hóa của Hỏa, ngọn Hỏa xông lên, nên có hơi Thủy khắp cả mười phương hư không. Hỏa bốc lên, Thủy chảy xuống, giao lộn vọng lập thì Thủy ướn thành biển cả, đất khô thành lục địa. Do nghĩa này, nên trong biển cả Hỏa thường phun lên, trong lục địa sông ngòi thường chảy. Thế thủy kém thế Hỏa thì kết thành núi, nên khi đập đá núi thì có tia lửa; thế Địa kém thế Thủy thì mọc lên thành cỏ cây, nên đốt cỏ cây thì thành đất, vất ra thì có

nước. Tứ đại giao lộn lẫn nhau vọng sanh nhân quả, do nhân duyên này nên sinh ra **Thế giới tương tục**.

- Lại nữa, Phú Lô Na, cái minh hư vọng này chẳng phải gì khác, do giác minh thành lỗi lầm; sở minh đã vọng lập, thành lý minh có ngăn mé. Vì vậy, nên nghe chẳng ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt khỏi sắc, sáu thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã vọng lập, do đó chia ra Kiến, Văn, Giác, Tri. Cộng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà có hợp, ly, thành, hóa; do kiến chấp của sở minh nên sanh khởi sắc tướng, do năng minh của kiến chấp thì thành tư tưởng, ý kiến khác với mình thì thành ghét, tư tưởng đồng với mình thì thành yêu, do yêu thành hạt giống, thu nạp tư tưởng thành cái thai, giao cấu phát sanh, hấp dẫn cộng nghiệp, nên có nhân duyên sanh ra bào thai.

Noãn do tưởng niệm mà sanh, Thai do ái tình mà có, Thấp sanh do hợp mà cảm ứng, Hóa sanh do tách ly mà hiện. Tình, tưởng, hợp, ly, thay đổi lẫn nhau, các loài thọ nghiệp theo đó mà thăng trầm, do nhân duyên này nên **Chúng sanh tương tục**.

- Phú Lô Na, Chúng sanh do tư tưởng thương yêu liên kết thành nghiệp, yêu mãi không rời thì những cha mẹ con cháu trong thế gian sanh nhau chẳng ngừng, ấy đều từ gốc Tham Dục sanh khởi.

- Lòng tham ái giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không thôi thì các loại thai, noãn, thấp, hóa trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau, ấy đều từ gốc tham sát sanh khởi.

Bởi loài người ăn thịt loài vật, loài vật trở lại ăn thịt loài người, người chết làm vật, vật chết làm người, các loài chúng sanh, sanh sanh tử tử nối tiếp nhau, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp cùng tột đời vị lai, ấy đều từ lòng Tham Lam sanh khởi.

Loài này cướp giết thân mạng loài kia, loài kia cướp giết thân mạng loài này, trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong dòng sanh tử, người yêu tâm ta, ta ưa sắc người, do nhân duyên này trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong dòng ràng buộc, ấy đều từ gốc Sát, Đao, Dâm sanh khởi. Do nhân duyên này nên **Nghiệp quả tương tục**.

- Phú Lô Na, Ba thứ điên đảo kể trên tương tục như vậy, đều do sự lỗi lầm của giác minh cho là có tánh liễu tri của năng minh rồi biến hiện sắc tướng, từ vọng kiến đó sanh khởi các tướng hữu vi như núi sông đất đai, theo thứ tự đời đổi, vì hư vọng này nên xoay chuyển chẳng ngừng.

Phú Lô Na nói: Thế Tôn! Nếu Diệu Giác này vốn nhiệm màu sáng tỏ, cùng với tâm Như Lai chẳng thêm, chẳng bớt, khi không bỗng sanh các tướng hữu vi như núi sông, đất đai; nay Như Lai đã chứng Diệu Giác, làm sao núi sông đất đai và các tập khí hữu lậu còn được sanh trở lại?

Phật bảo Phú Lô Na: Ví như người mê ở một xóm làng, nhận lầm phương Nam thành phương Bắc, vậy sự mê lầm này từ mê ra hay từ ngộ ra?

Phú Lô Na đáp: Người mê chẳng từ mê ra, cũng chẳng từ ngộ ra? Tại sao? Mê vốn chẳng gốc, làm sao từ mê ra?

Ngộ chẳng sanh mê, sao nói từ ngộ ra?

Phật nói: Người mê kia đang trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ thị cho ngộ, Phú Lô Na, ý người thế nào? Người ấy dẫn mê, đối với xóm làng này, còn mê lại nữa chẳng?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Phú Lô Na, mười phương Như Lai cũng như vậy, sự mê này vốn chẳng có gốc, tánh rốt cuộc là không, xưa vốn chẳng mê, do vọng chấp nên tựa như có mê có giác, giác được cái mê thì mê liền diệt, giác chẳng sanh mê.

- Cũng như người nhậm thấy hoa đốm trên không, nếu trừ được bệnh nhậm thì hoa đốm nơi không liền diệt. Bỗng có người ngu ở chỗ hư không mà hoa đốm đã diệt kia, mong đợi hoa đốm sanh nữa, người xét người này là ngu hay trí?

Phú Lô Na đáp: Hư không vốn chẳng có hoa đốm, vọng thấy có sanh diệt, thấy hoa đốm diệt đã là điên đảo rồi, lại còn muốn hoa đốm sanh nữa, thì thật là điên dại, làm sao còn gọi người điên như vậy là ngu hay trí!

Phật bảo: Theo như người hiểu, sao lại còn hỏi Diệu Giác của chư Phật lại sanh núi sông đất đai nữa! Cũng như quặng vàng, đất cát lộn với vàng ròng, khi quặng đã luyện thành vàng ròng thì chẳng trở thành quặng nữa; như cây đã đốt thành tro, thì chẳng trở lại thành cây nữa. Bồ Đề Niết Bàn của chư Phật cũng như vậy.

- Phú Lô Na, người còn hỏi về bản tánh viên dung, cùng khắp pháp giới của Địa, Thủy, Hỏa, Phong nghi rằng

tánh Thủy và Hỏa sao chẳng đoạt mất nhau, và hởi sao hư không và tánh Địa đều khắp pháp giới, lẽ ra chẳng dung nạp nhau...

- Tánh sáng tỏ của Diệu Tâm cũng vậy, nếu người phát minh cái hư không thì hư không hiện ra; địa, thủy, hỏa, phong mỗi mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra, nếu cùng phát minh thì cùng hiện ra.

- Thế nào là cùng hiện? Phú Lô Na, như trong một dòng nước, hiện ra bóng mặt trời, hai người cùng xem bóng đó, rồi người đi phương Đông, người đi phương Tây, mỗi người đều thấy mặt trời theo mình, một cái đi về phương Đông, một cái đi về phương Tây, chẳng có nhất định. Không nên hỏi rằng: Mặt trời là một, sao lại mỗi cái đi theo mỗi người? Bóng mặt trời trong nước đã thành hai, tại sao trên trời chỉ có một? Sự hư vọng quanh lộn như thế chẳng có căn cứ.

- Phú Lô Na, người cho tướng Sắc, Không đoạt mất lẫn nhau nơi Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng tùy theo sắc không cùng khắp pháp giới, nên ở trong đó, gió thổi thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối, chúng sanh mê muội, trái giác tánh, hợp cảnh trần, phát khởi trần lao, nên có tướng thế gian.

Như Lai Tạng chỉ duy nhất một diệu tâm sáng tỏ, tròn đầy chiếu khắp pháp giới, nên ở trong đó, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, đạo tràng chẳng động mà khắp mười phương thế giới, thân

thể bao hàm vô tận hư không, nơi đầu một mảy lông hiện ra cõi Phật, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân, nghịch cảnh trần, hợp giác tánh, nên hiện ra tánh Chơn Như sáng tỏ của diệu tâm.

- Cái Chơn tâm sáng tỏ này **Phi tâm**, phi không, phi địa, thủy, hỏa, phong; phi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; phi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; phi nhãn thức giới cho đến phi ý thức giới; phi minh, phi vô minh, phi minh vô minh tận, như thế cho đến phi lão phi tử, phi lão tử tận; phi khổ, tập, diệt, đạo; phi trí, phi đắc, phi bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; phi đến bờ bên kia, cho đến phi Như Lai, phi Ứng Cúng, phi chánh Biến Tri; phi Đại Niết Bàn, phi thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức, (*tức đức của Niết Bàn*), cho đến các pháp thế gian và xuất thế gian đều phi cả.

Cái Chơn tâm sáng tỏ này **Tức tâm**, tức không, tức địa, thủy, hỏa, phong, tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tức nhãn thức giới, cho đến tức ý thức giới; tức minh, tức vô minh, tức minh vô minh tận; cho đến tức lão, tức tử, tức lão tử tận, tức khổ, tập, diệt, đạo; tức trí, tức đắc; tức bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; tức đến bờ bên kia, cho đến tức Như Lai, tức Ứng Cúng, tức Chánh Biến Tri; tức Đại Niết Bàn, tức thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức; cho đến các pháp thế gian và xuất thế gian đều tức như thế cả.

- Cái Chơn tâm sáng tỏ này là Tức là Phi, cũng Tức cũng Phi Tức, tại sao chúng sanh tam giới của thế gian và các

hàng Thanh Văn, Duyên Giác của xuất thế gian muốn dùng cái tâm sở tri để suy lường Vô Thượng Bồ Đề của Như Lai; muốn dùng lời nói của thế gian để nhập Tri Kiến Phật, đâu có thể được!

- Ví như cây đàn: cầm sắt, tỳ bà, dù có diệu âm, nếu chẳng có sự khéo léo của ngón tay, thì diệu âm chẳng thể phát ra. Cũng vậy, cái diệu tâm chơn thật của người và chúng sanh mỗi mỗi vốn sẵn đầy đủ. Nhưng nơi ta khi búng tay thì hải ấn phát ra ánh sáng, còn nơi các người, vừa móng tâm thì trần lao đã khởi; ấy là do chẳng cầu vô thượng Bồ Đề, ham thích tiểu thừa, được ít cho là đủ.

Phú Lô Na nói: Diệu tâm sáng tỏ của con và Như Lai đều viên mãn không hai. Nơi con, vì xưa kia mắc phải vọng tưởng từ vô thủy, chịu luân hồi đã lâu, nay dù chứng được thánh quả, nhưng chưa đến chỗ rốt ráo. Nơi Thế Tôn thì tất cả vọng tưởng đều diệt, chỉ diệu tâm chơn thường hiện hành. Vậy xin hỏi Như Lai: Tất cả chúng sanh vì sao có vọng, tự che khuất diệu tâm, cam chịu chìm đắm?

Người há chẳng nghe trong thành Thất La Phiệt, có ông Diễn Nhã Đạt Đa, buổi sáng lấy gương soi mặt, nhìn thấy mặt mày, bỗng ư cái đầu trong gương, rồi tự trách đầu mình sao chẳng tự thấy mặt mũi, cho là yêu mị, khi không phát điên bỏ chạy. Ý người thế nào? Người ấy vì sao khi không bỏ chạy?

Phú Lô Na đáp: Người ấy tâm điên, chứ chẳng do gì khác.

Phật nói: Chơn tâm vốn tròn đầy sáng tỏ, đã gọi là vọng,

làm sao có nhân? Nếu có cái nhân, sao còn gọi là vọng? Chỉ do các vọng tưởng xoay vần, tự làm nhân cho nhau, từ mê thêm mê, trải qua vô lượng kiếp, dù được Phật phát minh đại nghĩa, còn chẳng chịu quay về. Cái nhân mê như vậy, do mê tự có, biết cái mê vô nhân thì vọng chẳng chỗ dựa; sanh còn chẳng có, lấy gì để diệt?

- Người đắc đạo Bồ Đề, như người tỉnh giấc nói việc trong chiêm bao; tâm dù rõ ràng, làm sao lấy được những vật trong chiêm bao ra? Huống là vô nhân, vốn chẳng có gì! Như Diễn Nhã Đạt Đa, đâu có nhân duyên gì mà tự sợ đầu mình bỏ chạy. Nếu bỗng nhiên hết điên, cái đầu đâu phải từ ngoài mà được; dù chưa hết điên, đầu cũng chẳng mất. Phú Lô Na, tánh vọng như thế, làm sao có nhân?... Ví như có người, nơi áo mình có hạt châu như ý mà chẳng tự biết, nghèo nàn rách rưới, ăn xin nơi phương xa. Người ấy dù nghèo, hạt châu chưa từng mất, bỗng được người trí chỉ ra hạt châu, liền thành giàu sang tùy theo ý muốn, mới ngộ bảo châu chẳng từ bên ngoài mà có.

Tức thời, A Nan ở trong chúng đánh lễ chân Phật, bạch Phật rằng: Nay Thế Tôn, nói ba nghiệp Sát, Đạo, Dâm diệt rồi thì ba nhân chẳng sanh, và tánh điên của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự dứt, dứt tức là Bồ Đề, chẳng từ người khác mà được. Thế thì rõ ràng là nhân duyên rồi, làm sao Như Lai bác bỏ nghĩa nhân duyên? Chính con do nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

Thế Tôn, nghĩa này chẳng những hàng Thanh Văn hữu

học như chúng con, cả Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề trong hội này, đều từ nơi ông lão Phạn Chí nghe cái thuyết nhân duyên của Phật, tâm được khai ngộ, thành quả vô lậu. Nay Phật nói Bồ Đề chẳng do nhân duyên, vậy thì cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo Câu Xá Ly lại thành đệ nhất nghĩa sao? Xin Phật đại bi, khai phá chỗ mê muội cho chúng con.

Phật bảo A Nan: Như Diễn Nhã Đạt Đa, nếu diệt trừ được cái nhân duyên phát điên, thì tánh chẳng điên tự nhiên hiện ra, lý cùng tột của nhân duyên và tự nhiên là vậy.

A Nan! Nếu đầu của Diễn Nhã Đạt Đa vốn tự nhiên, đã là tự nhiên, thì tại sao sợ đầu bỏ chạy? Ấy là do nhân duyên nào? Nếu đầu tự nhiên do nhân duyên nên phát điên, tại sao chẳng tự nhiên do nhân duyên mà mất đi? Đầu vốn chẳng mất, tại sao vẫn còn vọng sanh điên sợ? Thế thì đâu phải nhờ nhân duyên? Nếu bản tánh vốn tự nhiên có điên sợ, vậy khi chưa điên, cái điên ẩn núp ở chỗ nào? Nếu tánh chẳng điên là tự nhiên, đầu vốn chẳng vọng, sao lại bỏ chạy? Nếu ngộ được cái đầu vốn chẳng mất, tánh điên cuồng vốn vọng danh, thì nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận.

Cho nên ta nói ba duyên diệt rồi tức là tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề sanh, thì tâm sanh diệt được diệt, ấy cũng là sanh diệt; khi sanh và diệt đều sạch, mới gọi là vô công dụng đạo.

- Nếu có sự chẳng sanh, chẳng diệt gọi là tự nhiên, thì tâm tự nhiên này là do sanh diệt đã sạch mà hiện, ấy cũng là pháp sanh diệt, chẳng phải Bồ Đề. Cái lý chẳng sanh diệt kia

gọi là tự nhiên, cũng như các tướng lẫn lộn thành một thể của thể gian, gọi là tánh hòa hợp; cái chẳng hòa hợp thì gọi là tự nhiên. Tự nhiên chẳng phải tự nhiên, hòa hợp chẳng phải hòa hợp, tự nhiên và hòa hợp đều lìa, có lìa có hợp đều sai, đến chỗ này mới được gọi là pháp chẳng hý luận...

Ngươi dù nói lý nhân duyên, tự nhiên chắc chắn rõ ràng, người đời khen ngươi đa văn bậc nhất, với cái huân tập đa văn nhiều kiếp này, chẳng thể tránh khỏi nạn Ma Đẳng Già, Ma Đẳng Già xưa kia là dâm nữ, do sức thần chú, tiêu diệt lòng ái dục, nay trong pháp ta gọi là Tỳ Kheo Ni Tánh với Gia Du Đà La (*mẹ của La Hầu La*), cùng ngộ nhân xưa, biết được nhân duyên nhiều kiếp, đều do tham ái làm khổ, chỉ một niệm huân tu pháp vô lậu thiện, nay người thì ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ ký, sao ngươi còn tự dối, chấp nơi thấy nghe?

A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, nghi hoặc tiêu trừ, tâm ngộ thật tướng, thân ý khinh an, được pháp chưa từng có, rơi lệ đánh lễ chân Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

- Lòng vô thượng đại bi của Phật, khéo khai ngộ cho tâm chúng con, dùng đủ thứ nhân duyên và phương tiện diu dắt kẻ chìm đắm ra khỏi biển khổ. Thế Tôn, nay con dù được nghe pháp âm như thế, nhận biết diệu tâm sáng tỏ khắp mười phương thế giới, trùm chứa các cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm trong mười phương quốc độ. Như Lai lại trách con đa văn vô ích, chẳng bằng tu tập, nay con như người

phiêu bạt, bỗng được Thiên Vương ban cho cái nhà sang, dù được nhà lớn, nhưng phải biết chỗ cửa vào. Vậy xin Như Lai từ bi khai thị cho những kẻ mê muội trong hội này, lìa bỏ tiểu thừa. đều được bước lên con đường đã phát tâm từ xưa nay, thẳng đến Vô Dư Niết Bàn, khiến hàng hữu lậu biết cách uốn dẹp tâm phan duyên từ lâu đời, được pháp tổng trì, chứng nhận Tri Kiến Phật.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn thương xót hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong hội chưa được tự tại nơi tâm Bồ Đề, và chúng sanh phát tâm Bồ Đề trong đời mạt pháp, khai thị pháp tu nhiệm màu của Vô Thượng Thừa, bảo A Nan và đại chúng rằng: Các người quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với pháp Tam Ma Đề nhiệm màu của chư Phật, chẳng sanh mỗi một, trước hết nên biết hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm.

Thế nào là hai nghĩa quyết định?

Nghĩa quyết định thứ nhất: Này A Nan! Nếu các người muốn lìa bỏ Thanh Văn, tu Bồ Tát Thừa, nhập Tri Kiến Phật, thì nên xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa, với chỗ giác ngộ của quả địa là đồng hay là khác? A Nan, nếu nơi nhân địa, dùng tâm sanh diệt làm cái nhân tu hành, để cầu cho được quả chẳng sanh diệt của Phật thừa thì chẳng đúng.

Do nghĩa này, người nên xét kỹ vạn vật trên thế gian, các pháp có thể tạo ra đều phải biến diệt. A Nan, người hãy xem các pháp có thể tạo ra, có cái nào chẳng hoại chẳng? Nhưng chẳng bao giờ nghe nói hư không biến hoại. Tại sao?

Vì hư không chẳng phải là vật sở tạo, cho nên chẳng thể biến hoại.

Tánh cứng là Địa, ướt nhờn là Thủy, hơi ấm là Hỏa, lay động là Phong, do tứ đại ràng buộc, mà chia cái diệu tâm sáng tỏ của người ra thành Kiến, Văn, Giác, Tri từ vô thi, tạo thành năm lớp ô trược.

Sao gọi là trược? A Nan, ví như nước trong bản tánh thanh khiết, và những thứ bụi, đất, tro, cát, bản chất ngăn ngại, thể tánh vốn khác nhau. Bỗng có người lấy đất cát bỏ vào nước trong, làm cho đất mất ngăn ngại, nước mất thanh khiết, thành tướng vẩn đục, nên gọi là trược. Năm lớp ô trược của người cũng vậy.

- A Nan ! Người thấy hư không khắp mười phương thế giới, hư không và kiến tinh chẳng thể phân ra rõ ràng; hư không thì chẳng có bản thể, tức là ngoan không; kiến tinh thì chẳng có bản giác, tức là vô minh, cả hai giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ nhất, gọi là **Kiếp Trược**.

- Kiến, Văn, Giác, Tri vốn chẳng ngăn ngại, vì kẹt nơi tứ đại nên thành ngăn ngại; Địa, Thủy, Hỏa, Phong vốn chẳng giác tri, vì xoay chuyển theo lục căn thành có giác tri, các điều đó giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ hai, gọi là **Kiến Trược**.

- Lại, trong tâm người, tánh tướng nhớ học tập phát ra tri kiến, dung nạp lục trần, lìa trần thì chẳng có tướng, lìa giác thì chẳng có tánh, từ đó giao kết lẫn nhau vọng thành lớp thứ ba gọi là **Phiền Não Trược**.

- Lại tâm niệm của người ngày đêm sanh diệt chẳng ngừng, tri kiến thì muốn ở mãi trên thế gian nhưng nghiệp báo xoay vần lại thường đòi đổi trong lục đạo, những điều ấy giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ tư, gọi là **Chúng Sanh Trược**.

Tánh kiến văn của các người vốn chẳng khác biệt, do lục trần ngăn cách, bỗng thành khác biệt, tánh biết thì đồng, sử dụng thì khác, đồng và khác chẳng định, từ đó giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ năm, gọi là **Mạng Trược**.

- A Nan! Nay người muốn cho Kiến, Văn, Giác, Tri kế hợp với tứ đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai, trước hết phải lọc bỏ cội gốc sanh tử, dựa theo tánh trong lặng chẳng sanh diệt của diệu tâm, để xoay các thứ sanh diệt hư vọng trở về bản giác. Được tánh chẳng sanh diệt của bản giác làm cái tâm nhân địa, rồi mới viên thành sự tu chứng của quả địa. Như lắng nước đục trong đồ đựng nước, để yên mãi chẳng lay động, đất cát tự chìm và nước trong hiện ra, ấy gọi là bắt đầu uốn dẹp được khách trần phiền não; gạt bùn hết sạch, chỉ còn nước trong, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh, tướng minh thuần nhất thì tất cả biến hiện đều chẳng gây ra phiền não, và đều hợp với diệu đức trong sạch của Niết Bàn.

Nghĩa quyết định thứ hai: Các người nếu muốn phát tâm Bồ Đề nơi Bồ Tát Thừa, sanh lòng đại dũng mãnh, quyết định lìa bỏ các tướng hữu vi, nên suy xét kỹ cái cội gốc phiền não của nhuận nghiệp vô minh và nhuận sanh vô minh từ vô

thủ này là ai làm, ai chịu?

- A Nan! Người tu đạo Bồ Đề, nếu chẳng suy xét cội gốc phiền não, thì chẳng thể biết căn trần hư vọng đó điên đảo ở chỗ nào; chỗ còn chẳng biết thì làm sao uốn dẹp được nó, để chứng nhập quả vị của Như Lai?...

- A Nan! Sao gọi là thế giới chúng sanh? Thế là đời đời, Giới là phương vị, nên biết: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên phương dưới là giới; quá khứ, hiện tại, vị lai là Thế. Về phương vị của không gian có mười, về sự lưu chuyển của thời gian có ba. Không gian, thời gian cùng với sự dời đổi trong thân của tất cả chúng sanh giao lộn lẫn nhau, nên thành thế giới chúng sanh. Tánh giới dù thiết lập thành mười phương, nhưng phương vị nhất định mà người thế gián có thể rõ được, chỉ có Đông, Tây, Nam, Bắc tứ phương, còn phương trên, phương dưới và chính giữa thì chẳng có vị trí nhất định.

LỤC CĂN CÔNG ĐỨC

- Tứ phương nhân với tam thế, thành số mười hai, rồi nhân với lớp thứ ba, thành $12 \times 100 = 1200$ (Nguyên văn có nêu ra 4 lớp: 1, 10, 100, 1000). Tổng quát lại, trong lục căn mỗi mỗi có đến một ngàn hai trăm công đức.

- Như Nhãn Căn chỉ thấy phía trước, chẳng thấy phía sau, ngó qua hai bên thì ba phần chỉ thấy được hai. Tóm lại, công đức của nhãn căn chỉ được hai phần ba, vậy biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức.

- Như Nhĩ Căn nghe khắp mười phương chẳng sót, lúc động thì tựa như có xa gần, lúc tĩnh thì chẳng bờ bến, vậy biết nhĩ căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

- Như Tỷ Căn ngửi biết khi thổi ra hít vào, có ra có vào, mà sót khoảng giữa khi ra vào giao tiếp, vậy ba phần thiếu một, nên biết Tỷ Căn chỉ có tám trăm công đức.

- Như Thiệt Căn tuyên dương cùng tột trí thế gian và xuất thế gian; lời nói dù có chùng ngắn, nhưng nghĩa lý thì vô cùng, vậy biết thiệt căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

- Như Thân căn ở nơi thuận nghịch sanh ra xúc giác, (*khi hợp thì năng giác có xúc giác*), khi lìa thì bất tri (*chẳng xúc giác*), lìa chỉ có một, hợp thì thành hai, (*khi lìa chỉ có một năng hoặc một sở chẳng định, khi hợp thì gồm đủ năng sở thành có hai*), vậy ba phần thiếu một, nên biết thân căn chỉ có tám trăm công đức.

- Như Ý Căn thầm lặng mà cùng khắp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian trong mười phương tam thế, cùng tột thánh phàm, đều bao gồm trong đó, vậy biết ý căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

- A Nan! Nay ngươi muốn ngược dòng sanh tử, trở về nguồn gốc của lưu chuyển, đến chỗ chẳng sanh diệt, thì nên xét kỹ sự thọ dụng của lục căn này, cái nào hợp cái nào lìa; cái nào sâu, cái nào cạn; cái nào viên thông, cái nào chẳng viên thông. Nếu ngay nơi những căn này ngộ được căn nào viên thông, nương theo căn viên thông đó mà xoay ngược

dòng nghiệp hư vọng từ vô thì so với các căn khác, hiệu quả gấp nhiều lần, một ngày bằng một kiếp.

- Nay ta đã hiển bày một số công đức của lục căn như vậy, tùy người lựa chọn căn nào để nhập thì ta sẽ phát minh, khiến người được thêm tinh tấn. Mười phương Như Lai nơi thập bát giới, mỗi người mỗi chọn một giới theo đó mà tu hành, đều được Vô Thượng Bồ Đề, trong đó vốn chẳng hơn kém. Vì người nay còn thấp kém, chưa thể phát huy trí tuệ tự tại, nên ta khai thị căn viên thông, khiến người từ một cửa đi vào. Vào sâu một cửa đến chỗ chẳng vọng, thì tất cả lục căn đều nhất thời trong sạch.

- Bạch Thế Tôn, tại sao ngược dòng sanh tử đi sâu vào một căn, có thể khiến lục căn đều nhất thời trong sạch?

Phật bảo A Nan: Nay người đã được quả Tu Đà Hoàn, diệt được kiến hoặc của chúng sanh ba cõi trên thế gian, nhưng còn chưa biết những tập khí hư vọng đã tích chứa trong căn từ vô thì, tập khí ấy phải nhờ tu đạo mới được dứt trừ. Khi đã dứt trừ, tức là đến bậc vô học, chẳng những biết được quá trình đời đời của sanh, trụ, dị, diệt nơi một chúng sanh, mà còn biết được những hành tướng vi tế, niệm niệm đời đời của tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới.

- Nay người hãy xét lục căn này là nhất hay lục? A Nan, nếu cho là nhất, thì tại sao chẳng thấy, mắt sao chẳng nghe, đầu sao chẳng đi, chân sao chẳng nói? Nếu cho là lục, như ta ở trong hội vì người chỉ dạy pháp môn nhiệm màu, vậy lục căn của người căn nào lãnh thọ?

A Nan đáp: Con dùng tai nghe.

Phật nói: Tai người tự nghe có liên quan gì đến thân miệng, mà miệng thì hỏi đạo, thân tỏ cung kính? Vậy biết phi nhất thành lục, phi lục thành nhất... Vậy biết sự thọ dụng của lục căn cũng như vậy.

- Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn, cho đến Ý căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ sanh và diệt tương tục lẫn nhau, dính bụi thành cái biết, cái biết gặp pháp trần, ôm pháp trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là cái ý suy tư như sự thấy trong phòng tối. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo pháp trần tạo đủ thứ nghiệp.

- A Nan! Lục căn như thế, do giác minh kia có năng minh để minh cái giác, thì đánh mất cái tinh minh liễu triệt ấy (*tự tánh*), thành ra dính mắc nơi hư vọng, rồi phát ra ánh sáng (*cái ánh sáng do hư vọng phát ra, thì sáng chẳng phải sáng thật*). Cho nên người hôm nay, lìa tối lìa sáng thì chẳng có cái thấy; lìa động lìa tịnh thì vốn chẳng cái nghe; không thông không nghẽn thì cái tính chẳng người chẳng sanh; không vị không lạt thì sự nếm chẳng ra; bất ly bất hợp thì xúc giác vốn chẳng có; không sanh không diệt thì sự liễu tri đặt ở chỗ nào?

- Người chỉ cần chẳng duyên theo sự động tịnh, hợp ly, vị lạt, thông nghẽn, sanh diệt, sáng tối, mười hai tướng hữu vi này, tùy tiện nhổ ra một căn, thoát khỏi sự dính mắc, trở về bản tánh chân thật, hiện ra sự chiếu soi của tự tánh. Tánh

chiếu soi phát ra ánh sáng, thì sự dính mắc của ngũ căn kia liền cũng được giải thoát và tri kiến khởi lên, chẳng do cảnh trần. Chiếu soi chẳng duyên theo lục căn, mà nhờ lục căn phát ra ánh sáng, do đó, sự dụng của lục căn dung thông lẫn nhau.

LƯỢC GIẢNG

Ngài Phú Lô Na chấp “phân biệt chiếu soi” làm tâm, nên đức Phật chỉ cái hành tướng của vọng, từ nơi tâm của mọi người khởi lên một cách rõ ràng.

Một vọng niệm vừa nổi lên, thì có trăm ngàn vọng niệm khác tiếp tục theo sanh ra, cho đến vô cùng tận. Như đó mà có hư không, thế giới và chúng sanh đồng thời hiện ra. Cũng như người đương thức (dự chơn tâm) bỗng chốc buồn ngủ nổi lên (dự vô minh vọng động) chiêm bao thấy có núi sông, nhà cửa các cảnh vật hiện ra (dự hư không, thế giới và chúng sanh).

Vì tâm vọng động nên biến hiện ra ngoài thế giới có gió. Vì tâm cố chấp, cho nên biểu hiện ra ngoài thế giới có vàng ngọc. Vì tâm nóng nảy, nên biểu hiện ra ngoài thế giới có lửa. Vì tâm tham ái, cho nên biểu hiện ra ngoài thế giới có nước.

Bản tánh diêu viên trong lặng, gặp sắc trần thì thành cái thấy, gặp thanh trần thì thành cái nghe v.v.. nên gọi là diêu viên. Nước trong lặng vốn chẳng dính mắc, do bụi trần lọt vào thành có dính mắc. Tánh của địa, thủy, hỏa, phong vốn đều không tịch nên gọi là thanh tịnh tứ đại hải, gốc căn

ẩn bên trong, trần phù bên ngoài, nên gọi là phù căn, tướng của địa, thủy, hỏa, phong vốn đều lay động nên gọi là tứ trần. Nếu như sự thấy trong phòng tối thì đâu thể có phù căn tứ trần? Vì tánh “không” lìa bản giác thành ám muội, cái ám muội này kết với tối đen thành sắc trần; tối đen và sắc trần xen lộn với vọng tưởng, lay động bên trong thành có đen tối để thấy, cũng có thể gọi là phù căn tứ trần vậy, nên nói như sự thấy trong phòng tối.

Thanh tịnh tứ đại là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của Thắng nghĩa căn, hai chữ Thắng Nghĩa là để hiển bày cái nghĩa lý siêu việt hơn nghĩa lý thông thường. Vì hay chiếu soi cảnh trần, phát ra cái thức phân biệt, cũng gọi là Tịnh sắc căn. Phù trần căn là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của phù trần căn, vì hay lưu chuyển theo cảnh trần, tạo đủ thứ nghiệp vậy.

Nghĩa quyết định thứ nhất Phật dạy: Nếu dùng vọng tâm là tu nhơn, mà muốn đặng quả thường trụ, thì như người nấu cát muốn cho thành cơm, dầu trải qua bao nhiêu kiếp cũng không thể được. Hành giả phải an trụ nơi chơn tâm làm nhơn địa tu hành, thì mới đặng quả Phật bất sanh bất diệt.

Nghĩa quyết định thứ hai: Vì sáu căn làm mai mối, dẫn chúng sanh ra sáu thức là lục tặc, cướp hại chơn tánh. Nghĩa là vì căn đối với cảnh, khởi vọng niệm phân biệt, nên chơn tâm phải bị mờ. Cũng như gió xao động, chặn cáu nổi lên, nên tánh nước trong phải ẩn.

KINH VĂN

- A Nan! Người há chẳng biết hiện trong hội này, A Na Luật Đà chẳng mắt mà thấy; rồng Bạt Nan Đà chẳng tai mà nghe; thần nữ Căng Già chẳng có mũi mà ngửi hương; Kiều Phạm Bát Đề lưỡi trâu mà biết vị; thần Thuấn Nhã Đa bản chất là gió, vốn chẳng tự thể, do ánh sáng tự tánh, tạm hiện hình bóng, nên chẳng có thân mà biết xúc; các hàng Thanh văn được diệt tận định trong hội này như Ma Ha Ca Diếp, ý căn đã diệt từ lâu mà vẫn rõ biết khắp nơi, chẳng do tâm niệm.

- A Nan! Nếu các căn của người đều đã được giải thoát, thì sự dụng của tự tánh tự hiện, như trong lặng phát ra ánh sáng, phủ trần và các tướng biến hóa đều tiêu, như nước sôi làm tan băng đá, ngay đó liền hóa thành Vô Thượng Tri Giác.

- A Nan! Như người thế gian cho sự thấy do con mắt, nếu bỗng nhắm mắt lại thì tướng tối hiện ra, lục căn mịt mù, đầu và chân giống nhau. Người ấy dùng tay sờ thân người khác, mắt dù chẳng thấy, nhưng vẫn phân biệt được đầu và chân, vậy sáng tối dù khác, mắt dù chẳng thấy, nhưng vẫn phân biệt được đầu và chân, vậy sáng tối dù khác, tánh biết vẫn đồng. Nếu duyên sáng mới có thấy thì tối thành chẳng thấy, nếu chẳng duyên sáng mà phát ra tánh thấy, thì các tướng tối chẳng thể làm mờ được. Căn trần đã tiêu, thì giác tánh đâu thể chẳng thành diệu viên?

A Nan bạch Phật rằng: Như lời Phật dạy, nếu muốn cầu được quả thường trụ, thì chỗ phát tâm của nhân địa và

quả địa phải cân xứng với nhau. Thế Tôn, trong quả vị Như Lai, bảy thứ: Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như, Phật tánh, Am Ma La Thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, tên gọi dù khác, nhưng thể tánh trong sạch viên mãn kiên cố như Kim Cang Vương, thường trụ chẳng hoại.

- Nếu cái thấy nghe này là những tướng sáng tối, động tịnh, thông nghẽn vốn chẳng tự thể, cũng như tâm niệm là nơi tiền trần vốn chẳng có gì cả, thì tại sao lại có thể đem sự đoạn diệt này làm nhân tu, mà mong cầu bảy quả thường trụ của Như Lai.

- Thế Tôn, nếu là sáng tối thì cái thấy thành không có, nếu chẳng có tiền trần thì tâm niệm tịch diệt, nghĩ tới nghĩ lui, suy xét tỉ mỉ, vốn chẳng có cái tâm và tâm sở của con, vậy lấy gì làm nhân để cầu quả Vô Thượng Giác? Như Lai trước kia đã nói tánh giác trạm nhiên thường trụ, vậy lời nói trái với lẽ thường thì chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói của Như Lai là chơn thật? Xin Phật từ bi khai mở chỗ mê muội của con...

Tức thời Phật bảo La Hầu La đánh ba lần, mỗi lần một tiếng chuông, và hỏi A Nan: Nay người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: Có nghe!

Khi tiếng chuông dứt rồi, Phật lại hỏi:

- Các người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: Chẳng nghe!...

Phật hỏi A Nan: Người cho biết thế nào là có tiếng, thế

nào là chẳng có tiếng?

A Nan bạch Phật rằng: Khi tiếng chuông đánh lên thì gọi là có tiếng, khi tiếng chuông ngưng rồi, âm vang đều dứt, thì gọi là chẳng có tiếng.

- Lời nói các ông sao tự càn loạn với nhau!

- Sao gọi chúng con là càn loạn?

Phật nói: Ta hỏi về nghe thì các người nói nghe, ta hỏi về tiếng thì các người nói tiếng, cái nghe và tiếng trả lời chẳng định, không phải càn loạn là gì?

Này A Nan! Tiếng dứt chẳng âm vang thì người nói là chẳng nghe, nếu thật chẳng nghe thì tánh nghe phải diệt, đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên, thì người làm sao biết được? Biết có biết không ấy là thanh trần, hoặc có hoặc không đâu phải tánh nghe vì người mà thành có thành không? Nếu tánh nghe thật không thì ai biết không nghe?

- A Nan! Thanh trần ở trong tánh nghe tự có sanh diệt, chẳng phải tánh nghe của người theo thanh trần sanh diệt khiến tánh nghe thành có thành không. Người còn điên đảo nhận lầm là thanh trần là tánh nghe, lạ gì chẳng mê muội cho Thường là Đoạn?

- Tóm lại, chẳng nên cho rằng lìa các tướng động, tịnh, thông, bí, nói chẳng có tánh nghe...

Các chúng sanh từ vô thủy, nương theo sắc thanh, đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển, chưa từng khai ngộ bản

tánh trong sạch thường trụ, chẳng theo tánh chơn thường, lại đuổi theo sanh diệt, do đó đời đời bị xoay vần trong vòng tạp nhiễm.

Nếu bỏ sanh diệt, giữ tánh chơn thường, thì ánh sáng Chơn thường tự hiện, căn, trần, tâm thức, ngay đó liền tiêu; tướng vọng tướng là trần, tánh phân biệt là cấu, cả hai đều xa lìa, thì pháp nhãn của người liền được trong suốt, thành Vô thượng tri giác.

LƯỢC GIẢNG

Phật dạy Ngài Phú Lô Na, về: “Thắng nghĩa” của các pháp, vấn đề cội nguồn của sự vật hiện tượng vạn pháp. Tức là đề cập đến tánh Chơn như, bàn đến tánh Thường tịnh của vạn pháp. Địa thủy hỏa phong... đầy khắp pháp giới mà tánh hư không, không bị choán mất tiêu vong, vì vậy nên Như Lai nói: Tánh sắc chơn không. Hư không có đủ tất cả tánh chất của địa, thủy, hỏa, phong... Vì vậy Như Lai mới nói: Tánh không chơn sắc (Chỉ tánh phải được hiểu thể tánh của các tánh). Thủy đại đầy khắp pháp giới mà không triệt tiêu hỏa đại, không ngập chìm tất cả thế gian, vì vậy Như Lai nói: Tánh thủy chơn không. Pháp giới không đại, vốn không phải là thủy đại, vậy mà trong không đại khắp đầy đủ thủy đại, cho nên Phật dạy: Tánh không chơn thủy, Hỏa đại đầy khắp hư không mà không cháy sơn hà thảo mộc vạn hữu thế gian. Vì vậy Phật nói: Tánh hóa chơn không. Hư không vốn không hỏa nhưng lúc chúng sanh cần thì hỏa có trong hư không, cho nên Phật dạy: Tánh không chơn hỏa... các đại còn lại

cũng suy nghĩ như vậy...

Tánh các đại vốn không ngăn ngại gì nhau, người đệ tử Phật đọc đến đây có thể nhận thức rõ chơn lý: Sắc bất dị không; không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc rồi vậy.

Nói đến chung sanh tương tục phải đề cập hai phần: vật lý và tâm lý tổ hợp mà hình thành. Cái động cơ thúc đẩy khiến cho chúng sanh sanh tử tương tục là nghiệp. Nghiệp là hành động được biểu hiện qua thân, miệng và ý thức, trong đó ý thức là then chốt. Do ý nhận thức sai lầm về “Tánh giác diệu minh” là mê mờ chơn lý nhân sanh quan. Vấn đề “Vọng năng” “Vọng sở” là vấn đề tối hệ trọng. Bởi vì con người vốn không phải là kẻ năng cầu, năng lễ và năng nguyện, để được giáng phúc, ban ơn do đấng sở lễ, sở cầu, sở nguyện nào đó. Nhưng khi đã bị vọng tưởng sai lầm biến con người thành “Vọng năng” rồi thì “Vọng sở” đương nhiên chấp nhận có. Có năng sở tức là có chủ thể và đối tượng. Thế rồi ý trái sanh ghét, ý đồng sanh thương... Dòng nước ân ái yêu thương kết thành tập khí chủng tử. Hấp dẫn đồng nghiệp tác hợp với phôi. Phôi lớn thành thai, rồi Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái... theo thời gian mà phát triển. Thai nhờ tình mà có. Noãn do tưởng mà sanh, Thái nhờ hợp mà cảm. Hóa bởi ly mà ứng. Tình, tưởng, hợp, ly theo sức nghiệp mà lúc xuống khi lên. Do vậy mà chúng sanh tương tục.

Về nghiệp quả tương tục, Phật chỉ rõ bởi ba nguyên nhân chánh: Tưởng và ái nặng, biểu hiện của con người nhiều

dục và nhiều tham. Dục và tham là một trong ba nguyên nhân làm cho chúng sanh gánh chịu nghiệp quả tương tục.

Trái với giác tánh hợp với trần lao là tâm trạng chung của tất cả mọi người thế gian chưa đủ điều kiện quay về đường giải thoát giác ngộ. Người ta thường nhận thức, đánh giá và đặt tên cho sự vật theo tri kiến chủ quan của mình. Do vậy chủ thể và đối tượng hiển nhiên. Năng và sở đối lập, như, ngã, bi, thử bởi bởi rối rắm. Đó là hậu quả của sự Bội giác hợp trần.

Phật vẫn là một con người, nhưng khác với mọi người ở chỗ là không nhận thức đánh giá sai lầm sự vật hiện tượng theo tri kiến đảo điên chủ quan. Mà Như Lai sống đúng, sống hợp với tánh giác diệu minh của Như Lai Tàng và duyên sanh Như vậy của hiện tượng vạn hữu.

Nhận thức hiện tượng vạn hữu qua Tri Kiến Phật thì một là tất cả, tất cả là một, ngồi trong vi trần bé xíu mà chuyển xe pháp vĩ đại bao la. Ngôn ngữ đoạn kinh này, nếu y văn mà hiểu nghĩa thì rõ là oan cho ba đời chư Phật. Tâm nghĩa của đoạn kinh này, nhằm dạy cho đệ tử Phật về vấn đề bản thể chung cùng của hiện tượng vạn hữu, với tri kiến đó gọi là Như Lai là bậc Bội trần hợp giác.

Chú thích từ ngữ:

Chung (Chuông, H. 鐘): Chuông, tên một loại Pháp Khí được dùng trong các tự viện Phật Giáo để báo thì giờ, tập trung tăng chúng, nhưng qua đoạn kinh văn trên thì Chuông, Tiếng chuông đã được nói đến trong thời Đức Thích Tôn

tại thế. Ở Ấn Độ, khi triệu tập tăng chúng, thay cho Chung (chuông), người ta thường đánh loại Kiền Chuỳ (S. ghaṇṭā, H. 犍椎) bằng gỗ. Như trong Tăng Nhất A Hàm Kinh (增壹阿含經 Taishō Vol. 2, No. 125) quyển 24 có ghi lại việc đức Phật dạy tôn giả A Nan đánh Kiền Chuỳ để tập trung đại chúng: Nhữ kim ư lộ địa tốc kích Kiền Chuỳ, sở dĩ nhiên giả? Kim thất nguyệt thập ngũ nhật thị thọ tuế chi nhật (汝今於露地速擊犍椎, 所以然者? 今七月十五日受歲之日。 Các người nay ở nơi đất trống mau đánh Kiền Chuỳ, vì cớ sao vậy? Vì hôm nay ngày 15 tháng 7 là ngày nhận thêm tuổi).

Chuông có hai loại chính: Phạn Chung (梵鐘) và Hoán Chung (喚鐘). (1) Phạn Chung, còn gọi là Đại Chung (大鐘 chuông lớn), Điều Chung (釣鐘), Chàng Chung (撞鐘), Hồng Chung (洪鐘), Kinh Chung (鯨鐘), Bồ Lao (蒲牢), Hoa Kinh (華鯨), Hoa Chung (華鐘), Cự Chung (巨鐘) v.v... thông thường cao khoảng 150cm, đường kính khoảng 60cm; được treo trên lầu chuông, dùng để triệu tập đại chúng, hay để báo thời khắc sáng tối. Phần trên của Phạn Chung có đầu rồng, được gọi là Điều thủ (釣手 tay câu); phần bên dưới có hình hai toà hoa sen tương đối, được gọi là Bát diệp (八葉 tám cánh). Trong Thiền lâm, chuông này được dùng để thông báo thời gian Tọa Thiền (坐禪) vào đầu đêm, nên có tên là Định Chung (定鐘); hay để thông báo đại chúng vào Tăng Đường (僧堂), được gọi là Nhập Đường Chung (入堂鐘).

Về ngữ nghĩa Bồ Lao, Lý Thiện (李善 630 - 689), học giả

thời nhà Đường, có chú dẫn lời của Tiết Tông (薛綜 ? - 243) nhà Ngô thời Tam Quốc rằng: Hải trung hữu đại ngư viết Kinh, hải biên hữu thú danh Bồ Lao; Bồ Lao tố úy Kinh, Kinh Ngư kích Bồ Lao, triếp đại minh; phàm chung dục linh thanh đại giả, cố tác Bồ Lao ư thượng, sở dĩ chàng chi giả vi Kinh Ngư (海中有大魚曰鯨, 海邊又有獸名蒲牢, 蒲牢素喂鯨, 鯨魚擊蒲牢輒大鳴。凡鐘欲令聲大者, 故作蒲牢之上。所以撞之者爲鯨魚。 Trong biển có con cá lớn gọi là Kinh, ven biển lại có con thú tên là Bồ Lao; Bồ Lao chẳng sợ cá Kinh, cá Kinh đánh Bồ Lao, thường tạo ra tiếng vang lớn; hễ chuông muốn có âm thanh lớn thì nên tạc hình con Bồ Lao lên trên, vì vậy vật để đánh chuông là cá Kinh). Cho nên, dù đánh chuông thường được khắc hình con cá Kinh. Theo Thăng Am Ngoại Tập (升庵外集) quyển 95 của Dương Thận (楊慎 1488 - 1559) nhà Minh cho biết rằng tục truyền rằng sinh ra chín con, con thứ ba tên là Bồ Lao, hình như con rồng nhưng nhỏ; và nay chính là hình con rồng trên đầu chuông. (2) Hoán Chung (喚鐘), còn gọi Bán chung (半鐘 chuông bằng một nửa), Tiểu chung (小鐘 chuông nhỏ) thông thường cao khoảng 60 đến 80cm, dùng để thông báo bắt đầu tiến hành pháp hội, v. v. . . nên được gọi là Hành Sự Chung (行事鐘). Tại Trung Quốc, từ xưa đã có chế tạo chuông bằng đồng, nhưng không rõ nguồn gốc.

Trong Quảng Hoảng Minh Tập (廣弘明集 Taishō Vol. 52, No. 2103) quyển 28, cho biết rằng vào năm 566 (Thiên Hoà thứ 5) nhà Bắc Chu, có bài Chu Võ Đế Nhị Giáo Chung Minh (周武帝二教鐘銘); Đường Thái Tông Đại Hưng Thiện

Tự Chung Minh (唐太宗大興善寺鐘銘), Đường Đông Cung Hoàng Thái Tử Tây Minh Tự Chung Minh (唐東宮皇太子西明寺鐘銘) v.v... Theo Tục Cao Tăng Truyện (續高僧傳 Taishō Vol. 50, No. 2060) quyển 29, truyện Trí Hưng (智興傳), vào năm 609 (大業Đại Nghiệp thứ 5) nhà Tùy, trong khi trú tại Thiền Định Tự ở Kinh Sư (禪定寺在京師), Trí Hưng đã từng giữ chức Thời Chung (時鐘). Theo thông tin trên, việc tạo lập Phạn Chung từ thời Bắc Chu trở đi đã bắt đầu thịnh hành. Ngoài ra, chuông ở Hàn Sơn Tự (寒山寺), Tô Châu (蘇州), nhờ bài Phong Kiều Dạ Bạc (楓橋夜泊) của thi nhân Trương Kế (張繼 ? - 779) Nhà Đường mà trở nên nổi tiếng. Căn cứ vào tác phẩm Nhập Đường Cầu Pháp Tuần Lễ Ký (入唐求法巡禮記) quyển 3 của Viên Nhân (圓仁 Ennin, 794 - 864), vị tăng Nhật Bản sang nhà Đường cầu pháp, tại Ngũ Đài Sơn (五臺山) có hàng lâu chuông với chuông vàng, lâu báu, là nơi Bồ Tát Văn Thủ thường thị hiện. Tại Nhật Bản, hiện còn lưu lại một số chuông được đưa từ Trung Quốc vào, như chuông ở Vũ Tá Thần Cung (Usa Jingū) vùng Phong Tiền (Buzen); ở Ba Thượng Cung (Nami - no - uegū) vùng Lưu Cầu (Ryūkyū); ở Viên Thành Tự (Onjō-ji) vùng Cận Giang (Ōmi), v. v. . chuông hiện tồn tối cổ được đúc vào năm 698 (Văn Võ Thiên Hoàng thứ 2), và bảo lưu tại Diệu Tâm Tự (Myōshin-ji), Kyoto. Chuông đối với việc tu hành có công đức rất lớn và đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống tâm linh của tín đồ Phật Giáo.

Trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy (敕修百丈叢林清規 Taishō Vol. 48, No. 2025) quyển 8, chương Pháp Khí thứ

9, phần Chuông, có giải thích rằng: Chung hữu tiểu, đại, báo chi biệt. Đại Chung, tùng lâm hiệu lệnh tư thi dã, hiểu kích tác phá trường dạ cảnh thủy miên, mộ kích tắc giác hôn cù sơ minh muội... (鐘。有小。大。報。之別。大鐘。叢林號令資始也。曉擊。則破長夜。警睡眠。暮鳴則覺昏衢。疏冥昧。引杵宜緩。揚聲欲長。凡三通。緊緩各一十八椎。總一百零八下。起止三下稍緊。與大鼓。報鐘。互相照應。Chuông có nhỏ, lớn, báo hiệu sai khác. Chuông lớn là vật khởi đầu hiệu lệnh trong tùng lâm; đánh buổi sáng thì phá tan đêm dài, đánh thức ngủ say; đánh buổi tối thì làm tỉnh thức con đường mê muội, tối tăm...).

Trong Sa Di Luật Nghi Tỳ Ni Nhật Dụng Hợp Tham (沙彌律儀毘尼日用合參Tục Tạng Kinh Vol. 60, No. 1120) lời dạy rằng: Hồng chung chấn hưởng giác quần mê, thanh biến thập phương vô lượng độ, hàm thức quần sanh phổ văn tri, bạc trừ chúng sanh trường dạ thống, Lục Thức thường hôn chung dạ khổ, vô minh bị phú thức mê tình, tĩnh dạ văn chung khai giác ngộ, di thần tịnh sát đắc thần thông. (洪鐘震響覺群迷, 聲遍十方無量土, 含識群生普聞知, 拔除衆生長夜痛, 六識常昏終夜苦, 無明被覆識迷情, 靜夜聞鐘開覺悟, 怡神淨刹得神通. Hồng chung vang vọng tinh quần mê, tiếng khắp mười phương vô lượng cõi, nhận thức quần sanh khắp nghe biết, đoạn trừ chúng sanh đêm dài khổ, Sáu Thức thường mờ suốt đêm khổ, vô minh che lấp cõi mê tình, đêm lắng nghe chuông bày giác ngộ, hân hoan trong sạch chứng thần thông).

Lại nữa, trong Thích Môn Chánh Thống (釋門正統 Tục Tạng Kinh Vol. 75, No. 1513) quyển 4 có dẫn lời dạy của Kinh Tăng Nhất A Hàm (增壹阿含) rằng: Nhược đả chung thời, nhất thiết ác đạo chư khổ, tinh đắc đình chỉ (若打時。願一切惡道諸苦。並皆停止。 nếu khi thỉnh chuông hết thấy các nỗi khổ của đường ác, đều được dừng lại). Trong Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện (付法藏因緣傳 Taishō Vol. 50, No. 2058) quyển 5 có ghi lại câu chuyện quốc vương nước Nguyệt Chi là Chiên Đàn Kế Nặc Tra (梅檀罽昵吒) cùng giao chiến với nước An Tức, sát hại 9 ức người. Do vì nhân ác đó, nhà vua sau khi chết bị đọa là thân có cá có ngàn cái đầu, vòng kiếm quanh thân chém đứt từng đầu, nhưng rồi lại sanh ra đầu khác; đau đớn vô cùng, không thể nào kể xiết. Tuy nhiên, mỗi khi nghe tiếng chuông thì vòng kiếm kia dừng lại; cho nên nhà vua cầu xin vị La Hán thường xuyên đánh chuông. Vì này thương xót, đánh chuông liên tục trong vòng 7 ngày thì không còn chịu khổ nữa. Trong Tục Cao Tăng Truyện (續高僧傳 Taishō Vol. 50, No. 2060) quyển 29, phần Đường Kinh Sự Đại Trang Nghiêm Tự Thích Trí Hưng Truyện (唐京師大莊嚴寺釋智興傳) có đề cập đến câu chuyện người anh của sư trên đường cùng với nhà vua đến Bành Thành (彭城) thì đột nhiên qua đời giữa đường. Người này về báo mộng cho vợ biết rằng mình đã chết, nay đọa xuống Địa Ngục, chịu khổ báo vô cùng, nên bảo rằng: Lại dĩ kim nguyệt sơ nhật môn Thiền Định Tự tăng Trí Hưng minh chung phát thanh hưởng chấn Địa Ngục, đồng thọ khổ giả nhất thời giải thoát (賴以今月初日蒙禪定寺僧智

興鳴鐘發聲響振地獄，同受苦者壹時解脫 vào ngày mồng một tháng này, nhờ tăng sĩ Trí Hưng ở Thiên Định Tự đánh chuông phát ra tiếng vang chấn động Địa Ngục, khiến cho người chịu khổ nhất thời được giải thoát.

Đại Đường Tây Vực Ký (大唐西域記 Taishō Vol. 51, No. 2087) quyển 1 ghi lại câu chuyện vua Ca Nị Sắc Ca (SKaniska, P: Kanisika, H. 迦膩色迦) của vương quốc Kiện Đà La (S, P: Gandhāra, H. 健馱羅) nhận lời thỉnh cầu của con rồng ác, kiến lập chùa chiền, đánh chuông và nhờ đó mà tâm sân hận của rồng được tiêu tan. Vì tầm quan trọng của tiếng chuông như vậy, trong Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết yếu Hương Nhũ Ký (毘尼日用切要香乳記, 卞Tục Tạng Kinh Vol. 60, No. 1116) trích dẫn lời dạy của Tạng Thí Dụ Kinh về thái độ của người nghe chuông: Sở tại văn chung thanh, ngoạ giả tất tu khởi, hiệp chưởng phát thiện tâm, hiền thánh giai hoan hỷ (所在聞鐘聲，卧者必須起，合掌發善心，聖賢皆歡喜 Nơi mình nghe tiếng chuông, người nằm phải nên dậy, chắp tay phát thiện tâm, hiền thánh đều hoan hỷ). Cũng điển tịch này có dẫn lời của cổ đức rằng: Văn chung ngoạ bất khởi, hộ pháp thiện thần sân, hiện tiền giảm phước huệ, lai thế đoạ xà thân (聞鐘卧不起，護法善神嗔，現前減福慧，來報受蛇身。 Nghe chuông nằm không dậy, hộ pháp thiện thần sân, hiện tiền giảm phước huệ, đời sau đoạ rắn thân). Theo nghiên cứu cho thấy rằng trong bộ Toàn Đường Thi cũng như Toàn Đường Thi Bổ Biên (全唐詩亦如全唐詩補編), có gần 1.100 câu thơ về tiếng chuông, về Phạm Chung có 300 câu, cho ta thấy tầm quan trọng của tiếng chuông chùa như thế nào.

Một số tác phẩm liên quan đến tiếng chuông. Trong bài Trường Thọ Tự Xán Công Viện Tân Trúu Tĩnh (長壽寺粲公院新甃井) của Lý Kì (李頎 690 - 751) có đoạn: Tăng phòng lại trú cửu, lộ tỉnh mỗi đồng quan, bạch thạch bảo tân trúu, thương đài y cựu lan, không bình uyển chuyển hạ, trường cảnh lộc lô bàn cảnh giới nhân tâm tịnh, tuyền nguyên kiến để hàn, chung minh thời quán đảnh, đối thử nhật nhàn an (房來住久，露井每同觀，白石袍新甃，蒼苔依舊欄，空瓶宛轉下，長綆輓轡盤，境界因心淨，泉源見底寒，鐘鳴時灌頂，對此日閒安. Tăng phòng đến đây ở, giếng nước ngày mỗi xem, đá trắng che mặt giếng, rêu xanh vẫn lan cùng, gàu nước buông thông thả, dây dài theo trục xoay, cảnh giới theo tâm lắng, suối nguồn tận đánh trong, chuông ngân dài quán đảnh, đối diện ngày an nhàn). Trương Kế (張繼) có làm bài Phong Kiều Dạ Bạc (楓橋夜泊): Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên, giang phong ngư hoả đối sầu miên, Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự, dạ bán chung thanh đáo khách thuyền (月落烏啼霜滿天，江楓魚火對愁眠，姑蘇城外寒山寺，夜半鐘聲到客船. Trăng tà chiếc quạt kêu sương, lửa chày cây bến, sầu vương giấc hồ, thuyền ai đậu bến Cô Tô, nửa đêm nghe tiếng chuông Chùa Hàn Sơn).

Như trong Văn Đường Chung Thanh (晚唐鐘聲) của Phó Đạo Bản (傅道彬) có nêu một đoạn trong bài thơ Du Long Môn Phụng Tiên Tự (遊龍門奉先寺) của Đỗ Phủ (杜甫 712 - 770): Dĩ tùng Chiêu Đề du, cánh túc Chiêu Đề cảnh, âm hác sanh hư lại, nguyệt lâm tán thanh ảnh, thiên khuyết tượng vĩ bức, vân ngoạ y thường lãnh, dục giác văn thần

chung, linh nhân phát tâm tỉnh (已從招提遊，更宿招提境，陰壑生虛籟，月林散清影，天闕象緯逼，雲卧衣裳冷，欲覺聞晨鐘，令人發深慳。 Từ độ thăm Chiêu Đền, lại luyến cảnh Chiêu Đền, hang tối vang tiếng vọng, rừng trắng bóng tỏ mờ, cổng trời bóng voi hiện, mây nằm áo lạnh băng, muốn dậy nghe chuông sớm, khiến người tỉnh thức sâu). Trong bài Kinh Thiếu Lâm Tinh xá Ký Đô Ấp Thân Hữu (經少林精舍寄都邑親友) của Vi Ứng Vật (韋應物 737 - 792) có câu: Xuất hiến thính vạn籁, nhập lâm trạc u huyền, minh chung sanh đạo tâm, mộ khánh không vân yên (出巖聽萬籟，入林濯幽泉，鳴鐘生道心，暮磬空雲煙。 Ra hang vạn dây vương, vào rừng rửa suối thiêng, chuông ngân sanh đạo tâm, khánh nhiều mây khói nguyện). Lô Luân (盧綸 739 - 799) có làm bài Thù Quý Đuan Công dã tự bệnh cư kiến ký (酬季端公野寺病居見寄): Dã tự chung hôn sơn chánh âm, loạn đảnh cao trúc thủy thanh tâm, điền phụ tự hướng hoàn y thảo, dã trĩ kinh phi bất quá lâm, trai mộc tạm tư đồng tĩnh thất, thanh luy dĩ giác trợ Thiền tâm, tịch mịch nhật trường thủy vấn tậ, liệu quân duy thủ cổ phương tầm (野寺鐘昏山正陰，亂藤高竹水聲深，田夫就餉還依草，野雉驚飛不過林，齋沐暫思同靜室，清羸已覺助禪心，寂寞日長誰問疾，料君惟取古方尋。 Chùa hoang chuông chiều núi toả râm, dây leo trúc bám tiếng nước trầm, nông phu cất bước theo lối cỏ, gà đồng kinh hoảng bay qua rừng, chay tịnh ưu tư cùng tịnh thất, gầy xanh mới rõ ấy Thiền tâm, vắng lặng tháng ngày ai hỏi bệnh, khuyên người thôi chớ nhọc công tìm). Hay trong bài Du Vân Tế Tự (遊雲際

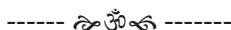
寺) của Chương Hiếu Tiêu (章孝標) có câu: Vân lãnh phù danh khứ, chung chàng đại mộng tỉnh, mang mang sơn hạ sự, mẫn nhãn tống lưu bình (雲領浮名去, 鐘撞大夢醒, 茫茫山下事, 滿眼送流萍。Mây núi phù danh bỏ, chuông ngân đại mộng tỉnh, mênh mang chuyện đời mặc, trước mắt bèo dạt trôi). Trong bài Tặng Thiên Khanh Tự Thần Lượng Thượng Nhân (贈天卿寺神亮上人) của Triệu Hổ (趙嘏806 - 853) cũng có đề cập đến tiếng chuông: Ngũ khán xuân tận thử giang phần, hoa tự phiêu linh nhật tự huân, không hữu từ bi tùy vật niệm, dĩ vô tung tích tại nhân quần, ngênh thu nhật sắc diêm tiền kiến, nhập dạ chung thanh trúc ngoại văn, tiểu chỉ bạch liên tâm tự đắc, thế gian phiền não thị phù vân (Năm bận đón xuân nơi bến sông, ngày nắng chói chang hoa phiêu bồng, không tâm từ bi theo vật nhớ, đã chẳng dấu tích chốn nhân quần, đón thu ngày mới trước thềm thấy, đêm về chuông vọng trúc ngoài vang, cười chỉ trắng sen lòng tự đắc, thế gian phiền não ấy phù vân). Hay như trong bài Quá Hương Tích Tự (過香積寺) của Vương Duy (王維 ? - 761) cũng vậy: Bất tri Hương Tích Tự, số lí nhập vân phong, cổ mộc vô nhân kính, thâm sơn hà xứ chung, tuyền thanh yển nguy thạch, nhật sắc lãnh thanh tùng, bạc một không đàm khúc, an Thiên chế độc long (不知香積寺, 數里入雲峰, 古木無人徑, 深山何處鐘, 泉聲咽危石, 日色冷青松, 薄暮空潭曲, 安禪制毒龍。Nào hay Hương Tích Tự, mấy dặm trong mây rừng, cây xưa không người bước, núi sâu chuông chốn nào, tiếng suối ngân lòng đá, ngày lên lạnh tùng xanh, chiều buông trên hồ vắng, toạ Thiên chế độc

long). Tại Tây Hồ, Hàng Châu có 2 ngôi danh lam là Tịnh Từ Tự (淨慈寺) và Linh Ẩn Tự (靈隱寺). Ở Tịnh Từ Tự có một đại hồng chung rất nổi tiếng, nơi nhà bia an trí chuông có bút tích của vua Khang Hy với dòng chữ: Nam Bình Vãn Chung (南屏晚鐘 Chuông Chiều Nam Bình). Thi sĩ Trương Đại (張岱) nhà Đường có làm bài thơ để diễn tả sự xuất thần nhập hoá của tiếng chuông chùa này như sau: Dạ khí ổng Nam Bình, khinh phong bạc như chỉ, chung thanh xuất thượng phương, dạ độ không giang thủy (夜氣滃南屏，輕風薄如紙，鐘聲出上方，夜渡空江水。Màn đêm trùm khắp Nam Bình, gió nhẹ thổi như hình giấy manh, tiếng chuông vút tận trời xanh, buông vào đêm vắng sông thanh nghìn trùng). Sau này dân gian vẫn có câu: Ngọc Bình thanh chướng mộ yên phi, cam điện chung thanh lạc thủy vi (玉屏青嶂暮煙飛，紺殿鐘聲落驛微。Ngọc Bình mây khí chiều lặng bay, điện báu chuông chùa rụng sương chầy). Lại nữa, tục ngữ dân gian Việt Nam thường có câu: Đánh tan tục lụy hồi chuông sớm, gõ nát trần tâm tiếng mõ trưa. Hay: Gió đưa cành trúc la đà, tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Sương, mịt mù khói tỏa ngàn sương, nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ, v.v...

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 5

方便多門卷第五

PHƯƠNG TIỆN ĐA MÔN



阿難白佛言：世尊。如來雖說第二義門。今觀世間解結之人，若不知其所結之元，我信是人終不能解。世尊。我及會中有學聲聞，亦復如是。從無始際與諸無明，俱滅俱生。雖得如是多聞善根，名為出家，猶隔日瘡。惟願大慈，哀愍淪溺。今日身心，云何是結，從何名解。亦令未來苦難眾生，得免輪迴，不落三有？作是語已，普及大眾五體投地。雨淚翹誠，佇佛如來無上開示。

爾時世尊憐愍阿難及諸會中諸有學者。亦為未來一切眾生，為出世因作將來眼。以闍浮檀紫金光手，摩阿難頂。即時十方普佛世界，六種震動。微塵如來住世界者，各有寶光從其頂出。其光同時於彼世界，來祇陀林，灌如來頂。是諸大眾，得未曾有。於是阿難及諸大眾，俱聞十方微塵如來，異口同音，告阿難言：善哉阿難。汝欲識知俱生

無明，使汝輪轉生死結根，唯汝六根，更無他物。汝復欲知無上菩提，令汝速證安樂解脫寂靜妙常，亦汝六根，更非他物。阿難雖聞如是法音，心猶未明。稽首白佛。云何令我生死輪迴，安樂妙常，同是六根，更非他物？

佛告阿難。根塵同源。縛脫無二。識性虛妄，猶如空華。阿難。由塵發知。因根有相。相見無性，同於交蘆。是故汝今知見立知，即無明本。知見無見，斯即涅槃無漏真淨。云何是中更容他物？爾時世尊，欲重宣此義，而說偈言。

真性有為空	緣生故如幻	無為無起滅
不實如空華	言妄顯諸真	妄真同二妄
猶非真非真	云何見所見	中間無實性
是故若交蘆	結解同所因	聖凡無二路
汝觀交中性	空有二俱非	迷晦即無明
發明便解脫	解結因次第	六解一亦亡
根選擇圓通	入流成正覺	陀那微細識
習氣成瀑流	真非真恐迷	我常不開演
自心取自心	非幻成幻法	不取無非幻

非幻尚不生 幻法云何立 是名妙蓮華
 金剛王寶覺 如幻三摩提 彈指超無學
 此阿毗達磨 十方薄伽梵 一路涅槃門

於是阿難及諸大眾，聞佛如來無上慈誨，祇夜伽陀，雜糅精瑩，妙理清徹，心目開明，歎未曾有。

阿難合掌頂禮白佛。我今聞佛無遮大悲，性淨妙常真實法句。心猶未達六解一亡，舒結倫次。惟垂大慈，再愍斯會及與將來，施以法音，洗滌沈垢。

即時如來於師子座，整涅槃僧，斂僧伽梨，攬七寶几。引手於几，取劫波羅天所奉華巾。於大眾前縮成一結。示阿難言：此名何等。阿難大眾俱白佛言：此名為結。於是如來縮疊華巾，又成一結。重問阿難。此名何等。阿難大眾，又白佛言：此亦名結。如是倫次縮疊華巾，總成六結。一一結成，皆取手中所成之結，持問阿難，此名何等。阿難大眾，亦復如是次第訓佛，此名為結。佛告阿難。我初縮巾，汝名為結。此疊華巾，先實一條。第二第三，云何汝曹復名為結？阿難白佛言：世尊。此寶疊華緝績成巾，雖

本一體。如我思惟，如來一縮，得一結名。若百縮成，終名百結。何況此中祇有六結。終不至七，亦不停五。云何如來祇許初時。第二第三不名為結。佛告阿難。此寶華巾，汝知此巾元止一條。我六縮時，名有六結。汝審觀察，巾體是同，因結有異。於意云何。初縮結成，名為第一。如是乃至第六結生。吾今欲將第六結名，成第一不。不也，世尊。六結若存，斯第六名，終非第一。縱我歷生盡其明辯，如何令是六結亂名。佛言：如是，六結不同。循顧本因，一巾所造。令其雜亂，終不得成。則汝六根，亦復如是。畢竟同中，生畢竟異。佛告阿難。汝必嫌此六結不成，願樂一成，復云何得。阿難言：此結若存，是非鋒起。於中自生此結非彼，彼結非此。如來今日若總解除。結若不生，則無彼此。尚不名一，六云何成？佛言：六解一亡，亦復如是。由汝無始心性狂亂，知見妄發。發妄不息，勞見發塵。如勞目睛，則有狂華。於湛精明，無因亂起。一切世間山河大地生死涅槃，皆即狂勞顛倒華相。阿難言：此勞同結，云何解除？

如來以手將所結巾偏掣其左。問阿難言：如是解不。不也，世尊。旋復以手偏牽

右邊。又問阿難，如是解不。不也，世尊。佛告阿難。吾今以手左右各牽，竟不能解。汝設方便，云何解成？阿難白佛言：世尊。當於結心解即分散。佛告阿難。如是如是。若欲除結，當於結心。阿難。我說佛法從因緣生。非取世間和合麤相。如來發明世出世法，知其本因隨所緣出。如是乃至恒沙界外一滴之雨，亦知頭數。現前種種松直棘曲鵠白烏玄皆了元由。是故阿難。隨汝心中選擇六根。根結若除，塵相自滅。諸妄銷亡，不真何待。阿難。吾今問汝，此劫波羅巾六結現前，同時解縈，得同除不。不也，世尊。是結本以次第縮生。今日當須次第而解。六結同體，結不同時。則結解時，云何同除。佛言：六根解除，亦復如是。此根初解，先得人空。空性圓明，成法解脫。解脫法已，俱空不生。是名菩薩從三摩地，得無生忍。

阿難及諸大眾，蒙佛開示，慧覺圓通，得無疑惑。一時合掌，頂禮雙足，而白佛言：我等今日身心皎然，快得無礙。雖復悟知一六亡義。然猶未達圓通本根。世尊。我輩飄零，積劫孤露。何心何慮，預佛天倫。如失乳兒，忽遇慈母。若復因此際會道成。所得密言，還同本悟。則與未聞無有差別。

惟垂大悲，惠我秘嚴。成就如來最後開示。作是語已。五體投地。退藏密機，冀佛冥授。

爾時世尊，普告眾中諸大菩薩，及諸漏盡大阿羅漢。汝等菩薩及阿羅漢，生我法中，得成無學。吾今問汝，最初發心悟十八界，誰為圓通，從何方便入三摩地。

憍陳那五比丘即從座起頂禮佛足，而白佛言：我在鹿苑，及於雞園，觀見如來最初成道。於佛音聲，悟明四諦。佛問比丘，我初稱解。如來印我名阿若多。妙音密圓。我於音聲得阿羅漢。佛問圓通，如我所證，音聲為上。

優波尼沙陀，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我亦觀佛最初成道。觀不淨相，生大厭離。悟諸色性。以從不淨白骨微塵，歸於虛空。空色二無，成無學道。如來印我名尼沙陀。塵色既盡，妙色密圓。我從色相，得阿羅漢。佛問圓通，如我所證，色因為上。

香嚴童子，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我聞如來教我諦觀諸有為相。我時辭佛，宴晦清齋。見諸比丘燒沈水香，香氣寂

然來入鼻中。我觀此氣，非木非空，非煙非火，去無所著，來無所從，由是意銷，發明無漏。如來印我得香嚴號。塵氣倏滅，妙香密圓。我從香嚴，得阿羅漢。佛問圓通，如我所證，香嚴為上。

藥王藥上二法王子，并在會中五百梵天，即從座起，頂禮佛足而白佛言：我無始劫，為世良醫，口中嘗此娑婆世界草木金石，名數凡有十萬八千。如是悉知苦酢鹹淡甘辛等味。并諸和合俱生變異，是冷是熱，有毒無毒，悉能遍知。承事如來，了知味性，非空非有，非即身心，非離身心。分別味因，從是開悟。蒙佛如來印我昆季，藥王藥上二菩薩名。今於會中為法王子。因味覺明，位登菩薩。佛問圓通，如我所證，味因為上。

跋陀婆羅，并其同伴十六開士，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我等先於威音王佛，聞法出家。於浴僧時，隨例入室。忽悟水因，既不洗塵，亦不洗體，中間安然，得無所有。宿習無忘。乃至今時從佛出家，令得無學。彼佛名我跋陀婆羅。妙觸宣明，成佛子住。佛問圓通如我所證，觸因為上。

摩訶迦葉，及紫金光比丘尼等，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我於往劫，於此界中，有佛出世，名日月燈。我得親近，聞法修學。佛滅度後，供養舍利，然燈續明。以紫光金塗佛形像。自爾已來，世生世生，身常圓滿紫金光聚。此紫金光比丘尼等，即我眷屬，同時發心。我觀世間六塵變壞，唯以空寂修於滅盡，身心乃能度百千劫，猶如彈指。我以空法成阿羅漢。世尊說我頭陀為最。妙法開明，銷滅諸漏。佛問圓通，如我所證，法因為上。

阿那律陀，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我初出家，常樂睡眠。如來訶我為畜生類。我聞佛訶，啼泣自責。七日不眠，失其雙目。世尊示我樂見照明金剛三昧。我不因眼，觀見十方。精真洞然，如觀掌果。如來印我成阿羅漢。佛問圓通，如我所證，旋見循元，斯為第一。

周利槃特迦，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我闕誦持，無多聞性。最初值佛，聞法出家。憶持如來一句伽陀。於一百日，得前遺後，得後遺前。佛愍我愚，教我安居調出入息。我時觀息，微細窮盡，生住異

滅，諸行剎那。其心豁然。得大無礙。乃至漏盡成阿羅漢。住佛座下，印成無學。佛問圓通，如我所證，反息循空，斯為第一。

憍梵鉢提，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我有口業，於過去劫輕弄沙門，世生生有牛呵病。如來示我一味清淨心地法門。我得滅心入三摩地。觀味之知，非體非物。應念得超世間諸漏。內脫身心。外遺世界。遠離三有，如鳥出籠。離垢銷塵，法眼清淨，成阿羅漢。如來親印登無學道。佛問圓通，如我所證，還味旋知，斯為第一。

畢陵伽婆蹉，即從座起，頂禮佛足，而白佛言；我初發心從佛入道。數聞如來說諸世間不可樂事。乞食城中，心思法門。不覺路中毒刺傷足，舉身疼痛。我念有知，知此深痛。雖覺覺痛，覺清淨心，無痛痛覺。我又思惟，如是一身，寧有雙覺。攝念未久，身心忽空。三七日中，諸漏虛盡，成阿羅漢。得親印記，發明無學。佛問圓通，如我所證，純覺遺身，斯為第一。

須菩提，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我曠劫來，心得無礙。自憶受生如恒河沙。初在母胎，即知空寂。如是乃至十方

成空。亦令眾生證得空性。蒙如來發性覺真空。空性圓明，得阿羅漢。頓入如來寶明空海。同佛知見。印成無學。解脫性空，我為無上。佛問圓通，如我所證，諸相入非，非所非盡，旋法歸無斯為第一。

舍利弗，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我曠劫來，心見清淨。如是受生如恒河沙。世出世間種種變化，一見則通，獲無障礙。我於路中，逢迦葉波兄弟相逐，宣說因緣，悟心無際。從佛出家，見覺明圓，得大無畏，成阿羅漢。為佛長子，從佛口生，從法化生。佛問圓通，如我所證，心見發光，光極知見，斯為第一。

普賢菩薩，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我已曾與恒沙如來為法王子。十方如來，教其弟子菩薩根者，修普賢行，從我立名。世尊。我用心聞，分別眾生所有知見。若於他方恒沙界外，有一眾生，心中發明普賢行者，我於爾時乘六牙象，分身百千，皆至其處。縱彼障深，未得見我。我與其人暗中摩頂，擁護安慰，令其成就。佛問圓通，我說本因，心聞發明，分別自在，斯為第一。

孫陀羅難陀，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我初出家從佛入道，雖具戒律。於三摩地心常散動未獲無漏。世尊教我，及拘絺羅，觀鼻端白。我初諦觀，經三七日。見鼻中氣出入如煙。身心內明，圓洞世界，遍成虛淨，猶如琉璃。煙相漸銷，鼻息成白。心開漏盡，諸出入息化為光明，照十方界，得阿羅漢。世尊記我當得菩提。佛問圓通，我以銷息，息久發明，明圓滅漏，斯為第一。

富樓那彌多羅尼子，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我曠劫來，辯才無礙。宣說苦空，深達實相。如是乃至恒沙如來秘密法門，我於眾中微妙開示，得無所畏。世尊知我有大辯才，以音聲輪教我發揚。我於佛前助佛轉輪，因師子吼，成阿羅漢。世尊印我說法無上。佛問圓通，我以法音降伏魔怨，銷滅諸漏。斯為第一。

優波離，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我親隨佛踰城出家。親觀如來六年勤苦。親見如來降伏諸魔，制諸外道。解脫世間貪欲諸漏。承佛教戒。如是乃至三千威儀，八萬微細，性業遮業，悉皆清淨。身心

寂滅，成阿羅漢。我是如來眾中綱紀。親印我心。持戒修身，眾推為上。佛問圓通，我以執身，身得自在，次第執心，心得通達，然後身心一切通利，斯為第一。

大目犍連，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我初於路乞食。逢遇優樓頻螺、伽耶、那提、三迦葉波，宣說如來因緣深義。我頓發心，得大通達。如來惠我袈裟著身，鬚髮自落。我遊十方，得無罣礙。神通發明，推為無上。成阿羅漢。寧唯世尊。十方如來歎我神力，圓明清淨，自在無畏。佛問圓通，我以旋湛，心光發宣，如澄濁流，久成清瑩，斯為第一。

烏芻瑟摩，於如來前，合掌頂禮佛之雙足，而白佛言：我常先憶久遠劫前，性多貪欲。有佛出世，名曰空王。說多婬人，成猛火聚。教我遍觀百骸四肢諸冷煖氣。神光內凝，化多婬心成智慧火。從是諸佛皆呼召我，名為火頭。我以火光三昧力故，成阿羅漢。心發大願，諸佛成道，我為力士，親伏魔怨。佛問圓通，我以諦觀身心煖觸，無礙流通，諸漏既銷，生大寶燄，登無上覺，斯為第一。

持地菩薩，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我念往昔，普光如來出現於世。我為比丘，常於一切要路津口，田地險隘，有不如法，妨損車馬，我皆平填。或作橋梁。或負沙土。如是勤苦，經無量佛出現於世。或有眾生於闐闐處，要人擎物，我先為擎，至其所詣，放物即行，不取其直。毗舍浮佛現在世時，世多饑荒。我為負人，無問遠近，唯取一錢。或有車牛被於泥溺，我有神力，為其推輪，拔其苦惱。時國大王延佛設齋。我於爾時平地待佛。毗舍如來，摩頂謂我，當平心地，則世界地一切皆平。我即心開，見身微塵，與造世界所有微塵等無差別。微塵自性，不相觸摩。乃至刀兵亦無所觸。我於法性，悟無生忍，成阿羅漢。迴心今入菩薩位中。聞諸如來宣妙蓮華佛知見地，我先證明而為上首。佛問圓通，我以諦觀身界二塵，等無差別，本如來藏，虛妄發塵，塵銷智圓，成無上道，斯為第一。

月光童子，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我憶往昔恒河沙劫，有佛出世，名為水天。教諸菩薩修習水觀，入三摩地。觀於身中，水性無奪。初從涕唾，如是窮盡津液精血，大小便利，身中旋復，水性一同。見

水身中與世界外浮幢王刹，諸香水海，等無差別。我於是時，初成此觀。但見其水未得無身。當為比丘，室中安禪。我有弟子，闕窗觀室，唯見清水遍在室中，了無所見。童稚無知，取一瓦礫投於水內，激水作聲，顧盼而去。我出定後，頓覺心痛。如舍利弗遭違害鬼。我自思惟，今我已得阿羅漢道，久離病緣。云何今日忽生心痛，將無退失。爾時童子捷來我前，說如上事。我則告言：汝更見水，可即開門，入此水中，除去瓦礫。童子奉教。後入定時，還復見水，瓦礫宛然，開門除出。我後出定，身質如初。逢無量佛，如是至於山海自在通王如來，方得亡身。與十方界諸香水海，性合真空，無二無別。今於如來得童真名，預菩薩會。佛問圓通，我以水性一味流通，得無生忍，圓滿菩提，斯為第一。

琉璃光法王子，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我憶往昔經恒沙劫，有佛出世，名無量聲。開示菩薩本覺妙明。觀此世界及眾生身，皆是妄緣風力所轉。我於爾時，觀界安立，觀世動時，觀身動止，觀心動念，諸動無二，等無差別。我時覺了此群動性，來無所從，去無所至。十方微塵顛倒眾生，

同一虛妄，如是乃至三千大千一世界內，所有眾生，如一器中，貯百蚊蚋，啾啾亂鳴，於分寸中鼓發狂鬧。逢佛未幾，得無生忍。爾時心開，乃見東方不動佛國，為法王子，事十方佛。身心發光，洞徹無礙。佛問圓通，我以觀察風力無依，悟菩提心，入三摩地，合十方佛傳一妙心，斯為第一。

虛空藏菩薩，即從座起。頂禮佛足，而白佛言：我與如來，定光佛所，得無邊身。爾時手執四大寶珠，照明十方微塵佛刹，化成虛空。又於自心現大圓鏡。內放十種微妙寶光，流灌十方盡虛空際，諸幢王刹，來入鏡內，涉入我身。身同虛空，不相妨礙。身能善入微塵國土，廣行佛事，得大隨順。此大神力，由我諦觀四大無依，妄想生滅，虛空無二，佛國本同。於同發明，得無生忍。佛問圓通，我以觀察虛空無邊，入三摩地，妙力圓明，斯為第一。

彌勒菩薩，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我憶往昔經微塵劫，有佛出世，名日月燈明。我從彼佛而得出家。心重世名，好遊族姓。爾時世尊，教我修習唯心識定，入三摩地。歷劫已來，以此三昧事恒沙佛。求

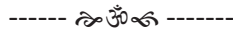
世名心歇滅無有。至然燈佛出現於世。我乃得成無上妙圓識心三昧。乃至盡空如來國土淨穢有無。皆是我心變化所現。世尊。我了如是唯心識故，識性流出無量如來。今得授記，次補佛處。佛問圓通，我以諦觀十方唯識，識心圓明，入圓成實，遠離依他及遍計執，得無生忍，斯為第一。

大勢至法王子，與其同倫五十二菩薩，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：我憶往昔恒河沙劫，有佛出世，名無量光。十二如來，相繼一劫。其最後佛名超日月光。彼佛教我念佛三昧。譬如有人，一專為憶，一人專忘，如是二人，若逢不逢，或見非見。二人相憶，二憶念深，如是乃至從生至生，同於形影，不相乖異。十方如來憐念眾生，如母憶子。若子逃逝，雖憶何為。子若憶母，如母憶時，母子歷生不相違遠。若眾生心憶佛念佛，現前當來必定見佛。去佛不遠，不假方便，自得心開。如染香人，身有香氣。此則名曰香光莊嚴。我本因地以念佛心，入無生忍。今於此界，攝念佛人歸於淨土。佛問圓通，我無選擇，都攝六根淨念相繼，得三摩地，斯為第一。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 5

方便多門卷第五

PHƯƠNG TIỆN ĐA MÔN



Ngài A Nan bạch Phật: Như Lai dù đã khai thị nghĩa thứ hai, nhưng con xét những người mở gút kết, nếu chẳng biết cái cội gốc, thì con tin chắc người ấy chẳng bao giờ mở gút được. Thế Tôn, con và hàng Thanh văn trong hội cũng như vậy; chúng con với vô minh cùng sanh cùng diệt từ vô thủy, dù được thiện căn đa văn, tuy là xuất gia, mà sự tu như người bị bệnh cách nhật, lúc có lúc không. Xin Phật từ bi thương xót, khai thị thế nào là cái gút kết của thân tâm hiện hữu, làm sao được mở, cũng khiến chúng sanh khổ não đời vị lai được ra khỏi luân hồi. Nói xong, nắm vốc gieo sát đất, cung kính rơi lệ, mong đợi lời Phật khai thị .

Bấy giờ, đức Thế Tôn lấy tay xoa đầu A Nan. Liền đó, sáu thứ rung động khắp mười phương thế giới, vô số Như Lai trong các cõi ấy, mỗi mỗi đều từ đỉnh đầu phóng ra hào quang, đồng thời chiếu đến rừng Kỳ Đà, rọi vào đỉnh đầu Như Lai, cả chúng đều được pháp chưa từng có.

Lúc ấy, A Nan và đại chúng đều nghe mười phương Như Lai đồng thanh bảo A Nan rằng:

- Lành thay, A Nan! Người muốn biết cái Câu Sinh Vô

Minh (căn bản vô minh), là gốc thắt kết khiến người lưu chuyển trong vòng sanh tử ấy, chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác, người lại muốn biết đạo Vô Thượng Bồ Đề khiến người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác.

A Nan dù được nghe pháp âm như vậy, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật: Tại sao khiến con bị sanh tử luân hồi và được tự tại giải thoát, đều là lục căn, chẳng phải vật khác?

Phật bảo A Nan: Căn trần cùng gốc, thắt mở chẳng hai, tánh thức hư vọng như hoa đốm trên không. A Nan, do trần phát tri, vì căn kiến tướng; kiến và tướng chẳng có tự tánh, như những cây sậy gác vào nhau, cho nên người này lập tri kiến thành tri, tức là căn bản của vô minh, nếu đối với tri kiến chẳng chấp là tri kiến, ấy tức là Niết Bàn, trong sạch vô lậu, làm sao còn có thể dung nạp vật khác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa trên, bèn nói kệ rằng:

Thật tánh hữu vi không, Duyên sanh nên như huyền
 Vô vi không sanh diệt, Chẳng thật như hoa đốm,
 Nói vọng để bày chơn, Vọng chơn là hai vọng
 Phi chơn phi bất chơn. Làm sao thấy chỗ thấy?
 Trong đó chẳng thật tánh, Như lau sậy quyện nhau.
 Gút, mở ở một chỗ, Thánh phàm chẳng hai đường
 Người xem tánh lập tánh, Không, Hữu thấy đều sai

Mê muội tức vô minh, Khởi sáng liền giải thoát.
 Mở, gút theo thứ lớp, Lục mở nhất diệt tiêu
 Trạch căn nào lạnh lợi, Nhập lưu thành Chánh Giác.
 A Đà Na vi tế, Tập khí như nước dốc.
 Ngại mê Chơn, phi chơn, Nên Phật chẳng khai thị
 Tự tâm chấp tự tâm, Phi huyễn thành pháp huyễn.
 Vô chấp vô phi huyễn, Phi huyễn còn chẳng sanh,
 Pháp huyễn làm sao có? Nên gọi Diệu Liên Hoa
 Là Kim Cang Bảo Giác, Như Huyễn Tam Ma Đề,
 Khảy tay liền siêu học, Pháp này chẳng gì bằng,
 Mười phương chư Như Lai, Thẳng một lối Niết Bàn.

A Nan và đại chúng nghe lời dạy vô thượng và bài tụng, diệu lý trong suốt của Phật, tâm được sáng tỏ, tán thán pháp chưa từng có. A Nan chấp tay đảnh lễ bạch Phật: Nay con dù nghe pháp tánh chơn thật, vi diệu trong sạch của Phật, nhưng tâm còn chưa thấu nghĩa “Lục mở nhất tiêu” theo thứ tự của mở thắt, xin Phật rủ lòng từ bi thương xót cả hội này và chúng sanh đời vị lai, bố thí pháp âm và rửa sạch trần cấu cho chúng con .

Bấy giờ, Như Lai từ nơi tòa sư tử, chỉnh áo trong và sửa đại y, dựa vào ghế thất bảo, lấy cái khăn bông của cõi Trời Dạ Ma cúng dường ở trước mặt đại chúng thắt một cái kết, rồi hỏi A Nan: Đây gọi là gì?

A Nan đáp: Gọi là gút kết.

Phật thắt thêm một gút nữa, lại hỏi A Nan:

- Đây gọi là gì?

A Nan lại đáp: Đây cũng gọi là gút kết.

Phật tuần tự thắt sáu cái kết trên khăn, mỗi khi gút xong một cái, đều lấy cái kết vừa thắt hỏi:

- A Nan, Đây gọi là gì?

Ngài A Nan bạch Phật: Đây gọi là gút kết.

Phật bảo A Nan: Khi ta mới gút cái khăn thì người gọi là gút kết, khăn bông này vốn chỉ có một, tại sao lần thứ hai, lần thứ ba các người cũng gọi là gút kết?

A Nan bạch Phật: Khăn này dù chỉ có một theo con nghĩ: Như Lai gút một lần thì được gọi là một cái kết, nếu gút đến trăm lần thì phải gọi là trăm cái kết, huống là khăn này chỉ có sáu kết, không lên đến bảy, cũng không ngưng ở năm, tại sao Như Lai chỉ cho cái đầu tiên được gọi là gút kết, còn cái thứ hai, thứ ba thì chẳng gọi là gút kết?

Phật bảo A Nan: Người biết khăn bông này vốn chỉ là một, khi ta gút sáu lần thì gọi là sáu kết. Người hãy xét kỹ, bản thể của khăn là đồng, do thắt kết mà thành khác. Ý người thế nào? Cái gút kết đầu tiên thì gọi là kết thứ nhất, như vậy cho đến cái kết thứ sáu, nay ta muốn gọi cái kết thứ sáu thành kết thứ nhất, có được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Sáu kết nếu còn thì cái thứ sáu chẳng thể gọi là cái thứ nhất, dấu cho con dùng hết biện tài nhiều kiếp để sáng tỏ nghĩa lý, cũng chẳng thể khiến sáu gút kết

lộn tên được.

Phật nói: Đúng thế! Sáu kết chẳng đồng chỉ do một khăn tạo ra, nhưng muốn làm cho sáu kết đảo lộn tên gọi, thì chẳng thể được. Lục căn của người cũng vậy, trong một cuộc đồng, sanh một cuộc khác, người ấy chệch sự khác nhau của sáu kết, mà mong muốn thành đồng một, thì phải làm sao mới được.

A Nan đáp : Gút kết nếu còn thì thị phi mống khởi, trong đó tự sanh phân biệt kết này chẳng phải kết kia, kết kia chẳng phải kết này. Nếu hôm nay Như Lai giải tỏa tất cả, thắt kết chẳng sanh nữa thì không có bỉ thử, một còn chẳng có, làm sao thành sáu?

Phật bảo: Cái nghĩa “Lục mở nhất tiêu” cũng như thế, do tâm người cuồng loạn từ vô thủy, vọng sanh tri kiến, sanh mãi không thôi, như con mắt ngó lâu mỗi một phát ra cảnh trần, thì có hoa đốm lảng xăng vọng khởi nơi tánh trong lặng, các tướng thế gian như núi sông, đất đai, sanh tử, Niết Bàn v.v ... tất cả đều là tướng hoa đốm điên đảo do mỗi một mà phát sanh.

A Nan hỏi: Cái mỗi một này cũng như cái thắt kết kia, làm sao mở được?

Như Lai lấy tay cầm khăn đã thắt, kéo riêng mỗi bên trái, rồi hỏi A Nan: Thế này có mở được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ.

Phật lại lấy tay kéo riêng mỗi bên phải, hỏi A Nan: Thế này có mở được chăng?

- Bạch Thế Tôn ! Không ạ.

Phật bảo A Nan : Nay ta lấy tay kéo mối hai bên mà chẳng mở được, vậy người có cách nào để mở chẳng?

- Bạch Thế Tôn ! Nên mở nơi trung tâm thắt kết thì tan rã ngay.

Phật nói: Đúng thế! Đúng thế! Muốn giải tỏa thắt kết thì phải mở nơi trung tâm thắt kết. A Nan, ta thuyết pháp từ nhân duyên ra, chẳng phải lấy tướng thô hòa hợp của thế gian. Như Lai phát minh pháp thế gian và xuất thế gian, đều biết rõ bản nhân của nó theo sở duyên gì mà ra; cho đến quá trình dời đổi của một giọt mưa ở ngoài hằng sa thế giới, trước mắt các thứ tòng thẳng, gai cong, cò trắng, quạ đen v.v... đều rõ nguyên do. A Nan! Nay tùy người lựa chọn một căn nơi Lục căn, nếu giải tỏa được gốc căn thì tướng trần tự diệt, vọng tưởng liền tiêu, vậy chẳng phải chơn là gì?

- A Nan! Ta lại hỏi người: Cái khăn sáu kết này nếu cùng một lượt mở ra, có được chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Dạ không. Kết này khi thắt có thứ tự, nay mở cũng phải theo thứ tự. Sáu kết dù đồng thể, nhưng thắt chẳng cùng thời, thì làm sao có thể mở cùng một lượt?

Phật nói: Giải tỏa lục căn cũng như vậy, căn này vừa bắt đầu giải tỏa thì được Nhân Ngã Không, nếu tánh Không sáng tỏ, thì Pháp Ngã giải thoát, thành tựu pháp giải thoát xong, cả hai thứ Không đều chẳng sanh, ấy gọi là từ Tam Ma Địa, chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn của Bồ Tát.

A Nan và đại chúng nghe Phật khai thị huệ giác viên

thông, chẳng còn nghi hoặc, bèn chấp tay đánh lễ, bạch Phật rằng: Nay chúng con thân tâm rõ ràng vô ngại, dù đã ngộ cái nghĩa Nhất lục đều tiêu, nhưng còn chưa thấu đạt nguồn gốc của viên thông.

LƯỢC GIẢI

Như Lai Tàng vốn tự không có vô minh; là cái toàn thể trong sáng bản nhiên thanh tịnh. Dù vậy, ông còn là người được nhà đẹp mà chưa biết cửa để vào . Vì ông chưa là người chủ, đích thực sử dụng ngôi nhà. Điều đó, nói lên: Ông chưa chứng ngộ.

Trong nghĩa quyết định thứ nhất, Phật dạy rõ về sự tác dụng của sắc tâm vô thi; khai thị về năm thứ ô trược (ngũ trược) chỉ dạy về cách tìm nhân do và hiệu quả vị chứng đắc ở tương lai.

Vấn đề sắc tâm vô thi tác dụng lẫn nhau, nhìn một cách nào đó thì nó là trừu tượng. Nhưng vận dụng cái nhãn quan vật lý mà nhìn thì người ta nhận thức nó là cụ thể. Địa, thủy, hỏa, phong, không; ngũ đại là vật lý; kiến đại và thức đại là hai hiện tượng mà không hình tượng ở trong bản thể Như Lai Tàng.

Nói khác, Phật dạy khi quán chiếu kỹ càng thì hành giả sẽ thấy được sự điên đảo hư vọng của căn và trần. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không khó chúng sẽ là kẻ trung gian môi giới cho giặc cướp vào nhà tước đoạt hết gia bảo công đức của chúng ta. Người không phát tâm tu thiện nghiệp, không để tâm quán chiếu tư duy thì mỗi căn là một cái gút. Phiền

não vô minh ngày ngày cứ cột thắt mãi vô. Càng thắt cột gút càng to thêm, muốn mở gút hãy tìm gút lỏng mà mở trước nó đi. Mở được một gút thì những gút còn lại sẽ được giải thoát hết. Sáu căn của con người chính là sáu cái gút. Con người thường cột thắt mãi cho nên cuộc sống nhiều phiền não khổ đau. Đừng thắt gút tức là không có ai cột thì còn ai là người chịu trói?

Sáu căn của con người vốn chẳng có tội mà còn có thể làm nên nhiều công đức thiện; thiện hay ác không phải lỗi ở sáu căn. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, người xuất ly tam giới, người được quả Vô thượng Bồ đề sáu căn của các Ngài vẫn còn nguyên đó! Vấn đề hơn kém bởi ở chỗ:

- “Tri kiến lập tri” là nguyên nhân của vô minh vô trí. Còn “Tri kiến vô kiến” là gốc rễ của Niết Bàn Bồ Đề Vô Thượng.

Vì vậy, người đệ tử Phật tu tập diệt trừ phiền não, nên chọn căn ưu việt mà chinh phục vô minh thì sự thành công hơn những căn kém yếu.

Ông A Nan còn thắc mắc vì sao tháo gỡ một căn, thì sáu căn đồng thời thanh tịnh, Phật dạy: Sáu căn vốn không phải sáu mà nói sáu vậy thôi. Lẽ ra phải nói là một; nhưng một không phải một, nên Như Lai tùy thuận chúng sanh mà nói sáu.

Phật khai thị Huệ giác viên thông, tức Lục giải nhất tiêu đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, do Lục mở nên thân được vô ngại; do Nhất tiêu nên tâm được vô ngại, dù chưa đến nơi lục căn thanh tịnh. Sự dựa theo căn viên thông, chứng quả

viễn thông, nơi A Nan thì do đó thành đạo, nơi Như Lai thì là lời khai thị cuối cùng, nên A Nan mong Phật chẳng tiếc bí nghiêm, mà âm thầm mật thọ. Nếu nói về căn viên thông thì có thể hiển bày, so sánh căn nào viên thông nhất để dựa theo đó vào Tam Ma Địa còn có thể được; nếu muốn ngay đó chứng ngộ thì phải mỗi mỗi tự tu tự chứng, đâu thể nhờ lời nói mà đến được!

Giả sử Phật có thể truyền thọ, A Nan có thể đắc được, thì chẳng phải là bí mật rồi, nếu do đó mà được chứng viên thông thì chẳng phải viên thông rồi. Sự chứng ngộ phải do tự ngộ, đâu thể do người khác ban cho mà được.

Vấn đề căn trần cũng chỉ là hiện tượng nhân duyên sắc không tác dụng vào nhau mà hình thành. Tất cả đều: như như thị, duyên như thị, quả như thị, báo như thị... pháp như như thị. Còn nếu phân biệt, đánh giá sự vật qua: mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét... là do thức trung gian đó. Mà thức thì phải chủ đâu! Duyên sanh, duyên diệt, thức thay đổi luôn luôn, như những hình thoi, hình thang, hình tam giác, hình vuông... trong những đám lau sậy gác lên nhau trong những cơn gió giật!

Căn trần đồng là vật biểu hiện từ Như Lai Tàng, phát xuất từ Như Lai Tàng không tội lỗi. Buộc hay mở do căn, thánh phàm do tự chủ hay không tự chủ đối với sáu căn của mình. Pháp không, không đã đành; pháp có, cũng là không. Chúng như duyên sanh pháp, Ngã thuyết tức thị không... Mê mờ chơn lý không, có là vô minh. Tổ ngộ chơn lý có và

không thì giải thoát. Mở gút nên theo thứ lớp; một được mở, sáu gút sẽ giải tỏa theo. Hãy lựa căn có ưu thế để phát huy công dụng; lựa một căn mà chọn tánh viên thông. Được quả nhập lưu, xem như đã thành Phật. Bởi vì Như Lai há chẳng nói: Tất cả chúng sanh đã thành Phật, đó sao?

Thức A Đà Na sâu sắc lắm, tập khi chúng sanh lại quá sâu dày. Như Lai thường không đề cập đến, ngại chúng sanh mê chấp: Này chơn nọ chẳng phải chơn. Ở Kinh Thủ Lăng Nghiêm này, Như Lai chỉ dạy trong phạm vi: Sáu căn, sáu trần và sáu thức. Sáu thức vọng chấp là vọng đã đành, móng ý chấp chơn, làm cho chơn hóa ra vọng. Tự tâm chấp tự tâm: Tâm mình Phật, lại van xin mong cầu Phật, há không phải pháp “phi huyển” trở thành “huyền pháp” đó sao?

Không chấp thì vọng chơn đều vắng lặng trạm nhiên: Chơn còn không có, vọng vin vào đâu sanh. Nhận thức như vậy thường xuyên. Đó là cách tu thiền, là tư duy tu đó. Tu như vậy Phật gọi: Như huyển tam ma đề. Đó là phương pháp Thiền nhìn vạn pháp như huyển. Có Như huyển tam ma đề là có Bảo Giác Kim Cang Vương Thanh tịnh như Diệu Liên Hoa, khải móng tay vượt hàng vô học (Thanh Văn Duyên Giác nhị thừa). Mười phương chư Phật đồng như số vi trần, đồng đi con đường đó mà vào thanh thị Niết Bàn Phật.

KINH VĂN

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo khắp chư Đại Bồ Tát và hàng vô lậu Đại A La Hán trong chúng rằng:

- Các người là hàng Bồ Tát và A La Hán trong pháp ta, đã

chứng quả vô học, nay ta hỏi các người: Trong lúc mới phát tâm, nơi thập bát giới, ở giới nào mà ngộ được Viên Thông, và do phương tiện gì được vào Tam Ma Địa. Kiều Trần Như liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ bạch Phật rằng: Con ở Lộc Uyển và Kế Viên được lời dạy của Phật khi mới thành đạo, do âm thanh Phật ngộ Tứ Thánh Đế. Khi đó, Phật hỏi các Tỳ Kheo, con là người ngộ giải trước tiên, Như Lai ẩn chứng cho con tên là A Nhã, được diệu âm mật viên. Con do âm thanh mà đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Âm Thanh là hơn cả.

Ưu Ba Ni Sa Đà liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con cũng được lời dạy của Phật khi mới thành đạo, con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ các tánh sắc đều là bất tịnh như xác chết, xương cốt thúi mục hóa ra vi trần, rồi cuối cùng trở thành hư không. Sắc và Không cả hai vốn chẳng có nên thành đạo vô học. Như Lai ẩn chứng cho con tên là Ni Sa Đà (tánh không), tướng trần đã sạch, thì diệu sắc mật viên. Con do sắc tướng mà đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì Sắc Tướng là hơn cả.

Hương Nghiêm Đồng Tử liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Con nghe Như Lai dạy quán các tướng hữu vi, khi về trai đường tĩnh tọa, đang lúc thiền quán, thấy các Tỳ Kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương lạng lẽ bay vào lỗ mũi. Con quán mùi hương này phi gỗ phi không, phi khói phi lửa, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, do đó, ý căn tiêu diệt,

phát minh vô lậu, Như Lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm, hương trần đã diệt thì diệu hương mật viên. Con do hương nghiêm đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Hương Trần là hơn cả.

Hai vị Dực Vương và Dực Thượng, cùng với năm trăm Phạm Thiên trong hội, liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con làm lương y nơi thế gian nhiều kiếp từ vô thủy, trong miệng từng nếm những cỏ cây, kim thạch trong cõi Ta Bà này, đến mười vạn tám ngàn thứ, nên biết hết các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay v.v... và sự biến đổi của các vật hòa hợp hay tự sanh, là tánh thuốc nóng hay mát, có độc hay chẳng độc, thủy đều biết cả.

- Từ khi phụng sự Như Lai, rõ biết tánh vị phi không phi hữu, phi tức thân tâm, phi lìa thân tâm, do phân biệt bản nhân của vị trần mà khai ngộ, được Phật ấn chứng cho anh em chúng con cái danh hiệu Dực Vương và Dực Thượng; nay ở trong hội này, làm Pháp Vương Tử. Chúng con do vị trần mà giác ngộ, lên bậc Bồ Tát, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng con, thì Vị Trần là hơn cả.

Bạt Đà Bà La cùng các bạn mười sáu Đại Sĩ liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Chúng con trước kia ở nơi Phật Oai Âm Vương nghe pháp rồi xuất gia, đến giờ tắm, chúng con theo lệ vào phòng tắm, bỗng ngộ tánh nước đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên, vốn vô sở đắc. Cho đến theo Phật xuất gia, vì sự huân tập từ xưa chẳng quên, khiến đắc quả vô học, Như Lai đặt tên con là Bạt Đà Bà

La (Hiền Hộ) do phát minh diệu xúc, thành Pháp Vương Tử, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì Xúc Trần là hơn cả.

Ma Ha Ca Diếp và Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Kiếp xưa, trong cõi này có Phật Nhật Nguyệt Đẳng ra đời, con được thân cận nghe pháp tu học, sau khi Phật diệt độ, con thấp đèn liên tục cúng dường Xá Lợi, lại lấy vàng Tử Kim Quang tổ thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, thân thể thường viên mãn sáng ngời như vàng Tử Kim Quang. Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni này, tức quyến thuộc cùng phát tâm khi xưa của con.

- Con quán thế gian, lục trần đều biến hoại, chỉ y theo Pháp Không Tịch, tu Diệt Tân Định, thì thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như búng ngón tay.

Con do quán Pháp Không, đắc quả A La Hán. Thế Tôn khen con tu hạnh đầu đà bậc nhất, diệu pháp sáng tỏ, tiêu diệt phiền não, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Pháp Trần là hơn cả.

A Na Luật Đà liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Lúc con mới xuất gia, thường ham nằm ngủ. Như Lai quả con là loài súc sinh, nghe lời Phật quả, con khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt. Thế Tôn dạy con tu pháp “Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cang Tam Muội” chẳng nhờ con mắt, xem thấy mười phương rộng suốt như trái cây trong bàn tay; Như Lai ấn chứng cho con đắc quả A La Hán.

Phật hỏi về Viên Thông như chỗ chứng của con, thì Xoay Cái Thấy trở về Bản Tánh là hơn cả.

Châu Lợi Bàn Đặc Ca, đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Con kém trí nhớ, chẳng thể tụng trì, khi mới gặp Phật, nghe Pháp rồi xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, trong một trăm ngày mà chẳng thuộc lòng, hễ nhớ trước thì quên sau, nhớ sau thì quên trước, Phật thương xót con ngu muội, dạy con an cư, tu Sổ Tức Quán. Con quán hơi thở đến chỗ cùng tột, thấy các hành tướng vi tế dời đổi từng sát na nơi sanh, trụ, di, diệt, tâm con bỗng ngộ, được đại vô ngại, cho đến phiền não dứt sạch, đắc quả A La Hán, trước pháp tọa của Phật, được ấn chứng thành bậc vô học. Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con, thì Xoay Hơi Thở trở về Tánh Không là hơn cả

Kiều Phạm Bạt Đề đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Con có khẩu nghiệp khinh rẻ Sa Môn trong kiếp quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai như trâu, Như Lai dạy con pháp môn: Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa. Con quán tánh biết vị chẳng phải thân thể, chẳng phải ngoại vật, ngay đó được siêu thoát những tập khí thế gian, bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài lìa bỏ thế giới, xa lìa tam giới như chim sổ lồng, lìa cấu tiêu trần, pháp nhãn thanh tịnh, đắc quả A La Hán. Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Xoay Cái Biết Vị trở về Tự Tánh là hơn cả.

Tất Lăng Già Bà Ta, đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Khi

con mới phát tâm theo Phật, thường nghe Như Lai dạy về những việc chẳng vui trong thế gian. Lúc đi khất thực trong thành, đang suy nghĩ pháp môn, bất giác bị gai góc đâm vào chân, cả thân đau đớn con nghĩ: Có cái năng biết mới biết sự đau đớn này, dù biết đau đớn, nhưng bản giác trong sạch, vốn chẳng có năng đau và sở đau. Con lại suy nghĩ: Một thân đầu thể có hai giác? (năng giác và sở giác). Nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm bỗng thành không tịch, trong 21 ngày, các tập khí phiền não đều dứt sạch, đắc quả A La Hán. Như Lai ẩn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về Viên Thông, như chỗ chứng của con, thì Quên Thân Thuần Giác là hơn cả.

Tu Bồ Đề đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Con từ nhiều kiếp đến nay, tâm được vô ngại, tự nhớ thọ sanh nhiều đời như hằng sa; lúc còn trong thai đã biết tánh Không Tịch, cũng khiến chúng sanh chứng được tánh Không, như thế cho đến mười phương đều thành tánh Không. Nhờ Như Lai phát minh Giác Tánh Chơn Không, nên tánh Không được sáng tỏ, đắc quả A La Hán, đốn nhập Tánh Không sáng tỏ của Biển Giác, đồng Tri Kiến Phật, được ẩn chứng thành bậc vô học, về giải thoát tánh Không, con là bậc nhất, Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con thì chư tướng phi tướng, cả năng phi và sở phi đều sạch, xoay Pháp về Tánh Không là hơn cả.

Xá Lợi Phất đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con từ nhiều kiếp đến nay, Tánh Kiến của bản tâm trong sạch, thọ sanh nhiều đời như hằng sa, đối với các pháp biến hóa của thế

gian và xuất thế gian, hễ thấy liền thông suốt, được chẳng ngăn ngại. Con ở giữa đường gặp anh em Ca Diếp Ba thuyết nghĩa nhân duyên, ngộ tâm chẳng bờ bến. Con theo Phật xuất gia, giác ngộ Tánh Kiến sáng tỏ, được đại vô úy, đắc quả A La Hán, do pháp âm của Như Lai hóa sanh, làm trưởng tử của Phật. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Tánh Kiến của Bản Tâm Sáng Tỏ, sự Sáng Tỏ đến chỗ cùng cực, đồng Tri Kiến Phật là hơn cả.

Phổ Hiền Bồ Tát đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Con đã từng làm Pháp Vương Tử cho hằng sa Như Lai, mười phương Như Lai dạy những đệ tử có căn cơ Bồ Tát, tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó theo con mà lập tên. Thế Tôn, con dùng Tánh Văn của bản tâm, phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu ở phương khác, ngoài hằng sa thế giới, mỗi thế giới đều có chúng sanh phát tâm theo hạnh Phổ Hiền, thì liền trong lúc đó con cõi voi sáu ngà, phân thân thành trăm ngàn, đồng thời đến mọi nơi, dẫn họ nghiệp chướng còn sâu, chưa thấy được con, con cũng thầm xoa đầu họ, ủng hộ an ủi, khiến cho họ được thành tựu hạnh nguyện. Phật hỏi về viên thông, nơi bản nhân của con thì Tánh Văn của Bản Tâm Sáng Tỏ, Phân Biệt Tự Tại là hơn cả.

Tôn Đà La Nan Đà liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Lúc con mới theo Phật xuất gia, dù giữ đủ giới luật, nhưng với pháp Tam Ma Địa, tâm thường tán loạn, chưa được vô lậu. Thế Tôn dạy con và Câu Si La quán nơi chót mũi, lúc con mới bắt đầu tu quán này, trải qua 21 ngày, thấy hơi thở ra

vào như khói, thân tâm sáng tỏ, chiếu khắp thế giới thành rỗng không, trong sạch như lưu ly; tướng khói dần dần tiêu tan, hơi thở hóa thành màu trắng, tâm được khai ngộ, tập khí dứt sạch, những hơi thở ra vào hóa thành ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, đặc quả A La Hán. Thế Tôn thọ ký cho con sẽ được Bồ Đề. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Sổ Tức, Tiêu Diệt Hơi Thở, Quán Lâu Phát Minh Sáng Tỏ, Dứt Sạch Phiền Não là hơn cả.

Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con từ nhiều kiếp đến nay, được biện tài vô ngại, thuyết pháp Khổ Không, thông đạt thật tướng, như thế cho đến pháp môn bí mật của hàng sa Như Lai, đều vi diệu khai thị cho chúng sanh được sức vô úy. Thế Tôn biết con có biện tài lớn, dạy con dùng âm thanh giúp Phật chuyển pháp luân, hoằng dương Chánh Pháp. Con do thuyết pháp, đặc quả A La Hán. Thế Tôn ấn chứng cho con thuyết pháp bậc nhất. Phật hỏi về viên thông, con do Pháp Âm Hàng Phục Tà Ma Ngoại Đạo, Tiêu Diệt Tập Khí Phiền Não là hơn cả.

Ưu Ba Ly đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con theo Phật, vượt thành xuất gia. Như Lai sáu năm khổ hạnh, hàng phục tà ma, chế phục ngoại đạo, giải thoát tham dục phiền não của thế gian, tất cả con đều đích thân được thấy. Phật dạy con trì giới, cho đến ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, các Tánh Nghiệp và Giá Nghiệp thay đều trong sạch, thân tâm tịch diệt, đặc quả A La Hán. Con là người điều hành kỷ luật trong chúng. Thế Tôn ấn chứng cho con tu thân trì giới bậc

nhất. Phật hỏi về viên thông, con do Trì Thân, thì thân được tự tại, lần đến Trì Tâm, tâm được thông suốt, rồi cả thân tâm đều Thông Triệt là hơn cả.

Đại Mục Kiền Liên liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Trước kia con khát thực giữa đường, gặp ba anh em Ca Diếp Ba là: Ưu Lô Tần Loa, Già Gia, và Na Đề, giảng về nghĩa nhân duyên thâm sâu của Như Lai, con liền phát tâm, được đại thông đạt. Như Lai ban cho con áo cà sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng, con đi khắp mười phương được chẳng ngăn ngại, phát ra thần thông là bậc nhất, đắc quả A La Hán. Chẳng những Thế Tôn, cả mười phương Như Lai đều khen thần lực con sáng tỏ trong sạch, tự tại vô úy. Phật hỏi về viên thông, con do xoay Ý Thức lăng xăng, trở về Tịch Lặng, nên Diệu Tâm sáng tỏ, như lắng nước đục lâu thành trong sáng là hơn cả.

Ô Xô Sát Ma chấp tay đánh lễ bạch Phật: Con thường nhớ những kiếp xưa, tánh hay tham dục. Lúc ấy có Phật Không Vương ra đời, nói người đa dâm như đồng lửa hồng, dạy con quán khắp hơi lạnh và nóng trong cơ thể, ánh sáng tự tánh lặng đứng nơi trong, hóa tâm đa dâm thành lửa trí huệ, từ đó chư Phật đều gọi con là Hỏa Đầu. Con nhờ sức “Hỏa Quang Tam Muội”, đắc quả A La Hán; trong tâm phát đại nguyện, chư Phật thành đạo, con sẽ làm lực sĩ, uốn dẹp bọn tà ma. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Hơi Ấm nơi thân tâm lưu thông chẳng ngại, Phiền Não dứt sạch, lanh lủa Trí Huệ, chứng Vô Thượng Giác là hơn cả.

Trì Địa Bồ Tát đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con nhớ kiếp xưa, khi Phật Phổ Quang ra đời, con làm Tỳ Kheo, thường hay sửa sang những đoạn đường, bến nước, nơi gập ghềnh, lồi lõm làm cản trở xe cộ, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát, siêng năng chịu cực, trải qua nhiều đời Phật. Tỳ Xá Như Lai xoa đỉnh đầu con và bảo rằng: Nên bình Tâm Địa, thì tất cả địa trên thế giới đều bình. Con liền khai ngộ, thấu vi trần của thân thể với tất cả vi trần tạo thành thế giới đều chẳng sai biệt; Con do pháp tánh ngộ Vô Sanh Nhẫn, đắc quả A La Hán, hồi tâm hướng Đại Thừa, vào ngôi vị Bồ Tát, nghe chư Phật khai diễn Diệu Pháp Liên Hoa, nhập Tri Kiến Phật, con được chứng minh là bậc thượng thủ. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Thân Thể và Thế Giới hai thứ vi trần chẳng sai biệt, vốn là Như Lai Tạng, do hư vọng phát ra cảnh trần; trần tiêu thì trí hiện, thành Vô Thượng Đạo là hơn cả.

Nguyệt Quang Đồng Tử đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Thủy Thiên ra đời, dạy chư Bồ Tát tu tập Thủy Quán, vào Tam Ma Địa. Con quán tánh thủy trong thân từ nước mũi, nước bọt, cho đến các thứ dịch vị, tinh huyết, đại tiểu tiện, lưu chuyển trong thân, đều đồng một tánh thủy, thấy nước trong thân cùng nước các bể Hương Thủy của Liên Hoa Tạng Thế Giới đều chẳng khác.

- Con trải qua nhiều đời, gặp vô số Phật, đến đời Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, thì con mới được quên thân. Từ đó, cả thân đều hóa thành nước, cùng với nước các bể Hương Thủy nơi mười phương thế giới đồng một tánh

Chơn Không, chẳng hai chẳng khác; nay ở nơi Như Lai, được danh hiệu là Đồng Chơn, dự hội Bồ Tát. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Tánh Nước một mực lưu thông, được Vô Sanh Nhẫn, Bồ Đề viên mãn là hơn cả.

Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Thanh ra đời, khai thị bản giác diệu minh cho hàng Bồ Tát, dạy quán thế giới và thân chúng sanh đều theo sức gió của vọng duyên xoay chuyển.

- Bấy giờ, con quán sự an lập của không gian, sự động chuyển của thời gian, hành động của thân thể, sự động tịnh của tâm niệm, những cái động ấy đều chẳng hai chẳng khác. Lúc đó, con liền giác ngộ tánh của những thứ động ấy, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu. Con gặp Phật chưa bao lâu, được Vô Sanh Nhẫn, lúc bấy giờ khai ngộ, thấy cõi Phật Đông Phương Bất Động, làm Pháp Vương Tử, phụng sự mười phương Phật, thân tâm phát ra ánh sáng, thấu triệt chẳng ngại. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Sức Gió chẳng nơi nương tựa, ngộ tâm Bồ Đề, vào Tam Ma Địa.

Hư Không Tạng Bồ Tát đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con cùng Như Lai chứng vô biên thân nơi Phật Định Quang. Lúc ấy, tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng mười phương vô số Phật Sát đều hóa thành hư không, lại ở nơi tự tâm hiện Đại Viên Cảnh, hào quang vi diệu, soi khắp Liên Hoa Tạng Thế Giới và tận mười phương hư không, đều vào trong Viên Cảnh, xen nhập thân con, như xen vào hư không, chẳng

ngăn ngại nhau. Thân con hay vào vô số quốc độ, tùy thuận đại thần lực, rộng làm Phật sự. Con quán tứ đại chẳng nơi nương tựa, vọng tưởng, sanh diệt, với hư không và cõi Phật vốn đồng, do phát minh tánh đồng, đắc Vô Sanh Nhẫn. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Hư Không Vô Biên, vào Tam Ma Địa, Diệu Lực sáng tỏ là hơn cả.

Di Lạc Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con nhớ vô số kiếp trước, có Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời, con theo Phật xuất gia, còn ham danh thế gian, ưa giao du quý tộc. Lúc ấy, Thế Tôn dạy con tu tập Duy Tâm Thức Định, vào Tam Ma Địa. Từ nhiều kiếp đến nay, dùng Tam Muội này phụng sự hằng sa chư Phật, sự ham cầu danh dự đã dứt sạch. Đến đời Phật Nhiên Đăng, con mới được thành “Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội”, ngộ các pháp dơ, sạch, có, không, nơi tất cả cõi Phật, đều do tâm thức biến hiện.

- Thế Tôn! Vì con ngộ Duy Tâm thức như thế, nên từ tánh thức hiện ra vô số Như Lai, nay được thọ ký sẽ thừa kế ngôi Phật ở cõi này. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Duy Thức, chứng nhập Viên Thành Thật, xa lìa Y Tha Khởi và Biến Kế Chấp, đắc Vô Sanh Nhẫn là hơn cả.

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ Tát đồng tu, liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Quang ra đời, thuở đó, mười hai vị Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp. Vị Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhứt Nguyệt

Quang, dạy con tu Niệm Phật Tam Muội...

Mười phương Như Lai tưởng nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh thì dù nhớ cũng chẳng làm gì được; nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con chẳng xa cách. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, thì hiện nay hay về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ, như người ướp hương thì thân có mùi thơm, ấy gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật, đắc vô sanh nhẫn, nay ở cõi này tiếp dẫn người niệm Phật về cõi Tịnh Độ. Phật hỏi con về viên thông, con do Nhiếp Lục Căn, Tịnh Niệm Tương Tục vào Tam Ma Địa là hơn cả.

LƯỢC GIẢNG

Kinh Giải Thâm Mật nói: Người mắt nhắm như Biển Kế Chấp, hiện màu xanh, vàng như Y Tha Khởi, con mắt trong sáng như Viên Thành Thật vậy.

Người niệm Phật chẳng có một sát na niệm ngũ dục của thế gian, mới được gọi là tịnh niệm (tâm niệm trong sạch). Tịnh niệm tương tục như con nhớ mẹ, là miêng niệm tâm nhớ, oai nghi nghiêm chỉnh, nhiếp cả lục căn, là nhãn chẳng thấy tướng xấu đẹp, nhĩ chẳng nghe tiếng khen chê, tỷ chẳng ngửi mùi thơm thối, thiệt chẳng nếm vị ngon dở, thân chẳng tiếp xúc lạnh, ấm, ý chẳng phân biệt buồn vui, ấy mới được gọi là nhiếp cả lục căn, cho đến nhất tâm bất loạn, như thế trong Tam Ma Địa, ắt phải thấy Phật .

Nói chẳng nhờ tu tập, tự được khai ngộ, như người

ướp hương, chẳng mong mùi hương mà tự có mùi hương, ấy là nguyện lực bất khả tư nghì của Phật Di Đà. Dù nói nhờ nguyện lực của Phật Di Đà, nhưng cần phải có đại nguyện của chính mình để tương ứng với đại nguyện của Phật thì mới được thành tựu.

Đại nguyện nếu chỉ dùng tâm nghĩ miệng nói ấy là nguyện suông, cần phải thực hành đúng theo đại nguyện của chính mình phát ra, mới là nguyện chơn thật, và mới có thể tương ứng với đại nguyện của Phật.

Chú thích từ ngữ:

Viên Thông (圓通): Biến mãn cùng khắp tất cả, dung thông vô ngại, tức chỉ cho lý của thật tướng chứng được nhờ trí tuệ vi diệu của bậc thánh, tánh thể cùng khắp là viên, diệu dụng không ngăn ngại là thông; biến mãn cùng khắp tất cả, dung thông vô ngại. Vì chân như ngộ được nhờ trí tuệ, bản chất tồn tại của nó là tròn đầy cùng khắp, tác dụng của nó tự tại, nên được gọi là Viên Thông. Hơn nữa, lấy trí tuệ để thông đạt đạo lý cũng như thật tiễn của chân như, cũng được gọi là Viên Thông.

Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh (大佛頂首楞嚴經) quyển 5 này cho rằng 25 vị Bồ Tát đều có đủ Viên Thông; có 25 loại Viên Thông như Sáu Trần, Sáu Căn, Sáu thức, Bảy đại, v.v... Ngoài ra, trong số 25 vị thánh của Hội Lăng Nghiêm, Quan Thế Âm được xem như vị Bồ tát có Nhĩ Căn Viên Thông Bậc Nhất, nên được gọi là Viên Thông Tôn (圓通尊) Viên Thông Đại Sĩ (圓通大士). Trong bài kệ xưng tán Bồ tát Quán

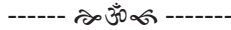
Thế Âm có câu: Quan Âm Đại Sĩ, tất hiệu Viên Thông, thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm, khổ hải độ mê tân, cứu khổ tầm thanh, vô sát bất hiện thân (觀音大士、悉號圓通、十二大願誓宏深、苦海度迷津、救苦尋聲、無刹不現身, Quan Âm Đại Sĩ, hiệu là Viên Thông, mười hai nguyện lớn thệ khắp cùng, biển khổ độ bến mê, cứu khổ tầm thanh, không đâu chẳng hiện thân).

Hay như tại Viên Thông Điện (圓通殿) của Giang Tâm Tự (江心寺) ở Ôn Châu (溫州), Tỉnh Chiết Giang (浙江省) có câu đối rằng: Quán hạnh viên thông từ quán bi quán thanh tịnh quán, Âm văn tự tại Diệu âm Phạm âm Hải Triều Âm (觀行圓通慈觀悲觀清淨觀, 音聞自在妙音梵音海潮音, Quán hạnh tròn suốt quán từ quán bi quán thanh tịnh, Tiếng nghe tự tại, tiếng màu tiếng Phạm tiếng hải triều). Hoặc như tại Quan Âm Tự (觀音寺), vùng Tân Đô (新都), Tỉnh Tứ Xuyên (四川省) cũng có câu đối tương tự như vậy: Quán ngã quán nhân quán tự tại, đại bi đại nguyện đại viên thông (觀我觀人觀自在大悲大願大圓通, quán ta quán người quán tự tại, đại bi đại nguyện đại viên thông). Câu: Nhân nhân ngộ tự tại chi âm, cá cá nhập viên thông chi cảnh (人人悟自在之音、个个入圓通之境) ở trên có nghĩa là mỗi người đều ngộ được âm thanh một cách tự tại vô ngại, và ai ai cũng được thể nhập vào cảnh giới tròn đầy thông suốt của chơn như.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 6

耳根憂越卷第六

NHĨ CĂN ƯU VIỆT



爾時觀世音菩薩，即從座起，頂禮佛足，而白佛言：世尊。憶念我昔無數恒河沙劫，於時有佛出現於世，名觀世音。我於彼佛發菩提心。彼佛教我從聞思修，入三摩地。初於聞中，入流亡所。所入既寂。動靜二相了然不生。如是漸增。聞所聞盡。盡聞不住。覺所覺空。空覺極圓。空所空滅。生滅既滅。寂滅現前。忽然超越世出世間。十方圓明。獲二殊勝。一者，上合十方諸佛本妙覺心，與佛如來同一慈力。二者，下合十方一切六道眾生，與諸眾生同一悲仰。

世尊。由我供養觀音如來。蒙彼如來，授我如幻聞熏聞修金剛三昧，與佛如來同慈力故，令我身成三十二應，入諸國土。世尊。若諸菩薩，入三摩地，進修無漏，勝解現圓。我現佛身而為說法，令其解脫。若諸有學，寂靜妙明，勝妙現圓。我於彼前現獨

覺身，而為說法，令其解脫。若諸有學，斷十二緣，緣斷勝性，勝妙現圓。我於彼前現緣覺身，而為說法，令其解脫。若諸有學，得四諦空，修道入滅，勝性現圓。我於彼前現聲聞身，而為說法，令其解脫。若諸眾生，欲心明悟，不犯欲塵，欲身清淨。我於彼前現梵王身，而為說法，令其解脫。若諸眾生，欲為天主，統領諸天。我於彼前現帝釋身，而為說法，令其成就。若諸眾生，欲身自在遊行十方。我於彼前現自在天身，而為說法，令其成就。若諸眾生，欲身自在飛行虛空。我於彼前現大自在天身，而為說法，令其成就。若諸眾生，愛統鬼神，救護國土。我於彼前現天大將軍身，而為說法，令其成就。若諸眾生，愛統世界，保護眾生。我於彼前現四天王身，而為說法，令其成就。若諸眾生，愛生天宮，驅使鬼神。我於彼前現四天王國太子身，而為說法，令其成就。若諸眾生，樂為人王。我於彼前現人王身，而為說法，令其成就。若諸眾生，愛主族姓，世間推讓。我於彼前現長者身，而為說法，令其成就。若諸眾生，愛談名言，清淨自居。我於彼前現居士身，而為說法，令其成就。若諸眾生，愛治國土，剖斷邦

邑。我於彼前現宰官身，而為說法，令其成就。若諸眾生，愛諸數術，攝衛自居。我於彼前現婆羅門身，而為說法，令其成就。若有男子，好學出家，持諸戒律。我於彼前現比丘身，而為說法，令其成就。若有女人，好學出家，持諸禁戒。我於彼前現比丘尼身，而為說法，令其成就。若有男子，樂持五戒。我於彼前現優婆塞身，而為說法，令其成就。若有女子，五戒自居。我於彼前現優婆夷身，而為說法，令其成就。若有女人，內政立身，以修家國。我於彼前現女主身，及國夫人命婦大家，而為說法，令其成就。若有眾生，不壞男根。我於彼前現童男身，而為說法，令其成就。若有處女，愛樂處身，不求侵暴。我於彼前現童女身，而為說法，令其成就。若有諸天，樂出天倫。我現天身而為說法，令其成就。若有諸龍，樂出龍倫。我現龍身而為說法，令其成就。若有藥叉，樂度本倫。我於彼前現藥叉身，而為說法，令其成就。若乾闥婆，樂脫其倫。我於彼前現乾闥婆身，而為說法，令其成就。若阿修羅，樂脫其倫。我於彼前現阿修羅身，而為說法，令其成就。若緊那羅，樂脫其倫。我於彼前現緊那羅身，而為說法，

令其成就。若摩呼羅伽，樂脫其倫。我於彼前現摩呼羅伽身，而為說法，令其成就。若諸眾生，樂人修人。我現人身，而為說法，令其成就。若諸非人，有形無形，有想無想，樂度其倫。我於彼前皆現其身，而為說法，令其成就。是名妙淨三十二應，入國土身。皆以三昧聞熏聞修無作妙力，自在成就。

世尊。我復以此聞熏聞修，金剛三昧無作妙力。與諸十方三世六道一切眾生，同悲仰故。令諸眾生，於我身心，獲十四種無畏功德。一者，由我不自觀音以觀觀者。令彼十方苦惱眾生，觀其音聲，即得解脫。二者，知見旋復。令諸眾生，設入大火，火不能燒。三者，觀聽旋復。令諸眾生，大水所漂，水不能溺。四者，斷滅妄想。心無殺害。令諸眾生，入諸鬼國，鬼不能害。五者，熏聞成聞，六根銷復，同於聲聽。能令眾生，臨當被害，刀段段壞。使其兵戈，猶如割水，亦如吹光，性無搖動。六者，聞熏精明，明遍法界，則諸幽暗性不能全。能令眾生，藥叉、羅刹、鳩槃荼鬼、及毗舍遮、富單那等。雖近其傍。目不能視。七者，音

性圓銷，觀聽返入，離諸塵妄，能令眾生，禁繫枷鎖，所不能著。八者，滅音圓聞，遍生慈力。能令眾生，經過險路，賊不能劫。九者，熏聞離塵，色所不劫，能令一切多婬眾生，遠離貪欲。十者，純音無塵，根境圓融，無對所對。能令一切忿恨眾生，離諸瞋恚。十一者，銷塵旋明，法界身心，猶如琉璃，朗徹無礙。能令一切昏鈍性障諸阿顛迦，永離癡暗。十二者，融形復聞，不動道場，涉入世間。不壞世界，能遍十方。供養微塵諸佛如來。各各佛邊為法王子。能令法界無子眾生，欲求男者，誕生福德智慧之男。十三者，六根圓通，明照無二，含十方界。立大圓鏡空如來藏。承順十方微塵如來。秘密法門，受領無失。能令法界無子眾生，欲求女者，誕生端正福德柔順，眾人愛敬有相之女。十四者，此三千大千世界，百億日月，現住世間諸法王子，有六十二恒河沙數，修法垂範，教化眾生，隨順眾生，方便智慧，各各不同。由我所得圓通本根，發妙耳門。然後身心微妙含容，周遍法界。能令眾生持我名號，與彼共持六十二恒河沙諸法王子，二人福德，正等無異。世尊，我一名號，與彼眾多名號無異。由我修習得真圓

通。是名十四施無畏力，福備眾生。

世尊。我又獲是圓通，修證無上道故，又能善獲四不思議無作妙德。一者，由我初獲妙妙聞心，心精遺聞，見聞覺知不能分隔，成一圓融清淨寶覺。故我能現眾多妙容，能說無邊秘密神咒。其中或現一首三首五首七首九首十一首，如是乃至一百八首，千首萬首，八萬四千燦迦羅首。二臂四臂六臂八臂十臂十二臂，十四十六十八二十至二十四，如是乃至一百八臂，千臂萬臂，八萬四千母陀羅臂。二目三目四目九目。如是乃至一百八目，千目萬目，八萬四千清淨寶目。或慈或威。或定或慧。救護眾生。得大自在。二者，由我聞思，脫出六塵，如聲度垣，不能為礙。故我妙能現一一形，誦一一咒。其形其咒，能以無畏施諸眾生。是故十方微塵國土，皆名我為施無畏者。三者，由我修習本妙圓通清淨本根。所遊世界，皆令眾生捨身珍寶，求我哀愍。四者，我得佛心，證於究竟。能以珍寶種種，供養十方如來，傍及法界六道眾生。求妻得妻，求子得子。求三昧得三昧。求長壽得長壽。如是乃至求大涅槃得大涅槃。佛問圓通，我從耳門

圓照三昧，緣心自在，因入流相，得三摩提，成就菩提，斯為第一。

世尊彼佛如來，歎我善得圓通法門。於大會中，授記我為觀世音號。由我觀聽十方圓明。故觀音名遍十方界。

爾時世尊於師子座，從其五體同放寶光，遠灌十方微塵如來，及法王子諸菩薩頂。彼諸如來亦於五體同放寶光，從微塵方來灌佛頂，并灌會中諸大菩薩及阿羅漢。林木池沼，皆演法音。交光相羅如寶絲網，是諸大眾，得未曾有。一切普獲金剛三昧。即時天雨百寶蓮華，青黃赤白，間錯紛糝。十方虛空，成七寶色。此娑婆界大地山河，俱時不現。唯見十方微塵國土，合成一界。梵唄詠歌，自然敷奏。

於是如來，告文殊師利法王子。汝今觀此二十五無學諸大菩薩，及阿羅漢，各說最初成道方便，皆言修習真實圓通。彼等修行，實無優劣前後差別。我今欲令阿難開悟，二十五行誰當其根。兼我滅後，此界眾生，入菩薩乘求無上道，何方便門得易成就。

文殊師利法王子，奉佛慈旨，即從座

起，頂禮佛足，承佛威神說偈對佛。

覺海性澄圓	圓澄覺元妙	元明照生所
所立照性亡	迷妄有虛空	依空立世界
想澄成國土	知覺乃眾生	空生大覺中
如海一漚發	有漏微塵國	皆依空所生
漚滅空本無	況復諸三有	歸元性無二
方便有多門	聖性無不通	順逆皆方便
初心入三昧	遲速不同倫	色想結成塵
精了不能徹	如何不明徹	於是獲圓通
音聲雜語言	但伊名句味	一非含一切
云何獲圓通	香以合中知	離則元無有
不恆其所覺	云何獲圓通	味性非本然
要以味時有	其覺不恆一	云何獲圓通
觸以所觸明	無所不明觸	合離性非定
云何獲圓通	法稱為內塵	憑塵必有所
能所非遍涉	云何獲圓通	見性雖洞然
明前不明後	四維虧一半	云何獲圓通
鼻息出入通	現前無交氣	支離匪涉入
云何獲圓通	舌非入無端	因味生覺了
味亡了無有	云何獲圓通	身與所觸同
各非圓覺觀	涯量不冥會	云何獲圓通

知根雜亂思
 云何獲圓通
 自體先無定
 生於大因力
 鼻想本權機
 云何獲圓通
 名句非無漏
 非身無所束
 神通本宿因
 云何獲圓通
 有為非聖性
 想念非真實
 若以火性觀
 云何獲圓通
 對非無上覺
 昏鈍先非覺
 若以識性觀
 云何獲圓通
 因果今殊感
 佛出娑婆界
 欲取三摩提

湛了終無見
 識見雜三和
 云何獲圓通
 初心不能入
 祇令攝心住
 說法弄音文
 云何獲圓通
 元非遍一切
 何關法分別
 若以地性觀
 云何獲圓通
 如如非覺觀
 厭有非真離
 若以風性觀
 云何獲圓通
 無覺異菩提
 觀識非常住
 諸行是無常
 云何獲圓通
 此方真教體
 實以聞中入

想念不可脫
 詰本稱非相
 心聞洞十方
 云何獲圓通
 住成心所住
 開悟先成者
 持犯但束身
 云何獲圓通
 念緣非離物
 堅礙非通達
 若以水性觀
 云何獲圓通
 非初心方便
 動寂非無對
 若以空性觀
 云何獲圓通
 存心乃虛妄
 念性元生滅
 我今白世尊
 清淨在音聞
 離苦得解脫

良哉觀世音	於恒沙劫中	入微塵佛國
得大自在力	無畏施眾生	妙音觀世音
梵音海潮音	救世悉安寧	出世獲常住
我今啟如來	如觀音所說	譬如人靜居
十方俱擊鼓	十處一時聞	此則圓真實
目非觀障外	口鼻亦復然	身以合方知
心念紛無緒	隔垣聽音響	遐邇俱可聞
五根所不齊	是則通真實	音聲性動靜
聞中為有無	無聲號無聞	非實聞無性
聲無既無滅	聲有亦非生	生滅二圓離
是則常真實	縱令在夢想	不為不思無
覺觀出思惟	身心不能及	今此娑婆國
聲論得宣明	眾生迷本聞	循聲故流轉
阿難縱強記	不免落邪思	豈非隨所淪
旋流獲無妄	阿難汝諦聽	我承佛威力
宣說金剛王	如幻不思議	佛母真三昧
汝聞微塵佛	一切秘密門	欲漏不先除
畜聞成過誤	將聞持佛佛	何不自聞聞
聞非自然生	因聲有名字	旋聞與聲脫
能脫欲誰名	一根既返源	六根成解脫
見聞如幻翳	三界若空華	聞復翳根除

塵銷覺圓淨	淨極光通達	寂照含虛空
卻來觀世間	猶如夢中事	摩登伽在夢
誰能留汝形	如世巧幻師	幻作諸男女
雖見諸根動	要以一機抽	息機歸寂然
諸幻成無性	六根亦如是	元依一精明
分成六和合	一處成休復	六用皆不成
塵垢應念銷	成圓明淨妙	餘塵尚諸學
明極即如來	大眾及阿難	旋汝倒聞機
反聞聞自性	性成無上道	圓通實如是
此是微塵佛	一路涅槃門	過去諸如來
斯門已成就	現在諸菩薩	今各入圓明
未來修學人	當依如是法	我亦從中證
非唯觀世音	誠如佛世尊	詢我諸方便
以救諸末劫	求出世間人	成就涅槃心
觀世音為最	自餘諸方便	皆是佛威神
即事捨塵勞	非是長修學	淺深同說法
頂禮如來藏	無漏不思議	願加被未來
於此門無惑	方便易成就	堪以教阿難
及末劫沈淪	但以此根修	圓通超餘者
真實心如是		

於是阿難及諸大眾，身心了然，得大開

示。觀佛菩提及大涅槃。猶如有人因事遠遊，未得歸還，明了其家所歸道路。普會大眾，天龍八部，有學二乘，及諸一切新發心菩薩，其數凡有十恒河沙，皆得本心，遠塵離垢，獲法眼淨。性比丘尼聞說偈已。成阿羅漢。無量眾生，皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心。

阿難整衣服，於大眾中合掌頂禮。心跡圓明，悲欣交集。欲益未來諸眾生故，稽首白佛。大悲世尊。我今已悟成佛法門，是中修行得無疑惑。常聞如來說如是言。自未得度先度人者，菩薩發心。自覺已圓能覺他者，如來應世。我雖未度，願度末劫一切眾生。世尊。此諸眾生，去佛漸遠。邪師說法，如恒河沙。欲攝其心入三摩地。云何令其安立道場，遠諸魔事。於菩提心得無退屈？

爾時世尊於大眾中，稱讚阿難。善哉善哉。如汝所問安立道場，救護眾生末劫沈溺。汝今諦聽。當為汝說。阿難大眾，唯然奉教。佛告阿難。汝常聞我毗奈耶中，宣說修行三決定義。所謂攝心為戒。因戒生定。因定發慧。是則名為三無漏學。阿難。云何

攝心我名為戒。若諸世界六道眾生，其心不婬，則不隨其生死相續。汝修三昧，本出塵勞。婬心不除，塵不可出。縱有多智，禪定現前。如不斷婬，必落魔道。上品魔王、中品魔民、下品魔女、彼等諸魔，亦有徒眾。各各自謂成無上道。我滅度後末法之中，多此魔民，熾盛世間，廣行貪婬，為善知識，令諸眾生落愛見坑失菩提路。汝教世人修三摩地，先斷心婬是名如來先佛世尊，第一決定清淨明誨。是故阿難。若不斷婬修禪定者，如蒸砂石，欲其成飯，經百千劫祇名熱砂。何以故？此非飯本，砂石成故。汝以婬身，求佛妙果。縱得妙悟，皆是婬根。根本成婬，輪轉三塗，必不能出。如來涅槃，何路修證。必使婬機身心俱斷，斷性亦無，於佛菩提斯可希冀。如我此說，名為佛說。不如此說，即波旬說。

阿難。又諸世界六道眾生，其心不殺，則不隨其生死相續。汝修三昧，本出塵勞。殺心不除，塵不可出。縱有多智，禪定現前。如不斷殺，必落神道。上品之人，為大力鬼。中品則為飛行夜叉諸鬼帥等。下品當為地行羅刹。彼諸鬼神亦有徒眾。各各自謂

成無上道。我滅度後末法之中，多此鬼神，熾盛世間，自言食肉得菩提路。阿難。我令比丘食五淨肉。此肉皆我神力化生，本無命根。汝婆羅門，地多蒸濕，加以砂石，草菜不生。我以大悲神力所加，因大慈悲假名為肉，汝得其味。奈何如來滅度之後，食眾生肉，名為釋子。汝等當知。是食肉人，縱得心開似三摩地，皆大羅刹，報終必沈生死苦海，非佛弟子。如是之人，相殺相吞，相食未已，云何是人得出三界。汝教世人修三摩地，次斷殺生。是名如來先佛世尊，第二決定清淨明誨。是故阿難。若不斷殺修禪定者，譬如有人自塞其耳，高聲大叫，求人不得聞，此等名為欲隱彌露。清淨比丘及諸菩薩，於歧路行，不蹋生草，況以手拔。云何大悲，取諸眾生血肉充食。若諸比丘，不服東方絲綿絹帛，及是此土靴履裘毳，乳酪醍醐。如是比丘，於世真脫，酬還宿債，不遊三界。何以故？服其身分，皆為彼緣。如人食其地中百穀，足不離地。必使身心，於諸眾生若身身分，身心二塗，不服不食，我說是人真解脫者。如我此說，名為佛說。不如此說，即波旬說。

阿難。又復世界六道眾生，其心不偷，則不隨其生死相續。汝修三昧，本出塵勞。偷心不除，塵不可出。縱有多智，禪定現前。如不斷偷，必落邪道。上品精靈、中品妖魅、下品邪人，諸魅所著。彼等群邪亦有徒眾。各各自謂成無上道。我滅度後末法之中，多此妖邪，熾盛世間，潛匿姦欺，稱善知識。各自謂已得上人法。誘惑無識，恐令失心。所過之處，其家耗散。我教比丘循方乞食，令其捨貪，成菩提道。諸比丘等，不自熟食，寄於殘生，旅泊三界，示一往還，去已無返。云何賊人假我衣服，裨販如來，造種種業，皆言佛法，卻非出家具戒比丘，為小乘道。由是疑誤無量眾生，墮無間獄。若我滅後，其有比丘發心決定修三摩提，能於如來形像之前，身然一燈，燒一指節，及於身上爇一香炷。我說是人無始宿債，一時酬畢，長揖世間，永脫諸漏。雖未即明無上覺路。是人於法已決定心。若不為此捨身微因，縱成無為，必還生人，酬其宿債。如我馬麥正等無異。汝教世人修三摩地，後斷偷盜，是名如來先佛世尊，第三決定清淨明誨。是故阿難。若不斷偷修禪定者，譬如有人水灌漏卮欲求其滿，縱經塵劫，終無平

復。若諸比丘，衣鉢之餘，分寸不畜。乞食餘分，施餓眾生。於大集會，合掌禮眾。有人捶詈，同於稱讚。必使身心，二俱捐捨。身肉骨血，與眾生共。不將如來不了義說，迴為己解，以誤初學。佛印是人得真三昧。如我所說。名為佛說。不如此說，即波旬說。

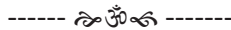
阿難。如是世界六道眾生，雖則身心無殺盜婬，三行已圓，若大妄語，即三摩地不得清淨，成愛見魔，失如來種。所謂未得謂得，未證言證。或求世間尊勝第一。謂前人言，我今已得須陀洹果，斯陀含果，阿那含果，阿羅漢道，辟支佛乘，十地地前諸位菩薩。求彼禮懺，貪其供養。是一顛迦，銷滅佛種。如人以刀斷多羅木。佛記是人永殞善根，無復知見。沈三苦海，不成三昧。我滅度後，敕諸菩薩及阿羅漢，應身生彼末法之中，作種種形，度諸輪轉。或作沙門白衣居士，人王宰官，童男童女，如是乃至婬女寡婦，奸偷屠販，與其同事，稱讚佛乘，令其身心入三摩地。終不自言我真菩薩，真阿羅漢，泄佛密因，輕言末學。唯除命終，陰有遺付。云何是人惑亂眾生，成大妄語。汝

教世人修三摩地，後復斷除諸大妄語。是名如來先佛世尊，第四決定清淨明誨。是故阿難。若不斷其大妄語者，如刻人糞為旃檀形，欲求香氣，無有是處。我教比丘直心道場，於四威儀一切行中，尚無虛假。云何自稱得上人法。譬如窮人妄號帝王，自取誅滅。況復法王，如何妄竊。因地不真，果招紆曲。求佛菩提，如噬臍人欲誰成就。若諸比丘，心如直絃，一切真實，入三摩地永無魔事。我印是人成就菩薩無上知覺。如我所說，名為佛說。不如此說，即波旬說。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 6

耳根憂越卷第六

NHĨ CĂN ƯU VIỆT



Lúc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Con nhớ khi xưa, từ vô số hằng sa kiếp trước có Phật Quán Thế Âm ra đời, con phát tâm Bồ Đề nơi Phật ấy, Phật dạy con từ Văn, Tư, Tu nhập Tam Ma Địa.

Bước đầu ở trong sự nghe được nhập lưu (*chẳng chạy theo lục trần*) mà quên cái sở nghe (*vong, sở: vong nghĩa là quên*). Sở nhập đã tịch, thì hai tướng động và tịnh chẳng sanh, như thế dần dần tiến thêm, thì năng nghe và sở nghe đều hết; sự hết năng sở của nghe cũng chẳng trụ. Còn biết chẳng trụ thì còn năng giác và sở giác, nên phải Không cái năng giác sở giác, thì sự Không giác ấy mới cực viên tròn; năng giác sở giác được không đến cùng tột, là nhập vào chỗ Không, nhập vào chỗ Không thì còn trụ nơi Không, nên năng không sở không cũng phải diệt. Năng sở của Không diệt rồi thì tất cả sự sanh và diệt đều hết, sanh diệt đã diệt, thì tịch diệt hiện tiền, thành linh siêu việt thế gian và xuất thế gian. Đến đây, khắp mười phương pháp giới đều sáng tỏ, được hai thứ thù thắng tròn đầy sáng tỏ:

1. Trên khế hợp với giác tâm vốn huyền diệu của mười

phương chư Phật, với Như Lai đồng một Từ Lực (*Vô Duyên Từ*).

2. Dưới khế hợp với tất cả mười phương chúng sanh lục đạo, với tất cả chúng sanh đồng một Bi Ngưỡng. (Đồng Thể Bi).

Thế Tôn! Do con cúng dường Quán Âm Như Lai, Phật dạy con y tánh Văn như huyễn, huân tu Kim Cang Tam Muội. Vì với chư Phật đồng một Từ Lực, nên khiến con được thành tựu 32 ứng thân vào các quốc độ.

- Thế Tôn! Con lại dùng vô tác diệu lực của sự huân tu Kim Cang Tam Muội này, cùng với tất cả chúng sanh lục đạo trong mười phương tam thế đồng một Bi Ngưỡng, nên khiến các chúng sanh nơi thân tâm con được 14 thứ công đức vô úy:

1. Do con chẳng quán âm thanh, tự quán kẻ quán, khiến chúng sanh khổ não mười phương tự quán âm thanh, liền được giải thoát.

2. Xoay tri kiến về bản tri, khiến chúng sanh dù vào đống lửa, lửa chẳng thể cháy.

3. Xoay cái nghe về bản văn, khiến chúng sanh bị nước cuốn trôi mà chẳng chìm đắm.

4. Vọng tưởng dứt sạch, tâm chẳng sát hại, khiến chúng sanh vào xứ quý, quý chẳng thể hại.

5. Huân tập cái nghe thành Bản Văn, tiêu cả lục căn thành một tánh Văn, khiến chúng sanh đang lúc bị giết hại,

dao gãy từng đoạn, các binh khí chạm vào thân người, như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, mà bản tánh chẳng lay động.

6. Huân tập tánh Văn thuần nhất sáng tỏ, chiếu khắp pháp giới, dẹp tan tối tăm, khiến chúng sanh dù gặp các loài Dược Xoa, La Sát, yêu mị, quỷ thần ở gần bên cạnh mắt họ chẳng thể nhìn thấy.

7. Âm thanh tiêu sạch, tánh nghe trở vào, thoát khỏi trần vọng, khiến chúng sanh gặp những thứ gông, cùm, xiềng, xích đều chẳng thể trói buộc.

8. Âm thanh tiêu diệt, tánh Văn viên mãn, Từ Lực khắp nơi, khiến chúng sanh đi qua chỗ nguy hiểm, chẳng bị giặc cướp.

9. Huân tu tánh Văn, xa lìa cảnh trần, sắc dục chẳng thể lôi kéo, khiến tất cả chúng sanh đa dâm xa lìa tham dục.

10. Thuần âm vô trần, căn trần viên dung, chẳng năng sở đối đãi, khiến tất cả chúng sanh hay giận dữ lìa bỏ sân hận.

11. Xoay minh tiêu trần, trở về bản tánh, cả pháp giới, thân tâm đều như lưu ly, thấu triệt vô ngại, khiến những kẻ ngu muội chẳng tin Phật pháp, xa lìa hẳn sự si mê ám muội.

12. Tiêu dung hình thể, trở về bản Văn, ngồi bất động đạo tràng, vào thế gian mà chẳng hoại pháp thế gian, đi khắp mười phương, cúng dường vô số Như Lai, nơi mỗi Như Lai làm Pháp Vương Tử, khi pháp giới chúng sanh cầu sanh con trai, được con trai có phước đức trí huệ.

13. Lục căn viên thông, sáng và soi không hai, khắp mười phương thế giới, lập Đại Viên Cảnh, Không Như Lai Tạng, thừa nhận pháp môn bí mật của vô số Như Lai, chẳng có thiếu sót, khiến pháp giới chúng sanh cầu sanh con gái, được con gái có tướng tốt, đoan chính, phước đức, dịu dàng, được mọi người yêu mến.

14. Trăm ức nhật nguyệt chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới này, trong đó có 62 hằng sa pháp vương tử đang trụ trì nơi thế gian, tu chánh pháp, làm mô phạm, mỗi mỗi dùng phương tiện và trí huệ chẳng đồng, tùy thuận căn tánh mọi người để giáo hóa chúng sanh.

- Do con được Nhĩ Căn viên thông, phát ra diệu dụng, nên thân tâm vi diệu, cùng khắp pháp giới, khiến chúng sanh người trì danh hiệu con so với người trì danh hiệu của 62 hằng sa Pháp Vương Tử, hai người được phước đức bằng nhau.

- Thế Tôn! Sở dĩ một danh hiệu của con cân xứng với nhiều danh hiệu kia, là do con tu tập đặc chơn viên thông, ấy gọi là mười bốn thứ sức vô úy, thí cho chúng sanh phước đức đầy đủ.

Thế Tôn! Do con được căn viên thông này, nên khéo được bốn thứ diệu đức vô tác bất khả tư nghì:

1. Do con được Bản Văn huyền diệu, tâm diệu lia văn: Kiến, Văn, Giác, Tri thành một bửu giác viên dung trong sạch, chẳng thể chia cách, nên hay hiện nhiều dung mạo vi diệu, thuyết vô biên bí mật thần chú, trong đó từ một đến tám

vạn bốn ngàn con mắt và cánh tay, tùy nghi thị hiện, hoặc từ hoặc oai, hoặc định hoặc huệ, cứu giúp chúng sanh được tự tại.

2. Do sự Văn Tư của con thoát khỏi lục trần, như âm thanh vượt qua bức tường, chẳng bị ngăn ngại, nên con khéo hiện mỗi mỗi hình, mỗi mỗi chú, những hình những chú, đều hay thí cho chúng sanh được sức vô úy. Vì thế, mười phương vô số quốc độ đều gọi con là người Thí Vô Úy.

3. Do con tu tập Nhĩ Căn trong sạch, được diệu tâm viên thông, nên đi khắp thế giới, đều có thể khiến chúng sanh xả bỏ thân mạng và châu báu cầu con thương xót.

4. Con được ngộ tâm Phật, chứng nơi cứu cánh, hay dùng các thứ châu báu cúng dường mười phương Như Lai, cho đến chúng sanh lục đạo trong pháp giới, cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu sống lâu được sống lâu, cầu chánh định được chánh định, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn được Đại Niết Bàn.

- Phật hỏi về viễn thông, con từ Nhĩ Căn vào Viên Chiếu Tam Muội, Tùy Tâm tự Tại, Từ Sự Nghe Nhập Lưu, cho đến Đắc Tam Ma Địa, Thành Tự Bồ Đề là hơn cả.

- Thế Tôn! Như Lai khen con khéo được pháp môn viên thông, ở trong hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm, do con quán âm sáng tỏ mười phương, nên danh hiệu Quán Âm khắp mười phương thế giới.

Bấy giờ, Thế Tôn nơi tòa Sư Tử, từ ngũ thể cùng phóng hào quang, chiếu soi đỉnh đầu của mười phương vô số Như

Lai, với các Pháp Vương Tử và chư Bồ Tát; các Như Lai ấy cũng trong ngũ thể cùng phóng hào quang, từ mọi nơi chiếu đến đỉnh đầu của Phật, với chư Đại Bồ Tát và A La Hán trong hội. Rừng cây, ao hồ đều diễn pháp âm, hào quang giao xen như lưới báu, đại chúng được pháp chưa từng có, tất cả đều được Kim Cang Tam Muội. Tức thời, trời mưa bách bửu liên hoa, xanh, vàng, đỏ, trắng, xen lộn lẫn nhau; mười phương hư không hóa thành màu sắc thất bửu, núi sông, đất đai nơi cõi Ta Bà này đều ẩn mất, chỉ thấy mười phương vô số quốc độ hợp thành một cõi, ca nhạc vang lừng, tự nhiên hòa tấu.

Lúc đó, Như Lai bảo Ngài Văn Thù rằng:

- Người hãy xem 25 vị vô học Đại Bồ Tát và A La Hán này, mỗi mỗi trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu, tu tập viên thông chơn thật, lối tu của họ thật chẳng hơn kém và chẳng trước sau sai biệt. Nay ta muốn khiến A Nan khai ngộ, trong 25 lối tu, lối nào thích hợp, sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong cõi này muốn vào Bồ Tát thừa, cầu đạo Vô Thượng, từ cửa phương tiện nào để được thành tựu?

Ngài Văn Thù vâng theo ý chỉ của Phật, liền đứng dậy đánh lễ chân Phật, thừa oai thần của Phật, nói kệ đáp rằng:

**Biển tánh thể trong lặng,
Vốn trọn giác diệu màu,
Nguồn sáng sanh sở chiếu,
Sở lập tánh sáng mất.
Mê vọng sanh hư không.
Do Không tạo thế giới,**

Tưởng lặng ra Quốc độ,
 Tri giác là chúng sanh.
 Không sanh nơi biển Giác,
 Như biển nổi một bọt.
 Vô số nước hữu lậu,
 Đều từ Không sanh khởi,
 Bọt biển Không đã diệt,
 Đâu thể còn tam giới.
 Về Bốn Tánh Bất Nhị,
 Phương tiện có nhiều lối,
 Thánh thể chẳng ngăn ngại,
 Thuận nghịch đều tùy nghi.
 Sơ tâm tu chánh định,
 Nhanh chậm chẳng đồng đều.

NHƯỢC ĐIỂM CỦA SÁU TRẦN

Sắc Tưởng thành nội trần, Vị tế khó thấu triệt
 Nếu đã chẳng thấu triệt, Khó tu chứng viên thông.
 Âm thanh lập ngữ ngôn, Chỉ y lời Phật dạy.
 Một chẳng gồm tất cả, Khó tu chứng viên thông.
 Hương do hợp mới biết, Ly thì chẳng hữu vô.
 Hợp ly tánh chẳng thường, Khó tu chứng viên thông.
 Mùi vị vốn vô sanh, Đợi khi nếm mới có,
 Vị giác chẳng thường còn, Khó tu chứng viên thông.
 Xúc mà có sở xúc, Chẳng sở thì chẳng xúc,
 Hợp ly tánh chẳng định, Khó tu chứng viên thông.
 Pháp gọi là nội trần, Nương trần mà có sở.

Năng sở chẳng cùng khắp, Khó tu chứng viên thông.

NHƯỢC ĐIỂM CỦA NĂM CĂN

Tánh kiến dù rõ ràng, Thấy trước chẳng thấy sau,
 Bốn phía thiếu một nửa, Khó tu chứng viên thông.
 Hơi Thở thông ra vào, Quán đến chẳng giao khí,
 Lìa thở chẳng ngộ nhập, Khó tu chứng viên thông.
 Thiệt nhập chẳng vô cớ, Nhân vị sanh hay biết,
 Vị mất giác cũng mất, Khó tu chứng viên thông.
 Thân với xúc đồng nhau, Không phải Viên Giác Quán,
 Chẳng hội không ngăn mé, Khó tu chứng viên thông.
 Ý căn đầy vọng tưởng, Chẳng thấy tánh trong lặng,
 Tưởng niệm chẳng giải thoát, Khó tu chứng viên thông.

NHƯỢC ĐIỂM CỦA SÁU THỨC

Kiến, Tướng, Thức hòa hợp, Cả ba vốn chẳng tướng,
 Tự thể đã chẳng định, Khó tu chứng viên thông.
 Tâm Văn khắp mười phương, Sanh nơi đại nguyện lực,
 Sơ cơ, chẳng thể vào, Khó tu chứng viên thông.
 Quán Mũi là phương tiện, Chỉ khiến nhiếp tâm trụ,
 Trụ thành tâm sở trụ, Khó tu chứng viên thông.
 Thuyết Pháp dùng âm thanh, Khai ngộ người đã thành,
 Lời nói chẳng vô lậu, Khó tu chứng viên thông.
 Trì Phạm chỉ trói thân, Phi thân chẳng thể trói,
 Vốn chẳng khắp tất cả, Khó tu chứng viên thông.
 Thần Thông vốn sẵn đủ, Chẳng do luyện mới có,
 Tác ý không lìa vật, Khó tu chứng viên thông.

NHƯỢC ĐIỂM CỦA THẤT ĐẠI

Nếu quán theo tánh Địa, Ngăn ngại chẳng thông suốt,
 Hữu vi chẳng phải thánh, Khó tu chứng viên thông.
 Nếu quán theo tánh Thủy, Niệm tưởng chẳng chơn thật,
 Giác quán chẳng như như, Khó tu chứng viên thông.
 Nếu quán theo tánh hỏa, Có chán chẳng phải chơn,
 Chẳng thích hợp sơ cơ, Khó tu chứng viên thông.
 Nếu quán theo tánh Phong, Động tịch là đối đãi,
 Chẳng phải vô thượng giác, Khó tu chứng viên thông.
 Nếu quán theo tánh Không, Ngoan không chẳng phải giác,
 Chẳng giác nghịch Bồ Đề, Khó tu chứng viên thông.
 Nếu quán theo tánh Thức, Sanh diệt chẳng thường trụ,
 Trạng nhiên vẫn hư vọng, Khó tu chứng viên thông.
 Các hạnh là vô thường, Tánh niệm vốn sanh diệt,
 Nhân với quả khác nhau, Khó tu chứng viên thông.

ƯU ĐIỂM CỦA NHĨ CĂN

Nay con bạch Thế Tôn, Phật hiện cõi Ta Bà, giáo hóa ở cõi này, Âm văn trong sạch nhất, muốn đắc Tam Ma địa, nên từ Văn mà vào, lìa khổ được giải thoát, lành thay Quán Thế Âm, trải qua hàng sa kiếp, vào vô số cõi Phật, được sức đại tự tại, thì chúng sanh vô úy, Diệu âm Quán Thế Âm, Phạm âm Hải triều âm, cứu thế đều an lành, xuất thế được thường trụ. Nay xin bạch Như Lai, theo lời Quán Âm nói, như người đang yên tĩnh, mười phương đồng đánh trống, mười chỗ nghe một lượt, là tánh **Viên chơn thật**.

Mắt chẳng thấu chướng ngại, miệng mũi cũng như thế,

thân xúc hợp mới biết, tâm niệm thì lắng xả. Cách tường nghe âm vang, xa gần đều nghe được, Ngũ căn chẳng thể bằng, là tánh **Thông chơn thật**.

Âm thanh có động tịnh, nơi nghe thành có không, tiếng dứt gọi chẳng nghe, đâu phải dứt tánh nghe. Chẳng tiếng, nghe chẳng diệt, có tiếng, nghe chẳng sanh. Sanh diệt thấy đều lìa, ấy là **Thường chơn thật**.

Đầu lúc đang nằm mơ, không tưởng nghe vẫn còn, giác quán vượt suy tư, thân tâm chẳng thể đến. Nay cõi Ta Bà này, **Thanh giáo** được tuyên dương. Chúng sanh mê Bản Văn, đuổi theo tiếng lưu chuyển, A Nan dù nhớ hay, chẳng khỏi kẹt tà tưởng. Theo vật bị chìm đắm, phản văn được lìa vọng, A Nan hãy lắng nghe,

Ta thừa oai thần Phật
Tuyên thuyết Kim Cang Vương
Như huyễn bất tư nghi
Phật mẫu chơn tam muội.

Ngươi nghe vô số Phật, tất cả pháp bí mật. Nếu chẳng trừ dục lậu, chấp nghe thành lỗi lầm, dùng nghe, chấp lời Phật, đâu bằng nghe bản văn? Nghe chẳng tự nhiên sanh, do tiếng có tên “nghe”, Xoay nghe thoát khỏi tiếng, Đặt tên “nghe” cho ai?

Nhất căn ký phản nguyên,
Lục căn thành giải thoát,
Kiến văn như huyễn uế,
Tam giới nhược không hoa.

Phản văn bệnh nhậm trừ, trần tiêu, giác trong sạch, cực trong sáng thông suốt, chiếu soi khắp hư không. Trở lại xem thế gian, đều như việc trong mộng. Ma Đẳng Già trong mộng, không làm sao nhiếp được thân người! Như người khéo huyền thuật, giả tạo hình nam nữ, dù thấy lục căn động, do sợi dây điều khiển, vì huyền vốn chẳng tánh, dây ngưng thành vắng lặng.

Lục căn cũng như vậy, dựa nhất tâm sáng tỏ, chia thành lục hòa hợp, nhất căn đã về cội. Lục dụng đều chẳng thành. Trần cấu ngay đó tiêu, thành sáng tỏ trong sạch. Ngôi học còn dính bụi, cực sáng tức Như Lai. A Nan và đại chúng, xoay cái văn điên đảo.

Phản văn bản tánh văn, mới thành vô thượng đạo, Viên thông thật như thế. Đây là vô số Phật, một cửa vào Niết Bàn. Quá khứ chư Như Lai, do cửa này thành tựu.

Hiện tại chư Bồ Tát. Mỗi mỗi vào diệu minh, người tu học vị lai, nên y theo pháp này. Chẳng những Quán Thế Âm, Ta chứng cũng cửa này.

Đúng như lời Thế Tôn, hỏi về các phương tiện, để cứu độ mạng kiếp, người cầu pháp xuất thế, thành tựu tầm Niết Bàn, Quán Thế Âm hơn cả.

Ngoài ra phương tiện khác, đều là oai thần Phật, sâu cạn tùy cơ thuyết, khiến xả bỏ trần lao. Chẳng phải lối tu mau.

Đánh lễ Như Lai tạng, Vô lậu bất tư nghi, nguyện giúp đỡ đời sau, chẳng làm nơi cửa này, phương tiện dễ thành

tự, để dạy cho A Nan, và chúng sanh đời sau, cứ theo căn này tu, Viên thông hơn pháp khác, thế là **Trực tâm** vậy.

A Nan và đại chúng được khai thị, thân tâm sáng suốt, rõ biết đạo Bồ Đề và Đại Niết Bàn, cũng như có người đi xa, dù chưa được trở về, nhưng đã biết rõ con đường về nhà. Đại chúng trong hội với Thiên Long Bát Bộ, hàng nhị thừa hữu học và tất cả Bồ Tát mới phát tâm, gấp mười lần hằng sa, đều nhận được bản tâm, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn trong sạch. Tỳ Kheo Ni Tánh nghe bài kệ xong, liền đắc quả A La Hán, vô số chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

KHẢI GIÁO TAM VÔ LẬU HỌC

Ngài A Nan ở trong chúng sửa áo chỉnh tề, chấp tay đánh lễ, cúi đầu bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nay con đã ngộ pháp môn thành Phật, theo đó tu hành, chẳng còn nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai nói: tự mình chưa ngộ mà độ người khác trước, ấy là chỗ phát tâm của Bồ Tát; Tự Giác đã trọn, hay giác ngộ người khác, ấy là sự độ thế của Như Lai. Con dù chưa được ngộ, nhưng nguyện độ tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp sau này. Thế Tôn, những chúng sanh này cách Phật ngày càng xa, bọn tà sư thuyết pháp như hằng sa, muốn nhiếp tâm họ nhập Tam Ma Địa, thì nên khiến họ dựng lập đạo tràng như thế nào để xa lìa các ma sự, chẳng lui sụt nơi tâm đại Bồ Đề.

Bấy giờ, Thế Tôn khen Ngài A Nan:

- Lành thay! Lành thay! Như người hỏi về sự an lập đạo tràng, cứu giúp chúng sanh chìm đắm trong đời sau này, người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà nói. A Nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Phật bảo A Nan: Nay Như Lai khai thị Ba Môn quyết định của sự tu hành đó là: **Nhiếp tâm thành Giới, từ giới sanh Định, từ định phát Huệ, gọi là ba Vô Lậu Học.**

BỐN CƠ BẢN XUẤT TRẦN

- A Nan! **Nhiếp Tâm Giới.** Nếu chúng sanh lục đạo trong thế giới, tâm chẳng dâm dục, thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục. Người tu chánh định, để ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục chẳng trừ thì chẳng thể ra khỏi, dẫn cho có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu chẳng đoạn dâm, ắt phải lạc vào ma đạo, hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ. Bọn ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng, sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, bọn ma dân này sôi nổi trên thế gian, thịnh hành tham dâm, tự xưng là Thiện tri thức, khiến chúng sanh sa vào hầm ái kiến, lạc mất đạo Bồ Đề.

Người khuyến tấn, người đời sau tu Thiền Định, trước nhất phải dứt trừ tâm dâm dục, ấy là lời dạy bảo rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ nhất của chư Phật.

Người chẳng dứt dâm dục mà tu thiền định, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Vì sao? Vì cát vốn chẳng phải là cơm vậy. Nếu lấy thân dâm mà cầu diệu quả của Phật, dẫn được

khai ngộ cũng chỉ là gốc dâm; cội gốc đã thành dâm thì phải trôi lăn trong tam ác đạo, chẳng thể thoát khỏi, vậy làm sao có thể tu chứng đạo Niết Bàn! Ất phải khiến thân tâm đều dứt hết sự dâm, cả cái dứt cũng chẳng có, thì mới có thể hy vọng chứng quả Bồ Đề. Như lời ta thuyết gọi là Phật thuyết, chẳng thuyết như thế là tà ma thuyết.

- A Nan! Lại nữa chúng sanh lục đạo trong thế giới, nếu tâm chẳng sát hại thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục. Người tu chánh định, cốt để ra khỏi trần lao, nếu tâm sát hại chẳng trừ, thì chẳng thể ra khỏi, dẫu có nhiều trí thiền định hiện tiền, mà chẳng dứt sát hại, ắt phải lạc vào đạo quỷ thần. Hạng trên thành đại lực quỷ, hạng giữa thành phi hành dạ xoa và các loại quý soái, hạng dưới thành địa hành la sát. Các loài quỷ thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng, sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, loại quỷ thần này sôi nổi trên thế gian, tự nói ăn thịt cũng được đạo Bồ Đề.

- A Nan! Sở dĩ ta tạm cho hàng Tỳ Kheo ăn Ngũ Tịnh Nhục, việc này đều do thần lực của ta hóa thành, vốn chẳng có sinh mạng. Vì xứ Bà La Môn đất đai phần nhiều ẩm ướt, lại thêm cát đá, rau cỏ chẳng sanh, nên ta dùng sức đại bi tạm thời hóa ra, giả danh là thịt, cho các người được ăn. Nhưng tiếc thay, sau khi Như Lai diệt độ, người mang danh Phật tử lại ăn thịt chúng sanh!

- Các người nên biết, những người ăn thịt, dù được khai ngộ giống như tu Tam Ma Địa, nhưng đều là giống La

Sát, khi hết phước báu, ắt phải chìm đắm trong biển khổ, chẳng phải đệ tử Phật. Những người như thế, giết nhau nuốt nhau, ăn nhau không thôi, làm sao được ra khỏi luân hồi!

Người khuyến tấn, người đời sau tu Tam Ma Địa, phải dứt trừ sát sanh, ấy là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, gọi là nghĩa quyết định thứ hai của chư Phật.

- A Nan! Nếu chẳng dứt sát hại mà tu thiền định, cũng như có người tự bịt lỗ tai, lớn tiếng kêu to mà mong người khác chẳng nghe, bọn này gọi là muốn giấu mà càng lộ. Hàng Tỳ Kheo trong sạch và chư Bồ Tát, đi trong đường tẻ còn chẳng dẫm trên cỏ, huống là nhổ cỏ. Làm sao người có lòng đại bi lại ăn thịt chúng sanh?

- Nếu Tỳ Kheo chẳng mặc tơ lụa, chẳng mang giày dép da cừu, chẳng ăn những tô lạc đề hồ... thuộc bộ phận thân thể của chúng sanh, thì Tỳ Kheo này nơi thế gian gọi là chơn giải thoát, khi nợ xưa trả sạch thì chẳng sanh vào tam giới. Tại sao? Vì dùng những bộ phận thân thể của chúng sanh để ăn mặc, thì phải trả nợ chúng sanh. Như người ăn lúa thóc từ đất sanh trưởng thì chân đi chẳng lìa đất. Cũng vậy, người mà đối với thân thể của chúng sanh đều chẳng ăn chẳng mặc, ta nói người này là chơn giải thoát. Nếu chẳng thuyết như thế tức là ma thuyết.

- A Nan! Lại nữa chúng sanh lục đạo trong thế giới, tâm chẳng trộm cắp thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục.

- Người tu chánh định, cốt ra khỏi trần lao, nếu tâm trộm cắp chẳng trừ thì chẳng thể ra khỏi, dầu có nhiều tri thiền định hiện tiền, mà chẳng dứt tâm trộm cắp, ắt phải lạc

vào tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng giữa thành yêu mị, hạng dưới thành kẻ tà. Bọn tà đạo kia cũng có đồ chúng mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng. Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, bọn tà ma kia sôi nổi trong thế gian, che giấu sự gian dối, tự xưng là thiện tri thức, đã được pháp Thượng Nhân, lừa gạt kẻ không biết, khiến lạc mất bản tâm. Hễ họ đến chỗ nào thì người chỗ đó gia tài bị tiêu tan.

- Ta dạy các Tỳ Kheo tùy nghi khát thực, xả bỏ lòng tham, mới thành đạo Bồ Đề. Các Tỳ Kheo chẳng tự nấu ăn, huyễn thân tạm gởi nơi tam giới, thị hiện một đời sanh tử, đi rồi chẳng về (giải thoát sanh tử thì ra khỏi luân hồi, chẳng về tam giới). Tại sao bọn giặc mặc áo nhà Phật, giả mạo Tỳ Kheo buôn bán Như Lai, tạo đủ thứ nghiệp đều nói là Phật pháp! Kỳ thật, họ chẳng phải người chánh thức xuất gia, có thọ giới Tỳ Kheo của đạo Tiểu Thừa. Do vậy, khiến vô số chúng sanh mắc phải nghi lầm, đọa địa ngục A Tỳ. Sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ Kheo phát tâm quyết định tu Tam Ma Địa, ở trước hình tượng Phật đốt một lóng tay hay đốt một liều trên thân, ta nói người ấy, những nợ xưa từ vô thủy đều sẽ được dần dần trả hết, từ giã thế gian, thoát hẳn phiền não, dù chưa được ngộ đạo vô thượng, nhưng đối với Phật pháp đã có lòng tin quyết định. Nếu chẳng làm cái nhân xả thân nhỏ mọn này, thì dẫu thành vô vi, ắt phải còn sanh cõi người, trả các nợ xưa, như quả báo Mã Mạch của ta chẳng có sai khác.

Người khuyến tấn, người đời sau tu Tam Ma Địa, phải dứt tâm trộm cắp, lời dạy rõ ràng trong sạch, đó là nghĩa quyết định thứ ba của chư Phật.

- A Nan! Nếu chẳng dứt tâm trộm cắp, mà tu Thiên

định, cũng như người lấy nước rót vào bình chảy, mong cho đầy bình, dù trải qua vô số kiếp, cũng không thể đầy.

- Nếu hàng Tỳ Kheo ngoài y bát ra, mảy may không tích trữ, xin ăn có dư, bố thí cho kẻ đói, giữa nơi nhóm họp, chấp tay đánh lễ chúng, có người đánh mắng, đồng như khen ngợi, quyết định xả bỏ thân tâm, với tất cả chúng sanh cộng chung một da thịt xương máu. Chẳng lấy thuyết bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của mình, rồi dạy làm mà hại cho kẻ sơ học, thì Phật ấn chứng người ấy được chơn tam muội. Nếu chẳng như thế tức tà ma thuyết.

- A Nan! Chúng sanh lục đạo trên thế giới, dù nơi thân tâm chẳng còn Sát, Đạo, Dâm, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì với Tam Ma Địa chẳng được trong sạch, thành giống ma ái kiến, lạc mất giống Phật. Chưa đắc quả nói đã đắc, chưa chứng ngộ nói đã chứng; như bảo người khác rằng: “Nay tôi đã được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, cho đến Bồ Tát Thập Địa”, hoặc cầu sự thù thắng bậc nhất nơi thế gian, bảo họ lễ sám. Bọn Nhất Xiển Đề này tiêu diệt giống Phật, như người lấy dao chặt cây Đa La, Phật thọ ký người ấy mất hẳn thiện căn, chẳng có Chánh kiến, chìm đắm tam ác đạo, chẳng thể thành tựu chánh định.

- Ta phó chúc các Bồ Tát và A La Hán, sau khi ta diệt độ, nên ứng thân trong thời mạt pháp, hiện đủ thứ hình tướng, cứu độ chúng sanh bị luân chuyển. Hoặc làm Sa Môn, Bạch Y Cư Sĩ, vua, chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ, như thế cho đến người dâm nữ, quả phụ, kẻ gian dối, trộm cắp, đồ tể v.v... cộng sự với họ, khen ngợi Phật thừa, khiến thân tâm

họ được vào Tam Ma Địa. Trọn chẳng tự nói ta là Chơn Bồ Tát, chơn A La Hán, tiết lộ mật nhân của Phật để khinh kẻ hậu học, chỉ trừ đến khi lâm chung càng có sự phó chúc cho người nối pháp làm sao người ấy lại mê hoặc chúng sanh, tự tạo tội, thành đại vọng ngữ, để vào ngục A Tỳ!

Người khuyến tấn, người đời sau tu Tam Ma Địa, phải dứt trừ đại vọng ngữ, ấy là lời dạy rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ tư của chư Phật.

- A Nan !Nếu chẳng dứt đại vọng ngữ, cũng như lấy phân người khắc hình cây Chiên Đàn, muốn được mùi thơm thì chẳng có chỗ đúng.

- Ta dạy Tỳ Kheo **Trực Tâm** là đạo tràng, tất cả hạnh nơi tứ oai nghi còn chẳng giả dối, làm sao lại tự xưng đã được pháp Thượng Nhân, ví như người nghèo xưng là vua chỉ tự cầu tội chém, hưởng là trộm cắp danh hiệu của Pháp Vương. Nên biết, nhân địa chẳng thành tựu chơn thì chiêu quả luống dối, nếu như thế mà cầu đạo Bồ Đề, cũng như người muốn tự cắn rốn mình, đâu thể thành tựu!

Nếu các Tỳ Kheo, tâm ngay thẳng như dây đàn, tất cả chân thật, vào Tam Ma Địa, hẳn không kẹt ma sự, ta ấn chứng người ấy thành tựu Vô thượng tri giác. Nếu chẳng như thế tức tà ma thuyết.

LƯỢC GIẢNG

Kinh Hưng Khởi Hành nói: Vua nước Tùy La Nhiên thỉnh Phật và 500 vị Tỳ Kheo về nước kiết hạ, vua đích thân cúng dường vừa được sáu ngày thì bị thiên ma mê hoặc, khiến trở về cung vua chìm đắm ngũ dục, quên sự cúng dường. Các Tỳ

Kheo phải đi khát thực, mà liên tiếp ba ngày đều chẳng khát được món ăn nào cả.

Lúc đó, có người nuôi ngựa nói với các Tỳ Kheo rằng: Nay con có mã mạch, quý Thầy ăn được chăng? Nếu ăn được thì con sẽ cúng dường. Từ đó ăn mã mạch cho đến mãn hạ.

Phật bảo: Trong quá khứ đời Phật Tỳ Bà Diếp, có người Bà La Môn, thông đạt Tứ Vệ Đà Kinh, có dạy 500 đồng tử trên núi Phạn Chí... Khi ấy, vua thiết hội cúng dường Phật Tỳ Bà Diếp, có một Tỳ Kheo mắc bệnh chẳng đi được. Phật và đại chúng ăn xong, rồi thỉnh thực cho Tỳ Kheo mắc bệnh. Khi đi ngang núi Phạn Chí, Bà Sa Môn ấy ngửi được mùi cơm rất thơm, nói rằng: Bọn Sa Môn trọc đầu nên ăn mã mạch, chẳng nên ăn cơm này. Các đồng tử cũng nói: Bọn thầy trò này phải ăn mã mạch mới đúng!

Bà La Môn thuở đó tức là ta, 500 đồng tử tức 500 Tỳ Kheo theo ta kiết hạ đây; Tỳ Kheo mắc bệnh tức là Di Lặc. Do nhân duyên này, vào địa ngục trải qua vô số kiếp, nay dù đã đắc đạo, vẫn còn phải chịu quả báo, ăn mã mạch ba tháng.

Theo nhân quả kể trên, Phật đã từng xả máu thịt cho điều hâu ăn, xả thân mạng cho cạp ăn, mà còn phải chịu quả báo mã mạch (trả mà thấy là không). Sự đốt tay, đốt liều là để tăng cường lòng chánh tín, quên thân vì đạo. Cần phải quên thân hành đạo, cuối cùng mới trả hết nghiệp xưa, trọn thành Phật đạo.

*Ở quyển thứ 5 Đức Phật dạy Ba Môn quyết định của sự tu hành đó là: **Nhiếp tâm thành Giới, từ giới sanh Định, từ***

định phát Huệ, gọi là ba Vô Lậu Học. Thành tựu Đại Thừa Tâm Giới qua Bốn cơ bản xuất trần, đặc Như Huyền Tam Ma Đề, vào Kim Cang Bảo Giác, cũng gọi là Kim Cang Tam Muội, mà Phật và Mười Phương Như Lai, cùng các hàng Bồ Tát và 25 thánh giả đang an trụ; gọi khác là Thể tánh hư không Hoa quang tam muội: Thể tánh hư không là thể tánh vốn không hình tướng, giống như hư không. Đây chính là Bản nguyên tâm địa. Bản nguyên tâm địa tuy vắng lặng, không hình tướng, nhưng vẫn gồm đủ hằng sa tánh đức; diệu dụng như hoa và ánh sáng, Tam muội là chánh định, tức Tam Ma Đề. Thiền định có tên là Bông hoa và Ánh sáng của Thể tánh thanh tịnh không hình tướng như hư không, đầy đủ 10 Tâm Kim Cương lên hàng Bảo Giác.

Nói về, Kim Cương Tâm hướng quả có 10:

1. Tín tâm, 2. Niệm tâm, 3. Hồi hướng tâm, 4. Đạt tâm, 5. Trục tâm, 6. Bất thối tâm, 7. Đại thừa tâm, 8. Vô tướng tâm, 9. Huệ tâm, 10. Bất hoại tâm.

Đệ tử Phật do mười tâm này tu tập pháp quán Trung Đạo, hàng phục vô minh, tánh như Kim Cương, không bị bất cứ cái gì làm hư hoại, nên gọi là Kim cương. Thập Kim Cương; cũng gọi là Thập Hồi Hướng. Vì ở trong mười tâm này mà tu hành, có thể thực hành Ba thứ đại hồi hướng: Hồi sự hướng lý. Hồi nhân hướng quả. Hồi tự hướng tha.

Như chúng ta đã biết, **Quán Âm** hay **Quán Thế Âm** chỉ là nhân cách hóa một pháp môn chỉ quán mà lục đạo chúng sanh trong mười phương ai cũng sẵn có cái khả năng **chỉ**

quán như vậy để được chứng viên thông. Người đệ tử Phật có tư duy trong yên tĩnh có thực hành **chỉ quán** sẽ **nghe** được tiếng lương tâm màu nhiệm của mình, không cần có **thanh trần** đối tượng. Chừng nào hành giả **nghe** được âm vang đó thường xuyên liên tục ở lòng mình thì 32 ứng thân, 14 đức vô úy, 4 diệu đức nhiệm màu chỉ là sự biểu hiện vô tác, không cần gắng sức dụng công mà tự có, như ánh sáng sẵn có của mặt trời rạng rỡ buổi ban mai.

Nhiều đầu tất nhiên nhiều óc. Có được nhiều bộ óc, con người sẽ có khả năng tư duy nhận thức nhiều. Người không có tư duy không thể là người thông minh được. Nhận thức chơn lý, đòi hỏi phải nhiều tư duy hơn cả người thông minh của thế trí.

Mắt để mà thấy. Thấy để mà nhận biết. Muốn thấy nhiều ó mắt nhiều. Là đệ tử Phật, phàm phu cũng như thánh vị, phát chí tu nhân, ai cũng mong giác ngộ chơn lý giải thoát vô minh, cho nên cần thấy nhiều để nhận thức, biết nhiều để quán sát tư duy. Sự “hóa hiện” nhiều mắt của Bồ Tát Quán Thế Âm nhằm dạy bảo mọi người đệ tử Phật về sự cần thiết: thấy xa và hiểu rộng, để nhiều ích hữu tình.

Tay để mà làm việc. Mọi thành tựu cụ thể trong cuộc sống con người là do tay. Nói cách khác, tay là công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện, cụ thể hóa nguồn trí tuệ thông qua bộ óc điều khiển của con người. Trí tuệ, tài năng hay sự khéo léo... không thể không biểu lộ qua sự thực hiện của tay.

Bồ Tát là người đang đi trên đường tìm chơn lý, vì cần

tư duy nhiều nên nói Bồ Tát đầu nhiều, vì cần thấy biết nhiều nên nói mắt nhiều; vì cần thực hành nhiều nên nói tay nhiều; vì cần **tri hành hợp nhất** cho nên Bồ Tát nhiều đầu, nhiều mắt và nhiều tay.

Một sự kiện đáng vui mừng phấn khởi cho những người con Phật có ý chí ham học thì mong giải thoát; qua 25 vị Thanh Văn lẫn Bồ Tát, các Ngài nói lên nhân duyên đạt đạo, chứng nhập **viên thông** của các Ngài mà ta thấy vô cùng sung sướng. Thì ra cái sự kiện làm ra thành quả **viên thông** ấy, trong Phật tử chúng ta ai cũng có và ai cũng có thể biết được rõ ràng, trong mọi chúng ta ai cũng có khả năng hy vọng có ngày hiện thực **viên thông**.

Ta đã thấy biết rõ dữ kiện để tạo ra thành quả **viên thông** các Ngài chỉ dựa trên lục trần, lục căn, lục thức và thất bại, làm đối tượng để tu sửa thân tâm. Vậy mà mỗi Ngài trình lên với Phật một món “Đệ nhất” khác nhau. Điều đó nói với mọi người rằng: Gọi là thuốc hay, không có thuốc nào hay với tất cả mọi con bệnh. Pháp môn có “vi diệu” cũng không phải “vi diệu” cho mọi căn cơ. Cái biết của người bệnh là khéo biết chọn thuốc hợp bệnh mà dùng. Cái trí của người con Phật, phải khéo chọn pháp môn thích ứng căn cơ mà tu tập.

Bằng nhận thức khách quan, ai cũng có thể thấy biết: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đã chẳng làm gì nên tội? Nên tội là do con người. Con người đam mê trần với tâm động hắc ám với khát vọng điên cuồng đánh mất đi lý trí. Lý

trí mà còn đánh mất thì “**chơn tâm thường trú**” đối với hạng người này, có tìm đi nữa cũng là kẻ: đáy nước mò trăng.

Sự thành công của các A La Hán là khéo vận dụng các tri kiến: Như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng để làm cơ sở giác ngộ giải thoát cho mình.

Có câu rằng: Trần chẳng tương quan, biển cả nương dâu mặc thay đổi. Tâm không sở đắc, thông xanh mây trắng tự vui nhàn.

Điều mà ai cũng biết: Vật chất biểu hiện vô vàn hình thái hiện tượng khác nhau, nhưng không có cái thứ vật chất nào làm cho con người nên tội. Cũng như thế, trần là hiện tượng thu gọn, tổng kết vật chất qua sáu dạng: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trong cái từ **lục trần**, thì đã có thứ nào làm nên tội lỗi cho ai? Cho nên ta kết luận rõ ràng rằng căn cũng như **trần** đều không phải là nguyên nhân gây nên tội lỗi. Chẳng những thế mà còn ngược lại: **Căn trần** đều là những dữ kiện để đạt đạo thành tựu **viên thông**. Thế nhập sâu sắc tự đáy nguồn chơn lý đó.

Do con người nhận thức sai lầm vạn hữu, đánh giá thấp hoặc quá cao. Sự sai lầm đó, phủ lên hiện tượng vạn hữu lớp sương mù “biến kế chấp” làm cho con người không nhận được thực chất “y tha duyên” của hiện tượng vạn hữu. Do đó càng không thể biết được nguồn gốc thanh tịnh bản nhiên của “viên thành thật” trong bản thể Như Lai Tàng. Do đó vọng sanh quan niệm: **Sanh, diệt, hữu, vô, đoạn, thường, khứ, lai ...** loạn khởi.

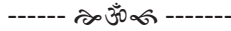
Các Bồ Tát ngược dòng quán chiếu, thấy rõ sự thật “y tha” dùng đũa ốc trí tuệ rọi tan sương mù “biến kế”, nhận chân cái thật tánh “viên thành” của thất đại. Thì ra: địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức vốn là chân không thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới. Không có một pháp nào mang theo, đem đến cho ta một mảy may vương víu một tí tị phiền não khổ đau nào!

Do vậy, 25 vị thánh đệ tử, dựa trên **căn trần, thức** và **thất đại** đều chứng được quả giải thoát **viên thông**. Thế nhập Nhất Chân Pháp giới.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 7

大乘心戒卷第七

ĐẠI THỪA TÂM GIỚI



阿難。汝問攝心。我今先說入三摩地，修學妙門，求菩薩道。要先持此四種律儀，皎如冰霜。自不能生一切枝葉。心三口四，生必無因。阿難。如是四事，若不遺失。心尚不緣色香味觸。一切魔事，云何發生？若有宿習不能滅除。汝教是人，一心誦我佛頂光明摩訶薩怛多般怛囉無上神咒。斯是如來無見頂相，無為心佛從頂發輝，坐寶蓮華所說心咒。且汝宿世與摩登伽，歷劫因緣恩愛習氣，非是一生及與一劫。我一宣揚，愛心永脫，成阿羅漢。彼尚婬女，無心修行。神力冥資速證無學。云何汝等在會聲聞，求最上乘決定成佛。

譬如以塵揚於順風，有何艱險。若有末世欲坐道場。先持比丘清淨禁戒。要當選擇戒清淨者，第一沙門，以為其師。若其不遇真清淨僧，汝戒律儀必不成就。戒成已後，

著新淨衣，然香閒居，誦此心佛所說神咒一百八遍，然後結界，建立道場。求於十方現住國土無上如來，放大悲光來灌其頂。阿難。如是末世清淨比丘，若比丘尼，白衣檀越，心滅貪婬，持佛淨戒。於道場中發菩薩願。出入澡浴。六時行道。如是不寐，經三七日。我自現身至其人前，摩頂安慰，令其開悟。

阿難白佛言：世尊。我蒙如來無上悲誨，心已開悟。自知修證無學道成。末法修行建立道場，云何結界，合佛世尊清淨軌則？

佛告阿難。若末世人願立道場。先取雪山大力白牛。食其山中肥膩香草。此牛唯飲雪山清水。其糞微細。可取其糞，和合栴檀，以泥其地。若非雪山，其牛臭穢，不堪塗地。別於平原，穿去地皮五尺已下，取其黃土，和上栴檀、沈水、蘇合、薰陸、鬱金、白膠、青木、零陵、甘松、及雞舌香。以此十種細羅為粉。合土成泥，以塗場地。方圓丈六，為八角壇。壇心置一金銀銅木所造蓮華。華中安砵。砵中先盛八月露水。水中隨安所有華葉。取八圓鏡，各安其方，圍

繞華碓。鏡外建立十六蓮華。十六香鑪，間華鋪設。莊嚴香鑪，純燒沈水，無令見火。取白牛乳，置十六器。乳為煎餅，并諸砂糖、油餅、乳糜、蘇合、蜜薑、純酥、純蜜。於蓮華外，各各十六圍繞華外。以奉諸佛及大菩薩。每以食時，若在中夜，取蜜半升，用酥三合。壇前別安一小火爐。以兜樓婆香，煎取香水，沐浴其炭，然令猛熾。投是酥蜜於炎爐內，燒令煙盡，享佛菩薩。令其四外遍懸幡華。於壇室中，四壁敷設十方如來及諸菩薩所有形像。應於當陽，張盧舍那、釋迦、彌勒、阿闍（音同觸彳×`）、彌陀。諸大變化觀音形像，兼金剛藏，安其左右。帝釋、梵王、烏芻瑟摩、并藍地迦、諸軍荼利、與毗俱胝、四天王等，頻那夜迦，張於門側，左右安置。又取八鏡覆懸虛空，與壇場中所安之鏡，方面相對，使其形影重重相涉。

於初七中，至誠頂禮十方如來，諸大菩薩，阿羅漢號。恒於六時誦咒圍壇，至心行道。一時常行一百八遍。

第二七中，一向專心發菩薩願，心無間斷。我毗奈耶先有願教。第三七中，於十二

時，一向持佛般怛囉咒。至第七日，十方如來一時出現。鏡交光處，承佛摩頂。即於道場修三摩地。能令如是末世修學，身心明淨猶如琉璃。阿難。若此比丘本受戒師，及同會中十比丘等，其中有一不清淨者，如是道場多不成就。從三七後，端坐安居，經一百日。有利根者，不起於座，得須陀洹。縱其身心聖果未成。決定自知成佛不謬。汝問道場，建立如是。

阿難頂禮佛足，而白佛言：自我出家，恃佛憍愛。求多聞故，未證無為。遭彼梵天邪術所禁心雖明了，力不自由。賴遇文殊，令我解脫。雖蒙如來佛頂神咒，冥獲其力，尚未親聞。惟願大慈重為宣說，悲救此會諸修行輩，未及當來在輪迴者，承佛密音，身意解脫。

於時會中一切大眾，普皆作禮，佇聞如來秘密章句。爾時世尊從肉髻中。涌百寶光。光中涌出千葉寶蓮。有化如來，坐寶華中。頂放十道百寶光明。一一光明。皆遍示現十恒河沙金剛密跡，擎山持杵，遍虛空界。大眾仰觀，畏愛兼抱，求佛哀祐。一心聽佛，無見頂相，放光如來，宣說神咒。

南無薩怛他 蘇伽多耶 阿羅訶帝 三藐三菩
 陀寫 薩怛他 佛陀俱胝、瑟尼釤 南無薩婆 勃
 陀勃地 薩跢鞞弊 南無薩多南 三藐三菩陀 俱
 知喃 娑舍囉、娑迦 僧伽喃 南無盧雞、阿羅
 漢、跢喃 南無蘇盧多、波那喃 南無娑羯唎
 陀、伽彌喃南無盧雞、三藐、伽跢喃 三藐、
 伽波囉 底波、多那喃 南無提婆、離瑟赧南無
 悉陀耶 毗地耶 陀囉離瑟赧 舍波奴 揭囉訶 娑
 訶娑囉、摩他喃 南無跋囉訶、摩泥 南無因陀
 囉耶 南無婆伽婆帝 嚧陀囉耶 烏摩般帝 娑醯
 夜耶 南無婆伽婆帝 那囉野 拏耶 槃遮摩訶、
 三慕陀囉 南無悉羯唎多耶 南無婆伽婆帝 摩訶
 迦羅耶 地唎、般刺那 伽囉毗陀囉 波拏、迦囉
 耶 阿地目帝 尸摩舍那泥 婆悉泥 摩怛唎伽拏
 南無、悉羯唎多耶 南無婆伽婆帝 多他伽跢、
 俱囉耶 南無般頭摩、俱囉耶 南無跋闍囉、俱
 囉耶 南無摩尼、俱囉耶 南無伽闍、俱囉耶 南
 無婆伽婆帝 帝唎茶 輸囉西那 波囉訶囉、拏囉
 闍耶 跢他伽多耶 南無婆伽婆帝 南無阿彌、多
 婆耶 跢他伽多耶 阿囉訶帝 三藐三菩陀耶 南
 無婆伽婆帝 阿芻鞞耶 跢他伽多耶 阿囉訶帝
 三藐三菩陀耶 南無婆伽婆帝 鞞沙闍耶 俱盧、
 吠柱唎耶 般囉婆、囉闍耶 跢他伽多耶 南無婆
 伽婆帝 三補師、毖多 薩憐捺囉刺闍耶 跢他伽

多耶 阿囉訶帝 三藐三菩陀耶 南無婆伽婆帝
 舍雞野、母那曳 跢他伽多耶 阿囉訶帝 三藐三
 菩陀耶 南無婆伽婆帝 刺怛那、雞都、囉闍耶
 跢他伽多耶 阿囉訶帝 三藐三菩陀耶 帝瓢 南
 無薩羯唎多 翳曇、婆伽婆多 薩怛他、伽都瑟
 尼釤 薩怛多、般怛藍 南無 阿婆囉視耽 般囉
 帝 揚歧囉 薩囉婆 部多、揭囉訶 尼羯囉訶 羯
 迦囉訶 尼跋囉、毖地耶 叱陀你 阿迦囉 密唎
 柱 般唎 怛囉耶 停揭唎 薩囉婆 槃陀那 目叉尼
 薩囉婆 突瑟吒 突悉乏 般那你 伐囉尼 赭都囉
 失帝南 羯囉訶 娑訶、薩囉、若闍 毗多崩 娑
 那、羯唎 阿瑟吒冰、舍帝南 那叉、刹怛囉、
 若闍 波囉、薩陀那、羯唎 阿瑟吒南 摩訶羯囉
 訶、若闍 毗多崩、薩那羯唎 薩婆、舍都嚧 你
 婆囉、若闍 呼藍、突悉乏 難遮那 舍尼 毖沙舍
 悉怛囉 阿吉尼 烏陀迦囉、若闍 阿般囉視多、
 具囉 摩訶般囉、戰持 摩訶疊多 摩訶帝闍 摩
 訶稅多、闍婆囉 摩訶跋囉、槃陀囉 婆悉你 阿
 唎耶、多囉毗唎 俱知 誓婆、毗闍耶 跋闍囉、
 摩禮底 毗舍嚧 多勃騰 罔迦 跋闍囉、制喝那、
 阿遮 摩囉制婆 般囉質多 跋闍囉、擅持 毗舍
 囉遮 扇多舍 鞞提婆 補視多 蘇摩嚧波 摩訶稅
 多 阿唎耶、多囉 摩訶婆囉、阿般囉 跋闍囉、
 商羯囉、制婆跋闍囉、俱摩唎 俱藍陀唎 跋闍

囉、喝薩多遮 毗地耶 乾遮那 摩唎迦 咄蘇母
 婆羯囉踞那 鞞嚧遮那 俱唎耶 夜囉菟 瑟尼釤
 毗折藍婆、摩尼遮 跋闍囉、迦那、迦波囉婆
 嚧闍那 跋闍囉、頓稚遮 稅多遮 迦摩囉 刹奢
 尸 波囉婆 翳帝夷帝 母陀囉 羯拏 娑鞞囉懺 掘
 梵都 印兔那、麼麼寫烏(合牛) 唎瑟、揭拏 般
 刺、舍悉多 薩怛他 伽都瑟尼釤 虎(合牛)都嚧
 雍 瞻婆那 虎(合牛)都嚧雍 悉眈婆那 虎(合牛)
 都嚧雍 波囉瑟地耶 三般叉 拏羯囉虎(合牛)都
 嚧雍 薩婆藥叉 喝囉刹袞 揭囉訶、若闍 毗騰
 崩、薩那羯囉 虎(合牛)都嚧雍 者都囉 尸底南
 揭囉訶 娑訶薩囉南 毗騰崩、薩那囉 虎(合牛)
 都嚧雍 囉叉 婆伽梵 薩怛他 伽都瑟尼釤 波囉
 點 闍吉唎 摩訶、娑訶薩囉 勃樹、娑訶薩囉
 室唎沙 俱知、娑訶薩泥 帝隸、阿弊提視、婆
 唎多 吒吒毘迦 摩訶、跋闍嚧陀囉 帝唎 菩婆
 那 曼荼囉 烏(合牛) 娑悉帝 薄婆都 麼麼 印兔
 那、麼麼寫囉闍婆夜 主囉跋夜 阿祇尼、婆夜
 烏陀迦、婆夜 毗沙、婆夜 舍薩多囉、婆夜 婆
 囉、斫羯囉、婆夜 突瑟叉、婆夜 阿舍你、婆
 夜 阿迦囉 密唎柱、婆夜 陀囉尼、部彌劍 波
 伽波陀、婆夜 烏囉迦、婆多、婆夜 刺闍壇
 茶、婆夜 那伽 婆夜毗條怛、婆夜 蘇波囉拏、
 婆夜 藥叉、揭囉訶囉叉私、揭囉訶畢唎多、

揭囉訶 毗舍遮、揭囉訶 部多、揭囉訶 鳩槃
 茶、揭囉訶 補丹那、揭囉訶 迦吒補丹那、揭
 囉訶 悉乾度、揭囉訶 阿播悉摩囉、揭囉訶 烏
 檀摩陀、揭囉訶 車夜揭囉訶 醯唎婆帝、揭囉
 訶 社多、訶唎南 揭婆 訶唎南 嚧地囉、訶唎
 南 忙娑 訶唎南 謎陀、訶唎南 摩闍、訶唎南
 闍多、訶唎女 視比多、訶唎南 毗多、訶唎南
 婆多 訶唎南 阿輸遮、訶唎女 質多、訶唎女
 帝鈿、薩鞞鈿 薩婆、揭囉訶南毗陀、夜闍 瞋
 陀、夜彌 雞囉、夜彌 波唎、跋囉、者迦 訖唎
 擔 毗陀、夜闍 瞋陀、夜彌 雞囉夜彌 茶演尼
 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 摩訶般
 輸、般怛夜 嚧陀囉 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜
 彌 雞囉夜彌 那囉夜拏 訖唎擔毗陀夜闍 瞋陀
 夜彌 雞囉夜彌 怛埵伽嚧、茶西 訖唎擔 毗陀
 夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 摩訶迦囉 摩怛唎伽
 拏 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 迦波
 唎迦 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 闍
 耶羯囉 摩度、羯囉 薩婆、囉他、娑達那 訖唎
 擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 赭咄囉 婆耆
 你 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 毗唎
 羊、訖唎知難陀、雞沙囉 伽拏、般帝 索醯夜
 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 那揭、
 那舍囉、婆拏 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞

囉夜彌 阿羅漢 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞
 囉夜彌 毗多囉伽 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌
 雞囉夜彌 跋闍囉波你 具醯夜、具醯夜迦地、
 般帝 訖唎擔 毗陀夜闍 瞋陀夜彌 雞囉夜彌 囉
 又罔 婆伽梵 印兔那、麼麼寫

婆伽梵 薩怛多、般怛囉 南無粹都帝 阿悉
 多、那囉刺迦 波囉婆 悉普吒 毗迦、薩怛多、
 砵帝唎 什佛囉、什佛囉 陀囉陀囉 頻陀囉、頻
 陀囉 瞋陀瞋陀虎(合牛)虎(合牛) 泮吒、泮吒、
 泮吒、泮吒、泮吒 娑訶 醯醯泮 阿牟迦耶泮
 阿

波囉、提訶多泮 婆囉、波囉陀泮 阿素囉
 毗陀囉 波迦泮 薩婆、提鞞、弊泮薩婆、那
 伽、弊泮薩婆、藥叉、弊泮薩婆、乾闥婆、
 弊泮薩婆、補丹那、弊泮迦吒補丹那、弊泮
 薩婆、突狼枳帝、弊泮薩婆、突澀比犁 訖瑟
 帝、弊泮薩婆、什婆唎、弊泮薩婆、阿播悉
 摩犁、弊泮薩婆、舍囉、婆拏、弊泮薩婆、
 地帝雞、弊泮薩婆、怛摩陀繼、弊泮薩婆、
 毗陀耶 囉誓、遮犁、弊泮闍夜羯囉 摩度羯囉
 薩婆、囉他娑陀雞、弊泮毗地夜 遮唎、弊泮
 者都囉 縛耆你、弊泮跋闍囉 俱摩唎 毗陀夜
 囉誓、弊泮摩訶波囉、丁羊 叉耆唎、弊泮跋

闍囉、商羯囉夜波囉丈耆、囉闍耶泮摩訶迦
 囉夜摩訶、末怛唎迦拏南無、娑羯唎多、夜
 泮毖瑟拏婢、曳泮勃囉訶、牟尼、曳泮阿耆
 尼、曳泮摩訶羯唎、曳泮羯囉檀持、曳泮蔑
 怛唎、曳泮嚩怛唎、曳泮遮文茶、曳泮羯邏
 囉怛唎、曳泮迦般唎、曳泮阿地目、質多迦
 尸摩、舍那婆私你、曳泮演吉質薩埵、婆寫
 麼麼、印兔、那麼麼寫

突瑟吒、質多阿末怛唎、質多烏闍、訶
 囉伽婆、訶囉噓地囉、訶囉婆娑、訶囉摩
 闍、訶囉闍多、訶囉視毖多、訶囉跋略夜、
 訶囉乾陀、訶囉布史波、訶囉頗囉、訶囉
 婆寫、訶囉般波、質多突瑟吒、質多嚩陀
 囉、質多藥叉、揭囉訶囉刹娑、揭囉訶閉隸
 多、揭囉訶毗舍遮、揭囉訶部多、揭囉訶鳩
 槃荼、揭囉訶悉乾陀、揭囉訶烏怛摩陀、揭
 囉訶車夜、揭囉訶阿播薩摩囉、揭囉訶宅祛
 革荼耆尼、揭囉訶唎佛帝、揭囉訶闍彌迦、
 揭囉訶舍俱尼、揭囉訶姥陀囉難地迦、揭囉
 訶阿藍婆、揭囉訶乾度波尼、揭囉訶什佛囉
 埵迦醯迦墜帝藥迦怛隸帝藥迦者突託迦昵
 提、什伐囉毖釤摩、什伐囉薄底迦鼻底迦室
 隸、瑟密迦娑你、般帝迦薩婆、什伐囉室嚩
 吉帝末陀、鞞達、嚩制劍阿綺嚩鉗目佉嚩鉗

羯唎突嚧鉗揭囉訶揭藍、羯拏、輸藍憚多、
 輸藍迄唎夜、輸藍末麼、輸藍跋唎室婆、輸
 藍悉栗瑟吒、輸藍烏陀囉、輸藍羯知輸藍
 跋悉帝輸藍 鄔嚧輸藍 常伽輸藍 喝悉多輸藍
 跋陀輸藍 娑房盎伽 般囉、丈伽、輸藍 部多、
 悉路茶 茶耆尼 什婆囉 陀突嚧迦 建咄嚧吉知
 婆路多毗 薩般嚧 訶凌伽 輸沙怛囉 娑那羯囉
 毗沙喻迦 阿耆尼 烏陀迦 末囉、鞞囉 建路囉
 阿迦囉 密唎咄 怛斂部迦 地栗刺吒 悉唎瑟質
 迦 薩婆那俱囉肆引伽弊 揭囉唎、藥叉 怛囉
 芻末囉視 吠帝鈇 娑鞞鈇 悉怛多、砵怛囉 摩
 訶跋闍嚧 瑟尼鈇 摩訶般賴、丈耆藍 夜波突陀
 舍喻闍那 辯怛隸拏 毗陀耶 槃曇迦嚧彌 帝殊
 槃曇迦嚧彌 般囉毗陀 槃曇迦嚧彌 路姪他。唵
 阿那隸 毗舍提 鞞囉 跋闍囉 陀唎 槃陀槃陀你
 跋闍囉 謗尼泮 虎(合牛)都嚧甕泮 莎婆訶。

阿難。是佛頂光聚，悉怛多般怛羅，祕
 密伽陀，微妙章句。出生十方一切諸佛。

十方如來，因此咒心，得成無上正遍知覺。

十方如來，執此咒心，降伏諸魔，制諸
 外道。

十方如來，乘此咒心，坐寶蓮華，應微
 塵國。

十方如來，含此咒心，於微塵國轉大法輪。

十方如來，持此咒心，能於十方摩頂授記。自果未成，亦於十方蒙佛授記。

十方如來，依此咒心，能於十方拔濟群苦。所謂地獄餓鬼畜生，盲聾瘖啞，怨憎會苦、愛別離苦、求不得苦、五陰熾盛，大小諸橫同時解脫。賊難兵難、王難獄難、風火水難、飢渴貧窮，應念銷散。

十方如來，隨此咒心，能於十方事善知識，四威儀中供養如意。恒沙如來會中，推為大法王子。

十方如來，行此咒心，能於十方攝受親因，令諸小乘聞祕密藏，不生驚怖。

十方如來，誦此咒心，成無上覺，坐菩提樹，入大涅槃。

十方如來，傳此咒心，於滅度後付佛法事，究竟住持，嚴淨戒律，悉得清淨。若我說是佛頂光聚般怛羅咒，從旦至暮，音聲相聯，字句中間，亦不重疊，經恒沙劫終不能盡。亦說此咒名如來頂。汝等有學，未盡輪迴，發心至誠取阿羅漢，不持此咒而坐道

場，令其身心遠諸魔事，無有是處。

阿難。若諸世界，隨所國土所有眾生，隨國所生樺皮貝葉紙素白(疊毛)書寫此咒，貯於香囊。是人心昏，未能誦憶。或帶身上。或書宅中。當知是人盡其生年，一切諸毒所不能害。

阿難。我今為汝更說此咒，救護世間得大無畏，成就眾生出世間智。若我滅後，末世眾生，有能自誦，若教他誦，當知如是誦持眾生，火不能燒，水不能溺，大毒小毒所不能害。如是乃至天龍鬼神，精祇魔魅，所有惡咒，皆不能著。心得正受。一切咒詛厭蠱毒藥、金毒銀毒、草木蟲蛇萬物毒氣，入此人口，成甘露味。一切惡星并諸鬼神，殍心毒人，於如是人不能起惡。頻那夜迦諸惡鬼王，并其眷屬，皆領深恩，常加守護。

阿難當知。是咒常有八萬四千那由他恒河沙俱胝金剛藏王菩薩種族。一一皆有諸金剛眾而為眷屬，晝夜隨侍。設有眾生，於散亂心，非三摩地，心憶口持。是金剛王，常隨從彼諸善男子。何況決定菩提心者。此諸金剛菩薩藏王，精心陰速，發彼神識。是人應時心能記憶八萬四千恒河沙劫，周遍了

知，得無疑惑。從第一劫乃至後身，生生不生藥叉羅刹，及富單那，迦吒富單那，鳩槃荼，毗舍遮等，并諸餓鬼，有形無形、有想無想、如是惡處。是善男子，若讀若誦、若書若寫、若帶若藏，諸色供養，劫劫不生貧窮下賤不可樂處。此諸眾生，縱其自身不作福業，十方如來所有功德，悉與此人。由是得於恒河沙阿僧祇不可說不可說劫，常與諸佛同生一處。無量功德，如惡叉聚。同處熏修，永無分散。是故能令破戒之人，戒根清淨。未得戒者，令其得戒。未精進者，令得精進。無智慧者，令得智慧。不清淨者，速得清淨。不持齋戒，自成齋戒。

阿難。是善男子持此咒時。設犯禁戒於未受時。持咒之後。眾破戒罪，無問輕重，一時銷滅。縱經飲酒，食噉五辛，種種不淨，一切諸佛菩薩金剛天仙鬼神不將為過。設著不淨破弊衣服。一行一住悉同清淨。縱不作壇，不入道場，亦不行道，誦持此咒，還同入壇行道功德，無有異也。若造五逆無間重罪，及諸比丘比丘尼四棄八棄，誦此咒已，如是重業，猶如猛風吹散沙聚悉皆滅除，更無毫髮。

阿難。若有眾生，從無量無數劫來，所有一切輕重罪障，從前世來未及懺悔。若能讀誦書寫此咒，身上帶持，若安住處莊宅園館。如是積業，猶湯銷雪。不久皆得悟無生忍。復次阿難。若有女人，未生男女，欲求孕者。若能至心憶念斯咒。或能身上帶此悉怛多般怛囉者。便生福德智慧男女。求長命者，即得長命，欲求果報速圓滿者，速得圓滿。身命色力，亦復如是。命終之後，隨願往生十方國土。必定不生邊地下賤，何況雜形。

阿難。若諸國土州縣聚落，饑荒疫癘。或復刀兵賊難鬥爭。兼餘一切厄難之地。寫此神咒，安城四門，并諸支提，或脫闍上。令其國土所有眾生，奉迎斯咒，禮拜恭敬，一心供養。令其人民各各身佩。或各各安所居宅地。一切災厄悉皆銷滅。阿難。在在處處，國土眾生，隨有此咒，天龍歡喜，風雨順時，五穀豐殷，兆庶安樂。亦復能鎮一切惡星，隨方變怪。災障不起。人無橫夭。杻械枷鎖不著其身。晝夜安眠，常無惡夢。

阿難。是娑婆界，有八萬四千災變惡星。二十八惡星而為上首。復有八大惡星

以為其主。作種種形出現世時，能生眾生種種災異。有此咒地，悉皆銷滅。十二由旬成結界地。諸惡災祥永不能入。是故如來宣示此咒，於未來世，保護初學諸修行者，入三摩提，身心泰然，得大安隱。更無一切諸魔鬼神，及無始來冤橫宿殃，舊業陳債，來相惱害。汝及眾中諸有學人，及未來世諸修行者，依我壇場如法持戒，所受戒主，逢清淨僧，持此咒心，不生疑悔。是善男子，於此父母所生之身，不得心通，十方如來便為妄語。

說是語已。會中無量百千金剛，一時佛前合掌頂禮，而白佛言：如佛所說。我當誠心保護如是修菩提者。爾時梵王、并天帝釋、四天大王，亦於佛前同時頂禮，而白佛言：審有如是修學善人，我當盡心至誠保護，令其一生所作如願。復有無量藥叉大將、諸羅剎王、富單那王、鳩槃荼王、毗舍遮王、頻那夜迦、諸大鬼王、及諸鬼帥，亦於佛前合掌頂禮。我亦誓願護持是人，令菩提心速得圓滿。復有無量日月天子，風師雨師，雲師雷師，并電伯等，年歲巡官，諸星眷屬，亦於會中頂禮佛足，而白佛言：我亦保護是修行人，安立道場，得無所畏。復有

無量山神海神，一切土地水陸空行，萬物精祇，并風神王，無色界天，於如來前，同時稽首而白佛言：我亦保護是修行人，得成菩提，永無魔事。爾時八萬四千那由他恒河沙俱胝金剛藏王菩薩，在大會中，即從座起，頂禮佛足而白佛言：世尊。如我等輩所修功業，久成菩提，不取涅槃，常隨此咒，救護末世修三摩提正修行者。世尊。如是修心求正定人，若在世道場及餘經行，乃至散心遊戲聚落，我等徒眾，常當隨從侍衛此人。縱令魔王大自在天，求其方便，終不可得。諸小鬼神，去此善人十由旬外。除彼發心樂修禪者。世尊。如是惡魔若魔眷屬，欲來侵擾是善人者。我以寶杵殞碎其首，猶如微塵。恒令此人，所作如願。

阿難即從座起，頂禮佛足而白佛言：我輩愚鈍，好為多聞於諸漏心未求出離。蒙佛慈誨，得正熏修，身心快然，獲大饒益。世尊。如是修證佛三摩提，未到涅槃。云何名為乾慧之地，四十四心，至何漸次，得修行目。詣何方所，名入地中。云何名為等覺菩薩。作是語已，五體投地。大眾一心，佇佛慈音，瞪瞞瞻仰。

爾時世尊讚阿難言：善哉善哉。汝等乃能普為大眾，及諸末世一切眾生，修三摩提求大乘者，從於凡夫終大涅槃，懸示無上正修行路。汝今諦聽。當為汝說，阿難大眾，合掌剗心，默然受教。佛言：阿難當知。妙性圓明，離諸名相，本來無有世界眾生。因妄有生。因生有滅。生滅名妄。滅妄名真。是稱如來無上菩提，及大涅槃，二轉依號。阿難。汝今欲修真三摩地，直詣如來大涅槃者，先當識此眾生世界二顛倒因。顛倒不生，斯則如來真三摩地。阿難。云何名為眾生顛倒。阿難。由性明心，性明圓故。因明發性，性妄見生。從畢竟無成究竟有。此有所有，非因所因，住所住相，了無根本。本此無住，建立世界，及諸眾生。迷本圓明，是生虛妄。妄性無體，非有所依。將欲復真，欲真已非真真如性。非真求復，宛成非相。非生非住，非心非法，展轉發生。生力發明，熏以成業。同業相感。因有感業相滅相生。由是故有眾生顛倒。阿難。云何名為世界顛倒。是有所有，分段妄生，因此界立。非因所因，無住所住，遷流不住，因此世成。三世四方，和合相涉，變化眾生成十二類。是故世界因動有聲。因聲有色。因色

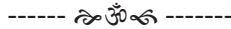
有香。因香有觸。因觸有味。因味知法。六亂妄想成業性故。十二區分由此輪轉。是故世間聲香味觸，窮十二變為一旋復。乘此輪轉顛倒相故。是有世界卵生、胎生、濕生、化生、有色、無色、有想、無想、若非有色、若非無色、若非有想、若非無想。阿難。由因世界虛妄輪迴，動顛倒故，和合氣成八萬四千飛沈亂想。如是故有卵羯邏藍，流轉國土。魚鳥龜蛇，其類充塞。由因世界雜染輪迴，欲顛倒故，和合滋成八萬四千橫豎亂想。如是故有胎遏蒲曇，流轉國土。人畜龍仙，其類充塞。由因世界執著輪迴，趣顛倒故，和合煖成八萬四千翻覆亂想。如是故有濕相蔽尸，流轉國土。含蠢蠕動，其類充塞。由因世界變易輪迴，假顛倒故。和合觸成八萬四千新故亂想。如是故有化相羯南，流轉國土。轉蛻飛行，其類充塞。由因世界留礙輪迴，障顛倒故，和合著成八萬四千精耀亂想。如是故有色相羯南，流轉國土。休咎精明，其類充塞。由因世界銷散輪迴，惑顛倒故。和合暗成八萬四千陰隱亂想。如是故有無色羯南，流轉國土。空散銷沈，其類充塞。由因世界罔象輪迴，影顛倒故，和合憶成八萬四千潛結亂想。如是故有

想相羯南，流轉國土。神鬼精靈，其類充塞。由因世界愚鈍輪迴，癡顛倒故，和合頑成八萬四千枯槁亂想。如是故有無想羯南，流轉國土。精神化為土木金石，其類充塞。由因世界相待輪迴，偽顛倒故，和合染成八萬四千因依亂想。如是故有非有色相，成色羯南，流轉國土。諸水母等，以蝦為目，其類充塞。由因世界相引輪迴，性顛倒故，和合咒成八萬四千呼召亂想。由是故有非無色相，無色羯南，流轉國土。咒詛厭生，其類充塞。由因世界合妄輪迴，罔顛倒故，和合異成八萬四千迴互亂想。如是故有非有想相，成想羯南，流轉國土。彼蒲盧等異質相成，其類充塞。由因世界怨害輪迴，殺顛倒故，和合怪成八萬四千食父母想。如是故有非無想相，無想羯南，流轉國土。如土梟等附塊為兒，及破鏡鳥以毒樹果，抱為其子，子成，父母皆遭其食，其類充塞。是名眾生十二種類。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 7

大乘心戒卷第七

ĐẠI THỪA TÂM GIỚI



A Nan! Ngươi hỏi cách nhiếp tâm, trước ta đã nói về pháp môn vi diệu, tu tập Tam Ma Địa. Người cầu đạo Bồ Đề trước tiên phải giữ bốn thứ luật nghi kể trên, trong sáng như băng tuyết để làm căn bản, tự nhiên chẳng sanh tất cả nhánh lá; nhờ đó, ba ý nghiệp và bốn khẩu nghiệp ắt chẳng có nhân để sanh khởi. A Nan, nếu giữ kỹ Bốn giới chẳng bỏ sót, tâm còn chẳng duyên theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, thì tất cả ma sự làm sao còn sanh khởi được?

- Nếu có tập khí xưa chẳng thể diệt trừ, ngươi dạy người ấy nhất tâm tụng trì “Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú” của ta, ấy là cái tâm chú do Vô Kiến Đảnh Tướng Như Lai, từ nơi đảnh đầu hiện ra Vô Vi Tâm Phật, ngồi trên Bửu Liên Hoa mà thuyết.

Ngươi và Ma Đăng Già, do tập khí ân ái từ nhiều kiếp, ta vừa tuyên thuyết thần chú, liền khiến Ma Đăng Già thoát hẳn lòng yêu, đả quả A La Hán. Nàng kia là dâm nữ, chẳng có tâm tu hành, nhờ thần lực giúp, được mau chứng vô học, hướng là hàng Thanh Văn các ngươi trong hội, cầu tối

Thượng Thừa, nhất định thành Phật, cũng như bụi bay theo chiều gió, đâu có ngăn ngại gì?

KIẾN LẬP ĐẠO TRÀNG

- Nếu người đời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng, trước tiên phải giữ giới cấm trong sạch của Tỳ Kheo, cần phải lựa chọn vị Sa Môn giữ giới trong sạch bậc nhất để làm thầy mình, nếu chẳng gặp vị tăng thanh tịnh, thì giới luật của người ấy ắt chẳng thành tựu.

- Khi giới đã thành tựu, nên mặc y áo sạch sẽ, đốt hương an cư, tụng 108 biến thần chú do tâm Phật sở thuyết, rồi kết giới dựng lập đạo tràng, cầu Vô Thượng Như Lai hiện ở các quốc độ mười phương, phóng hào quang đại bi đến chiếu soi đảnh đầu mình.

- A Nan! Trong đời mạt pháp, những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bạch Y, đàn việt, tâm diệt tham dâm, giữ giới trong sạch, phát nguyện Bồ Tát, khi ra vào nơi đạo tràng, đều tắm rửa sạch sẽ, sáu thời hành đạo chẳng ngủ, đến 21 ngày, ta tự hiện thân trước người ấy, xoa đảnh an ủi, khiến được khai ngộ.

A Nan bạch Phật: Con nhờ lời từ bi dạy bảo vô thượng của Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành đạo vô học. Nhưng người tu hành đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, cần kết giới thế nào, cho hợp với quy tắc trong sạch của chư Phật?

Phật bảo Ngài A Nan: Nếu người đời mạt pháp muốn

lập đạo tràng, trước tiên phải lấy phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn, hòa với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, Trầm Hương v.v... để làm nền đạo tràng; nơi đất bằng đào sâu 5 thước, xây đàn hình bát giác, chu vi rộng 16 thước, chính giữa đàn chưng một hoa sen bằng kim loại trong hoa sen để một bát đựng nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen, chung quanh bát sen đặt 8 cái gương tròn nơi 8 góc, bên ngoài gương đựng 16 bông sen, xen với 16 lư hương, trong lư đốt bột trầm hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa, đựng 16 chén để cúng dường chư Phật và Đại Bồ Tát. Trước đàn để một lư than nhỏ, đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm, dùng mật ong và tô lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường Phật Bồ Tát.

- Bốn phía bên ngoài treo phướn hoa, bốn vách trong đàn treo hình tượng của Chư Phật Bồ Tát, hai bên cửa treo tường Hộ Pháp Long Thiên, lại lấy 8 cái gương treo úp hư không, chiếu thẳng vào 8 gương tròn trong đàn, khiến thành hình bóng nhiều lớp xen nhau, trùng trùng vô tận.

- Trong thất đầu, chí thành đảnh lễ chư Phật Đại Bồ Tát và A La Hán, sáu thời nhiều đàn tụng chú, chí tâm chảnh gián đoạn; thất thứ ba, mười hai thời luôn luôn trì hành đạo; thất thứ hai, chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát chảnh gián đoạn; thất thứ ba, mười hai thời luôn trì chú, đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai cùng hiện trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền nơi đạo tràng vào Tam Ma Địa. Người đời mạt pháp tu học như thế, thì được thân tâm sáng

tỏ, trong sạch như lưu ly, A Nan, nếu bốn sư truyền giới của Tỳ Kheo này và mười Tỳ Kheo đồng tu trong đàn, trong đó có một người giữ giới chẳng được trong sạch, thì đạo tràng này chẳng thể thành tựu.

- Sau thất thứ ba, tỉnh tọa an cư trải qua 100 ngày, nếu người lợi căn, có thể ngay đó chứng sơ quả, dầu cho thân tâm chưa thành chánh quả, nhưng được tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai. Người hỏi cách kiến lập đạo tràng là như thế.

A Nan đánh lễ chân Phật và bạch rằng: Từ khi xuất gia, con ỷ lại nơi lòng thương của Phật, ham cầu đa văn, chưa chứng quả vô vi, nên bị kẹt vào tà thuật của Phạm Thiên, tâm dù đã rõ ràng, nhưng sức chẳng tự tại, nhờ gặp ngài Văn Thù, khiến con được giải thoát. Dù thầm nhờ sức thần chú của Như Lai, nhưng con chưa nghe chú ấy, xin nguyện Đức Thế Tôn Đại Từ tuyên thuyết lại cho, thương xót cứu giúp các hàng tu hành trong hội này và những người đời sau còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân tâm được tự tại giải thoát. Bấy giờ, đại chúng thấy đều đánh lễ, chờ nghe thần chú bí mật của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra bửu liên hoa ngàn cánh có Hoá Thân Phật ngồi trên mỗi cánh liên hoa, trên đánh phóng ra mười tia ánh sáng, trong mỗi tia đều hiện ra mười hằng sa Hộ Pháp, Kim Cang, kẻ đội núi, người cầm chày, đầy khắp cõi hư không. Đại chúng ngửa mặt trông nhìn thấy đều run sợ,

Kính mến cầu Phật gia hộ, một lòng lắng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đảnh tướng của Phật tuyên thuyết Thủ Lăng Nghiêm thần chú:

ĐỆ NHẤT HỘI

Nam mô Tát đát tha tô già đa da a ra ha đế tam miệu tam bồ đà tỏa. Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni san.

Nam mô Tát bà bệ đà bệ địa, tát đa bệ tộ.

Nam mô Tát đa nẫm tam miệu tam bồ đà cu tri nẫm. Ta xá ra bà ca tăng già nẫm.

Nam mô Lô kê a la hán đa nẫm.

Nam mô Tô lô đa ba na nẫm.

Nam mô Ta yết rị đà già di nẫm.

Nam mô Lô kê tam miệu già đa nẫm. Tam miệu già ba ra đế ba đa na nẫm.

Nam mô Đề bà lý sắc nỏa.

Nam mô Tất đà da tỳ địa da đà ra lý sắc nỏa. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm.

Nam mô Bạt ra ha ma ni.

Nam mô Nhơn đà ra da.

Nam mô Bà già bà đế, lô đà ra da. Ô ma bát đế, ta hê dạ da.

Nam mô Bà già bà đế. Na ra dỏa noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam mô Tất yết rị đa da.

Nam mô Bà già bà đế, ma ha ca ra da. Địa rị bác lặc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tất nê. Ma đất rị già noa.

Nam mô Tất yết rị đa da.

Nam mô Bà già bà đế. Đa tha già đà cu ra da.

Nam mô Bát đầu ma cu ra da.

Nam mô Bạt xà ra cu ra da.

Nam mô Ma ni cu ra da.

Nam mô Già xà cu ra già.

Nam mô Bà già bà đế, đế rị trà du tây na, ba ra ha ra noa ra xà dà, đa tha già đa da.

Nam mô Bà già bà đế.

Nam mô A di đa bà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô Bà già bà đế, a sô bộ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô Bà già bà đế, bộ sa xà da cu lô phệ trụ rị da bát ra bà ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô Bà già bà đế, tam bổn sư bí đa, tát lân nại ra lặc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô Bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô Bà già bà đế, lặc đác na kê đô ra xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biều nam

mô tát yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đác tha già đô sắc ni sam, tát đác đa bác đác lam.

Nam mô A bà ra thị đam, bác ra đế vương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạc ra bí địa da sát đà nể, a ca ra mật rị trụ, bát rị đát ra da nảnh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất phạp bát na nể phạp ra ni, giả đô ra thất đế nẫm, yết ra ha ta ha tát ra nhã xà, tỳ đa băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đế nẫm, na xoa sát đác ra nhã xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nẫm, ma ha yết ra ha nhã xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nể bà ra nhã xà, hô lam đột tất phạp nan giá na xá ni, bí sa xá tất đác ra, a kiết ni ô đà ca ra nhã xà, a bát ra thị đa cu ra ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nể, a rị da đa ra, tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà da, bạc xà ra ma lễ đế, tỳ xá lô đa, bột đằng đống ca, bạt xà ra chế hất na a giá, ma ra chế bà bác ra chất đa, bạc xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bổ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế đa, a rị da đa ra, ma ha bà ra, a bác ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hắc tát đa giá tỳ địa gia kiên giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đa na, bệ lô giá na cu rị da, dạ ra thổ sắc ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đốn tri giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, ế đế di đế, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NHỊ HỘI

Ô hồng, rị sắt yết noa, bác lặc xá tất đa, tát đất tha già
 đô sắc ni sam. Hổ hồng, đô lô ung chiêm bà na. Hổ hồng, đô
 lô ung tất đam bà na. Hổ hồng, đô lô ung ba ra sắc địa da
 tam bát xá noa yết ra. Hổ Hồng, đô lô ung, tát bà dược xoa
 hắt ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đẳng băng tát na yết ra. Hổ
 hồng, đô lô ung, giả đô ra thi để nắm, yết ra ha, ta ha tát ra
 nắm, tỳ đẳng băng tát na ra. Hổ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà
 già phạm tát đất tha già đô sắc ni sam, ba ra điểm xà kiết
 rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta
 ha tát nê đế lệ, a tộ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt
 xà lô đà ra, đế rị bờ bà na, man trà ra, ô hồng, ta tát đế bạc
 bà đô, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TAM HỘI

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ,
 tỳ xa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột
 sắc xoa bà dạ, a xá nể bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra
 ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đa bà dạ, lặc xà
 đằng trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa
 bà dạ, dược xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tất rị đa yết
 ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cưu bàn trà yết
 ra ha, bổ đơn na yết ra ha, ca tra bổ đơn na yết ra ha, tất
 kiện độ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết
 ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha, xã đa ha rị nắm,
 yết bà ha rị nắm, lô địa ra ha rị nắm, mang ta ha rị nắm, mê
 đà ha rị nắm, ma xà ha rị nắm, xà đa ha rị nữ, thị tỷ đa ha
 rị nắm, tỳ đa ha rị nắm, bà đa ha rị nắm, a du giá ha rị nữ,

chất đa ha rị nữ, đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nẫm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ba rị bạt ra giả ca hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, trà diễn ni hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bát du bác đát dạ, lô đà ra hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đát đỏa già lô trà tây hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma đát rị già noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma độ yết ra tát bà ra tha ta đạt na hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, giả đốt ra bà kỳ nể hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hất rị tri, nan đà kê sa ra dà noa bác đế, sách hê dạ hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, a la hán hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đa ra già hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, bạt xà ra ba nể, cu hê dạ, cu hê dạ, ca địa bát đế hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra thoa vông, bà dà phạm, ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TỨ HỘI

Bà Già Phạm, tát đát đa bác đá ra, Nam mô Tý lô đô đế, a tất đa na ra lặc ca, ba ra bà tất phổ tra, tỳ ca tát đát đa bát đế rị, thập Phật ra thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra, tần đà ra, sân đà sân đà. HỒ HỒNG. HỒ HỒNG, phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, ta ha, hê hê phấn, a

mâu ca da phấn, a ba ra đề ha đa phấn, ba ra bà ra đa phấn, a tố ra tỳ đà ra ba ca phấn, tát bà đề bệ tộ phấn, tát bà na già tộ phấn, tát bà dục xoa tộ phấn, tát bà kiên thát bà tộ phấn, tát bà bổ đơn na tộ phấn, ca tra bổ đơn na tộ phấn, tát bà đột lang chỉ đế tộ phấn, tát bà đột sáp tỳ lê hất sắc đế tộ phấn, tát bà thập bà lê tộ phấn, tát bà a bá tất ma lê tộ phấn, tát bà xá ra bà noa tộ phấn, tát bà địa đế kê tộ phấn, tát bà đất ma đà kê tộ phấn, tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phấn, xà dạ yết ra ma độ yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phấn; tỳ địa dạ giá lê tộ phấn, giả đô ra phước kỳ nể tộ phấn, bạt xà ra cu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tộ phấn, ma ha ba ra đĩnh dương xoa tỳ rị tộ phấn, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà da phấn, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đất rị ca noa. Nam mô ta yết rị đa dạ phấn, tỳ sắc noa tỳ duệ phấn, bột ra ha mâu ni duệ phấn, a kỳ ni duệ phấn, ma ha yết rị duệ phấn, yết ra đàn trì duệ phấn, miệc đất trị duệ phấn, lao đất rị duệ phấn, giá văn trà duệ phấn, yết la ra đất rị duệ phấn, ca bác rị duệ phấn, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư nể duệ phấn, diển kiết chất, tát đỏa bà tỏa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NGŨ HỘI

Đột sắc tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tỳ đa ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiên đà ha ra, bổ sử ba ha ra, phá ra ha ra, bà tỏa ha ra, bác ba chất đa, đột sắc tra chất đa, lao đà ra chất đa, dục xoa yết ra ha, ra

sát ta yết ra ha, bế lệ da yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ
 đa yết ra ha, cưu bàn trà yết ra ha, tất kiên đà yết ra ha, ô
 đát ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra
 ha, trạch Khê cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha,
 xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, lao đà ra nan địa ca yết
 ra ha, a lam bà yết ra ha, kiên độ ba ni yết ra ha, thập Phật
 ra yên ca hê ca, tri đế dục ca, đát lệ đế dục ca, giả đột
 thác ca, ni đề thập phật ra, tử sam ma thập phật ra, bạc đế
 ca, tử đế ca, thất lệ sát mật ca, ta nể bác đế ra, tát bà thập
 phật ra, thất lô kiết đế, mặt đà bệ đạt lô chế kiếm, a tử lô
 kiếm, mục Khê lô kiếm, yết rị đột lô kiếm, yết ra ha yết lam,
 yết noa du lam, đản đa du lam, hất rị dạ du lam, mặt mạ du
 lam, bạt rị thất bà du lam, tử lật sắc tra du lam, ô đà ra du
 lam, yết tri du lam, bạt tất đế du lam, ô lô du lam, thường
 già du lam, hắc tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án
 già bác ra trượng già du lam, bộ đa tử đa trà, trà kỳ ni thập
 bà ra, đà đột lô ca kiến đốt lô kiến tri, bà lộ đa tỳ, tát bác
 lô, ha lẳng già, du sa đát ra, ta na yết ra, tỳ sa dụ ca, a kỳ ni
 ô đà ca, mặt ra bệ ra, kiến đa ra, a ca ra mật rị đốt đát liếm
 bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắc chất ca, tát bà na cu ra, tứ dẫn
 già tộ yết ra, rị dục xoa, đác ra sô, mặt ra thị phệ đế sam,
 ta bệ sam, tất đát đa bác đát ra, ma ha bạc xà lô sắc ni sam,
 ma ha bác lạc trượng kỳ lam, dạ ba đột đà xá dụ xà na, biện
 đát lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di, đế thù bàn đàm ca lô
 di, bát ra tỳ đà, bàn đàm ca lô di, đác điệt tha.

Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn

đà nễ, bạt xà ra bàn ni phẩn. Hổ hồng, đô lô ung phẩn, ta bà ha.

A Nan! Những câu vi diệu, bí mật của Phật Đảnh Quang Tụ, sanh ra tất cả chư Phật:

- Mười phương Như Lai do tâm chú này, được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

- Mười phương Như Lai trì tâm chú này, uốn dẹp tà ma, chế phục ngoại đạo.

- Mười phương Như Lai vận tâm chú này, ngồi bửu liên hoa, ứng hiện trong vô số quốc độ.

- Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, nơi vô số quốc độ, chuyển đại pháp luân.

- Mười phương Như Lai trì tâm chú này, hay ở nơi mười phương xoa đảnh thọ ký cho hàng Bồ Tát, Thanh Văn, cho đến người chưa chứng quả vị.

- Mười phương Như Lai nương tâm chú này, hay nơi mười phương cứu vớt các khổ như: Địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm và bát khổ, những tai nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát; các nạn: giặc, binh, vua, ngục, bão, lụt, lửa, nước cho đến đói khát nghèo nàn, ngay đó tiêu tan.

- Mười phương Như Lai tùy theo tâm chú này, hay nơi mười phương phụng sự thiện tri thức, trong tứ oai nghi được cúng dường như ý; nơi pháp hội của hằng sa Như Lai, được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử.

- Mười phương Như Lai hành theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương nhiếp thọ người có nhân duyên, khiến hàng Tiểu Thừa nghe tạng bí mật, chẳng sanh kinh sợ.

- Mười phương Như Lai tụng tâm chú này, thành vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ Đề vào Đại Niết Bàn.

- Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật Pháp, trụ trì cứu cánh, nghiêm tịnh giới luật, thầy đều trong sạch.

- Như ta thuyết chú Phật Đảnh Quang tụ chẳng ô nhiễm này, từ sáng đến tối chẳng dứt tiếng, trong đó những chữ và câu cũng chẳng trùng điệp, nếu từ đây ngộ nhập, mới biết tất cả hữu tình, vô tình cũng thường thuyết chú này, nên gọi Đảnh Như Lai vậy.

- Hàng hữu học các người chưa ra khỏi luân hồi phát tâm chí thành tu chứng quả A La Hán, nếu chẳng trì chú này mà ngồi đạo tràng, muốn khiến thân tâm xa lìa các ma sự thì chẳng có chỗ đứng.

- A Nan! Nếu có chúng sanh trong các thế giới, tùy theo vật dụng trong đất nước, hoặc lá, giấy, vải trắng để biên chép chú này, đựng trong túi nhỏ, nếu người ấy ngu muội chẳng thể tụng nhớ thì đeo trên mình, hoặc để trong nhà, nên biết người ấy trọn đời chẳng bị các thứ độc hại.

- A Nan! Nay ta vì người thuyết chú này, cứu giúp thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh.

- Sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong đời mạt pháp, có

người biết tự trì tụng, hoặc dạy người khác trì tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như thế, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể chìm, độc chẳng thể hại, cho đến tất cả ác chú của các Thiên Long, quỷ thần, yêu tinh, ma mị đều chẳng thể dính mắc, tâm được chánh thọ, tất cả bùa chú, yểm cổ, kim ngân độc dược, cỏ, cây, sâu, rắn, độc khí muôn loài, vào miệng người ấy đều thành cam lồ. Tất cả ác tinh, quỷ thần, dù có độc tâm hại người, đối với người ấy cũng chẳng thể khởi ác; các ác quỷ vương Tần Na, Dạ Ca (*đầu heo mũi voi*) cùng các quyến thuộc, đều thọ ơn Phật, thường gia hộ người ấy.

- A Nan nên biết! Chú này thường có tám vạn bốn ngàn vô số chúng tộc Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương, mỗi mỗi đều có quyến thuộc, ngày đêm hộ vệ. Giả sử có chúng sanh nơi tâm tán loạn, chẳng thể vào Tam Ma Địa, miệng niệm tâm trì, thì các vị Kim Cang Vương thường theo ủng hộ thiện nam tử ấy, huống là người có tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề, các vị Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương này, khiến người ấy phát ra thần thức, thân tâm tinh tấn, ngay đó được nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng sa kiếp đến nay, đều rõ ràng chẳng có nghi hoặc. Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng, đời đời chẳng sanh vào các loài Dược Xoa, La Sát, quỷ bệnh tật, quỷ thú, quỷ yểm mị, quỷ hút tinh khí, cùng các loài ngạ quỷ có hình vô hình, có tướng vô tướng, và những xứ ác độc.

- Thiện tri thức ấy, hoặc đọc tụng, biên chép, hoặc đeo giữ và cúng dường tâm chú này thì kiếp kiếp chẳng sanh vào

những nơi nghèo nàn hèn hạ và chỗ chẳng an lành.

- Các chúng sanh này, dẫu cho tự thân chẳng làm phước nghiệp, mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ, do đó được trong vô số kiếp thường với chư Phật đồng sanh một chỗ, vô lượng công đức như chùm quả ác xoa, đồng một chỗ huân tu, trọn chẳng chia cách. Cho nên, Tâm chú này hay khiến người đã phá giới được giới căn trong sạch, người chưa đắc giới khiến cho đắc giới, người chẳng tinh tấn, chẳng trí huệ, chẳng trong sạch, chẳng trai giới, thảy đều thành tựu.

- A Nan! Thiện nam tử ấy, giả sử trước kia có phạm giới cấm, thì sau khi trì chú, các tội phá giới chẳng kể nặng nhẹ, đều được tiêu diệt, dù đã uống rượu, ăn ngũ tân, và các thứ bất tịnh, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Thiên Tiên, quý thần, chẳng cho là có lỗi, dù mặc y áo rách rưới, khi đi khi đứng, đồng như trong sạch, dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng, cũng chẳng hành đạo, mà trì tụng chú này, với công đức vào đàn, hành đạo, chẳng có sai khác.

- Nếu trước kia tạo các tội nặng ngũ nghịch, vô gián, những tội Tổ khí, Bát khí của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni (*như tội tử hình*), thì khi tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đồng cát, những nghiệp nặng như vậy đều trừ sạch, chẳng còn mảy may.

- A Nan! Nếu có chúng sanh từ vô số kiếp đến nay, có tất cả những tội chướng nặng nhẹ, tuy trong các đời trước chưa kịp sám hối, nay nếu biết đọc tụng, biên chép chú này,

giữ đeo trên mình hay để nơi chỗ ở, thì những nghiệp tích chứa từ trước, đều tiêu như nước sôi làm tan băng tuyết, chẳng bao lâu sẽ được vô sanh nhiễm.

- Lại nữa A Nan! Nếu có người đàn bà chưa có con, mong cầu có thai, chí tâm tưởng niệm, hoặc đeo chú này, thì được sanh những đứa con trai gái có phước đức trí huệ, cầu sống lâu được sống lâu, cầu phước báo được như thế. Sau khi chết, tùy nguyện vãng sanh trong mười phương quốc độ, chắc chắn chẳng sanh nơi biên địa, dòng hạ tiện, huống là các tạp hình!

- A Nan! Nếu các quốc độ, châu huyện, làng xóm bị nạn đói kém, ôn dịch; hoặc những nơi bị binh loạn, giặc cướp đánh nhau và tất cả những nơi có tai nạn khác, viết thần chú này dán nơi bốn cửa thành, và những tháp miếu hoặc trên các trang phan, khiến chúng sanh trong nước thừa phụng chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường; khiến nhân dân mỗi mỗi đeo chú trong mình, hoặc để nơi chỗ ở, thì tất cả tai nạn thảm đều tiêu diệt.

- A Nan! Nếu chúng sanh nơi các quốc độ, hễ chỗ nào có chú này, thì Thiên Long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui; những tai chướng do tất cả ác tinh biến quái ở mọi nơi, đều chẳng sanh khởi, người chẳng chết yểu, gông, cùm, xiềng xích, chẳng dính vào mình, ngày đêm ngủ yên, thường chẳng ác mộng.

- A Nan! Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn đại biến ác tinh, do 28 đại ác tính làm thượng thủy lại có 8 đại ác tính

làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng, hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sanh. Hễ có chú này thì thủy đều tiêu diệt, trong phạm vi 12 do tuần, các tai biến hung dữ, trọn chẳng thể xâm nhập.

- Cho nên Như Lai thuyết chú này, bảo hộ người tu hành sơ học đời vị lai, vào Tam Ma Địa, thân tâm thư thái, được yên ổn chẳng bị tất tất cả ta ma, quỷ thần, và những oán thù, nghiệp cũ nợ xưa từ vô thủy đến quấy hại.

- Người và hàng hữu học trong chúng, với người tu hành đời vị lai, y pháp trì giới trong đạo tràng, được vị thầy truyền giới trong sạch, đối với tâm chú này chẳng sanh nghi hoặc, thì cái thân do cha mẹ sanh của người này, nếu chẳng được tâm thông, mười phương Như Lai bàn thành vọng ngữ.

Nói xong, vô số Kim Cang đều nhất thời đánh lễ bạch Phật: Như lời Phật dạy, chúng con xin thành tâm bảo hộ người tu đạo Bồ Đề.

Bấy giờ, Phạm Vương và Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng đồng thời đánh lễ bạch Phật: Nếu có người tu học như thế, chúng con xin hết lòng bảo hộ, khiến họ suốt đời việc làm thỏa nguyện.

Còn có vô số Quý Vương chấp tay đánh lễ bạch Phật: Chúng con cũng thệ nguyện hộ trì cho người ấy, khiến tâm Bồ Đề mau được viên mãn.

Còn có vô số Nhật Nguyệt Thiên tử, Phong Sư, Vũ Sư, Vân sư, Lôi Sư, cùng với Điện Sư, Tuần Quan, Chư Tinh và quyến thuộc đánh lễ bạch Phật: Chúng con cũng bảo hộ

người tu hành ấy an lập đạo tràng, được vô sở úy.

Còn có vô số Sơn Thần, Hải Thần, Phong Thần, cõi Trời Vô Sắc, tất cả tinh kỳ trên mặt đất, dưới nước và trên không, đồng thời đánh lễ bạch Phật: Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành Bồ Đề, trọn chẳng ma sự.

Khi ấy, tám vạn bốn ngàn ức hằng sa Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ bạch Phật: Như chúng con tu thành Bồ Đề đã lâu mà chẳng thủ chứng Niết Bàn, thường theo chú này, cứu giúp những người chơn tu Tam Ma Địa trong đời mạt pháp. Thế Tôn, những người tu tâm cầu chánh định như thế, dù ở đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến lúc đi dạo chơi, con và đồ chúng thường theo hộ vệ người ấy. Dẫu cho Ma vương, Đại Tự Tại Thiên muốn tìm cách quấy phá, trọn chẳng thể được. Các quỷ thần nhỏ phải cách xa người ấy ngoài mười do tuần, chỉ trừ khi họ đã phát tâm tu thiền chánh pháp thì mới được gần người ấy. Thế Tôn, nếu những ác ma hay quyến thuộc ma, muốn đến xâm nhiễu người ấy, thì con dùng chày Kim Cang đập nát đầu họ như vi trần, khiến người ấy việc làm thỏa nguyện.

A Nan liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Chúng con ngu độn, ham được đa văn, chưa cầu thoát ly nơi tâm phiền não, nhờ Phật từ bi dạy bảo, tu theo chánh pháp, được lợi ích lớn, thân tâm an lạc. Thế Tôn! Nếu tu chứng pháp Tam Ma Địa, chưa đến Niết Bàn, thì thế nào gọi là chỗ Càn Huệ Địa cho đến Đẳng Giác Bồ Tát?

Nói xong, năm vóc gieo sát đất, đại chúng đều nhất tâm chăm chú, mong đợi từ âm của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khen A Nan rằng: Lành thay! Lành thay! Các người lại vì đại chúng trong hội này và chúng sanh tu Tam Ma Địa, cầu pháp Đại Thừa trong đời mạt pháp, xin ta chỉ rõ lối tu vô thượng chơn chánh, từ phàm phu đến Đại Niết Bàn. Nay các người hãy lắng nghe, ta sẽ vì các người mà nói.

A Nan và đại chúng chấp tay lắng lòng, yên lặng thọ giáo.

Phật bảo: A Nan nên biết! Diệu tánh sáng tỏ, lia những danh tướng, vốn chẳng có thế giới chúng sanh. Do vọng có sanh, do sanh có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chơn, ấy tức là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn, cũng là hai hiệu chuyển y của Như Lai (*chuyển vọng giác thành Bồ Đề; chuyển sanh diệt thành Niết Bàn, gọi là hai hiệu chuyển y*).

- A Nan! Nay người muốn tu chơn Tam Ma Địa, thẳng đến Niết Bàn, trước hết phải biết **Hai nhân điên đảo của thế giới và chúng sanh**; nếu điên đảo chẳng sanh tức là chơn Tam Ma Địa của Như Lai.

- A Nan! Sao gọi là **Chúng Sanh Điên Đảo**? Do tánh sáng tỏ nơi Tâm, vì chấp tánh sáng tỏ, nên từ sáng tỏ ấy phát ra vọng tánh; tánh vọng thì kiến chấp sanh khởi, từ bốn lai vô, thành cứu cánh hữu. Cái năng hữu sở hữu này, chẳng có tướng năng nhân sở nhân và năng trụ sở trụ, trọn chẳng nguồn gốc. Từ chỗ vô trụ này, kiến lập thế giới và chúng sanh.

- Vì mê cái bốn tâm sáng tỏ, nên sanh ra hư vọng, tánh vọng chẳng tự thể, chẳng có chỗ nương tựa; toan muốn trở về chơn, thì cái “muốn chơn” ấy, đã chẳng phải là chơn tánh của Chơn Như. Chẳng chơn mà cầu trở về chơn, rõ ràng thành phi tướng, phi sanh phi trụ, phi tâm phi pháp, xoay vần phát sanh, sanh mãi không thôi, huân tập thành nghiệp, đồng nghiệp cảm nhau, do sự cảm nghiệp, nên có tương diệt tương sanh, thành chúng sanh điên đảo.

- A Nan! Sao gọi là **Thế Giới Điên Đảo**? Do năng hữu sở hữu phân đoạn vọng sanh (*phân đoạn sanh tử*), từ đó an lập Giới (*Không gian*); từ chỗ chấp năng nhân sở nhân, năng trụ sở trụ, dời đổi chẳng ngừng, nên vọng lập Thế (*Thời gian*). Tam thế tứ phương hòa hợp lẫn nhau, chúng sanh biến hóa thành 12 loài.

- Vì giác tri của chúng sanh, nên trong thế giới, do động có thanh, do thanh có sắc, do sắc có hương, do hương có xúc, do xúc có vị, do vị biết pháp, sáu thứ vọng tưởng nhiều loạn thành nghiệp tánh, nương theo tướng điên đảo luân chuyển này mà có 12 loài: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng, lưu chuyển chẳng ngừng.

1. A Nan! Bởi do thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, hòa hợp thành khối, vọng tưởng thẳng trầm, vì thế nên có loài noãn sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài cá, chim, rùa, rắn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

2. Bởi do thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, hòa hợp thành sanh, vọng tưởng ngang dọc, vì thế nên có loài thai sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như người, súc, rồng, tiên, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

3. Bởi do thế giới có chấp trước luân hồi, hướng về điên đảo, hòa hợp thành noãn (*hơi ấm*), vọng tưởng lăng xăng, vì thế nên có loài thấp sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài côn trùng, sâu bọ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

4. Bởi do thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, hòa hợp thành xúc, vọng tưởng mới cũ, vì thế nên có loài hóa sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thối xác phi hành, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

5. Bởi do thế giới có ngăn ngại luân hồi, điên đảo về chướng, hòa hợp thành trước, vọng tưởng tinh sáng, nên có loài hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như tất cả thần vật tinh sáng, đều hay dự đoán sự kiết hung, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới

6. Bởi do thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về mê hoặc, hòa hợp thành ám, vọng tưởng u ẩn, vì thế nên có loài vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như cõi vô Sắc và Thân Hư Không, cho đến quỷ mị u ẩn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

7. Bởi do thế giới có mừng tượng luân hồi, điên đảo về ảnh, hòa hợp thành nhớ, vọng tưởng thâm kết, vì thế nên loài hữu tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thần quỷ

ting linh, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

8. Bởi do thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si, hòa hợp thành ngu, vọng tưởng khô khan, vì thế nên có loài vô tướng lưu chuyển nơi quốc độ, tinh thần hóa ra đất, gỗ, kim thạch, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

9. Bởi do thế giới có đối đãi luân hồi, điên đảo về nguỵ, hòa hợp thành nhiễm, vọng tưởng ỷ nhờ, vì thế nên có loài phi hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thủy mẫu, lấy tôm làm mắt, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

10. Bởi do thế giới có dẫn dụ luân hồi, điên đảo về tánh, hòa hợp thành chú, vọng tưởng kêu gọi, vì thế nên có loài phi vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài chú nguyện rửa, yêu mị, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

11. Bởi do thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về mừng tượng, hòa hợp thành dị, vọng tưởng xoay vòng, vì thế nên có loài phi hữu tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài tò vò, hay bắt con vật khác làm con mình, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

12. Bởi do thế giới có oán hận luân hồi, điên đảo về sát, hòa hợp thành quái, vọng tưởng ăn thịt cha mẹ, vì thế nên có loài phi vô tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như con thổ cưu và chim phá kính, ôm trái cây độc làm con, khi con lớn lên thì ăn luôn cả cha mẹ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới. Ấy gọi là Mười hai loại chúng sanh.

LƯỢC GIẢNG

Kiến lập Đạo tràng, điều đó đủ nói lên rằng: Pháp môn

đó chỉ là một pháp môn Phương tiện. Hình thức đạo tràng được kiến tạo theo như một cái đàn “bát giác”. Rồi thiết kế đài sen, rồi tôn trí tượng chư Phật, chư Bồ Tát, chưng hoa đẹp, đốt hương thơm, cúng bánh ngon, mật ngọt, nào những tâm gương lồng bóng làm cho Phật và Bồ Tát xuất hiện trùng trùng... tất cả đều là thứ Đạo Tràng “phương tiện”.

Bồ Tát Duy Ma Cật nói: Phát hạnh là Đạo tràng: Làm tất cả điều thiện. Trục tâm là Đạo tràng: Không có các điều hư dối. Thâm tâm là Đạo tràng: Chân thành trên con đường đạo. Bồ Đề tâm là Đạo tràng: Nhận thức chơn lý không sai lầm. Bồ thí là Đạo tràng: Xứng tánh không mong cầu phước báo.

Trì giới Đạo tràng: Nguyên lành được đầy đủ.

Nhẫn nhục Đạo tràng: Tâm không chướng ngại.

Tinh tấn Đạo tràng: Thiền định là đạo tràng: Trí tuệ là Đạo tràng: Từ là Đạo tràng: Đồng sự với chúng sanh. Bi là Đạo tràng: Nhẫn chịu thương xót chúng sanh...

Tâm tức là Chú, Chú tức là Tâm, Tâm và Chú Bất Nhị, nên gọi là Tâm Chú. Người muốn nhờ Thần Lực cầu Tâm Chú, trước tiên phải giữ giới trong sạch, chẳng khởi một niệm tham cầu, tức là quên cả sự đang tụng chú và nhờ cậy chú lực, như thế mới gọi là Tâm niệm trong sạch, thuần trắng chẳng ô nhiễm, được đến chỗ bất nhị của Tâm chú. Lúc ấy sự diệu dụng của tự tánh (tâm chú) tự hiện, thì tất cả đều được thành tựu như lời kinh nói, nếu chẳng làm như thế, lại có thể trở thành tai họa vì chư Hộ Pháp Long Thiên, tánh hay kính

mến người thiện và trừng phạt kẻ ác vậy.

Con số 108 là con số tiêu biểu, phiền não nghiệp của chúng sinh mà vốn có. Lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả dĩ tạo thành ba bậc nhiễm ô. Bậc một nó làm cho con người đam mê đến độ không còn lý trí. Bậc hai, nó đáp ứng cho con người sự đắc ý vui lòng. Bậc ba, những thứ làm cho con người sanh thương, ghét, chê cần khử trừ triệt hạ.

Vì vậy, khi sáu căn tác động vào sáu trần có khả năng sinh ra 36 món nhiễm ô. 36 món nhiễm ô này xuất hiện trong ba thời: đã, đang và sẽ. Đó là hệ quả của con số 108 được đặt ra. Ngày đêm sáu thời, mỗi thời trì tụng 108 biến, nhằm nhắc nhở với mọi người: Lòng hãy dạn lòng rằng: Trì chú cốt yếu để hóa giải những phiền não chướng có thể hóa giải những phiền não chướng có thể xảy đến, thông qua 6 căn, 6 trần và 6 thức của chính tự thân con người của chúng ta.

Vì thế, không nhất thiết khư khư với con số 108 biến rồi thôi. Mà trì càng nhiều, càng liên tục, càng chiếm lĩnh thì gờ rãnh rỗi của tạp tưởng mê lung, càng tỏ rõ sức tinh tấn kiên trì thì hiệu lực Tam mật tương ứng càng nhanh chóng. Đó là sự thành công có hiệu quả là đỉnh cao của pháp môn Mật Giáo được đánh giá trên Tam Mật Tương Ứng vậy.

Chú thích từ ngữ:

Đạo Tràng (S. dōjō, H. 道場): Nguyên nghĩa là nơi đức Thích Tôn ngồi trên tòa Kim Cang thành đạo, bên bờ sông Ni Liên Thiền (S. Nairanjana, P. Neranjarā, H. 尼連禪河), hiện tại là sông Phalgu thuộc bang Bihar) thuộc nước Ma Kiệt Đà

(S, P. Magadha, H. 摩揭陀) ở miền Trung Ấn Độ. Từ đó nó có nghĩa là nơi tu tập Phật đạo, cũng là tên gọi khác của tự, viện ngày nay. Trong sách Hoa Nghiêm Đạo Tràng Khởi Chỉ Đại Lược (華嚴道場起止大略), Tục Tạng Kinh Vol. 74, No. 1474, quyển 1 có câu: Đồng du Hoa Tạng trang nghiêm hải, cộng nhập Bồ Đề đại đạo tràng 同遊花藏莊嚴海, 共入菩提大道場 Cùng dạo biển trang nghiêm Hoa Tạng, đều chứng Bồ Đề Đại Đạo Tràng.

Phạm Vũ (梵宇): Cũng gọi Phạm cung (梵宮), Phạm sát (梵刹), nghĩa là chùa, tự viện Phật Giáo (佛教寺院). Phạm hay Phạn ngữ (S: Brahman) nghĩa là Tịch tĩnh (寂靜), Thanh tịnh (清淨), Ly dục (離欲); cho nên nơi tịch tĩnh dành cho các vị xuất gia tu hành thanh tịnh, ly dục, được gọi là Phạm vũ, Phạm cung hay Phạm sát. Như trong Tục Thanh Lương Truyện (續清涼傳 Taishō Vol. 51, No. 2100) quyển hạ có đoạn: Quyển thuộc vạn nhân chi thường tại, Kim sắc thế giới, Thiên Long Bát Bộ chi đồng cư, khẩu Phạm vũ dĩ tán minh, kí đạo sư chi chứng sát (眷屬萬人之常在, 金色世界天龍八部之同居, 叩梵宇以贊明, 冀道師之證察. Quyển thuộc vạn người vẫn còn đó, thế giới sắc vàng. Trời Rồng Tám Bộ cùng sống chung, gõ cửa Thiên để tán dương, mong đạo sư thâm chứng giám).

Cao Phong Long Tuyền Viện Nhân Sư Tập Hiền Ngữ Lục (高峰龍泉院因師集賢語錄 Tục Tạng Kinh Vol. 65, No. 1277) quyển 14, phần Khởi Kiến Hoa Nghiêm Các Sớ (起建華嚴閣疏) có câu: Thánh Hưng Đường thành dĩ tráng thử phương

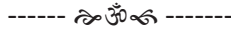
chi phong thái. Hoa Nghiêm Các tự trụ tăng Phạm vũ chi quang huy, bất duy tái chỉnh ư cao môn, nhưng sử nhất tân ư đại giáo (聖興堂成已壯此方之風彩, 華嚴閣就重增梵宇之光輝, 不惟再整於高門, 仍使一新之大教. Nhà Thánh Hưng thành hoành tráng phương này bao phong thái, Giác Hoa Nghiêm lại tăng thêm tự viện rực hào quang, không chỉ chỉnh đốn lại môn phong, còn giúp cách tân cho giáo pháp).

Trong bài Vịnh Hà Trung Tự Thi (詠河中寺詩) của cuốn Hải Ngoại Ký Sự (海外記事) do Tổ Thạch Liêm (石濂 1633 - 1722, tức 釋大汕 Thích Đại Sán) sáng tác có đoạn: Lục liễu thùy thùy ẩn Phạm cung, chung thanh điều đệ mãn hà phong (綠柳垂垂隱梵宮, 鐘聲迢遞滿河風. Nép bóng chùa xưa liễu xanh non, tiếng chuông xa vắng theo gió sông); hay tả cảnh chùa Linh Mục (靈姥寺) ở cố đô Huế như: Phạm vương cung nguyệt Nguyễn vương khai, ngọc điện châu môn sanh lục đài (梵王宮闕阮王開, 玉殿朱門生綠苔. Chùa xưa cung gác chúa Nguyễn khai, điện ngọc lầu son phủ râu đài).

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 8

說真實語卷第八

THUYẾT CHÂN THẬT NGŨ



阿難。如是眾生一一類中，亦各各具十二顛倒。猶如捏目亂華發生。顛倒妙圓真淨明心，具足如斯虛妄亂想。汝今修證佛三摩提，於是本因元所亂想。立三漸次，方得除滅。如淨器中除去毒蜜，以諸湯水并雜灰香，洗滌其器，後貯甘露。云何名為三種漸次？一者修習，除其助因。二者真修，剝其正性。三者增進，違其現業。云何助因？阿難。如是世界十二類生，不能自全，依四食住。所謂段食、觸食、思食、識食。是故佛說一切眾生皆依食住。阿難。一切眾生，食甘故生，食毒故死。是諸眾生求三摩提，當斷世間五種辛菜。是五種辛，熟食發姪，生啖增恚。如是世界食辛之人，縱能宣說十二部經。十方天仙，嫌其臭穢，咸皆遠離。諸餓鬼等，因彼食次，舐其唇吻。常與鬼住。福德日銷。長無利益。是食辛人修三摩地，

菩薩天仙，十方善神，不來守護。大力魔王得其方便，現作佛身，來為說法，非毀禁戒，讚姪怒癡。命終自為魔王眷屬。受魔福盡，墮無間獄。阿難。修菩提者永斷五辛。是則名為第一增進修行漸次。云何正性？阿難。如是眾生入三摩地，要先嚴持清淨戒律。永斷姪心。不餐酒肉。以火淨食，無啖生氣。阿難。是修行人，若不斷姪及與殺生，出三界者，無有是處。當觀姪欲，猶如毒蛇，如見怨賊。先持聲聞四棄八棄，執身不動。後行菩薩清淨律儀，執心不起。禁戒成就，則於世間永無相生相殺之業。偷劫不行，無相負累，亦於世間不還宿債。是清淨人修三摩地，父母肉身，不須天眼，自然觀見十方世界。睹佛聞法，親奉聖旨。得大神通，遊十方界。宿命清淨，得無艱險。是則名為第二增進修行漸次。云何現業？阿難。如是清淨持禁戒人，心無貪姪，於外六塵不多流逸。因不流逸，旋元自歸。塵既不緣，根無所偶。反流全一，六用不行。十方國土，皎然清淨。譬如琉璃，內懸明月。身心快然，妙圓平等，獲大安隱。一切如來密圓淨妙，皆現其中。是人即獲無生法忍。從是漸修，隨所發行，安立聖位。是則名為第三

增進修行漸次。

阿難。是善男子。欲愛乾枯，根境不偶。現前殘質，不復續生。執心虛明，純是智慧。慧性明圓，鑿十方界。乾有其慧，名乾慧地。欲習初乾，未與如來法流水接。即以此心，中中流入，圓妙開敷。從真妙圓，重發真妙。妙信常住。一切妄想滅盡無餘。中道純真。名信心住。真信明了，一切圓通。陰處界三不能為礙。如是乃至過去未來，無數劫中，捨身受身一切習氣，皆現在前。是善男子，皆能憶念，得無遺忘。名念心住。妙圓純真。真精發化。無始習氣通一精明。唯以精明進趣真淨。名精進心。心精現前。純以智慧。名慧心住。執持智明。周遍寂湛。寂妙常凝。名定心住。定光發明。明性深入。唯進無退。名不退心。心進安然保持不失。十方如來氣分交接。名護法心。覺明保持。能以妙力，迴佛慈光，向佛安住。猶如雙鏡，光明相對。其中妙影重重相入。名迴向心。心光密迴，獲佛常凝無上妙淨。安住無為，得無遺失。名戒心住。住戒自在。能遊十方，所去隨願。名願心住。

阿難。是善男子，以真方便發此十心。

心精發暉，十用涉入，圓成一心。名發心住。心中發明，如淨琉璃內現精金。以前妙心，履以成地。名治地住。心地涉知，俱得明了。遊履十方，得無留礙。名修行住。行與佛同。受佛氣分。如中陰身自求父母。陰信冥通，入如來種。名生貴住。既遊道胎，親奉覺胤。如胎已成，人相不缺。名方便具足住。容貌如佛。心相亦同。名正心住。身心合成日益增長。名不退住。十身靈相，一時具足。名童真住。形成出胎，親為佛子。名法王子住。表以成人。如國大王以諸國事分委太子。彼刹利王世子長成。陳列灌頂。名灌頂住。

阿難。是善男子成佛子已。具足無量如來妙德。十方隨順。名歡喜行。善能利益一切眾生。名饒益行。自覺覺他，得無違拒。名無瞋恨行。種類出生，窮未來際，三世平等，十方通達。名無盡行。一切合同，種種法門，得無差誤。名離癡亂行。則於同中，顯現群異。一一異相，各各見同。名善現行。如是乃至十方虛空滿足微塵，一一塵中現十方界。現塵現界，不相留礙。名無著行。種種現前，咸是第一波羅密多。名尊重行。如是圓融，能成十方諸佛軌則。名善法

行。一一皆是清淨無漏，一真無為，性本然故。名真實行。

阿難。是善男子，滿足神通，成佛事已。純潔精真，遠諸留患。當度眾生，滅除度相。迴無為心，向涅槃路。名救護一切眾生離眾生相迴向。壞其可壞。遠離諸離。名不壞迴向。本覺湛然。覺齊佛覺。名等一切佛迴向。精真發明，地如佛地。名至一切處迴向。世界如來。互相涉入，得無罣礙。名無盡功德藏迴向。於同佛地，地中各各生清淨因。依因發揮，取涅槃道。名隨順平等善根迴向。真根既成。十方眾生皆我本性。性圓成就，不失眾生。名隨順等觀一切眾生迴向。即一切法，離一切相。唯即與離，二無所著。名真如相迴向。真得所如，十方無礙。名無縛解脫迴向。性德圓成，法界量滅。名法界無量迴向。

阿難。是善男子，盡是清淨四十一心。次成四種妙圓加行。即以佛覺用為己心，若出未出。猶如鑽火，欲然其木。名為煖地。又以己心成佛所履，若依非依。如登高山，身入虛空，下有微礙。名為頂地。心佛二同，善得中道。如忍事人，非懷非出。名為

忍地。數量銷滅。迷覺中道，二無所目。名世第一地。

阿難。是善男子，於大菩提善得通達，覺通如來，盡佛境界。名歡喜地。異性入同，同性亦滅。名離垢地。淨極明生。名發光地。明極覺滿。名燄慧地。一切同異所不能至。名難勝地。無為真如性淨明露。名現前地。盡真如際。名遠行地。一真如心。名不動地。發真如用。名善慧地。

阿難。是諸菩薩，從此已往，修習畢功，功德圓滿。亦自此地名修習位。慈陰妙雲，覆涅槃海。名法雲地。如來逆流，如是菩薩順行而至，覺際入交。名為等覺。

阿難。從乾慧心至等覺已，是覺始獲金剛心中初乾慧地，如是重重單複十二，方盡妙覺，成無上道。是種種地，皆以金剛觀察如幻十種深喻。奢摩他中，用諸如來毗婆舍那，清淨修證，漸次深入。

阿難。如是皆以三增進故，善能成就五十五位真菩提路。作是觀者，名為正觀。若他觀者，名為邪觀。

爾時文殊師利法王子，在大眾中，即從

座起，頂禮佛足，而白佛言：當何名是經。我及眾生云何奉持？

佛告文殊師利。是經名大佛頂悉怛多般怛羅無上寶印，十方如來清淨海眼。亦名救護親因，度脫阿難，及此會中性比丘尼，得菩提心，入遍知海。亦名如來密因修證了義。亦名大方廣妙蓮華王，十方佛母陀羅尼咒。亦名灌頂章句，諸菩薩萬行首楞嚴。汝當奉持。

說是語已。即時阿難及諸大眾，得蒙如來開示密印般怛羅義。兼聞此經了義名目。頓悟禪那修進聖位。增上妙理，心慮虛凝。斷除三界修心六品微細煩惱。即從座起，頂禮佛足，合掌恭敬而白佛言：大威德世尊。慈音無遮。善開眾生微細沈惑。令我今日身心快然，得大饒益。世尊。若此妙明真淨妙心，本來遍圓。如是乃至大地草木，蠕動含靈，本元真如，即是如來成佛真體。佛體真實，云何復有地獄、餓鬼、畜生、修羅、人、天、等道。世尊。此道為復本來自有。為是眾生妄習生起。世尊。如寶蓮香比丘尼，持菩薩戒，私行婬欲。妄言行婬非殺非偷，無有業報。發是語已，先於女根生大猛

火，後於節節猛火燒然，墮無間獄。琉璃大王。善星比丘。琉璃為誅瞿曇族姓。善星妄說一切法空。生身陷入阿鼻地獄。此諸地獄，為有定處，為復自然，彼彼發業，各各私受。惟垂大慈，開發童蒙。令諸一切持戒眾生，聞決定義，歡喜頂戴，謹潔無犯。

佛告阿難。快哉此問。令諸眾生不入邪見。汝今諦聽。當為汝說。阿難。一切眾生實本真淨。因彼妄見，有妄習生。因此分開內分外分。阿難。內分即是眾生分內。因諸愛染，發起妄情。情積不休，能生愛水。是故眾生，心憶珍羞，口中水出。心憶前人，或憐或恨，目中淚盈。貪求財寶，心發愛涎，舉體光潤。心著行姪，男女二根，自然流液。阿難。諸愛雖別，流結是同。潤濕不升，自然從墜。此名內分。阿難。外分即是眾生分外。因諸渴仰，發明虛想。想積不休能生勝氣。是故眾生，心持禁戒，舉身輕清。心持咒印，顧盼雄毅。心欲生天，夢想飛舉。心存佛國，聖境冥現。事善知識，自輕身命。阿難。諸想雖別，輕舉是同。飛動不沈，自然超越。此名外分。

阿難。一切世間生死相續。生從順習。

死從變流。臨命終時，未捨煖觸，一生善惡俱時頓現，死逆生順，二習相交。純想即飛，必生天上。若飛心中，兼福兼慧，及與淨願，自然心開，見十方佛，一切淨土，隨願往生。情少想多，輕舉非遠。即為飛仙，大力鬼王、飛行夜叉、地行羅刹、遊於四天，所去無礙。其中若有善願善心，護持我法。或護禁戒，隨持戒人。或護神咒，隨持咒者。或護禪定，保綏法忍。是等親住如來座下。情想均等，不飛不墜，生於人間。想明斯聰。情幽斯鈍。情多想少，流入橫生，重為毛群，輕為羽族。七情三想，沈下水輪，生於火際，受氣猛火，身為餓鬼，常被焚燒，水能害己，無食無飲，經百千劫。九情一想，下洞火輪，身入風火二交過地，輕生有間，重生無間，二種地獄。純情即沈，入阿鼻獄。若沈心中，有謗大乘，毀佛禁戒，誑妄說法，虛貪信施，濫膺恭敬，五逆十重，更生十方阿鼻地獄。循造惡業，雖則自招。眾同分中，兼有元地。阿難。此等皆是彼諸眾生自業所感。造十習因。受六交報。

云何十因？阿難。一者、姪習交接，發於相磨。研磨不休，如是故有大猛火光，於

中發動。如人以手自相摩觸，煖相現前。二習相然，故有鐵床銅柱諸事。是故十方一切如來，色目行婬，同名欲火。菩薩見欲，如避火坑。二者、貪習交計，發於相吸。吸攬不止，如是故有積寒堅冰，於中凍冽。如人以口吸縮風氣，有冷觸生。二習相陵，故有吒吒、波波、羅羅、青赤白蓮、寒冰、等事。是故十方一切如來，色目多求，同名貪水。菩薩見貪，如避瘴海。三者、慢習交陵，發於相恃。馳流不息，如是故有騰逸奔波，積波為水。如人口舌自相綿味，因而水發。二習相鼓，故有血河、灰河、熱沙、毒海、融銅、灌吞諸事。是故十方一切如來，色目我慢，名飲癡水。菩薩見慢，如避巨溺。四者、瞋習交衝，發於相忤。忤結不息，心熱發火，鑄氣為金。如是故有刀山、鐵捆、劍樹、劍輪、斧鉞、鎗鋸。如人銜冤，殺氣飛動。二習相擊，故有宮割斬斫，剉刺槌擊諸事。是故十方一切如來，色目瞋恚，名利刀劍。菩薩見瞋，如避誅戮。五者、詐習交誘，發於相調。引起不住，如是故有繩木絞校。如水浸田。草木生長。二習相延，故有杻械枷鎖鞭杖撻棒諸事。是故十方一切如來，色目奸偽，同名讒賊。菩薩見詐，如

畏豺狼。六者、誑習交欺，發於相罔。誣罔不止，飛心造奸。如是故有塵土屎尿，穢汙不淨。如塵隨風，各無所見。二習相加，故有沒溺騰擲，飛墜漂淪諸事。是故十方一切如來，色目欺誑，同名劫殺。菩薩見誑，如踐蛇虺。七者、怨習交嫌，發於銜恨。如是故有飛石投瀝，柙貯車檻，甕盛囊撲。如陰毒人，懷抱畜惡。二習相吞，故有投擲擒捉，擊射拋撮諸事。是故十方一切如來，色目怨家，名違害鬼。菩薩見怨，如飲鳩酒。八者、見習交明，如薩迦耶，見戒禁取，邪悟諸業，發於違拒，出生相反。如是故有王使主吏，證執文籍。如行路人，來往相見。二習相交，故有勘問權詐、考訊推鞫、察訪、披究、照明、善惡童子，手執文簿辭辯諸事。是故十方一切如來，色目惡見，同名見坑。菩薩見諸虛妄遍執，如臨毒壑。九者、枉習交加，發於誣謗。如是故有合山合石，碾磴耕磨。如讒賊人，逼枉良善。二習相排，故有押捺槌按，蹙漉衡度諸事。是故十方一切如來，色目怨謗，同名讒虎。菩薩見枉，如遭霹靂。十者、訟習交誼，發於藏覆。如是故有鑑見照燭。如於日中，不能藏影。二習相陳，故有惡友、業鏡、火珠、披

露宿業，對驗諸事。是故十方一切如來，色目覆藏，同名陰賊。菩薩觀覆，如戴高山，履於巨海。

云何六報？阿難。一切眾生六識造業。所招惡報，從六根出。云何惡報從六根出。一者見報招引惡果。此見業交，則臨終時，先見猛火滿十方界。亡者神識，飛墜乘煙，入無間獄。發明二相。一者明見，則能遍見種種惡物，生無量畏。二者暗見，寂然不見，生無量恐。如是見火。燒聽，能為鑊湯烱銅。燒息，能為黑煙紫燄。燒味，能為焦丸鐵糜。燒觸，能為熱灰爐炭。燒心，能生星火迸灑，煽鼓空界。二者、聞報招引惡果。此聞業交，則臨終時，先見波濤沒溺天地。亡者神識，降注乘流，入無間獄。發明二相。一者開聽。聽種種鬧，精神茅亂。二者閉聽，寂無所聞，幽魄沈沒。如是聞波。注聞，則能為責為詰。注見，則能為雷為吼，為惡毒氣。注息，則能為雨為霧，灑諸毒蟲周滿身體。注味，則能為膿為血，種種雜穢。注觸，則能為畜為鬼，為糞為尿。注意，則能為電為雹，摧碎心魄。三者嗅報招引惡果。此嗅業交，則臨終時，先見毒氣充塞遠近。亡者神識，從地踊出，入無間獄。

發明二相。一者通聞，被諸惡氣熏極心擾。二者塞聞，氣掩不通，悶絕於地。如是嗅氣。衝息，則能為質為履衝見，則能為火為炬。衝聽，則能為沒為溺，為洋為沸。衝味，則能為餒為爽。衝觸，則能為綻為爛，為大肉山，有百千眼，無量啞食。衝思，則能為灰為瘴，為飛砂瀝擊碎身體。四者味報招引惡果。此味業交，則臨終時，先見鐵網猛燄熾烈，周覆世界。亡者神識，下透挂網，倒懸其頭，入無間獄。發明二相。一者吸氣，結成寒冰，凍裂身肉。二者吐氣，飛為猛火，焦爛骨髓。如是嘗味。歷嘗，則能為承為忍。歷見，則能為然金石。歷聽，則能為利兵刃。歷息，則能為大鐵籠，彌覆國土。歷觸，則能為弓為箭為弩為射。歷思，則能為飛熱鐵從空雨下。五者觸報招引惡果。此觸業交，則臨終時，先見大山四面來合，無復出路。亡者神識，見大鐵城，火蛇火狗，虎狼師子，牛頭獄卒，馬頭羅刹，手執鎗茅，驅入城門，向無間獄。發明二相。一者合觸，合山逼體，骨肉血潰。二者離觸，刀劍觸身，心肝屠裂。如是合觸。歷觸，則能為道為觀，為廳為案。歷見，則能為燒為爇。歷聽，則能為撞為擊，為刺為

射。歷息，則能為括為袋，為考為縛。歷嘗則能為耕為鉗，為斬為截。歷思則能為墜為飛，為煎為炙。六者思報招引惡果。此思業交，則臨終時，先見惡風吹壞國土。亡者神識，被吹上空，旋落乘風，墮無間獄。發明二相。一者不覺，迷極則荒，奔走不息。二者不迷，覺知則苦，無量煎燒，痛深難忍。如是邪思。結思，則能為方為所。結見，則能為鑒為證。結聽，則能為大合石，為冰為霜，為土為霧。結息，則能為大火車，火船火檻。結嘗，則能為大叫喚，為悔為泣。結觸，則能為大為小，為一日中萬生萬死，為偃為仰。

阿難。是名地獄十因六果。皆是眾生迷妄所造。若諸眾生，惡業圓造。入阿鼻獄，受無量苦，經無量劫。六根各造。及彼所作兼境兼根，是人則入八無間獄。身口意三，作殺盜婬。是人則入十八地獄。三業不兼，中間或為一殺一盜，是人則入三十六地獄。見見一根，單犯一業，是人則入一百八地獄。由是眾生別作別造。於世界中入同分地。妄想發生，非本來有。

復次阿難。是諸眾生，非破律儀，犯菩

薩戒，毀佛涅槃，諸餘雜業，歷劫燒然，後還罪畢，受諸鬼形。若於本因貪物為罪。是人罪畢，遇物成形，名為怪鬼。貪色為罪。是人罪畢，遇風成形，名為魃鬼。貪惑為罪。是人罪畢，遇畜成形，名為魅鬼。貪恨為罪。是人罪畢，遇蟲成形，名蠱毒鬼。貪憶為罪。是人罪畢，遇衰成形，名為癘鬼。貪傲為罪。是人罪畢，遇氣成形，名為餓鬼。貪罔為罪。是人罪畢，遇幽為形，名為魘鬼。貪明為罪。是人罪畢，遇精為形，名魍魎鬼。貪成為罪。是人罪畢，遇明為形，名役使鬼。貪黨為罪。是人罪畢，遇人為形，名傳送鬼。阿難。是人皆以純情墜落，業火燒乾，上出為鬼。此等皆是自妄想業之所招引。若悟菩提，則妙圓明本無所有。

復次阿難。鬼業既盡，則情與想二俱成空。方於世間與元負人，怨對相值。身為畜生，酬其宿債。物怪之鬼，物銷報盡，生於世間，多為梟類。風魃之鬼，風銷報盡，生於世間，多為咎徵。一切異類畜魅之鬼，畜死報盡，生於世間，多為狐類。蟲蠱之鬼，蠱滅報盡，生於世間，多為毒類。衰癘之鬼，衰窮報盡，生於世間，多為蛔類。受氣之鬼，氣銷報盡，生於世間，多為食類。

綿幽之鬼，幽銷報盡，生於世間，多為服類。和精之鬼，和銷報盡，生於世間，多為應類。明靈之鬼，明滅報盡，生於世間，多為休徵。一切諸類依人之鬼，人亡報盡，生於世間，多為循類。阿難。是等皆以業火乾枯，酬其宿債，傍為畜生。此等亦皆自虛妄業之所招引。若悟菩提，則此妄緣本無所有。如汝所言寶蓮香等，及琉璃王，善星比丘。如是惡業，本自發明。非從天降。亦非地出。亦非人與。自妄所招，還自來受。菩提心中，皆為浮虛妄想凝結。

復次阿難。從是畜生酬償先債。若彼酬者分越所酬。此等眾生，還復為人，反徵其剩。如彼有力兼有福德。則於人中不捨人身，酬還彼力。若無福者，還為畜生，償彼餘直。阿難當知。若用錢物，或役其力，償足自停。如於中間，殺彼身命，或食其肉。如是乃至經微塵劫，相食相誅。猶如轉輪，互為高下，無有休息。除奢摩他及佛出世，不可停寢。汝今應知。彼梟倫者，酬足復形，生人道中，參合頑類。彼咎徵者，酬足復形，生人道中，參合異類。彼狐倫者，酬足復形，生人道中，參於庸類。彼毒倫者，酬足復形，生人道中，參合很類。彼蛔倫

者，酬足復形，生人道中，參合微類。彼食倫者，酬足復形，生人道中，參合柔類。彼服倫者，酬足復形，生人道中，參合勞類。彼應倫者，酬足復形，生人道中，參於文類。彼休徵者，酬足復形，生人道中，參合明類。彼諸循倫，酬足復形，生人道中，參於達類。阿難。是等皆以宿債畢酬，復形人道。皆無始來業計顛倒，相生相殺。不遇如來，不聞正法，於塵勞中法爾輪轉。此輩名為可憐愍者。

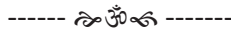
阿難。復有從人，不依正覺修三摩地。別修妄念，存想固形。遊於山林人不及處。有十種仙。阿難。彼諸眾生，堅固服餌而不休息，食道圓成，名地行仙。堅固草木而不休息。藥道圓成，名飛行仙。堅固金石而不休息。化道圓成，名遊行仙。堅固動止而不休息。氣精圓成，名空行仙。堅固津液而不休息。潤德圓成，名天行仙。堅固精色而不休息。吸粹圓成，名通行仙。堅固咒禁而不休息。術法圓成，名道行仙。堅固思念而不休息。思憶圓成，名照行仙。堅固交邁而不休息。感應圓成，名精行仙。堅固變化而不休息。覺悟圓成，名絕行仙。阿難。是等皆於人中鍊心，不修正覺。別得生理，壽千

萬歲。休止深山或大海島，絕於人境。斯亦輪迴妄想流轉。不修三昧。報盡還來，散入諸趣。阿難。諸世間人，不求常住。未能捨諸妻妾恩愛。於邪婬中，心不流逸。澄瑩生明。命終之後，鄰於日月。如是一類，名四天王天。於已妻房，婬愛微薄。於淨居時，不得全味。命終之後，超日月明，居人間頂。如是一類，名忉利天。逢欲暫交，去無思憶。於人間世，動少靜多。命終之後，於虛空中朗然安住。日月光明，上照不及。是諸人等自有光明。如是一類，名須臾摩天。一切時靜。有應觸來，未能違戾。命終之後，上升精微，不接下界諸人天境。乃至劫壞，三災不及。如是一類，名兜率陀天。我無欲心，應汝行事。於橫陳時，味如嚼蠟。命終之後，生越化地。如是一類，名樂變化天。無世間心，同世行事。於行事交，了然超越。命終之後，遍能出超化無化境。如是一類，名他化自在天。阿難。如是六天，形雖出動，心跡尚交。自此已還，名為欲界。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 8

說真實語卷第八

THUYẾT CHÂN THẬT NGŨ



A Nan! Chúng sanh trong mỗi loài đều gồm đủ 12 thứ điên đảo, cũng như dụi mắt thấy hoa đốm lăng xăng, thấy đều từ diệu tâm sáng tỏ vọng sanh điên đảo, nên có đủ thứ tư tưởng hư vọng tán loạn như thế. Nay người tu chứng Tam Ma Địa, đối với bản nhân của tư tưởng tán loạn ấy, phải lập Ba tiệm thứ mới có thể diệt trừ, cũng như muốn trừ mật độc trong bình để đựng cam lồ, thì phải dùng nước rửa sạch cái bình, rồi mới đựng cam lồ.

- Thế nào gọi là Ba tiệm thứ? Một là tu tập trừ các trợ nhân. Hai là chơn tu, chánh tánh trừ dâm dục. Ba là tinh tấn, xoay ngược hiện nghiệp.

1. Thế nào là Trợ Nhân?

- A Nan! 12 loại chúng sanh trong thế giới, chẳng thể tự sống, phải nhờ bốn cách ăn để nuôi dưỡng, ấy là: Ăn bằng cách nhai xé như con người; ăn bằng ngửi mùi hơi như quỷ thần, ăn bằng niệm tưởng như cõi Tứ Thiên. Ăn bằng ý thức như cõi Tứ không, cho nên Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ sự ăn mà tồn tại.

Tất cả chúng sanh, ăn tốt thì sống, ăn độc thì chết. Vậy

chúng sanh cầu Tam Ma Địa, nên dứt bỏ ngũ tân của thế gian, ngũ tân này hễ ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm sân hận. Những người ăn ngũ tân, dù biết giảng giải Mười hai bộ kinh, nhưng mười phương thiên tiên đều chê, mà tránh xa; các loài ma quỷ, thừa lúc đang ăn ngũ tân, liếm môi của họ, người ấy thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, chẳng được lợi ích.

- Người ăn ngũ tân mà tu Tam Ma Địa, thì Bồ Tát, Thiên Tiên, mười phương thiện thần chẳng đến hộ vệ. Đại lực ma vương có cơ hội hiện ra thân Phật, thuyết pháp cho họ, chê bai giới cấm, tán thán dâm dục và sân si. Người ấy chết thành quyến thuộc ma, khi hết phước báo của ma, liền địa ngục A Tỳ.

- A Nan! Người tu đạo Bồ Đề phải dứt hẳn ngũ tân, ấy gọi là Tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ nhất.

2. Sao gọi Rốt ráo Chánh Tánh?

- A Nan! Chúng sanh tu tập Tam Ma Địa, trước tiên phải giữ giới trong sạch, dứt hẳn lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt. Người tu hành nếu chẳng dứt dâm dục và sát sanh, thì không thể ra khỏi ba cõi. Nên phải xem sự dâm dục như rắn độc, như kẻ thù.

- Phải giữ Tứ khí, Bát khí của giới Thanh Văn, trì Bồ Tát, trì thân chẳng động, sau hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát, trì tâm chẳng khởi. Giới cấm đã thành tựu, đối với thế gian, trọn chẳng còn những nghiệp tương sanh và tương sát; đã chẳng trộm cắp thì chẳng mắc nợ nhau,

khỏi phải trả nợ của thế gian.

Người thanh tịnh ấy tu Tam Ma Địa, với cái thân của cha mẹ sanh, chẳng cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, gặp Phật nghe pháp, được đại thần thông, dạo khắp cõi mười phương, đắc túc mạng, chẳng còn những điều khó nạn, ấy gọi là Tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

3. Thế nào là Xoay Dòng Hiện Nghiệp?

A Nan! Người giữ giới trong sạch như thế, tâm chẳng tham dâm thì chẳng theo lục trần bên ngoài, do sự chẳng rong ruổi tự xoay về bản tánh, đã chẳng duyên theo cảnh trần thì lục căn chẳng chỗ nương tựa, ngược dòng về Nhất, lục dụng chẳng thành, mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch, được đại yên ổn, tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện trong đó, người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn. Dần dần tùy theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị, ấy là Tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba.

- A Nan! Thiện nam tử ấy, dục ái khô cạn, căn và cảnh chẳng duyên nhau, cái báo thân hiện tiền này chẳng còn tiếp tục sanh nữa, giữ tâm rộng sáng, thuần là trí huệ; tánh trí huệ sáng suốt chiều mười phương cõi. Gọi là Càn Huệ Địa.

THẬP TÍN

1. Tập khí lòng tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, tánh viên diệu được mở mang, từ chỗ chơn diệu viên lại

phát ra chơn diệu, diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng đều dứt sạch, trung đạo thuần chơn, gọi là Tín Tâm Trụ.

2. Chơn tánh sáng tỏ, tất cả viên thông, ba thứ: ấm (5 ấm), xứ (12 xứ), giới (18 giới), chẳng thể ngăn ngại, như thể cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân, thấy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên, gọi là Niệm Tâm Trụ.

3. Thuần chơn diệu viên, tinh vi phát dụng, những tập khí từ vô thị đều hóa thành một tâm tinh minh (*tinh vi sáng tỏ*), từ tinh minh tiến lên chơn tịnh, gọi là Tinh Tấn Tâm.

4. Tâm tinh tấn hiện tiền, thuần dùng trí huệ, gọi là Huệ Tâm Trụ.

5. Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường định, gọi là Định Tâm Trụ.

6. Từ định tâm phát ra ánh sáng, tánh sáng sâu vào, tiến tới chẳng lui gọi là Bất Thối Tâm.

7. Tâm an nhiên tiến tới, duy trì chẳng mất, giao tiếp với tinh thần của mười phương Như Lai gọi là Hộ Pháp Tâm.

8. Tánh sáng của Bốn giác được duy trì, hay dùng diệu lực xoay Từ Quang của Phật về tự tánh, cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau, trong đó, các bóng nhiệm màu trùng trùng vô tận, gọi là Hồi Hướng Tâm.

THẬP TRỤ

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, do chân phương tiện phát ra mười bậc tín tâm kể trên, tâm tinh vi phát ra ánh sáng, mười thứ dụng xen lẫn nhau, viên dung thành một tâm, gọi

là Phát Tâm Trụ.

2. Trong tâm sáng suốt như lưu ly trong sạch, trong hiện vàng ròng tinh túy, dùng diệu tâm trước kia sửa sang thành đất địa để đi đứng (*thực hành*) gọi là Trì Địa Trụ.

3. Tâm địa biết khắp, tất cả rõ ràng, đi khắp mười phương, được chẳng ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.

4. Hạnh đồng với Phật, thọ tinh thần Phật, như cái thân trung ấm tự tìm cha mẹ, trung ấm dung thông với lòng tin, thâm nhập vào giống Như Lai, gọi là Sanh Quý Trụ.

5. Đã vào đạo thai, nối dòng của Phật, như thai đã thành hình, tương người đầy đủ, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

6. Dung mạo và tâm tướng đều đồng như Phật, gọi là Chánh Tâm Trụ.

7. Thân tâm dung hợp, ngày càng tăng trưởng gọi là Bất Thối Trụ.

8. Linh tướng của thập thân nhất thời đầy đủ gọi là Đồng Chơn Trụ.

9. Hình đã ra khỏi thai, làm con của Phật, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.

10. Pháp Vương Tử đã trưởng thành, ví như Thái Tử vua Sát Lợi đến tuổi trưởng thành, sẽ được phụ vương ủy nhiệm việc nước, nên làm lễ quán đảnh (*lễ trưởng thành*), gọi là Quán Đảnh Trụ.

THẬP HANH

1. A Nan! Thiện Nam tử ấy, đã thành con Phật, đầy đủ

vô lượng diệu của đức Như Lai, tùy thuận mười phương chúng sanh, phương tiện tiếp dẫn, gọi là Hoan Hỉ Hạnh.

2. Hay lợi ích cho tất cả chúng sanh, gọi là Nhiều Ích Hạnh.

3. Tự giác giác tha, được chẳng chống trái, gọi là Vô Sân Hận Hạnh.

4. Tam thế bình đẳng, mười phương thông đạt, vì được “y-sanh-thân”, nên tùy mỗi loài chúng sanh mà hiện thân hóa độ cho đến cùng tột vị lai, gọi là Vô Tận Hạnh.

5. Nơi mỗi mỗi pháp môn, tất cả hòa đồng, được chẳng sai lầm, gọi là Ly Si Loạn Hạnh.

6. Nơi tướng đồng hiện ra nhiều tướng dị; nơi những tướng dị, mỗi mỗi thấy đồng, gọi là Thiện Hiện Hạnh.

7. Như thế cho đến vi trần đầy khắp mười phương hư không, trong mỗi mỗi trần hiện mười phương cõi; hiện trần hiện cõi, chẳng ngăn ngại nhau, gọi là Vô Trước Hạnh.

8. Các thứ hiện tiền đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là Tôn Trọng Hạnh.

9. Viên dung hay thành tựu sự lợi sanh của mười phương chư Phật, gọi là Thiện Pháp Hạnh.

10. Mỗi mỗi đều trong sạch vô lậu, nhất chơn vô vị, bản tánh vốn như thế, gọi là Chơn Thật Hạnh.

THẬP HỒI HƯỚNG

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, thần thông đầy đủ, Phật sự đã thành; tự tánh tinh túy thuần chơn, xa lìa các lỗi lầm,

ngay khi hóa độ chúng sanh mà diệt tướng năng độ, sở độ, hồi tâm vô vi hướng đạo Niết Bàn, gọi là Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hướng.

2. Hoại cái có thể hoại, tức xa lìa chúng sanh tướng, tướng xa lìa cũng phải lìa, vậy tướng hoại thì sở không, lìa cái lìa thì năng không; năng sở đều không, bản giác bất hoại, gọi là Bất Hoại Hồi Hướng.

3. Bản giác trạm nhiên, tâm giác đồng như Phật giác, gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng.

4. Tinh túy sáng tỏ, tâm địa đồng như Phật địa, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng.

5. Thế giới và Như Lai xen lộn lẫn nhau, được chẳng ngăn ngại, gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

6. Nơi đồng Phật địa, mỗi mỗi sanh ra cái nhân trong sạch, nương nhân ấy mà phát huy, vào đạo Niết Bàn, gọi là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng.

7. Chơn thiện căn đã thành, thì mười phương chúng sanh đều là bản tánh của ta, thành tựu tánh tròn đầy, chẳng bỏ chúng sanh, gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng.

8. Tức nơi nhất thiết pháp, mà lìa nhất thiết tướng cái tức cái lìa, cả hai đều chẳng dính mắc, gọi là Chơn Như Tướng Hồi Hướng.

9. Thật đặc Chơn Như, mười phương vô ngại, gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng. (Phược là trói).

10. Đức tánh viên mãn thành tựu, số lượng của pháp giới tiêu diệt, gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hương.

TỨ GIA HẠNH

- A Nan! Thiện nam tử ấy, đã tu xong 41 bậc tâm trong sạch, kể đó thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên:

1. Đem Phật giác, dụng làm tự tâm, cũng như dùi cây lấy lửa, cây chưa đốt cháy, lửa sắp ra mà chưa ra, gọi là Noãn Địa.

2. Dùng tâm mình thành chỗ hành của Phật cũng như người đứng trên chót núi, toàn thân đã vào hư không, nhưng dưới chân đôi khi còn hơi dính đất, như có chỗ nương mà chẳng phải nương, gọi là Đảnh Địa.

3. Tâm với Phật đồng, khéo đắc trung đạo, như người hay nhẫn nại, niệm chẳng phân biệt, phi hoài (chẳng nhớ), phi xuất (chẳng quên), chẳng thể nói ra, gọi là Nhẫn Địa.

4. Số lượng tiêu diệt, mê, giác và trung đạo đều chẳng thể gán tên, gọi là Thế Đệ Nhất địa.

THẬP ĐỊA

1. A Nan! Khéo được thông đạt nơi Đại Bồ Đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tột cảnh giới của Phật, gọi là Hoan Hỷ Địa.

2. Tánh dị nhập đồng, tánh đồng cũng diệt, gọi là Ly Cấu Địa.

3. Phát ra ánh sáng, gọi là Phát Quang Địa.

4. Giác tánh viên mãn, gọi là Diệm Huệ Địa.
5. Đồng dị đều chẳng ngại, là Nan Thắng Địa.
6. Tánh trong sạch hiển lộ gọi là Hiện Tiền Địa.
7. Cùng tốt Chơn Như, gọi là Viễn Hành Địa.
8. Nhất tâm chơn như, gọi là Bất Động Địa.
9. Chơn như phát dụng, gọi là Thiện Huệ Địa.
10. Bồ Tát công đức viên mãn, cũng gọi địa này là Tu Tập Vị, tức dùng đám mây nhiệm màu, đầy đủ từ bi trí huệ, che chở chúng sanh, khắp biển Niết Bàn, gọi là Pháp Vân Địa.

ĐẰNG GIÁC

Như Lai ngược dòng từ quả vị trở lại nhân địa, cứu độ chúng sanh; Bồ Tát thuận hành từ chúng sanh tu đến quả Phật, thuận ngược đều giao tiếp nơi Bốn Giác, gọi là Đẳng Giác.

DIỆU GIÁC

- A Nan! Từ Càn Huệ Tâm đến bậc Đẳng Giác rồi giác ấy mới được viên mãn nơi Tâm Kim Cang. Bắt đầu từ Càn Huệ Địa từng lớp tiến lên, trải qua 12 ngôi vị đơn và phức mới đến Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.

- Mỗi mỗi địa ấy, đều lấy trí Kim Cang quan sát mười thứ ví dụ như huyễn, dùng Xa Ma Tha (**chỉ**) và Tỳ Bà Xá Na (**quán**) của chư Như Lai tu chứng trong sạch lần lượt sâu vào.

A Nan! Như thế đều dùng ba tiệm thứ tiến tu, nên khéo thành tựu 55 quả vị trong đạo Bồ Đề chơn thật. Quán như

thế gọi là Chánh quán, chẳng quán như thế gọi là Tà quán.

Bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử ở trong chúng, liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật: Thế Tôn! Nên gọi Kinh này là Kinh gì, chúng con và chúng sanh phải phụng trì như thế nào?

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Kinh này gọi là: Đại Phật Đảnh Bạch Tán Cái Vô Thượng Bảo Ấn Thập Phương **Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn**, cũng gọi là **Cứu Hộ Nhân Thân, Độ Thoát A Nan, Cập Tỳ Kheo Ni Tánh Trung Hội Đắc Bồ Đề Tâm Nhập Biển Tri Hải**, cũng gọi là **Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa**, cũng gọi là Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Thập Phương Phật Mẫu **Đà La Ni**, cũng gọi là **Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm**, các ông nên phụng trì.

LƯỢC GIẢNG

Dựa trên công dụng chuyển mê khai ngộ của con người. Như Lai phương tiện triển khai các thánh vị. Càn tuệ địa nói dễ hiểu là những hạng người tu hành bắt đầu không khản tình cảm của thế gian. Họ chinh phục và chiến thắng được những dục nhiễm luyến ái của thường tình, họ bắt đầu sống nghiêm nặng về mặt lý trí trong sáng, cứng rắn. Con người tâm hồn ướt át, tình cảm rạt rào mà mong học tu đạo giải thoát, thì thật gian truân khó khổ vô vàn.

Ở Càn tuệ địa, Như Lai dạy hành giả tu Tam Ma Đề hay Mật Pháp Tam Muội, đặc Tam Mật gia trì tiến lên: Thập tín,

Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, rồi Đẳng giác và Diệu giác 52 địa vị. Diệu giác là vị cao tột, tức là quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả những tên gọi ấy chỉ là những phương tiện giả đặt của Như Lai. Cái danh tiêu biểu phần nào của hạnh, dựa trên hạnh mà giả đặt cái danh. Người tu hành không nên chấp nê quả vị hay khởi ý mong cầu. Người nấu nước, chỉ cần đun lửa tốt thì ấm nước tự sôi, vấn đề độ nóng bao nhiêu ... chỉ là phương tiện danh ngôn giả lập.

Như Lai thì ngược dòng Hiện nghiệp trở lại. Từ địa vị giác ngộ chân lý hoàn toàn, vì thương chúng sanh mà sống và sinh hoạt như chúng sanh để có cơ hội hướng dẫn cải tạo những mê mờ đau khổ của chúng sanh, còn Bồ Tát thì thuận dòng, từ bể khổ sanh tử vươn lên, phát huy trí tuệ, Càn tuệ địa là điểm khởi hành. Trải qua 51 địa vị, đó là thời gian khai thác nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí, vô sư trí và tự nhiên trí của mình. Cuối cùng giao điểm giữa Phật và Bồ Tát gặp nhau ở quả vị được gọi là Đẳng giác.

Ở vào địa vị Đẳng giác, Bồ Tát có được thứ trí Kim Cang. Dùng trí Kim Cang chiếu phá sạch những bóng đen sanh tướng vô minh vi tế tối hậu. Sanh tướng vô minh dứt sạch. Bồ Đề, Niết Bàn tự tánh hiện ra, Bồ Tát nhìn lại quá trình tu tập trải qua giống như người vừa tỉnh giấc chiêm bao. Những chuyện khổ, vui, tội, phước, tiêu trưởng vinh hư là chuyện của một cơn trường mộng! Đời là diệu dụng biểu hiện từ bản thể chân như. Bồ Tát nhìn hiện tượng vận hữu

có mà không phải có thật, không mà chẳng phải thật không: Tất cả đều như vật sắc trong chiêm bao, như hình ảnh khóc cười trên màn bạc, như trăng đáy nước, như hoa đốm trong không, như càn thát bà thành, như bóng trong gương, như mè sương sáng, như điện nhoáng lưng trời, như bong bóng dưới cơn mưa ... Nhờ vậy Bồ Tát tự tại nhẹ nhàng tiến bước trên con đường Bồ Đề Niết Bàn Vô thượng.

Khi con người diệt hết hoặc Kiến tư ra ngoài ba cõi thì gọi là người được giải thoát, giác ngộ. Giải thoát nói cách khác là người đó có Niết Bàn. Vậy, chữ Niết Bàn trong đạo Phật là chỉ sự giải thoát phiền não buộc ràng. Do vô minh tác động hoành hành trong cuộc sống. Bồ Đề chỉ sự giác ngộ. Vậy ai có giác ngộ là có Bồ Đề. Bồ Đề Niết Bàn là hai mặt thực thể thanh tịnh của con người: Thấy chân lý trọn vẹn, diệt vô minh phiền não. Tuy nhiên, Bồ Đề Niết Bàn có đẳng cấp, không nhất thiết cùng lúc ai cũng được y nhau. Gọi là đẳng cấp nhưng không phải như “ngạch”, “trật” do cấp trên nào phong tặng theo cảm tình thương, ghét hay do đánh giá chủng tộc màu da, sang hèn cao thấp... Đẳng cấp ở đây dựa trên tiêu chuẩn đoạn vô minh trừu phiền não ở chính con người. Do vậy, Bồ Đề Niết Bàn có những đẳng cấp sau đây:

Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, Bồ Tát Bồ Đề, Phật Bồ Đề.

Đẳng cấp đó nói lên quả vị có thấp cao. Dù vậy đã là người có Bồ Đề vượt ra ba cõi thì sự giải thoát gần giống nhau, không khác mấy. Không khác mấy vì cả bốn đẳng cấp

đều không còn quan niệm khổ đau vì phần đoạn sanh tử chi phối đầy vơi. Không khác mấy, nhưng cũng không phải hoàn toàn đồng, vì trình độ nhận thức của chân lý toàn vẹn và chưa toàn vẹn có chênh lệch khác nhau.

KINH VĂN

Phật nói xong, tức thời A Nan và đại chúng nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa Mật Ấn và được nghe những danh hiệu liễu nghĩa của Kinh này, đốn ngộ diệu lý của Thiền Na, tiến tu các Thánh vị, tâm niệm rỗng lặng, dứt trừ sáu phẩm phiền não vị tế trong tam giới.

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: Thế Tôn oai đức lớn, khéo khai phá những mê hoặc vi tế của chúng sanh khiến con thân tâm an lạc, được lợi ích lớn. Nếu diệu tâm sáng tỏ vốn viên mãn cùng khắp, như thế cho đến đất đai, cỏ cây sâu bọ, hàm linh, bản tánh chơn như, tức là chơn thể thành Phật của Như Lai; vậy Phật thể chơn thật, tại sao lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, loài người và trời? Thế Tôn, lục đạo này vốn tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sanh khởi?

- Thế Tôn! Như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương, lén hành dâm dục, vọng nói hành dâm, chẳng phải sát sanh và trộm cắp, chẳng có nghiệp báo. Nói xong, nơi nữ căn sanh ngọn lửa lớn, rồi từng đốt xương lại bùng cháy, đọa ngục A Tỳ.

- Như vua Lưu Ly, và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly thì giết hại hết dòng họ Cù Đàm; Thiện Tinh thì vọng nói tất cả pháp

đều Không (đoạn diệt Không) đang sống bị đọa vào ngục A Tỳ.

- Các địa ngục ấy, là có chỗ nhất định hay chẳng định? Mọi người gây nghiệp nhân, mỗi mỗi tự chịu nghiệp quả, hay là tất cả tự nhiên?

- Xin Phật rủ lòng Đại Từ, khai phá ngu dại, khiến tất cả chúng sanh trì giới, nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ phụng hành, giữ gìn chẳng phạm.

Phật bảo A Nan: Lành thay câu hỏi này, khiến các chúng sanh chẳng mắc tà kiến, nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà nói.

- A Nan! Bản tánh của tất cả chúng sanh vốn chơn thật trong sạch, vì vọng kiến mà vọng sanh tập khí, do đó chia thành nội phần và ngoại phần.

A Nan! Nội phần tức là phần trong của chúng sanh. Do lòng ái nhiễm phát khởi vọng tình, vọng tình tích chứa không thôi, sanh ra ái thủy, nên chúng sanh hễ nghĩ đến thức ăn ngon thì chảy nước miếng, nhớ đến người xưa, hoặc thương hoặc giận, thì chảy nước mắt, tham cầu của báu, trong tâm ham muốn, cả mình đều thấm nhuần nước tham; tâm tham dâm dục thì hai căn nam nữ tự nhiên chảy dịch. A Nan, những ái dục ấy dù khác, nhưng sự chảy nước là đồng, tánh nước thấm ướt chẳng lên được, tự nhiên sa đọa, gọi là Nội Phần.

A Nan! Ngoại Phần tức là phần ngoài của chúng sanh. Do lòng khao khát phát ra vọng tưởng, vọng tưởng chứa mãi không thôi, sanh ra thẳng khí. Nên chúng sanh hễ tâm giữ giới cấm thì cả thân nhẹ nhàng; tâm trì chú ấn thì cử chỉ

hùng dũng, tâm muốn sanh cõi trời thì chiêm bao thấy bay lên, tâm nhớ cõi Phật, thì thắng cảnh thềm hiện, phụng sự Thiện Tri Thức thì tự khinh thân mạng. A Nan, những vọng tưởng dù khác, nhưng sự nhẹ nhàng bay lên là động, bay động chẳng chìm, tự nhiên vượt lên, gọi là Ngoại Phần.

A Nan! Tất cả sanh tử tương tục trên thế gian, sống thì tùy thuận theo tập khí, chết thì biến đổi theo dòng nghiệp, đến lúc lâm chung, còn chút hơi ấm, các việc thiện ác của một đời đồng thời hiện ra, sống thì thuận, chết thì nghịch, hai tập khí giao xen lẫn nhau, thuần tưởng thì bay lên, ắt sanh cõi trời, nếu cái tâm bay ấy gồm cả phước đức, trí huệ và tình nguyện, thì tự nhiên tâm được mở mang, thấy tất cả tình độ với chư Phật, theo nguyện vãng sanh.

- Tình ít tưởng nhiều, nhẹ nhàng bay xa thì làm phi tiên, đại lực quý vương, phi hành Dạ Xoa, địa hành La Sát, dạo khắp cõi trời, chẳng gì ngăn ngại. Trong đó nếu có thiện tâm thiện nguyện, hộ trì Phật Pháp, hoặc hộ trì giới cấm và người trì giới; hoặc hộ trì thần chú và người trì chú, hoặc hộ trì thiền định, thành tựu pháp nhẫn, thì những hạng ấy được ở cạnh pháp tọa của Như Lai.

- Tình và tưởng bằng nhau, chẳng bay chẳng chìm sanh nơi cõi người; tưởng sáng suốt thì thông minh, tình ám muội thì ngu độn.

- Tình nhiều tưởng ít, đọa vào súc sinh, nghiệp nặng làm loài có lông, nhẹ thì làm loài có cánh.

- Bảy phần tình, ba phần tưởng, thì chìm dưới thủy

luân, sanh nơi hỏa luân, thân làm ngạ quỷ, thọ cái khổ của lửa hồng, thường bị đốt cháy, dầu được uống nước cũng hóa thành lửa, nên nói bị nước hại, trải qua trăm ngàn kiếp, chẳng thể ăn uống.

- Chín phần tình, một phần tưởng, thì đọa dưới hỏa luân, thân vào giữa phong luân và hỏa luân, nghiệp nhẹ thì vào ngục Hữu Giác, nghiệp nặng thì vào ngục Vô Giác.

- Thuận tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu tâm chìm sâu ấy, có phỉ báng Đại Thừa, phá giới cấm của Phật, cường vọng thuyết pháp, hư tiêu tín thí, hoặc phạm ngũ nghịch, thậm trọng cấm, thì lại phải sanh khắp ngục A Tỳ mười phương.

- Chúng sanh cùng tạo ác nghiệp thì phải chịu quả báo đồng phận, nhưng trong cộng nghiệp mỗi người đều có biệt nghiệp của mình, theo nghiệp sở tạo, mỗi mỗi tự chuốc lấy quả báo khác nhau.

A Nan! Những điều kể trên, đều do nghiệp của chúng sanh tự chiêu cảm, tạo Thập Tập Nhân thọ Lục Giao Báo.

THẬP TẬP NHÂN

- Một là Dâm Tập giao tiếp, phát nơi cọ xát lẫn nhau, cọ mãi không thôi, thế nên trong đó phát ra ngọn lửa hồng, như người dùng hai tay cọ xát, thì tương ấm hiện tiền. Hai tập khí đốt nhau mới sanh những việc giương sắt, trụ đồng. Mười phương Như Lai xem sự hành dâm đồng như dục hỏa, Bồ Tát xem dục như hầm lửa phải tránh.

Hai là Tham Tập giao kế, phát nơi thu hút lẫn nhau, hút mãi không thôi, thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá, như người hít hơi gió vào miệng thì có cảm xúc lạnh. Hai tập khí lẫn nhau, mới chịu những khổ của địa ngục hàn băng. Mười phương Như Lai xem việc tham cầu đồng như tham thủy, Bồ Tát xem tham như biên độc phải tránh.

- Ba là Mạn Tập giao lãng, phát nơi ỷ thế, lấn áp không thôi; hai tập khí chọi nhau, mới sinh những việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy vv... Mười phương Như Lai xem sự ngã mạn như uống nước si, Bồ Tát xem ngã mạn như sự chìm đắm phải tránh.

- Bốn là Sân Tập giao xung phát nơi chống đối chống mãi không thôi, tâm nóng nảy phát lửa, đúc khí thành kim loại, thế nên có những việc đao sơn, kiếm thụ, rìu, búa, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đụng nhau, mới sinh những việc thiếu, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đánh, đập, vv... Mười phương Như Lai xem sự sân hận như dao gươm bén, Bồ Tát xem sân hận như chém giết phải tránh.

- Năm là Trá Tập giao dụ (*dụ dỗ nhau*), phát nơi quyến rũ, lôi kéo chẳng thôi, như nước thấm ruộng thì cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo nhau mới sinh những việc gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, đòn v.v... Mười phương Như Lai xem sự dối trá đồng như gian tặc, Bồ Tát xem dối trá như beo sói đáng sợ.

- Sáu là Cuồng tập giao, phỉnh gạt mãi không thôi,

buông tâm gian dối, thế nên có đất bùn, đại tiểu tiện, các thủ ô uế, như bụi theo gió, chẳng có chỗ thấy. Hai tập khí chìm nhau, mới sanh những việc chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn v... Mươi phương Như Lai xem sự lừa gạt đồng như cướp giết, Bồ Tát xem sự lừa gạt, như giã răn độc.

- Bảy là Oán Tập giao hiềm, phát nơi sân hận, như người hiềm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau, mới sanh những việc ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, tóm, siết vv. Mươi phương Như Lai xem sự thù oán, đồng như Quỷ Vi Hại, Bồ Tát xem thù oán như uống rượu độc.

- Tám là Kiến Tập giao minh, như năm thứ ác kiến và các nghiệp tà ngộ, vì kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau, ví như người lạ đi đường qua lại gặp nhau, cãi cọ thưa kiện, nên có các cấp quan lại, nắm giữ hồ sơ văn bản đối chứng. Hai tập khí giao xen, thế nên mới có Thiện Ác Đồng Tử tay cầm hồ sơ văn bản, điều tra bằng chứng cụ thể, khám hỏi, tra khảo, thẩm vấn v.v... Mươi phương Như Lai xem những ác kiến đồng như hàm độc, Bồ Tát xem những kiến chấp hư vọng như vào hố độc.

- Chín là Uổng Tập giao xen, phát nơi vu khống, phi báng, thế nên có hợp sơn, hợp thạch, cối nghiền, cối xay, như kẻ gièm pha vu oan người lương thiện. Hai tập khí bài xích lẫn nhau, mới sanh những việc áp giải, đê đập, ép huyết v.v... Mươi phương Như Lai xem sự vu vạ đồng như cọp gièm pha, Bồ Tát xem sự vu vạ như bị sấm sét.

Mười là Tụng Tập giao thuyên (*thưa kiện cãi vã*), phát

nơi che giấu tội lỗi; thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như đứng giữa mặt trời, chẳng thể giấu bóng. Hai tập khí phô bày lẫn nhau mới sanh ra việc ác hữu, nghiệp kính, chiếu soi, hỏa châu, phơi bày nghiệp xưa, đối nghiệm v.v... Mười phương Như Lai xem sự che giấu đồng như hiểm tặc, Bồ Tát xem sự che giấu như đội núi cao đi trên biển cả.

LỤC GIAO BÁO

- A Nan! tất cả chúng sanh, lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo, đều từ lục căn mà ra. Sao nói ác báo từ lục căn mà ra?

Một là Kiến Báo chiêu cảm ác quả. Khi kiến nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ, sanh khiếp sợ vô cùng; hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì, sanh hoảng hốt vô cùng. Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì khói đen, lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp, rung động cả hư không.

- Hai là Văn Báo chiêu cảm ác quả. Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết theo dòng nước trôi vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn; hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lịm.

Như vậy, nghe sóng chảy vào thính giác, thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc; chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ như nhớt; chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện; chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

Ba là Khứu Báo chiêu cảm ác quả. Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy đầy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là người thông bị các hơi độc xông vào, nhiễu loạn tâm thần, hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giặc dưới đất. Người khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn; xông vào thị giác thì thành lửa, đui; xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; xông vào vị giác thì xúc giác đốt thành thành mùi thiu, thúi; xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thọt lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng, xông vào ý thức thì thành tro, chướng khí và cát đá bay, đập nát thân thể.

Bốn là Vị Báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bùng cháy, che khắp thế giới; thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: một là hít hơi vào, kết thành bằng giá, làm nứt nẻ thân thể, hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy. Nếm mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì

thành kim thạch nung đỏ; qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; qua khứu giác thì thành lồng sắt lớn, che khắp quốc độ; qua xúc giác thì thành cung, tên, nỏ, súng; qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa.

Năm là Xúc Báo chiêu cảm ác quả. Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra; thần thức người chết thấy Thành Sắt lớn, rắn lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt (*người gác ngục*) đầu trâu, La Sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lừa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu; hai là lia xúc, dao gươm đâm chém, tim gan bị cắt xẻ. Như vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ; qua thính giác thì thành đánh, đập, dầm bản; qua khứu giác thì thành tóm, đưng, khảo, trói; qua vị giác thì thành cày, kìm, chém, chặt; qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu nướng.

- Sáu là Tưởng Báo chiêu cảm ác quả. Khi tưởng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ; thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi; hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở. Như vậy, tà tưởng kết vào ý thức thì thành phương sở; kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng; kết vào thính giác thì thành đại hợp bằng giá, sương mù, đất bùn; kết vào

khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa; kết vào vị giác thì thành tiếng la hét, than khóc; kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày.

A Nan! Thập tập nhân và lục giao báo của địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ, trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng; nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng, với nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào khu 8 ngục A Tỳ; nếu cả thân khẩu, ý, tạo nghiệp sát, đạo, dâm, thì người ấy đọa vào khu 18 địa ngục; nếu không gồm cả ba nghiệp, hoặc trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo, thì người ấy vào khu 36 địa ngục; nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp, thì người ấy vào khu 108 địa ngục.

- Mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp, nhưng cùng vào chỗ đồng phạm trong thế giới, ấy đều do vọng tưởng sanh ra, chẳng phải vốn sẵn có.

Lại nữa A Nan! Nếu các chúng sanh phá hủy luật nghi, phạm giới Bồ Tát, phỉ báng Niết Bàn và các nghiệp khác, thì trải qua nhiều kiếp bị đốt cháy, sau khi đền tội xong, thọ các hình quý.

Nếu ở nơi bản thân, do tham vật tạo tội, người ấy khi đền tội xong, gặp vật thành hình, gọi là Quái Quý do tham sắc tạo tội, khi đền tội xong, gặp gió thành hình, gọi là Bạt Quý; do tham đối trá tạo tội, khi đền tội xong, gặp súc vật thành hình, gọi là Mi Quý; do tham sân hận tạo tội, khi đền

tội xong, gặp sâu bọ thành hình, gọi là Cổ Độc Quỷ; do tham ghi khắc thù oán tạo tội, khi đền tội xong, gặp kẻ thù vận suy thành hình, gọi là Lệ Quỷ; do tham ngạo mạn tạo tội, khi đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Ngạ Quỷ; do tham lừa gạt tạo tội, khi đến tội xong, gặp u ám thành hình, gọi là Yểm Quỷ; do tham minh ngộ tạo tội, khi đền tội xong, gặp tinh linh thành hình, gọi là Võng Lượng Quỷ; do tham vu vạ tạo tội, khi đền tội xong, gặp linh hiển thành hình, gọi là Dịch Sử Quỷ; do tham kết bè phái tạo tội khi đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống Quỷ.

- A Nan! Loài này đều vì thuần tình mà sa đọa, khi nghiệp lửa đốt cạn thì lên làm quỷ, ấy đều do vọng tưởng của mình tự chiêu cảm quả, nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì nơi diệu tâm sáng tỏ, vốn chẳng có gì cả.

- Lại nữa A Nan! Khi hết nghiệp quỷ, tình và tưởng cả hai đều không, mới ở nơi thế gian, với người mắc nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để trả nợ xưa.

- Loài quái quỷ theo vật, khi vật tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kêu.

- Bạt quỷ theo gió, khi gió tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cửu trưng (loài dự báo điềm xấu như chim cú, quạ...)

- Mị quỷ theo súc, khi súc chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn.

- Cổ quỷ theo sâu, khi suy sâu diệt hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài độc hại.

- Lệ quý theo vận suy, khi suy tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun sán.

- Ngạ quý theo khí, khi khí tiêu báo hết, sanh nơi gian, phần nhiều làm loài gia súc.

- Yểm quý theo u ẩn, khi u ẩn tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tằm, cừu, cung cấp đồ mặc.

- Võng Lượng Quý theo tinh linh, khi tinh tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim mùa.

- Dịch Sử Quý theo linh hiển, khi linh diệt báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hươu trung (loài dự điềm báo tốt như phụng, lân).

- Truyền Tống Quý theo người, khi người chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tùng phục bên người như chó, mèo.

- A Nan! Loại này đều vì nghiệp lửa đốt cạn, sanh vào loài súc, đền trả nợ xưa, ấy cũng là do vọng nghiệp chiêu cảm; nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì các vọng duyên này, do vọng tưởng giả dối kết tụ, vốn chẳng có gì cả.

- Lại nữa A Nan! Những lúc sinh ấy, đền trả nợ cũ, nếu trả quá nợ cũ, thì trở lại làm người, đòi lại phần thừa. Nếu người kia có sức mạnh, lại có phước đức, thì khỏi bỏ thân người mà vẫn hoàn phần thừa ấy được, còn nếu chẳng phước đức thì phải làm súc sanh để trả lại cái thiếu.

- A Nan nên biết! Nếu mắc nợ tiền tài hoặc sức lực của loài vật, khi đền đủ thì tự ngưng... Nếu ở trong đó có giết hại

sinh mạng hoặc ăn thịt họ, như thế cho đến ăn nhau, giết nhau, trải qua vô số kiếp, như chuyển bánh xe, thay phiên nhau chẳng ngừng. Trừ khi gặp Phật ra đời, ngộ pháp Xa Ma Tha, nếu không thì nghiệp chẳng thể ngưng.

- Nay người nên biết, loài chim kêu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hàng ngoan cố.

- Loài cừu trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng quái dị.

- Loài chồn kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngu dại.

- Loài độc hại kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nham hiểm.

- Loài giun sán kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng hèn hạ.

- Loài gia súc kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nhu nhược.

- Loài tằm, cừu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hàng nghèo khổ.

- Loài chim mùa trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng văn hoa.

- Loài hươu trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông minh.

- Loài tùng phục bên người kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông thạo.

- A Nan! Loại này dù trả hết nợ cũ, trở lại làm người,

đều do điên đảo tạo nghiệp, sanh nhau giết nhau từ vô thủy, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, trong trần lao xoay vần mãi, thật đáng thương xót.

A Nan! Lại có chúng sanh, trong cõi người chẳng theo chánh giác tu Tam Ma Địa, mà tu theo vọng niệm, giữ tâm cứng cố hình hài, ẩn trong rừng núi, những chỗ vắng người, thành mười loại Tiên.

THẬP LOẠI TIÊN

1. A Nan! Những chúng sanh ấy, kiên cố dùng đồ bổ chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thực, là Địa Hành Tiên.

2. Kiên cố dùng cỏ cây chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thuốc, gọi là Phi Hành Tiên.

3. Kiên cố luyện đờn chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo hóa chất, gọi là Du Hành Tiên.

4. Kiên cố luyện khí chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tinh khí, gọi là Không Hành Tiên.

5. Kiên cố luyện tâm dịch chẳng ngừng nghỉ, thành tựu nhuận đức, gọi là Thiên Hành Tiên.

6. Kiên cố hấp thụ tinh hoa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự hấp thụ, gọi là Thông Hành Tiên.

7. Kiên cố luyện theo bùa chú chẳng ngừng nghỉ, thành tựu bùa phép, gọi là Đạo Hành Tiên.

8. Kiên cố chuyên chú tâm niệm chẳng ngừng nghỉ, thành tựu niệm tưởng, gọi là Chiếu Hành Tiên.

9. Kiên cố về thủy hỏa giao cấu chẳng ngừng nghỉ,

thành tựu sự cảm ứng, gọi là Tinh Hành Tiên.

10. Kiên cố biến hóa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tà ngộ, gọi là Tuyệt Hành Tiên.

- A Nan! Loại này đều ở trong cõi người mà luyện tâm, chẳng tu chánh giác, xa cách người đời, thọ muôn ngàn tuổi, ẩn núp nơi núi sâu; ấy cũng là theo vọng tưởng mà luân hồi. Nếu chẳng tu tam muội, khi phước báo hết phải trở lại trong lục đạo.

DỤC GIỚI

1. A Nan! Những người thế gian, chẳng cầu đạo thường trụ, chưa thể rời bỏ sự ân ái vợ chồng, nhưng tâm chẳng buông lung nơi tà dâm, do tâm đứng lặng phát ra sáng suốt. Sau khi chết, ở gần với nhật nguyệt, loại này gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.

2. Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, chưa hoàn toàn trong sạch. Sau khi chết, vượt ánh sáng nhật nguyệt, ở trên đánh cõi người, loại này gọi là Đao Lợi Thiên.

3. Gặp dục tạm giao, qua rồi thì chẳng nhớ, nơi cõi người động ít tịnh nhiều. Sau khi chết, an trụ nơi hư không, ánh sáng nhật nguyệt chẳng thể soi đến, hạng người ấy tự có ánh sáng, loại này gọi là Tu Diệm Ma Thiên.

4. Lúc nào cũng tịnh, nhưng khi tiếp xúc bỗng đến, chưa thể lìa bỏ. Sau khi chết, sanh lên cõi tinh vi, chẳng nối liền với những cõi trời, người ở dưới; khi kiếp hoại tam tai cũng chẳng thể đến, loại này gọi là Đâu Suất Đà Thiên.

5. Ta chẳng tâm dâm dục, chỉ đáp ứng với nhu cầu của người, xem sự dâm dục vô vị như ăn sáo. Sau khi chết, sanh lên cõi biến hóa, gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

6. Tâm chẳng trụ thế gian, mà thọ dụng cảnh dục đồng như thế gian; đang lúc thọ dụng, rõ ràng siêu thoát. Sau khi chết, vượt lên tất cả cảnh biến hoá và chẳng biến hóa, loại này gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

- A Nan! Sáu cõi trời kể trên, hình dù khởi động mà tâm còn dính mắc, từ đây trở xuống, gọi là Dục Giới.

LƯỢC GIẢNG

*Khi tham dục mới cạn, chưa nối được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, chẳng nghiêng bên Không, chẳng nghiêng bên Giả, cũng chẳng trụ nơi Trung đạo, từ đây khởi quán: Không, Giả, Trung, tam đế viên dung, gọi là Viên Diệu; ở đây tâm thức có thể đến. Nếu trung đạo nương theo chơn, thì sự diệu, chưa phải chơn, từ chơn phát diệu, diệu ấy mới là Chơn Diệu. Vào Tòa **Kim Cang Bảo Giác**, cũng gọi Diệu Liên Hoa; hay Kim Cương Tam Muội.*

Kim cương Thiên Quang vương tòa: Tòa này ở nơi gốc Bồ Đề của Tịch Diệt Đạo Tràng; là Diệu Quang Đường (cung trời Tứ thiên vương), là 10 chỗ Đức Phật thuyết pháp.

1). Tòa Kim Cang Diệu Quang. Ở đây Phật nói về **Thập Thế Giới Hải**, tức 10 thế giới biến cả, cũng gọi Vi trần thế giới, Vô tận Hoa Tạng thế giới, Phạm Võng thế giới. 10 thế giới hải gồm có: 1. Thế giới hải; 2. Chúng sanh hải; 3. Thế

giới an lập hải; 4. Phậ hải; 5. Ba la mật hải; 6. Phậ giải thoát hải; 7. Phậ biến hóa hải; 8. Phậ diễn thuyết hải; 9. Phậ danh hiệu hải; 10. Phậ thọ lượng hải.

2). Tại Cung Trời Đế Thích tuyên thuyết **Thập Trụ**: Là 10 địa vị an trú của Bồ Tát: 1. Phát thú trú (Nhập thánh thai); 2. Trì địa trú; 3. Tu hành trú; 4. Sanh qui trú 5. Phương tiện cụ túc trú (Trưởng dưỡng thánh thai) 6. Chánh tâm trú, 7. Bất thối trú; 8. Đồng chơn trú; 9. Pháp vương tử trú (Xuất thánh thai); 10. Quán đảnh trú.

3). Tại Diệm Ma Thiên Cung nói pháp **Thập Hạnh**: 1. Hoan hỷ hạnh; 2. Nhiều ích hạnh; 3. Vô sân hận hạnh; 4. Vô tận hạnh; 5. Ly si hoạn hạnh; 6. Thiện hiện hành; 7. Vô phược hạnh; 8. Tôn trọng hạnh; 9. Thiện pháp hạnh; 10. Chân thật hạnh.

4). Đâu Suất Đà Thiên (Đệ Tứ Thiên của Dục giới), Phậ tuyên thuyết **Thập Hồi Hướng**: 1. Cứu hộ nhất thiết chúng sanh ly chúng sanh hồi hướng, 2. Bất hoại hồi hướng, 3. Đẳng nhất thiết chư Phậ hồi hướng, 4. Chí nhất thiết xứ hồi hướng, 5. Vô tận công đức tạng hồi hướng, 6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng, 7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng, 8. Chân như tướng hồi hướng, 9. Vô phược giải thoát hồi hướng, 10. Pháp giới vô lượng hồi hướng

5). Tại Hóa Lạc Thiên đức Phậ thuyết **Thập Thiên Định**: Cũng gọi Thập Đại Tam Muội, cảnh giới của Bồ Tát: 1. Phổ Quang tam muội, 2. Diệu quang tam muội, 3. Thứ đệ biến mãn chư Phậ quốc độ tam muội, 4. Thanh tịnh thân tâm

hành tam muội, 5. Trí quá khứ trang nghiêm tạng tam muội
6. Trí quang minh tạng tam muội, 7. Liễu tri nhất thiết thế
giới pháp trang nghiêm tam muội, 8. Chúng sanh sai biệt
thân tam muội, 9. Pháp giới tự tại tam muội, 10. Vô ngại
luân tam muội.

6). Tại Tha Hóa Thiên thuyết Thập Địa. Tức là trình bày
Mười Địa vị tu chứng của Bồ Tát: 1. Thể tánh Bình Đẳng Địa; 2. Thể tánh Thiện Huệ; 3. Thể tánh Quang Minh; 4. Thể tánh Nhĩ Diễm; 5. Thể tánh Huệ Chiếu; 6. Thể tánh Hoa Quang; 7. Thể tánh Mãn Túc; 8. Thể tánh Phật Như; 9. Thể tánh Hoa Nghiêm; 10. Thể tánh Nhập Pháp Giới.

Theo kinh **Anh Lạc**, tức là **Thập Kim Cang Tâm**: 1. Hoan
hỷ; 2. Ly cấu; 3. Phát quang; 4. Diệm huệ; 5. Nan thắng; 6.
Hiện tiền; 7. Viễn hành; 8. Bất động; 9. Thiện huệ; 10. Pháp
vân.

7). Tại cõi Sơ Thiên, nói Thập Kim Cang: Mười tấm lòng
cứng rắn như Kim Cương của Bồ Tát: 1. Giác liễu chư pháp
tâm; 2. Hóa độ chúng sanh tâm; 3. Trang nghiêm thế giới
tâm; 4. Thiện căn hồi hướng tâm; 5. Phụng sự đại sự tâm; 6.
Thật chứng chư pháp tâm; 7. Quảng hành nhẫn nhục tâm; 8.
Trường thời tu hành tâm; 9. Tu hành mãn túc tâm; 10. Linh
tha nguyện mãn tâm.

8). Tại cõi Nhị Thiên, nói pháp Thập Nhẫn của Bồ Tát:
1. Âm thanh nhẫn; 2. Thuận nhẫn; 3. Vô sanh pháp nhẫn; 4.
Như huyễn nhẫn; 5. Như diệm nhẫn; 6. Như mộng nhẫn; 7.
Như hưởng nhẫn; 8. Như ảnh nhẫn; 9. Như hóa nhẫn; 10.
Như không nhẫn.

9). Tại cõi **Tam Thiên**, đức Phật tuyên nói **Thập Nguyện**, tức 10 đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền: Đây là, Nhiếp thiện pháp giới:

1. Lễ kính chư Phật
2. Xưng tán Như Lai
3. Quảng tu cúng dường

Nhiếp luật nghi giới,

4. Sám hối nghiệp chướng
5. Tùy hỷ công đức
6. Tỉnh chuyển pháp luân

Nhiều ích hữu tình giới,

7. Tỉnh Phật trụ thế
8. Thường tùy Phật học
9. Hằng thuận chúng sanh
10. Phổ giai hồi hướng

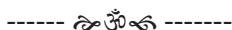
10). Tại cõi **Tứ Thiên**, cung **Ma Hê Thủ La Thiên Vương**, nói **Pháp Môn Tâm Địa**, tức Bồ Tát Tâm Giới; cũng gọi Đại Thừa Tâm Giới, mà trong Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, quyển thứ 8 đức Phật dạy rất tường tận để hướng dẫn chúng sanh tu tập.

Sự tu tập dụ như, người đờn hay khảy ra tiếng hay, người đờn vừa khảy ra tiếng vừa, người đờn dở khảy tiếng dở, song đều có tiếng cả. Dụ như chơn tâm của chúng ta tùy chuyên biến hiện các pháp; nếu khéo dùng thì hiện ra Phật, còn vừa vừa thì thành Bồ tát, Tỉnh văn; vựng lẫm thì thành Tam đồ, Lục đạo, đều có biến hiện cả.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 9

進程修證 卷第九

TIẾN TRÌNH TU CHỨNG



阿難。世間一切所修心人，不假禪那，無有智慧。但能執身不行婬欲。若行若坐，想念俱無。愛染不生，無留欲界。是人應念身為梵侶。如是一類，名梵眾天。欲習既除，離欲心現。於諸律儀，愛樂隨順。是人應時能行梵德。如是一類，名梵輔天。身心妙圓，威儀不缺。清淨禁戒，加以明悟。是人應時能統梵眾，為大梵王。如是一類，名大梵天。阿難。此三勝流，一切苦惱所不能逼。雖非正修真三摩地。清淨心中，諸漏不動。名為初禪。

阿難。其次梵天，統攝梵人，圓滿梵行。澄心不動，寂湛生光。如是一類，名少光天。光光相然，照耀無盡，映十方界，遍成琉璃，如是一類，名無量光天。吸持圓光，成就教體。發化清淨，應用無盡。如是一類，名光音天。阿難。此三勝流，一切憂

懸所不能逼。雖非正修真三摩地。清淨心中，麤漏已伏。名為二禪。

阿難。如是天人，圓光成音，披音露妙，發成精行，通寂滅樂。如是一類，名少淨天。

淨空現前，引發無際，身心輕安，成寂滅樂。如是一類，名無量淨天。世界身心，一切圓淨，淨德成就，勝託現前，歸寂滅樂。如是一類，名遍淨天。阿難。此三勝流，具大隨順，身心安隱，得無量樂。雖非正得真三摩地。安隱心中，歡喜畢具。名為三禪。

阿難。復次天人，不逼身心，苦因已盡。樂非常住，久必壞生。苦樂二心，俱時頓捨。麤重相滅，淨福性生。如是一類，名福生天。捨心圓融，勝解清淨。福無遮中，得妙隨順，窮未來際。如是一類，名福愛天。阿難。從是天中，有二歧路。若於先心，無量淨光，福德圓明，修證而住。如是一類，名廣果天。若於先心，雙厭苦樂，精研捨心，相續不斷。圓窮捨道，身心俱滅。心慮灰凝，經五百劫。是人既以生滅為因。不能發明不生滅性。初半劫滅。後半劫生。

如是一類，名無想天。阿難。此四勝流，一切世間諸苦樂境所不能動。雖非無為真不動地。有所得心，功用純熟。名為四禪。

阿難。此中復有五不還天。於下界中九品習氣，俱時滅盡。苦樂雙忘。下無卜居。故於捨心眾同分中，安立居處。阿難。苦樂兩滅，鬥心不交。如是一類，名無煩天。機括獨行，研交無地。如是一類，名無熱天。十方世界，妙見圓澄，更無塵象一切沈垢。如是一類，名善見天。精見現前，陶鑄無礙。如是一類，名善現天。究竟群幾，窮色性性，入無邊際。如是一類，名色究竟天。

阿難。此不還天，彼諸四禪四位天王，獨有欽聞，不能知見。如今世間曠野深山，聖道場地，皆阿羅漢所住持故，世間麤人所不能見。

阿難。是十八天，獨行無交，未盡形累。自此已還，名為色界。復次阿難。從是有頂色邊際中，其間復有二種歧路。若於捨心發明智慧，慧光圓通，便出塵界，成阿羅漢，入菩薩乘。如是一類，名為迴心大阿羅漢。若在捨心，捨厭成就。覺身為礙，銷礙入空。如是一類，名為空處。諸礙既銷，無

礙無滅。其中唯留阿賴耶識。全於末那半分微細。如是一類，名為識處。空色既亡，識心都滅。十方寂然，迴無攸往。如是一類，名無所有處。識性不動，以滅窮研，於無盡中發宣盡性。如存不存。若盡非盡。如是一類，名為非想非非想處。此等窮空，不盡空理。從不還天聖道窮者，如是一類，名不迴心鈍阿羅漢。若從無想諸外道天，窮空不歸，迷漏無聞，便入輪轉。

阿難。是諸天上各各天人，則是凡夫業果酬答，答盡入輪。彼之天王，即是菩薩遊三摩提，漸次增進，迴向聖倫所修行路。阿難。是四空天，身心滅盡，定性現前，無業果色。從此逮終，名無色界。此皆不了妙覺明心。積妄發生，妄有三界。中間妄隨七趣沈溺。補特伽羅各從其類。復次阿難。是三界中，復有四種阿修羅類。若於鬼道以護法力，乘通入空。此阿修羅從卵而生，鬼趣所攝。若於天中降德貶墜，其所卜居鄰於日月。此阿修羅從胎而出，人趣所攝。有修羅王執持世界，力洞無畏，能與梵王及天帝釋四天爭權。此阿修羅因變化有，天趣所攝。阿難。別有一分下劣修羅。生大海心，沈水穴口，旦遊虛空，暮歸水宿，此阿修羅因濕

氣有，畜生趣攝。

阿難。如是地獄、餓鬼、畜生、人及神仙、天洎修羅。精研七趣，皆是昏沈諸有為相。妄想受生。妄想隨業。於妙圓明無作本心，皆如空華，元無所著。但一虛妄，更無根緒。

阿難。此等眾生，不識本心，受此輪迴，經無量劫，不得真淨，皆由隨順殺盜婬故。反此三種。又則出生無殺盜婬。有名鬼倫。無名天趣。有無相傾，起輪迴性。若得妙發三摩提者，則妙常寂。有無二無，無二亦滅。尚無不殺不偷不婬。云何更隨殺盜婬事。

阿難。不斷三業，各各有私。因各各私。眾私同分，非無定處。自妄發生，生妄無因，無可尋究。汝勗修行，欲得菩提，要除三惑。不盡三惑，縱得神通，皆是世間有為功用。習氣不滅，落於魔道。雖欲除妄，倍加虛偽。如來說為可哀憐者。汝妄自造。非菩提咎。作是說者，名為正說。若他說者，即魔王說。即時如來將罷法座。於師子床，攬七寶几，迴紫金山，再來伋倚。普告大眾及阿難言：汝等有學緣覺聲聞，今日迴

心趣大菩提無上妙覺。吾今已說真修行法。汝猶未識修奢摩他毗婆舍那微細魔事。魔境現前，汝不能識。洗心非正，落於邪見。或汝陰魔。或復天魔。或著鬼神。或遭魑魅。心中不明，認賊為子。又復於中得少為足。如第四禪無聞比丘，妄言證聖。天報已畢，衰相現前。謗阿羅漢身遭後有，墮阿鼻獄。汝應諦聽。吾今為汝仔細分別。

阿難起立，并其會中同有學者，歡喜頂禮，伏聽慈誨。

佛告阿難及諸大眾。汝等當知。有漏世界十二類生，本覺妙明覺圓心體，與十方佛無二無別。由汝妄想迷理為咎，癡愛發生。生發遍迷，故有空性。化迷不息，有世界生。則此十方微塵國土，非無漏者，皆是迷頑妄想安立。當知虛空生汝心內，猶如片雲點太清裏。況諸世界在虛空耶。汝等一人發真歸元，此十方空皆悉銷殞。云何空中所有國土而不振裂。汝輩修禪飾三摩地。十方菩薩，及諸無漏大阿羅漢，心精通吻，當處湛然。一切魔王及與鬼神諸凡夫天，見其宮殿無故崩裂。大地振坼水陸飛騰，無不驚懼。凡夫昏暗，不覺遷訛。彼等咸得五種神通，

唯除漏盡，戀此塵勞。如何令汝摧裂其處。是故鬼神，及諸天魔，魍魎妖精，於三昧時，僉來惱汝。然彼諸魔雖有大怒。彼塵勞內。汝妙覺中。如風吹光，如刀斷水，了不相觸。汝如沸湯，彼如堅冰，煖氣漸鄰，不日銷殞。徒恃神力，但為其客。成就破亂，由汝心中五陰主人。主人若迷，客得其便。當處禪那，覺悟無惑，則彼魔事無奈汝何。陰銷入明，則彼群邪咸受幽氣。明能破暗，近自銷殞。如何取留，擾亂禪定。若不明悟，被陰所迷。則汝阿難必為魔子，成就魔人。如摩登伽，殊為眇劣。彼唯咒汝，破佛律儀。八萬行中，祇毀一戒。心清淨故，尚未淪溺。此乃隳汝寶覺全身。如宰臣家，忽逢籍沒。宛轉零落，無可哀救。

阿難當知。汝坐道場，銷落諸念。其念若盡，則諸離念一切精明。動靜不移。憶忘如一。當住此處入三摩提。如明目人，處大幽暗，精性妙淨，心未發光。此則名為色陰區宇。若目明朗，十方洞開，無復幽黯，名色陰盡。是人則能超越劫濁。觀其所由，堅固妄想以為其本。阿難。當在此中精研妙明，四大不織，少選之間，身能出礙。此名精明流溢前境。斯但功用暫得如是，非為聖

證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。阿難。復以此心精研妙明，其身內徹。是人忽然於其身內，拾出蟻蚘。身相宛然，亦無傷毀。此名精明流溢形體。斯但精行暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。又以此心內外精研。其時魂魄意志精神，除執受身，餘皆涉入，互為賓主。忽於空中聞說法聲。或聞十方同敷密義。此名精魄遞相離合，成就善種。暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。又以此心澄露皎徹，內光發明。十方遍作閻浮檀色。一切種類化為如來。於時忽見毗盧遮那，踞天光臺，千佛圍繞，百億國土及與蓮華，俱時出現。此名心魂靈悟所染，心光研明，照諸世界。暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。又以此心精研妙明，觀察不停，抑按降伏，制止超越。於時忽然十方虛空，成七寶色，或百寶色。同時遍滿，不相留礙。青黃赤白，各各純現。此名抑按功力逾分。暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。又以此心研究澄徹，精光不亂。忽於夜半，在暗室內，見種種物，不殊白晝。而暗

室物，亦不除滅。此名心細，密澄其見，所視洞幽。暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。又以此心圓入虛融，四體忽然同於草木，火燒刀斫，曾無所覺。又則火光不能燒爇。縱割其肉，猶如削木。此名塵併，排四大性，一向入純。暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。又以此心成就清淨，淨心功極，忽見大地十方山河皆成佛國，具足七寶，光明遍滿。又見恒沙諸佛如來遍滿空界，樓殿華麗。下見地獄，上觀天宮，得無障礙。此名欣厭凝想日深，想久化成。非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。又以此心研究深遠。忽於中夜，遙見遠方市井街巷，親族眷屬，或聞其語。此名迫心逼極飛出，故多隔見。非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。又以此心研究精極。見善知識，形體變移。少選無端種種遷改。此名邪心含受魑魅。或遭天魔入其心腹。無端說法，通達妙義。非為聖證。不作聖心，魔事銷歇。若作聖解，即受群邪。

阿難。如是十種禪那現境，皆是色陰用心交互，故現斯事。眾生頑迷，不自忖量。

逢此因緣，迷不自識，謂言登聖。大妄語成，墮無間獄。汝等當依如來滅後，於末法中宣示斯義。無令天魔得其方便。保持覆護，成無上道。

阿難。彼善男子，修三摩提奢摩他中色陰盡者，見諸佛心，如明鏡中顯現其像。若有所得而未能用。猶如魘人，手足宛然，見聞不惑，心觸客邪而不能動。此則名為受陰區宇。若魘咎歇，其心離身，返觀其面，去住自由，無復留礙，名受陰盡。是人則能超越見濁。觀其所由，虛明妄想以為其本。

阿難。彼善男子，當在此中得大光耀。其心發明，內抑過分。忽於其處發無窮悲。如是乃至觀見蚊蟲，猶如赤子，心生憐愍，不覺流淚。此名功用抑摧過越。悟則無咎，非為聖證。覺了不迷，久自銷歇。若作聖解，則有悲魔入其心腑。見人則悲，啼泣無限。失於正受，當從淪墜。

阿難。又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明白。勝相現前，感激過分。忽於其中生無限勇。其心猛利，志齊諸佛。謂三僧祇，一念能越。此名功用陵率過越。悟則無咎，非為聖證。覺了不迷，久自銷歇。若作

聖解，則有狂魔入其心腑。見人則誇，我慢無比。其心乃至上不見佛，下不見人。失於正受，當從淪墜。

又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明白。前無新證，歸失故居。智力衰微，入中墮地，迴無所見。心中忽然生大枯渴。於一切時沈憶不散。將此以為勤精進相。此名修心無慧自失。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有憶魔入其心腑。旦夕撮心，懸在一處。失於正受，當從淪墜。

又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明白。慧力過定，失於猛利。以諸勝性懷於心中，自心已疑是盧舍那，得少為足。此名用心亡失恒審，溺於知見。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有下劣易知足魔，入其心腑。見人自言我得無上第一義諦。失於正受，當從淪墜。

又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明白。新證未獲，故心已亡。歷覽二際，自生艱險。於心忽然生無盡憂。如坐鐵床，如飲毒藥，心不欲活。常求於人令害其命，早取解脫。此名修行失於方便。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有一分常憂愁魔，入其

心腑。手執刀劍，自割其肉，欣其捨壽。或常憂愁，走入山林，不耐見人。失於正受，當從淪墜。

又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明白。處清淨中，心安隱後，忽然自有無限喜生。心中歡悅，不能自止。此名輕安無慧自禁。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有一分好喜樂魔，入其心腑。見人則笑。於衢路傍自歌自舞。自謂已得無礙解脫。失於正受，當從淪墜。

又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明白。自謂已足，忽有無端大我慢起。如是乃至慢與過慢，及慢過慢，或增上慢，或卑劣慢，一時俱發。心中尚輕十方如來。何況下位聲聞緣覺。此名見勝無慧自救。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有一分大我慢魔，入其心腑。不禮塔廟，摧毀經像。謂檀越言，此是金銅，或是土木。經是樹葉，或是(疊毛)華。肉身真常，不自恭敬，卻崇土木，實為顛倒。其深信者，從其毀碎，埋棄地中。疑誤眾生入無間獄。失於正受，當從淪墜。

又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明

白。於精明中，圓悟精理，得大隨順。其心忽生無量輕安。已言成聖得大自在。此名因慧獲諸輕清。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有一分好輕清魔，入其心腑。自謂滿足，更不求進。此等多作無聞比丘。疑誤眾生，墮阿鼻獄。失於正受，當從淪墜。

又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明白。於明悟中得虛明性。其中忽然歸向永滅。撥無因果，一向入空。空心現前，乃至心生長斷滅解。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有空魔入其心腑。乃諦持戒，名為小乘。菩薩悟空，有何持犯。其人常於信心檀越，飲酒噉肉，廣行姪穢。因魔力故，攝其前人不生疑諦。鬼心久入，或食屎尿與酒肉等。一種俱空，破佛律儀，誤入人罪。失於正受，當從淪墜。

又彼定中諸善男子，見色陰銷，受陰明白。味其虛明深入心骨。其心忽有無限愛生。愛極發狂，便為貪欲。此名定境安順入心，無慧自持，誤入諸欲。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有欲魔入其心腑。一向說欲為菩提道。化諸白衣平等行欲。其行姪者，名持法子。神鬼力故，於末世中攝其凡

愚，其數至百。如是乃至一百二百，或五六百多滿千萬。魔心生厭，離其身體。威德既無，陷於王難。疑誤眾生，入無間獄。失於正受，當從淪墜。

阿難。如是十種禪那現境，皆是受陰用心交互，故現斯事。眾生頑迷，不自忖量。逢此因緣，迷不自識，謂言登聖。大妄語成，墮無間獄。汝等亦當將如來語，於我滅後傳示末法。遍令眾生開悟斯義。無令天魔得其方便。保持覆護，成無上道。

阿難。彼善男子修三摩提受陰盡者，雖未漏盡，心離其形，如鳥出籠，已能成就，從是凡身上歷菩薩六十聖位。得意生身，隨往無礙。譬如有人，熟寐寢言。是人雖則無別所知。其言已成音韻倫次。令不寐者，咸悟其語。此則名為想陰區宇。若動念盡，浮想消除。於覺明心，如去塵垢。一倫生死，首尾圓照，名想陰盡。是人則能超煩惱濁。觀其所由，融通妄想以為其本。

阿難。彼善男子受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛圓明，銳其精思貪求善巧。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人不覺是其魔著，自言謂得無

上涅槃。來彼求巧善男子處，敷座說法。其形斯須，或作比丘，令彼人見。或為帝釋。或為婦女。或比丘尼。或寢暗室身有光明。是人愚迷，惑為菩薩。信其教化，搖蕩其心。破佛律儀，潛行貪欲。口中好言災祥變異。或言如來某處出世。或言劫火。或說刀兵。恐怖於人。令其家資，無故耗散。此名怪鬼年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

阿難。又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中心愛，遊蕩，飛其精思，貪求經歷。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人亦不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求遊善男子處，敷座說法。自形無變。其聽法者，忽自見身坐寶蓮華，全體化成紫金光聚。一眾聽人，各各如是，得未曾有。是人愚迷，惑為菩薩。婬逸其心，破佛律儀，潛行貪欲。口中好言諸佛應世。某處某人，當是某佛化身來此。某人即是某菩薩等，來化人間。其人見故，心生傾渴，邪見密興，種智銷滅。此名魅鬼年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師。俱陷王難。汝當先覺，不入輪迴。

迷惑不知，墮無間獄。

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛綿合，澄其精思，貪求契合。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人實不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求合善男子處，敷座說法。其形及彼聽法之人，外無遷變。令其聽者，未聞法前，心自開悟。念念移易。或得宿命。或有他心。或見地獄。或知人間好惡諸事。或口說偈。或自誦經。各各歡娛，得未曾有。是人愚迷，惑為菩薩。綿愛其心，破佛律儀，潛行貪欲。口中好言佛有大小。某佛先佛。某佛後佛。其中亦有真佛假佛。男佛女佛。菩薩亦然。其人見故，洗滌本心，易入邪悟。此名魅鬼年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛根本，窮覽物化性之終始，精爽其心，貪求辨析。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人先不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求元善男子處，敷座說法。身有威神，摧伏求者。令其

座下，雖未聞法，自然心伏。是諸人等，將佛涅槃菩提法身，即是現前我肉身上。父父子子，遞代相生，即是法身常住不絕。都指現在即為佛國。無別淨居及金色相。其人信受，亡失先心。身命歸依，得未曾有。是等愚迷，惑為菩薩。推究其心，破佛律儀，潛行貪欲。口中好言眼耳鼻舌，皆為淨土。男女二根，即是菩提涅槃真處。彼無知者，信是穢言。此名蠱毒魔勝惡鬼年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛懸應，周流精研，貪求冥感。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人元不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求應善男子處，敷座說法。能令聽眾，暫見其身如百千歲。心生愛染，不能捨離。身為奴僕，四事供養，不覺疲勞。各各令其座下人心，知是先師本善知識，別生法愛，黏如膠漆，得未曾有。是人愚迷，惑為菩薩。親近其心，破佛律儀，潛行貪欲。口中好言，我於前世於某生中，先度某人。當時是我妻妾兄弟，今來相度。與汝相隨歸

某世界，供養某佛。或言別有大光明天，佛於中住，一切如來所休居地。彼無知者，信是虛誑，遺失本心。此名癘鬼年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛深入。克己辛勤，樂處陰寂，貪求靜謐。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人本不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求陰善男子處，敷座說法。令其聽人，各知本業。或於其處語一人言，汝今未死，已作畜生。敕使一人於後蹋尾頓令其人起不能得。於是一眾傾心斂伏。有人起心，已知其肇。佛律儀外，重加精苦。誹謗比丘，罵詈徒眾。訐露人事，不避譏嫌。口中好言未然禍福。及至其時，毫髮無失。此大力鬼年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛知見，勤苦研尋，貪

求宿命。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人殊不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求知善男子處，敷座說法。是人無端於說法處，得大寶珠，其魔或時化為畜生，口銜其珠，及雜珍寶簡冊符牘諸奇異物，先授彼人，後著其體。或誘聽人藏於地下，有明月珠照耀其處。是諸聽者，得未曾有。多食藥草，不餐嘉饌。或時日餐一麻一麥，其形肥充，魔力持故。誹謗比丘，罵詈徒眾，不避譏嫌。口中好言他方寶藏，十方聖賢潛匿之處。隨其後者，往往見有奇異之人。此名山林土地城隍川嶽鬼神，年老成魔。或有宣姪破佛戒律，與承事者潛行五欲。或有精進純食草木。無定行事，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛神通，種種變化，研究化元，貪取神力。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人誠不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求通善男子處，敷座說法。是人或復手執火光，手撮其光，分於所聽四眾頭上。是諸聽人頂上火光，皆長數

尺，亦無熱性，曾不焚燒。或水上行，如履平地。或於空中安坐不動。或入餅內。或處囊中。越牖透垣，曾無障礙。唯於刀兵不得自在。自言是佛。身著白衣，受比丘禮。誹謗禪律，罵詈徒眾。訐露人事，不避譏嫌。口中常說神通自在。或復令人傍見佛土。鬼力惑人，非有真實。讚歎行姪，不毀麤行。將諸猥媠，以為傳法。此名天地大力山精，海精風精河精土精，一切草木積劫精魅。或復龍魅。或壽終仙，再活為魅，或仙期終，計年應死，其形不化，他怪所附。年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，多陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛入滅，研究化性，貪求深空。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人終不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求空善男子處，敷座說法。於大眾內，其形忽空，眾無所見。還從虛空突然而出，存沒自在。或現其身洞如琉璃。或垂手足作旃檀氣。或大小便如厚石蜜。誹毀戒律，輕賤出家。口中常說無因無果。一死永滅，無復後身，及諸凡聖。雖得空寂，潛行

貪欲。受其欲者，亦得空心，撥無因果。此名日月薄蝕精氣，金玉芝草，麟鳳龜鶴，經千萬年不死為靈，出生國土。年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，多陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛長壽，辛苦研幾，貪求永歲，棄分段生，頓希變易細相常住。爾時天魔候得其便，飛精附人，口說經法。其人竟不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求生善男子處，敷座說法。好言他方往還無滯。或經萬里，瞬息再來。皆於彼方取得其物。或於一處，在一宅中，數步之間，令其從東詣至西壁是人急行，累年不到。因此心信，疑佛現前。口中常說，十方眾生皆是吾子。我生諸佛。我出世界。我是元佛，出世自然，不因修得。此名住世自在天魔，使其眷屬，如遮文茶，及四天王毗舍童子，未發心者，利其虛明，食彼精氣。或不因師，其修行人親自觀見，稱執金剛與汝長命。現美女身，盛行貪欲。未逾年歲，肝腦枯竭。口兼獨言，聽若妖魅。前人未詳，多陷王難。未及遇刑，先已乾死。惱亂彼人，以至殂

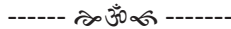
殞。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

阿難當知。是十種魔，於末世時，在我法中出家修道。或附人體。或自現形。皆言已成正遍知覺。讚歎姪欲，破佛律儀。先惡魔師，與魔弟子，姪姪相傳。如是邪精魅其心腑。近則九生。多踰百世。令真修行，總為魔眷。命終之後，必為魔民。失正遍知，墮無間獄。汝今未須先取寂滅。縱得無學，留願入彼末法之中，起大慈悲，救度正心深信眾生，令不著魔，得正知見。我今度汝已出生死。汝遵佛語，名報佛恩。阿難。如是十種禪那現境，皆是想陰。用心交互，故現斯事。眾生頑迷，不自忖量。逢此因緣，迷不自識，謂言登聖。大妄語成，墮無間獄。汝等必須將如來語，於我滅後，傳示末法。遍令眾生，開悟斯義。無令天魔得其方便。保持覆護，成無上道。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 9

進程修證 卷第九

TIẾN TRÌNH TU CHỨNG



TỨ THIỀN SẮC GIỚI

A Nan! Người tu trong thế gian nếu chẳng nhờ Thiền Na thì chẳng có trí huệ; nếu được giữ thân chẳng dâm dục, niệm tưởng đều không, ái nhiễm chẳng sanh, chẳng lưu luyến cõi Dục, làm bạn với Phạm Thiên, gọi là Phạm Chúng Thiên.

Dục lậu đã trừ, Tâm ly dục hiện tiền, ra hành theo các luật nghi, đức hạnh trong sạch, gọi là Phạm Phụ Thiên.

Thân tâm thanh tịnh, oai nghi đầy đủ, giới hạnh tròn đầy, có sự tỏ ngộ, được thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương, gọi là Đại Phạm Thiên.

A Nan! Ba bậc trên tất cả khổ não chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, dục lậu chẳng thể lay động, gọi là quả **Sơ Thiền**.

A Nan! Hàng Phạm Thiên thống lãnh Phạm chúng, đầy đủ phạm hạnh, lắng tâm chẳng động; do tịch lặng sanh ra ánh sáng; gọi là Thiếu Quang Thiên.

Ánh sáng chiếu soi vô cùng, chiếu khắp mười phương cõi; gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

Hào quang đồng như âm thanh, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa trong sạch, ứng dụng vô cùng, gọi là Quang Âm Thiên.

A Nan! Ba bậc này tất cả lo buồn không thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, những phiền não thô động đã diệt trừ, gọi là **Nhị Thiên**.

A Nan! Hào quang thành âm, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý, thành hạnh tinh tấn, thông với sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Thiếu Tịch Thiên.

Cảnh thanh tịnh hiện tiền, chẳng có bờ bến, thân tâm nhẹ nhàng, thành sự vui tịch diệt, gọi là Vô Lượng Tịch Thiên.

Thế giới và thân tâm, tất cả đều trong sạch, thành tựu đức tánh, thắng cảnh hiện tiền, qui về cái vui tịch diệt, gọi là Biến Tịch Thiên.

A Nan! Ba bậc này đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, thân tâm yên ổn, được sự vui vô lượng, dù chẳng phải thật đắc chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm yên ổn trọn đủ sự hoan hỷ, gọi là **Tam Thiên**.

Lại nữa A Nan! Cõi trời này, biết sự vui chẳng thường trụ, hai tâm khổ vui nhất thời cùng xả, tướng thô đã diệt, tánh phước được sanh, gọi là Phước Sanh Thiên.

Tâm xả viên dung, thắng giải trong sạch, được sự tùy

thuận nhiệm màu, cùng tột vị lai, tánh phước chẳng ngăn ngại, gọi là Phước Ái Thiên.

A Nan! Từ cõi trời này tẻ ra hai đường: Nếu dùng tâm sáng tỏ đầy đủ phước đức trước kia để tu chứng an trụ, gọi là Quảng Quả Thiên.

Nếu nơi tâm trước kia, nhằm chán cả khổ vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả chẳng gián đoạn, trọn thành đạo xả, thân tâm tiêu diệt, lắng tâm bất tướng, trải qua năm trăm kiếp. Nhưng vì người ấy đã lấy cái sanh diệt làm nhân, thì chẳng thể phát minh tánh chẳng sanh diệt, nên nửa kiếp đầu thì diệt, nửa kiếp sau lại sanh, gọi là Vô Tướng Thiên.

- A Nan! Bốn bậc này tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động, dù chẳng phải là chỗ chơn bất động của đạo vô vi, nhưng nơi tâm có sở đắc, công dụng thuần thực, gọi là **Tứ Thiên**.

NGŨ TỊNH CƯ THIÊN

A Nan, ngoài ra còn có Năm bậc Bất Hoàn Thiên, đã dứt sạch chín phẩm tập khí của cõi dưới, khổ vui đều hết, chẳng định cư ở cõi dưới, nên an lấp chỗ ở nơi tâm xả của đồng phạm chúng sanh.

Khổ vui đã diệt, ưa ghét chẳng sanh, gọi là Vô Phiền Thiên.

Tự tại phóng xả, chẳng có năng sở, tâm chẳng đổi đổi, gọi là Vô Nhiệt Thiên.

Mười phương thế giới, diện kiến trong lặng, chẳng còn

cấu nhiễm của cảnh trần, gọi là Thiện Kiến Thiên.

Sự thấy biết thanh tịnh hiển hiện, tri kiến vô ngại, hạng này gọi là Thiện Hiện Thiên.

Quán sát cùng tận thấu tột các pháp, tri kiến sâu thẳm chẳng có bờ bến, gọi là Sắc Cứu Cảnh Thiên.

- A Nan! Trên đây là **Ngũ Bất Hoàn Thiên** này, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương cõi Tứ Thiên mới được nghe biết, nhưng chẳng thể thấy biết. Như nay trong thế gian, nơi núi sâu rừng thẳm, những đạo tràng của bậc thánh, đều có các vị A La Hán trụ trì, mà người thế tục chẳng thể thấy.

A Nan! Mười tám cõi trời kể trên, dù thoát khỏi cảnh dục, nhưng chưa thoát khỏi sắc thân, gọi là Sắc Giới.

VÔ SẮC GIỚI

- Lại nữa A Nan! Ở đẳng của Sắc Giới, lại có hai đường nhánh:

Một là, nếu nơi tâm xả, phát minh trí huệ, sáng suốt viên thông, ra cõi trần thành A La Hán, vào Bồ Tát Thừa, hạng này là **Hồi Tâm Đại A La Hán**.

Hai là, nếu nơi tâm xả được thành tựu, thấy thân chướng ngại, tiêu ngại vào không, hạng này gọi là Không Vô Biên Xứ.

Các thứ chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt, trong đó chỉ còn A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức; gọi là Thức Vô Biên Xứ.

Tất cả ý niệm Sắc và Không đã tiêu, tâm thức đều diệt,

mười phương tịch lặng, chẳng có chỗ đến, gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

Thức Tánh chẳng động để diệt sự tư duy, thành ra ở nơi vô tận lại tỏ bày tánh tận, như còn mà chẳng còn, tận mà chẳng tận, gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Hạng này xét cùng cái không, nhưng chẳng tột lý Không; nếu từ thánh đạo Bất Hoàn Thiên mà xét cùng, gọi là **Bất Hồi Tâm Đại A La Hán**.

Nếu từ Vô Tưởng Thiên của ngoại đạo mà chấp thật Không, chẳng biết quay đầu, mê muội hữu lậu, chẳng nghe chánh pháp, bèn vào luân hồi. Những cõi trời kể trên, mỗi mỗi đều là phạm phu đền trả nghiệp quả, khi nghiệp quả trả hết bèn vào luân hồi. Thiên Vương các cõi ấy, đều là Bồ Tát tu Tam Ma Địa, lần lượt tiến lên, hướng về bậc Thánh.

A Nan! Cõi Tứ Không này, thân tâm dứt sạch, tánh định hiện tiền, chẳng có sắc thân của nghiệp quả từ đây đến cùng, gọi là Vô Sắc Giới.

- Ấy đều do chẳng rõ diệu tâm sáng tỏ, tích chứa vọng tưởng, chấp thân trung ấm, tùy loại thọ sanh, vọng có tam giới, nên vọng theo bảy loài mà chìm đắm.

A TU LA

Trong tam giới còn có 4 loại A Tu La:

1. Nếu từ loài quý, dùng sức hộ pháp, nhờ thần thông vào trong hư không; loại A Tu La này là noãn sanh, thuộc về loài quý.

2. Nếu từ cõi trời, thất đức bị đọa, chỗ ở gần với nhứt nguyệt; loại A Tu La này là thai sanh, thuộc về loài người.

3. Có vua Tu La, thống lãnh tất cả A Tu La sức mạnh vô úy, có thể tranh quyền với Phạm Vương Đế Thích và Tứ Thiên Vương, loại A Tu La này là hóa sanh, thuộc về loài trời.

4. Có một số A Tu La thấp kém sanh ở đáy biển, lặn dưới hang nước, ban ngày dạo trên hư không, ban đêm về ngủ dưới nước; loại A Tu La này là thấp sanh, thuộc về loài súc.

A Nan! Bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người, thần tiên, cõi trời và A Tu La kể trên, đều là những tướng hữu vị hôn trầm, vọng tưởng tùy nghiệp thọ sanh. Thật ra thấy đều như hoa đốm trên không, vọng hiện nơi bản tâm vô tác sáng tỏ, vốn vô sở đắc, chỉ một hư vọng, chẳng có cội gốc.

A Nan! Những chúng sanh này, chẳng nhận được bản tâm, bị luân hồi trải qua vô số kiếp, chẳng được chơn tánh trong sạch, ấy đều do tùy thuận ba nghiệp sát, đọa, dâm; hoặc ngược lại ba thứ đó, thành không sát, đọa, dâm; vọng thấy “Có” thì là loài quỷ, vọng thấy “Không” thì là loài trời; Có và Không thay phiên nhau, phát khởi tánh luân hồi. |

- Nếu ngộ pháp Tam Ma Địa, thì diệu Tâm thường tịch, hữu vô bất nhị, bất nhị cũng diệt, những việc không sát, đọa, dâm còn chẳng có, huống là thuận theo sát, đọa, dâm.

A Nan, chẳng dứt ba nghiệp thì chúng sanh mỗi mỗi đều có nghiệp riêng, do nghiệp riêng ấy, trong đồng phận của chúng sanh, chẳng phải là không có chỗ nhất định. Đó là

do tự tạo vọng nghiệp, vọng vốn chẳng nhân, chẳng thể truy cứu cội gốc.

- Người khuyên người tu hành, muốn đắc đạo Bồ Đề, phải trừ dứt ba nghiệp. Nếu ba nghiệp chẳng dứt, dầu được thần thông, cũng đều là những công dụng hữu vi của thế gian, tập khí chẳng diệt thì lạc vào ma đạo, dù muốn trừ vọng, càng thêm giả dối. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót.

- Vậy, vọng do người tự tạo, chẳng phải lỗi của Bồ Đề, thuyết như thế gọi là chánh thuyết, chẳng thuyết như thế tức là tà thuyết. Khi đó, Như Lai sắp xuống pháp tòa, nơi tòa sư tử, dựa ghế thất báu mà bảo khắp đại chúng và A Nan rằng:

MA NGŨ ẤM

Nay ta đã thuyết pháp chơn tu, các người còn chưa hiểu những ma sự vi tế, cảnh ma hiện tiền, các người cũng chẳng biết, vì tâm chẳng chánh, lọt vào tà kiến, nên bị ma ngũ ấm, hoặc thiên ma, hoặc quỷ thần, hoặc yêu mi xâm nhập, trong tâm chẳng biết, nhận giặc làm con. Những người nhị thừa, được ít lại cho là đủ, như Tỳ Kheo Vô Văn, tu đến tứ thiên mà vọng nói đã chứng thánh quả, đến khi hết phước báo cõi trời, đọa địa ngục A Tỳ. Nay các người hãy chú ý nghe:

- Các người phải biết, cái tâm thể bản giác của mười phương chúng sanh vốn viên mãn diệu minh, cùng với mười phương chư Phật chẳng hai chẳng khác, vì do vọng tưởng của các người mê chấp đạo lý mới thành lỗi lầm, từ đó sanh ra si ái, si ái sanh trưởng khắp nơi, nên có tính hư không, sự

mê chấp tiến hóa không ngừng, nên sanh ra thế giới, vậy thì mười phương vô số quốc độ đều do vọng tưởng kiến lập. Phải biết: Hư không sanh khởi trong tâm các người như đám mây ở giữa hư không, huống là các thế giới đều ở trong hư không. Trong các người có một người kiến tánh, thì mười phương hư không đều tiêu diệt ngay, làm sao những quốc độ trong hư không chẳng bị tan nát. Các người tu thiền đến nơi chánh định, cũng như mười phương Bồ Tát và Đại A La Hán, chơn tâm dung thông, ngay đó trạm nhiên. Khi ấy, tất cả ma vương và quỷ thần, thấy cung điện của mình khi không sụp đổ, đều cảm thấy kinh khủng, họ đều được năm thứ thần thông (*trừ Lộ Tận Thông*), ham thích trần lao, đầu thế để cho người tu Chánh pháp làm sụp đổ xứ sở của họ, cho nên đang lúc người tu được chánh định, những thiên ma, yêu tinh, quỷ thần đều tụ lại để quấy phá, nhưng họ ở trong trần lao, người tu ở trong diệu giác, dù họ hung dữ cách mấy cũng hại chẳng được; ví như gió thổi ánh sáng, hoặc dùng dao cắt nước, chẳng ăn nhằm gì. Họ như băng đá, người tu như nước nóng, nước nóng làm tan rã băng đá. Họ ỷ lại sức thần thông, nhưng chỉ là khách, người tu là chủ, nếu chủ mê thì khách được thành tựu sự quấy phá của họ, nếu người tu ngay đó giác ngộ chẳng mê, thì ma sự của họ chẳng làm gì được mình.

I - MA SẮC ẤM

A Nan nên biết, vọng niệm nếu hết thì ngay cái lìa niệm ấy tất cả sáng tỏ, động tịnh chẳng dờ, nhớ quên như một,

nên trụ nơi này mà nhập chánh định. Như người mắt sáng ở chỗ đen tối, chơn tánh trong sạch, trong tâm chưa phát ánh sáng, đây gọi là phạm vi của Sắc Ấm. Nếu con mắt sáng tỏ, thì mười phương khai mở, chẳng còn đen tối, gọi là Sắc Ấm hết, thì khi ấy được siêu việt Kiếp Trước, khi Thọ Ấm hết, thì siêu việt Kiến Trước, khi Tưởng ấm hết, lúc ấy siêu việt Phiền Não Trước, khi Hành Ấm hết, thì lúc ấy xa lìa Chúng Sanh Trước.

1. A Nan, người trong lúc tham thiền do sức dụng công, nên tâm tánh được sáng suốt màu nhiệm, tự thấy thân thể mình trong giây phút qua lại tự tại, các vật chất đều chẳng chướng ngại. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh thì bị ma cám dỗ.

2. Trong lúc tham thiền, thân như lưu ly, bỗng trong thân lấy ra các loài giun sán mà thân vẫn y nguyên, chẳng bị thương tổn, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra hình thể, đây chỉ là do tu hành tinh tấn tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

3. Trong lúc tham thiền, sắc thân tinh thần dung hòa lẫn nhau, bỗng trong hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương chư Phật cùng diễn mật nghĩa, đây gọi là huyễn pháp, ý chí thay phiên nhau làm chủ khách, ly hợp lẫn nhau, thành tựu thiện chủng, tạm biến ra cảnh giới như thế, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ

mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

4. Trong lúc tham thiền, trong tâm thanh tịnh, phát ra ánh sáng, chiếu khắp mười phương, tất cả các loài đều hóa thành Phật. Bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang, ngàn Phật vây quanh, trăm ức cõi Phật cùng hoa sen đồng thời hiện ra. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

5. Trong lúc tham thiền, bỗng thấy trong hư không thành màu sắc bách bảo, xanh vàng đỏ trắng đồng thời cùng khắp mười phương mà chẳng chướng ngại nhau. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

6. Trong lúc tham thiền, trong sáng chẳng loạn, bỗng lúc nửa đêm, ở trong nhà đen tối, thấy rõ các vật chẳng khác ban ngày, ấy gọi là tâm dụng đến chỗ vi tế, cái năng thấy trong như lưu ly, cái sờ thấy thấu suốt không ngại. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

7. Trong lúc tham thiền, toàn tâm dung hòa với hư không, bỗng thân thể đồng như cây cỏ, lửa đốt, chẳng có cảm giác, chém chẳng thấy đau... Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

8. Trong lúc tham thiền, dụng công đến chỗ thanh tịnh,

bỗng thấy núi sông, đất đai mười phương đều thành cõi Phật đầy đủ thất bảo, ánh sáng chiếu khắp, lại thấy hằng sa chư Phật, cung điện trang nghiêm, cùng khắp thế giới, thấy khắp thiên đàng địa ngục đều chẳng ngăn ngại. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

9. Trong lúc tham thiền, đến chỗ sâu xa, ở nửa đêm bỗng thấy đường phố, bà con phương xa, hoặc nghe được tiếng nói của họ. Đây là do kèm tâm thái quá mà sanh ra, nên cái thấy thấu qua vật chất, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

10. Trong lúc tham thiền, thấy hình thể của thiện tri thức, trong giây lát hiện ra đủ thứ biến đổi, ấy gọi là tâm tà bị yêu mị, hoặc thiên ma xâm nhập, thành linh thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, chẳng phải chứng thánh, nếu sanh tâm nghĩ mình chứng thánh, thì bị ma cám dỗ.

Mười thứ cảnh giới thiền định trên, đều do Sắc Ấm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, người mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh thành đại vọng ngữ, đọa địa ngục A Tỳ.

Này A Nan, sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên y lời ta dạy, đem những việc ma này, giảng dạy người tu hành đời sau, bảo hộ tu hành đặng đạo quả, chớ để họ bị Thiên Ma nhiễu hại.

II - MA THỌ ẤM

1. Phật bảo này A Nan, người tu thiền định, khi dứt

được Sắc Ấm, thấy ánh sáng chói lọi, trong tâm ức chế quá mức, bỗng sanh lòng buồn bã, cho đến thấy các loài ruồi muỗi như con của mình, thương xót rơi lệ, ấy gọi là dụng công đè nén quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng chẳng phải chứng thành, chẳng mê chẳng chấp, lâu tự tiêu diệt; nếu cho là thánh, thì bị Ma Bi xâm nhập, hễ gặp người thì than khóc không xiết, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

2. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, thảng cảnh hiện tiền, kích động quá phần, bỗng trong đó sanh lòng dũng mãnh, phấn chí sánh bằng chư Phật, cho là một niệm có thể siêu việt ba A Tăng Kỳ kiếp, ấy gọi là dụng công lấn tiến quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh, chẳng mê chẳng chấp lâu tự tiêu diệt, nếu cho là thánh thì bị Ma Cuồng xâm nhập, hễ gặp người thì khoe khoang kiêu căng, ngã mạn tăng trưởng, cho đến trên chẳng thấy có Phật, dưới chẳng thấy có người, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

3. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, tiến đến trước chẳng có chứng đắc mới, lui về sau lại mất chỗ cũ, sức trí kém mòn, giữa chừng bị lạc, chẳng có sở thấy, trong tâm bỗng sanh khô khan, luôn luôn nhớ mãi không tan, lại cho là tinh tấn, ấy gọi là tu tâm mà chẳng huệ. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma Nhớ xâm nhập, ngày đêm trối tâm vào một chỗ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

4. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ

ràng, sức huệ mạnh hơn sức định, tâm chấp các việc thù thắng, tự tưởng là Phật Lô Xá Na, được ít cho là đủ, ấy gọi là dụng tâm quên mất quán chiếu, đọa vào tri kiến. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma Hèn Hạ Đễ Biết Đủ xâm nhập, hễ gặp người thì tự xưng là Vô Thượng Đệ Nhất Nghĩa Đế, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

5. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, chưa được chứng mới, lại mất chỗ cũ, tiến lui đều chẳng được, cảm thấy khó khăn, bỗng sanh lòng lo âu, tâm chẳng muốn sống, mong cầu người khác sát hại thân này để mau được giải thoát, ấy gọi là tu hành lạc mất phương tiện. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma Hay Lo Rầu xâm nhập, tự cầm dao kiếm chém cắt thịt mình, thích bỏ thọ mạng, hoặc thường lo rầu, trốn vào rừng núi, sợ bị người thấy, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

6. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, ở nơi thanh tịnh, tâm được an nhàn, bỗng trong lòng vui mừng vô cùng, chẳng thể kiềm chế được, ấy gọi là khinh an mà chẳng có trí huệ tự ngăn. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma Ham Vui xâm nhập, hễ gặp người thì cười, múa hát ngoài đường, tự cho mình đã được giải thoát vô ngại, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

7. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ

ràng, tự cho sự tu của mình đã đầy đủ, bỗng tâm sanh đại ngã mạn, hoặc khinh mạn người, hoặc ngạo mạn mình hơn người, hoặc tăng thượng mạn, hoặc ti liệt mạn (*khinh người hơn mình*), đồng thời phát ra. Đã dám khinh chê mười phương chư Phật, huống là các bậc Thanh Văn, Duyên Giác! Ấy gọi là kiến chấp quá cao, không có trí huệ tự cứu. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma Đại Ngã Mạn xâm nhập, không lẽ chùa tháp, phá hủy kinh tượng, nói với Phật tử rằng: “Tượng Phật là loại vàng đồng, đồ gỗ, kinh sách là lá cây, giấy lụa, cái thân này đã là chơn thường, sao chẳng cung kính cúng dường mà đi sùng bái loại cây, loại gỗ, thật là điên đảo”. Khiến những người tin theo lời họ, hủy hoại tượng Phật, kinh sách, làm làm chúng sanh đọa ngục A Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

8. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, ở nơi sáng tỏ tự ngộ chơn lý, được sự thuận lợi, trong lòng bỗng sanh khinh an vô cùng, tự nói chứng thánh, được đại tự tại, ấy gọi là do huệ mà được khinh an. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Khinh-An xâm nhập, tự cho là đủ, chẳng cầu tiến thêm, cũng như Tỳ Kheo Vô Văn, làm làm chúng sanh đọa ngục A Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

9. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, trong chỗ tỏ ngộ, được tánh hư minh, bỗng trong đó sanh lòng đoạ diệt, bác bỏ nhân quả, luôn luôn chấp không. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh, nếu cho là

thánh, thì bị Ma Rỗng Không xâm nhập, chê báng người trì giới là Tiểu Thừa, cho bậc Bồ Tát hể ngộ được Tánh Không thì chẳng có trì phạm, thường ở nơi đàn việt tín tâm, rượu thịt, dâm uế. Vì được sức ma nhiếp trì, nên chẳng sanh nghi ngờ, tâm ma xâm nhập lâu ngày, hoặc ăn những đồ như nhớp, đại tiểu tiện, cho là chẳng khác rượu thịt, phá hoại giới luật, khiến người tạo tội, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

10. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứ, thọ ấm rõ ràng, ham đắm sự hư minh, bỗng sanh lòng yêu vô hạn, yêu quá phát điên, liền thành tham dục, ấy gọi là trong định ham chấp sự an ổn, không có trí huệ tự chế, làm vào ái dục. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh thì bị Ma Dục xâm nhập, vọng nói dâm dục là đạo Bồ Đề, người hành dâm gọi là Trì Pháp Tử, dạy người thế gian làm việc dâm dục. Nhờ sức ma nhiếp trì, những kẻ ngu mê tin theo trong thời mật pháp chẳng phải ít, đến lúc ma sanh lòng chán rời khỏi thân thể, người ấy mất hết uy đức, bị sa vào lưới pháp luật, khiến chúng sanh bị lầm lạc, đọa địa ngục A Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Mười thứ cảnh giới thiền định trên, đều do thọ ấm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, người mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A Tỳ.

Này A Nan, sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên y lời ta dạy, đem những việc ma này, giảng dạy người ta hành đời sau, bảo hộ tu hành đặng đạo quả, chớ để họ bị Thiên Ma nhiễu hại.

III - MA TƯỚNG ẤM

1. Phật bảo A Nan! Có thiên giả trong lúc thiền định, bỗng trong tâm ham đắm sự hư minh, tham cầu sự khéo léo, khi ấy thiên ma được dịp nhập vào thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến nơi người cầu khéo léo, thuyết pháp cho họ, hoặc hiện thân Tỳ Kheo, Đế Thích, Phụ nữ, Tỳ Kheo Ni, hoặc trong phòng tối thân phát ánh sáng, người ấy chẳng biết cho là Bồ Tát, tin theo lời dạy của họ, tín tâm lay chuyển, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma nói những việc biến đổi của tội phước, hoặc nói Như Lai sẽ ra đời chỗ này chỗ kia, hoặc nói những điềm kiếp hỏa, binh loạn, hãm dọa người ta, làm cho gia tài người ta vô cớ bị tiêu tan, ấy gọi là Quái Quỷ (*Quỷ tham lam*) nhiều loạn người. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

2. Trong lúc thiền định, bỗng tâm ham thích đi chơi, tham cầu sự du lịch. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người tham cầu du lịch, thuyết pháp cho họ, người nghe pháp bỗng thấy thân mình ngồi trên bửu liên hoa, toàn thân hóa thành sắc vàng, cả chúng nghe pháp đều được như vậy, được chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham đắm dục, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma nói việc chư Phật ra đời; hoặc nói Phật Bồ Tát hóa thân đến đây, khiến người nghe thấy vậy, sanh lòng ham mộ, tà kiến khởi lên, làm mất

chánh trí, đây gọi là Bạt Quỷ (*Quỷ dâm dục*), nhiều loạn người ấy. Các người nên sớm giác ngộ mới khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

3. Trong lúc thiên định, bỗng trong tâm tham cầu sự luôn luôn khế hợp. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người thuyết pháp cho họ, khiến người niệm niệm đời đổi, hoặc được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc tốt xấu của thế gian, mỗi mỗi đều vui vẻ, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát tâm ham ái dục, phá hoại giới luật. Ma ưa nói Phật có lớn nhỏ trước sau, có chơn giả, có nam Phật, nữ Phật, Bồ Tát cũng vậy; người nghe thấy vậy lạc mất bản tâm, dễ lọt vào tà ngộ. Đây gọi là Mị Quỷ (*Quỷ gian dối*), nhiều loạn người ấy. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm sẽ bị đọa ngục ATỳ.

4. Trong lúc thiên định, bỗng trong tâm ham thích suy xét căn bản, cùng tột của sự vật. Khi ấy thiên ma được dịp để thuyết pháp, người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người thuyết pháp cho họ ma có uy thần thuyết phục các người, khiến chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã hàng phục, nói Bồ Đề Niết Bàn, pháp thân thường trụ tức là cái sắc thân hiện hữu này, cha con đời đời tương sanh với nhau tức là pháp thân thường trụ chẳng dứt, cái trước mắt đã là cõi Phật, chẳng có cõi Tịnh Độ và đức Phật nào khác.

Người nghe tin nhận, quên mất bản tâm trước, đem cả thân mạng quy y, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham suy xét, phá hoại giới luật. Ma nói nhĩn, nhĩ, tử, thiết đều là Tịnh Độ, nam nữ nhị căn là nơi chơn thật của Bồ Đề Niết Bàn, người mê chẳng biết, tin lời ô uế ấy. Đây gọi là Cổ Độc Yểm Thắng Ác Quỷ (Quỷ cuồng), nhiễu loạn người ấy. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

5. Trong lúc thiền định, bỗng trong tâm ham cầu sự tiên tri cảm ứng. Khi ấy thiên ma được dịp để thuyết pháp, người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu cảm ứng, thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe tạm thấy thân họ như trăm ngàn tuổi, lòng sanh yêu mến, chẳng muốn rời bỏ, chịu làm đầy tớ cúng dường đủ thứ mà chẳng biết mệt mỏi, lại khiến đồ chúng của mỗi người trong tâm đều biết họ là tiên sư, là thiện tri thức, sanh lòng yêu mến, thiết tha như keo sơn, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ưa thân cận, phá hoại giới luật. Ma ưa nói kiếp trước người này người kia là anh em, vợ của ta, nay đến để độ họ, cùng nhau đi đến cõi này cõi kia để cúng dường Phật này Phật nọ; hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh kia, chư Phật đều nghỉ tại đó, người mê chẳng biết, tin lời cuồng vọng ấy. Đây gọi là Lệ Quỷ (Quỷ sân si), nhiễu loạn người ấy. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

6. Trong lúc thiền định, bỗng trong tâm ham cầu tĩnh

tịch, khắc khổ siêng tu, ưa thích chỗ vắng lặng. Khi ấy thiên ma được dịp để thuyết pháp, người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tĩnh lặng thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe mỗi mỗi đều biết nghiệp báo của mình, hoặc nói với một người nào rằng: “Người nay dù chưa chết, nhưng đã làm súc sinh”. Rồi bảo người khác đến sau lưng họ làm dạng đập đuôi, liền khiến người ấy đứng dậy chẳng được, làm cho tất cả đều hết lòng khâm phục, có người móng tâm lên, ma liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật ra, nó càng thêm khắc khổ, phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, phơi bày việc người, chẳng tránh hiềm khích, ưa nói việc tội phước của tương lai mà may mắn không sai. Đây gọi là Đại Lực Quỷ (Quỷ ngạ mạn), nhiều loạn người ấy. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị mê lầm, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

7. Trong lúc thiền định, bỗng trong tâm ham muốn tri kiến, siêng năng nghiên cứu, tham cầu túc mệnh. Khi ấy thiên ma được dịp để thuyết pháp; người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tri kiến, thuyết pháp cho họ, có lúc ma lại hóa thành súc sinh, miệng ngậm hạt châu và các châu báu, sách, bùa, các vật quý lạ, trước tiên đem hiến cho người ấy, sau nhập xác họ, bảo với họ là dưới đất nơi đó có hạt châu chiếu sáng, khiến các người nghe, được chưa từng có. Do sức ma nhiếp trì, thường ăn cây thuốc chứ chẳng ăn cơm, hoặc hằng ngày chỉ ăn một hột mè hoặc một hột lúa mà thân vẫn béo mạnh; phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, chẳng tránh hiềm

khích; ưa nói kho báu nơi tha phương, chỗ ẩn cư của bậc thánh hiền. Đây gọi là loại quỷ thần sơn lâm, thổ địa, thành hoàng sông núi, kêu gọi làm việc dâm dục, phá hoại giới luật, cùng với người vâng theo lén làm sự ngũ dục; hoặc chỉ ăn cây cỏ cho là tinh tấn, những việc làm không có nhất định, nhiễu loạn người ấy. Các người nên sớm giác ngộ, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

8. Trong lúc thiền định, bỗng trong tâm ham cầu thần thông biến hóa. Khi ấy thiên ma được dịp để thuyết pháp, người đó chẳng biết, tự nói đã được thần thông, thuyết pháp cho họ, tay cầm ngọn lửa để trên đầu, lửa cháy sáng vài thước mà chẳng bị cháy, hoặc đi trên mặt nước như đi trên đất bằng, hoặc an tọa ở giữa hư không, hoặc vào trong bình trong túi, xuyên qua tường đều chẳng chướng ngại. Tự nói là Phật, thân mặc bạch y, nhận lễ lạy của bậc Tỳ Kheo, phi bóng thiền luật, chửi mắng đồ chúng, phơì bày việc người mà chẳng tránh hiềm khích, ưa nói thần thông tự tại, hoặc khiến người thấy cõi Phật ở kế bên; dùng sức quỷ mê hoặc người, chẳng phải có thật, khen ngợi sự dâm dục, chẳng bỏ thô hạnh, đem những việc ô uế cho là truyền pháp. Đây gọi là loại Sơn Tinh, Hải Tinh, Phong Tinh, Hà Tinh, Thổ Tinh, tất cả cây cỏ trong trời đất lâu năm lụy kiếp thành tinh, hoặc là Long (rồng) mị, hoặc loại tiên chết thành mị, hoặc loại tiên chết rồi hình thể chưa tan, quỷ quái khác nhập vào, nhiễu loạn người ấy. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

9. Trong lúc thiền định, bỗng trong tâm ham muốn nhập diệt, tham cầu đi sâu vào cái rỗng không. Khi ấy thiên ma được dịp để thuyết pháp, người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu rỗng không, thuyết pháp cho họ. Trước mặt đại chúng, thân ma bỗng biến mất, chúng không trông thấy, lại từ hư không thành linh hiện ra, ở đi tự tại, hoặc hiện thân như lưu ly, hoặc duỗi tay chân bay mùi chiên đàn, hoặc đại tiểu tiện như đường phèn cứng chắc, phỉ báng giới luật, khinh bỉ người xuất gia. Ưa nói không có nhân quả, hễ chết rồi là diệt hẳn, chẳng có thân sau và nói các phàm thánh dù đã được không tịch, nhưng vẫn còn lén hành tham dục, và người thọ sự dâm dục ấy cũng được Tâm Không. Đây là loại kim ngọc, chi thảo, hoặc con lân, phụng, rùa, hạc, thu hút tinh khí của nhật nguyệt, trải qua ngàn vạn năm chẳng chết thành tinh, nhiều loạn người ấy. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

10. Trong lúc thiền định, bỗng trong tâm ham muốn sống lâu, vất vả nghiên cứu, tham cầu trường thọ chẳng diệt. Khi ấy thiên ma được dịp để thuyết pháp, người đó chẳng biết, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu trường thọ, thuyết pháp cho họ, hay nói đi lại từ nơi này đến nơi khác chẳng có ngăn ngại, hoặc trong chốc lát từ muôn ngàn dặm đi liền trở lại, mang theo đồ vật của nơi đó; hoặc ở trong nhà, cho người ấy đi vài bước từ vách tường bên đông sang bên tây, mà người ấy đi gấp suốt năm chẳng tới, khiến họ tin đó là Phật hiện tiền. Ma ưa nói tất cả chúng sanh đều

là con ta, ta sanh ra chư Phật, sanh ra thế giới, tự nhiên ra đời, chẳng do tu được. Đây là Tự Tại Thiên Ma ở đời, sai khiến lợi dụng sự mê mờ của họ, thu hút tinh khí của người. Người ấy hoặc không nhờ thầy mà tự mình thấy rõ, ma tự xưng là Thần Hộ Pháp Kim Cang, cho người sống lâu; hoặc hiện thân mỹ nữ, thịnh hành việc tham dục, khiến người ấy chưa đầy một năm gan não đã khô kiệt, hay nói lảm nhảm một mình, nhiều loạn người ấy đến chết mới thôi. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

A Nan nên biết! Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do Tưởng Ấm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, người mê mờ chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, cho là đã chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A Tỳ.

Mười thứ ma kể trên ở trong pháp ta xuất gia tu hành; hoặc nhập thân người khác, hoặc tự hiện hình, đều nói đã thành chánh biến tri, khen ngợi sự dâm dục, phá hoại giới luật. Ma và đệ tử họ truyền nhau làm việc dâm dục, tà ma như thế, mê hoặc tâm can người từ chín đời cho đến cả trăm đời, khiến người tu hành đều thành quyến thuộc của họ, sau khi chết tất cả sẽ trở thành dân ma, lạc mất chánh tri kiến, đọa ngục A Tỳ.

Vì vậy các ông đã được vô lậu giải thoát, chưa nên sớm nhập Niết Bàn, phải nguyện ở lại nơi đời, khởi lòng đại từ bi, cứu người phát chánh tâm tu hành, khiến đừng lạc vào

tà ma, được chánh tri kiến. Nay các ông ra khỏi sanh tử, hãy theo lời Phật dạy mà hành gọi là báo ân Phật.

Này A Nan, sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên y lời ta dạy, đem những việc ma này, giảng dạy người tu hành đời sau, bảo hộ tu hành đặng đạo quả, chớ để họ bị Thiên Ma nhiễu hại.

LƯỢC GIẢNG

Phật dạy: Sáu nẻo luân hồi không do một bàn tay, một đấng thiêng liêng nào sắp đặt cả, cái động cơ quay lăn trong sáu nẻo dựa trên tiêu chuẩn: “Tình” và “Tưởng” nhiều ít của chúng sanh. Tình là sự biểu hiện của tâm ái nhiễm sâu nặng. Nặng về tình người ta dễ mất hết lý trí, sống theo thói quen dục vọng. Đã đắm mê dục vọng thì không còn đủ trí tuệ để nhận thức chân lý. Vì vậy con người rất sợ chết và rất muốn sống. Trái lại, người giác ngộ chân lý, vẫn đề sống và chết không tham mà cũng chẳng sợ, vì biết rõ rằng sự sống chết của kiếp người, sự diệt sanh của vạn pháp, nó đã thành quy luật đối với người trí, nó là chân lý khách quan đối với thiên nhiên vũ trụ. Sợ chết, chỉ đem vào cho đầu óc, cho tâm trí con người một thứ khổ sở ghê gớm mà lẽ ra con người không có và không nên có. Vì mê mờ chân lý, chúng sanh rất tham sống và sợ chết, vì vậy khi sắp chết: Thoi thóp một tí khí nóng chưa tàn, hai luồng tư tưởng đấu tranh mãnh liệt. Và vì quá sợ chết nên sự kinh hoàng, sự hốt hoảng, sự tiếc thương, sự hối hận, sự oán ghét, sự tuyệt vọng, sự quyến ái ... đã huân tập tích lũy cho một đời hiển hiện ra đầy đủ, giống như cuộc

phim video đã được quay lại từ trước, nay đến lúc đem ra chiếu lại...

Tất cả những cảnh tượng khổ đau ở địa ngục chi là hậu quả phản ảnh của tâm độc ác, mê mờ u tối của kiếp sống mê tình, vọng tình và si tình mà tác giả cõi địa ngục chính là con người đang chịu đau khổ dày vò trong địa ngục ấy.

Tưởng nhiều thì dễ sanh trí tuệ. Có trí tuệ dễ nhận thức chân lý và sống hợp lý. Có phước đức, trí tuệ mới trông thấy được cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh trong mười phương, rồi tùy phước nghiệp mà cảm nhận, mà thọ sanh vào cảnh giới đó.

Cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh của chư Phật trong mười phương phải do phước đức và trí tuệ mới được thấy. Trái lại, cảnh khổ đau địa ngục do tích lũy cực tham, cực sân, cực si và bất thiện nghiệp mà hiện ra. Không có phước đức trí tuệ sẽ không thấy được cõi Phật thanh tịnh. Không có những cực ác nghiệp sẽ không tìm đâu có cảnh địa ngục khổ đau. Nhiều người càng tạo nhân phước trí tuệ giống nhau nên cùng thấy cõi Phật thanh tịnh giống nhau; Vì vậy cõi Phật in tuồng như có sẵn. Nhiều chúng sanh tạo những bất thiện nghiệp giống nhau, nên cùng bị hình phạt đau khổ ở địa ngục giống nhau.

Dâm dục, tham lam, giận dữ, ngã mạn, giả dối, lường gạt, oán thù, ác kiến, vu cáo, kiện thưa là những nguyên nhân gây ra vô vàn ác khác. Phật gọi đó là mười nhân ác, nó đã thành thói quen trong cuộc sống của con người không có

ý thức phản tỉnh hồi quang, trau dồi đạo đức. Nhân xấu ác thì không thể có quả an vui. Những ác nhân ấy không phải trời xui đất khiến mà do chính con người; do thân, miệng và ý của con người; khi con người đánh mất lý trí sáng suốt; con người không còn làm chủ được thân, miệng, ý của mình.

Những ác quả khổ đau cùng cực trong các địa ngục dù khác nhau, nhưng tất cả đều chỉ là những hình ảnh phản chiếu trung thực của nhất tâm của tam nghiệp của căn, trần, thức của con người. Đó là giờ phút “tòa án lương tâm” của con người hành sử cái chức năng: “chí công vô tư” tuyệt đối, tuyệt đối của “thể tánh tịnh minh” vốn có của chính con người.

Ngày, giờ, năm, tháng ở địa ngục không thể tính số theo khái niệm nhận thức ở nhân gian. Ai có nằm mộng và có tư duy về “hoàng lương mộng” có thể hiểu thời gian ở địa ngục tương đối dễ dàng hơn. Giấc mộng khoảng một tiếng đồng hồ hơn kém, vậy mà đối với là sinh là cả 80 năm thăng trầm vinh nhục, 80 năm ân oán giang hồ, bưng tỉnh dậy thì ra mình vẫn là một thư sinh thi trượt, đang mơ màng bên quán trọ với tâm trạng âu sầu, thất vọng trên đường trở lại cố hương.

Cái khổ lâu dài ở địa ngục của những linh hồn đã tạo nhiều ác nghiệp, một giờ hấp hối trong phút sắp lâm chung biết đâu đó chẳng là 80 năm đau khổ nghiệp cảm tội hành do hậu quả trong một đời tích lũy! Thấy có tam giới và luân hồi trong lục thú chỉ vì một chữ vọng mà ra. Tự tánh Bồ Đề

của con người vốn không có vọng.

Cảnh giới địa ngục cũng có thể nói là có. Có nơi chốn, có hình phạt có đau khổ rõ ràng; nhưng rồi cũng có thể nói là không có. Địa ngục có là nói với những người tạo những vọng nghiệp qua thân, miệng, ý của mình. Cảnh giới trời thì ít có người khái niệm và hình dung được chính xác ở đâu. Theo khái niệm phổ biến của đa số người hiểu một cách giản dị thì trời cách cõi đất ta ở vừa cao và vừa xa, xa lắm. Đối với người có nhiều hiểu biết thì người ta có thể chấp nhận có thể “xa”. Nhưng “cao” thì khuyên nên xét lại. Cảnh giới người trời có thể ở xa cách giới của ta. Xa 100 năm, 1.000 năm hoặc hiện thời người ta cũng có thể nói đến 6.000.000.000 năm ánh sáng... Dãy ngân hà được các nhà Thiên văn học phát hiện mới nhất của thời đại, cách cảnh giới loài người trên quả địa cầu là 6 tỉ năm ánh sáng. So với dãy ngân hà trên dưới 3 tỉ ngôi sao, đã được phát hiện từ trước, vừa dài, vừa rộng lớn gấp 6 lần. Đó là tri kiến là chuyện của các nhà khoa học, thiên văn học chứ chưa phải của người Phật học. Người Phật học không dùng đơn vị tốc độ ánh sáng ước độ rộng xa mà dùng cái từ: Hằng hà sa số bất khả thuyết, bất khả thuyết vô lượng vô biên A tăng kỳ thế giới. Thế giới ở trong cái không gian vô tận, thời gian vô cùng, nhà Phật học nói vậy đó.

Thế giới nhiều như vậy, chẳng lẽ chỉ dành riêng cho 28 cảnh giới của người, trời ở thôi sao? Phí phạm! Tất nhiên các loài người, trời có quyền sanh sống, hàng Thanh Văn, Duyên

Giác, Bồ Tát, Phật có quyền sanh sống, có quyền hoạt động theo nghiệp vụ của mình. Ngoài ra các loại chúng sanh khác cũng tùy nghiệp, tùy nguyện của mình đều có quyền khai thác đất đai lập nghiệp để sanh sống. Vì vậy, cho nên nói trời ở xa, hàng Thanh Văn, Duyên Giác ở xa, Bồ Tát, Phật vẫn có thể ở xa quả đất của con người thì không phải là chuyện không có lý. Chẳng lẽ những “thiên thể” những “hành tinh” “định tinh” nhiều “bất khả thuyết” như vậy, mà bỏ hoang hết cả hay sao? Chẳng lẽ chỉ có quả địa cầu bé tí này sanh sống được thôi sao?

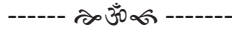
Cho nên đối với nhà Phật học, với cái hiểu biết cho rằng: Trời ở xa các bậc A La Hán, Bồ tát, Phật ở xa là sự hiểu biết đúng, sự hiểu biết phổ biến của nhiều người “đệ tử bình dân” chưa nắm được tí cái hương vị giải thoát giác ngộ của đạo Phật.

Cái khó hiểu của đạo Phật và cũng là cái kết quả lớn lao của người đệ tử Phật chân chính, là phải xác định bằng trí tuệ bằng sự thực chứng của bản thân, rằng: chính ta là con người và cũng là trời, vừa là Thanh Văn, La Hán, vừa là Duyên Giác, vừa là Bồ Tát và có thể vừa là Phật. Rồi cũng chính ta vừa là người, vừa là súc sanh, vừa là ngọc quý, vừa ở địa ngục nữa. Tất cả là ta, tất cả tùy thuộc nơi ta và tất cả của chính ta.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 10

解除所執卷第十

GIẢI TRỪ SỞ CHẤP



阿難。彼善男子，修三摩提想陰盡者。是人平常夢想銷滅，寤寐恒一。覺明虛靜，猶如晴空。無復羸重前塵影事。觀諸世間大地山河，如鏡鑑明，來無所黏，過無蹤跡。虛受照應，了罔陳習，唯一精真。生滅根元，從此披露。見諸十方十二眾生，畢殫其類。雖未通其各命由緒。見同生基。猶如野馬熠熠清擾。為浮根塵究竟樞穴。此則名為行陰區宇。若此清擾熠熠元性。性入元澄，一澄元習。如波瀾滅，化為澄水，名行陰盡。是人則能超眾生濁。觀其所由，幽隱妄想以為其本。

阿難當知。是得正知奢摩他中諸善男子，凝明正心，十類天魔不得其便。方得精研窮生類本。於本類中生元露者，觀彼幽清圓擾動元。於圓元中起計度者，是人墜入二無

因論。一者、是人見本無因。何以故？是人既得生機全破。乘於眼根八百功德，見八萬劫所有眾生，業流灣環，死此生彼。祇見眾生輪迴其處。八萬劫外，冥無所觀。便作是解，此等世間十方眾生，八萬劫來，無因自有。由此計度，亡正遍知，墮落外道，惑菩提性。二者、是人見末無因。何以故？是人於生既見其根。知人生人。悟鳥生鳥。鳥從來黑。鵠從來白。人天本豎。畜生本橫。白非洗成。黑非染造。從八萬劫無復改移。今盡此形，亦復如是。而我本來不見菩提。云何更有成菩提事。當知今日一切物象，皆本無因。由此計度，亡正遍知，墮落外道，惑菩提性。是則名為第一外道，立無因論。

阿難。是三摩中諸善男子，凝明正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於圓常中起計度者，是人墜入四遍常論。一者、是人窮心境性，二處無因。修習能知二萬劫中，十方眾生，所有生滅，咸皆循環，不曾散失，計以為常。二者、是人窮四大元，四性常住。修習能知四萬劫中，十方眾生，所有生滅，咸皆體恒，不曾散失，計以為常。三者、是人窮盡六根末那執受，心意識中本元由處，性常恒故。修習能知八萬劫

中，一切眾生，循環不失，本來常住。窮不失性，計以為常。四者、是人既盡想元，生理更無流止運轉，生滅想心，今已永滅。理中自然成不生滅。因心所度，計以為常。由此計常，亡正遍知，墮落外道，惑菩提性。是則名為第二外道，立圓常論。

又三摩中諸善男子，堅凝正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於自他中起計度者，是人墜入四顛倒見，一分無常，一分常論。一者、是人觀妙明心遍十方界，湛然以為究竟神我。從是則計我遍十方，凝明不動。一切眾生，於我心中自生自死。則我心性名之為常。彼生滅者，真無常性。二者、是不觀其心，遍觀十方恒沙國土。見劫壞處，名為究竟無常種性。劫不壞處，名究竟常。三者、是人別觀我心，精細微密，猶如微塵。流轉十方，性無移改。能令此身即生即滅。其不壞性，名我性常。一切死生從我流出名無常性。四者、是人知想陰盡，見行陰流。行陰常流，計為常性。色受想等，今已滅盡，名為無常。由此計度一分無常一分常故，墮落外道，惑菩提性。是則名為第三外道，一分常論。

又三摩中諸善男子，堅凝正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於分位中生計度者，是人墜入四有邊論。一者、是人心計生元，流用不息。計過未者，名為有邊。計相續心，名為無邊。二者、是人觀八萬劫，則見眾生。八萬劫前，寂無聞見。無聞見處，名為無邊。有眾生處，名為有邊。三者、是人計我遍知，得無邊性。彼一切人現我知中。我曾不知彼之知性。名彼不得無邊之心。但有邊性。四者、是人窮行陰空。以其所見心路籌度一切眾生一身之中，計其咸皆半生半滅。明其世界一切所有，一半有邊，一半無邊。由此計度有邊無邊，墮落外道，惑菩提性。是則名為第四外道，立有邊論。

又三摩中諸善男子，堅凝正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於知見中生計度者，是人墜入四種顛倒，不死矯亂，遍計虛論。一者、是人觀變化元。見遷流處，名之為變。見相續處，名之為恆。見所見處，名之為生。不見見處，名之為滅。相續之因，性不斷處，名之為增。正相續中，中所離處，名之為減。各各生處，名之為有。互互亡處，名之為無。以理都觀，

用心別見。有求法人，來問其義。答言：我今亦生亦滅。亦有亦無。亦增亦減。於一切時皆亂其語。令彼前人遺失章句。二者、是人諦觀其心，互互無處，因無得證。有人來問，唯答一字，但言其無。除無之餘，無所言說。三者、是人諦觀其心，各各有處，因有得證。有人來問，唯答一字，但言其是。除是之餘，無所言說。四者、是人、有無俱見，其境枝故，其心亦亂。有人來問，答言：亦有即是亦無，亦無之中，不是亦有，一切矯亂，無容窮詰。由此計度矯亂虛無，墮落外道，惑菩提性。是則名為第五外道。四顛倒性，不死矯亂，遍計虛論。

又三摩中諸善男子，堅凝正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於無盡流生計度者，是人墜入死後有相發心顛倒。或自固身，云色是我。或見我圓，含遍國土，云我有色。或彼前緣隨我迴復，云色屬我。或復我依行中相續，云我在色。皆計度言死後有相。如是循環，有十六相。從此或計畢竟煩惱，畢竟菩提，兩性並驅，各不相觸。由此計度死後有故，墮落外道，惑菩提性。是則名為第六外道，立五陰中死後有相，心顛倒論。

又三摩中諸善男子，堅凝正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於先除滅色受想中，生計度者，是人墜入死後無相，發心顛倒。見其色滅，形無所因。觀其想滅，心無所繫。知其受滅，無復連綴。陰性銷散，縱有生理，而無受想，與草木同。此質現前猶不可得。死後云何更有諸相。因之勘校死後相無。如是循環，有八無相。從此或計涅槃因果，一切皆空。徒有名字，究竟斷滅。由此計度死後無故，墮落外道，惑菩提性。是則名為第七外道，立五陰中死後無相，心顛倒論。

又三摩中諸善男子，堅凝正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於行存中，兼受想滅，雙計有無，自體相破，是人墜入死後俱非，起顛倒論。色受想中，見有非有。行遷流內，觀無不無。如是循環，窮盡陰界，八俱非相。隨得一緣，皆言死後有相無相。又計諸行性遷訛故，心發通悟。有無俱非，虛實失措。由此計度死後俱非，後際昏瞢無可道故，墮落外道，惑菩提性。是則名為第八外道，立五陰中死後俱非，心顛倒論。

又三摩中諸善男子，堅凝正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於後後無生計度者，是人墜入七斷滅論。或計身滅。或欲盡滅。或苦盡滅。或極樂滅。或極捨滅。如是循環，窮盡七際，現前銷滅，滅已無復。由此計度死後斷滅，墮落外道，惑菩提性。是則名為第九外道，立五陰中死後斷滅，心顛倒論。

又三摩中諸善男子，堅凝正心，魔不得便，窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於後後有生計度者，是人墜入五涅槃論。或以欲界為正轉依，觀見圓明生愛慕故。或以初禪，性無憂故。或以二禪，心無苦故，或以三禪，極悅隨故。或以四禪，苦樂二亡，不受輪迴生滅性故。迷有漏天，作無為解。五處安隱為勝淨依。如是循環，五處究竟。由此計度五現涅槃，墮落外道，惑菩提性。是則名為第十外道，立五陰中五現涅槃，心顛倒論。

阿難。如是十種禪那狂解，皆是行陰用心交互，故現斯悟。眾生頑迷，不自忖量。逢此現前，以迷為解，自言登聖。大妄語成，墮無間獄。汝等必須將如來語，於我滅後，

傳示末法。遍令眾生覺了斯義。無令心魔自起深孽。保持覆護，銷息邪見。教其身心，開覺真義。於無上道不遭枝歧。勿令心祈得少為足。作大覺王清淨標指。

阿難。彼善男子修三摩提行陰盡者。諸世間性，幽清擾動同分生機，條然隳裂沈細綱紐。補特伽羅，酬業深脈，感應懸絕。於涅槃天將大明悟。如雞後鳴，瞻顧東方，已有精色。六根虛靜，無復馳逸。內外湛明，入無所入。深達十方十二種類，受命元由。觀由執元，諸類不召。於十方界，已獲其同。精色不沈發現幽秘。此則名為識陰區宇。若於群召，已獲同中銷磨六門，合開成就。見聞通鄰，互用清淨。十方世界及與身心，如吠琉璃，內外明徹，名識陰盡。是人則能超越命濁。觀其所由，罔象虛無，顛倒妄想，以為其本。

阿難當知。是善男子窮諸行空，於識還元，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。能令己身根隔合開，亦與十方諸類通覺，覺知通習，能入圓元。若於所歸，立真常因，生勝解者，是人則墮因所因執。娑毗迦羅所歸冥諦，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名

第一立所得心，成所歸果。違遠圓通，背涅槃城，生外道種。阿難。又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。若於所歸覽為自體，盡虛空界十二類內所有眾生，皆我身中一類流出，生勝解者，是人則墮能非能執。摩醯首羅，現無邊身，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名第二立能為心，成能事果。違遠圓通，背涅槃城，生大慢天我遍圓種。

又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。若於所歸有所歸依，自疑身心從彼流出。十方虛空，咸其生起。即於都起所宣流地，作真常身無生滅解。在生滅中，早計常住。既惑不生，亦迷生滅。安住沈迷生勝解者，是人則墮常非常執。計自在天，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名第三立因依心，成妄計果。違遠圓通，背涅槃城，生倒圓種。

又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。若於所知，知遍圓故，因知立解。十方草木皆稱有情，與人無異。草木為人，人死還成十方草樹。無擇遍知，生勝解者，是人則墮知無知執。婆吒霰尼，執一切

覺，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名第四計圓知心，成虛謬果。違遠圓通，背涅槃城，生倒知種。

又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。若於圓融根互用中，已得隨順。便於圓化一切發生，求火光明，樂水清淨，愛風周流，觀塵成就，各各崇事。以此群塵，發作本因，立常住解。是人則墮生無生執。諸迦葉波并婆羅門，勤心役身，事火崇水，求出生死，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名第五計著崇事，迷心從物，立妄求因，求妄冀果。違遠圓通，背涅槃城，生顛化種。

又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。若於圓明，計明中虛，非滅群化，以永滅依，為所歸依生勝解者，是人則墮歸無歸執。無想天中諸舜若多，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名第六圓虛無心，成空亡果。違遠圓通，背涅槃城，生斷滅種。

又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。若於圓常，固身常住。同於精圓，長不傾逝，生勝解者，是人則墮貪非貪

執。諸阿斯陀求長命者，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名第七執著命元，立固妄因，趣長勞果。違遠圓通，背涅槃城，生妄延種。

又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。觀命互通，卻留塵勞，恐其銷盡。便於此際坐蓮華宮，廣化七珍，多增寶媛。恣縱其心生勝解者，是人則墮真無真執。吒枳迦羅成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名第八發邪思因，立熾塵果。違遠圓通，背涅槃城，生天魔種。

又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。於明明中分別精麤，疏決真偽，因果相酬，唯求感應，背清淨道。所謂見苦斷集，證滅修道。居滅已休，更不前進，生勝解者，是人則墮定性聲聞。諸無聞僧，增上慢者，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。是名第九圓精應心，成趣寂果。違遠圓通，背涅槃城，生纏空種。

又善男子窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅精妙未圓。若於圓融清淨覺明，發研深妙，即立涅槃而不前進，生勝解者，是人則墮定性辟支。諸緣獨倫不迴心者，成其伴侶。迷

佛菩提，亡失知見。是名第十圓覺習心，成湛明果。違遠圓通，背涅槃城，生覺圓明不化圓種。

阿難。如是十種禪那，中塗成狂，因依迷惑，於未足中生滿足證皆是識陰用心交互，故生斯位。眾生頑迷，不自忖量。逢此現前，各以所愛先習迷心，而自休息。將為畢竟所歸寧地。自言滿足無上菩提。大妄語成，外道邪魔所感業終，墮無間獄。聲聞緣覺，不成增進。汝等存心秉如來道。將此法門，於我滅後，傳示末世。普令眾生，覺了斯義。無令見魔自作沈孽保綏哀救，銷息邪緣。令其身心入佛知見。從始成就，不遭歧路。如是法門，先過去世恒沙劫中，微塵如來，乘此心開，得無上道。識陰若盡，則汝現前諸根互用。從互用中，能入菩薩金剛乾慧。圓明精心，於中發化。如淨琉璃，內含寶月。如是乃超十信、十住、十行、十回向、四加行心，菩薩所行金剛十地，等覺圓明，入於如來妙莊嚴海。圓滿菩提，歸無所得。此是過去先佛世尊，奢摩他中，毗婆舍那，覺明分析微細魔事。魔境現前，汝能諳識，心垢洗除，不落邪見。陰魔銷滅。天魔摧碎。大力鬼神，褫魄逃逝。魑魅魍魎，無

復出生。直至菩提，無諸少乏。下劣增進，於大涅槃心不迷悶。若諸末世愚鈍眾生，未識禪那，不知說法，樂修三昧，汝恐同邪，一心勸令持我佛頂陀羅尼咒。若未能誦，寫於禪堂，或帶身上，一切諸魔，所不能動。汝當恭欽十方如來，究竟修進最後垂範。

阿難即從座起。聞佛示誨，頂禮欽奉，憶持無失。於大眾中重復白佛。如佛所言五陰相中，五種虛妄為本想心。我等平常，未蒙如來微細開示。又此五陰，為併銷除，為次第盡。如是五重，詣何為界。惟願如來發宣大慈。為此大眾清淨心目。以為末世一切眾生，作將來眼。

佛告阿難。精真妙明本覺圓淨，非留死生及諸塵垢。乃至虛空，皆因妄想之所生起。斯元本覺妙明真精，妄以發生諸器世間。如演若多，迷頭認影。妄元無因。於妄想中立因緣性。迷因緣者，稱為自然。彼虛空性，猶實幻生。因緣自然，皆是眾生妄心計度。

阿難。知妄所起，說妄因緣。若妄元無，說妄因緣元無所有。何況不知，推自然者。是故如來與汝發明，五陰本因，同是妄想。汝體先因父母想生。汝心非想，則不能來想

中傳命。如我先言心想醋味，口中誕生。心想登高，足心酸起。懸崖不有。醋物未來。汝體必非虛妄通倫。口水如何因談醋出。是故當知，汝現色身，名為堅固第一妄想。即此所說臨高想心，能令汝形真受酸澀。由因受生，能動色體。汝今現前順益違損，二現驅馳，名為虛明第二妄想。由汝念慮，使汝色身。身非念倫，汝身何因隨念所使。種種取像。心生形取，與念相應。寤即想心。寐為諸夢。則汝想念搖動妄情，名為融通第三妄想。化理不住，運運密移。甲長髮生，氣銷容皺。日夜相代，曾無覺悟。

阿難。此若非汝，云何體遷。如必是真，汝何無覺。則汝諸行念念不停，名為幽隱第四妄想。又汝精明湛不搖處，名恆常者。於身不出見聞覺知。若實精真，不容習妄。何因汝等，曾於昔年睹一奇物。經歷年歲，憶妄俱無，於後忽然覆睹前異，記憶宛然，曾不遺失。則此精了湛不搖中，念念受熏，有何籌算。

阿難當知。此湛非真。如急流水，望如恬靜，流急不見，非是無流。若非想元，寧受妄習。非汝六根互用開合，此之妄想無時得

滅。故汝現在見聞覺知中串習幾，則湛了內罔象虛無，第五顛倒微細精想。

阿難。是五受陰，五妄想成。汝今欲知因界淺深。唯色與空，是色邊際。唯觸及離，是受邊際。唯記與妄，是想邊際。唯滅與生，是行邊際。湛入合湛，歸識邊際。此五陰元，重疊生起。生因識有，滅從色除。理則頓悟，乘悟併銷。事非頓除，因次第盡。我已示汝劫波巾結，何所不明，再此詣問。汝應將此妄想根元，心得開通，傳示將來末法之中諸修行者。令識虛妄。深厭自生，知有涅槃，不戀三界。

阿難。若復有人，遍滿十方所有虛空，盈滿七寶。持以奉上微塵諸佛，承事供養，心無虛度。於意云何。是人以此施佛因緣，得福多不。

阿難答言：虛空無盡，珍寶無邊。昔有眾生施佛七錢，捨身猶獲轉輪王位。況復現前虛空既窮，佛土充遍，皆施珍寶。窮劫思議，尚不能及。是福云何更有邊際。

佛告阿難。諸佛如來，語無虛妄。若復有人，身具四重十波羅夷，瞬息即經此方他方阿鼻地獄，乃至窮盡十方無間，靡不經歷。

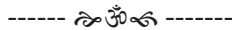
能以一念將此法門，於末劫中開示未學。是人罪障，應念銷滅。變其所受地獄苦因，成安樂國。得福超越前之施人，百倍千倍千萬億倍，如是乃至算數譬喻所不能及。

阿難。若有眾生，能誦此經，能持此咒，如我廣說，窮劫不盡。依我教言，如教行道，直成菩提，無復魔業。佛說此經已。比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷。一切世間天人阿修羅，及諸他方菩薩二乘，聖仙童子，并初發心大力鬼神，皆大歡喜，作禮而去。

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 10

解除所執卷第十

GIẢI TRỪ SỞ CHẤP



IV- MA HÀNH ẤM

- A Nan! Người tu thiền định, khi Tưởng Ấm hết, chẳng còn đuổỉ theo cảnh trần, giác tánh vắng lặng như hư không, tùy duyên đến đi đều chẳng dính mắc, biết hết các tập khí xưa, cái nguồn gốc của sanh diệt được hiển lộ, tướng lưu chuyển hết, như làn sóng lặng trở về nước yên, gọi là Hành Ấm hết, thì lúc ấy xa lìa Chúng Sanh Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân truy cứu cùng tộc cội gốc sanh diệt của các loài. Quán xét cái nguồn gốc đó mà khởi tâm so đo, thì người ấy bị lạc vào **2 loại chấp Vô Nhân (1)**:

- Thấy sự bắt đầu vô nhân. Tại sao vậy ? Vì người ấy đã dứt được tướng sanh diệt, nhờ 800 công đức của Nhãn căn, thấy được tất cả chúng sanh từ 8 vạn kiếp, theo nghiệp xoay vòng, chết đây sống đó, luân chuyển không ngừng, còn ngoài 8 vạn kiếp thì mịt mù chẳng thể thấy được, bèn cho là từ 8 vạn kiếp đến nay, mười phương chúng sanh trên thế giới vô nhân mà tự có. Do so đo này, tự làm mất Chánh tri kiến, lạc vào ngoạỉ đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

- Thấy sự cuối cùng vô nhân. Tại sao vậy ? Vì người ấy đã biết được căn bản của sự sanh, như người sanh người,

chim sanh chim, xưa nay còn quạ vẫn đen, con cò vẫn trắng, trời người vẫn đứng thẳng, thú vật vẫn đứng ngang, trắng chẳng do tẩy mà thành, đen chẳng do nhuộm mà nên, từ 8 vạn kiếp nay vẫn không dời đổi, nay đến tận hết hình thể này vẫn như thế. Bốn lai của ta chẳng thấy Bồ Đề thì làm sao lại có sự tu chứng Bồ Đề! Vì mê làm cho tất cả sự vật đều vốn vô nhân, do so đo như vậy lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, làm mất Chánh tri kiến.

- A Nan, lại nữa người tu thiền định, chánh tâm sáng suốt, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, thấy luôn luôn như vậy chẳng biến đổi, ngay nơi đó nếu khởi tâm so đo, sẽ rơi vào **4 thứ Chấp Thường (2)**:

a. Vì nghiên cứu cùng tột, tâm và cảnh Vô nhân với dụng công tu chỉ biết được chúng sanh xoay vần từ Hai vạn kiếp trở lại không mất, bèn chấp cho là thường.

b. Người ấy xét cùng tột cội gốc của tứ đại, bốn thứ ấy thường trụ, do tu tập biết được tất cả. Sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ Bốn vạn kiếp đến nay cái thể vẫn thường còn, không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

c. Người ấy xét cùng tột cội gốc của lục căn, theo tánh chấp thụ của thức thứ bảy, trong Tâm ý thức, chỗ nguồn gốc căn bản, tánh thường như vậy. Do tu tập biết được tất cả chúng sanh từ Tám vạn kiếp này, dù có luân hồi, vốn là thường trụ, cuối cùng chẳng mất bản tánh, nên chấp cho là thường.

Người tu thiền định khi các tướng ấm sanh diệt đã hết,

nhờ đó khởi tâm chấp cái Không sanh diệt là thường.

A Nan, các vị đó do khởi tâm so đo, tự làm mất chánh tri kiến, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc vào ngoại đạo 2 loại trước là Vô Nhân Luận, Bốn loại sau thành lập Viên Thường Luận.

Lại nữa, trong lúc tu thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, khởi tâm so đo giữa ta và người, người ấy bị lạc vào **4 thứ kiến chấp, một phần vô thường, một phần chấp thường (3)**:

Người tu thiền định, khi tưởng ấm hết, nghiên cứu cùng tột cội gốc của sanh loại, rồi khởi ra bốn lối chấp điên đảo:

Chấp tâm là thường, chúng sanh vô thường. Người tu thiền khi quán tâm mình yên lặng khắp cả mười phương, các chúng sanh từ trong tâm mình tự sanh và tự chết, rồi, chấp tâm ta là thường, chúng sanh vô thường.

Chấp thế giới, chúng chỗ bị hoại là vô thường, những chỗ không bị hoại là thường. Người tu thiền định quán sát cả mười phương thế giới, chỗ kiếp hoại (*như từ Tam thiên trở xuống bị tam tai làm hại*) thì chấp là vô thường; những chỗ không hoại thì chấp là thường (*từ Tứ thiên trở lên, tam tai không làm hoại được, chấp cho là cứu cánh Niết-bàn*).

Chấp cái tâm là thường, còn sanh tử là vô thường. Người tu thiền định, quán sát tâm mình không biến đổi, nó nhỏ nhiệm tinh vi như hạt bụi và lưu chuyển cả mười phương, lại khiến cho thân này sanh và diệt mà nó không

biến đổi; nên chấp cho: “Tâm là thường; tất cả các vật đều từ tâm sanh ra, có sanh tử nên vô thường”.

Chấp hành ấm thường; sắc, thọ, tưởng là vô thường. Người tu thiền định, khi thấy sắc, thọ, tưởng ba ấm trước đã diệt, nên chấp là vô thường, thất hành ấm lưu chuyển thường còn nên chấp là thường.

Bốn lối chấp trên, đều sai lầm do mê muội tánh Bồ-đề, làm mất chánh kiến, nên lạc vào ngoại đạo.

4. Chấp có bốn món biên giới

Người tu thiền định, khi tưởng ấm hết rồi, thấy được cùng tột cội gốc của sanh loại, lúc bấy giờ khởi ra bốn lối chấp có biên giới:

Chấp ba đời – Người tu thiền định, lúc bấy giờ chấp tâm niệm hiện tại tương tục (*hành ấm*) là vô biên, còn quá khứ và vị lai là hữu biên.

Chấp chúng sanh – Người tu thiền định vì chỉ thấy được chúng sanh trong tám vạn kiếp, nên chấp là hữu biên, còn trước tám vạn kiếp thì tịch mịch không thấy và cũng không nghe, nên chấp là vô biên.

Chấp tâm tánh – Người tu thiền định khi thấy tâm mình biến khắp và biến ra tất cả người, nên khởi lên chấp tâm ta vô biên. Còn tất cả người đều ở trong tâm ta, là hữu biên.

Chấp sanh diệt – Người tu thiền định khi cùng tột hành ấm, thấy được tâm mình, sanh tâm chấp tất cả chúng sanh và thế giới đều có phân nửa sanh và phân nửa diệt; sanh là

hữu biên, diệt là vô biên. Các lối tà chấp trên, đều do trong khi tu thiền mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, nên đều đoạ về ngoại đạo cả.

5. Bốn nghị luận không nhứt định

Người tu thiền định, khi tưởng ấm hết, liền khởi ra bốn lối chấp điên đảo không nhất định:

Chấp tám món cũng – Người tu thiền định, khi quán sát nguồn gốc biến hoá của muôn vật: có chỗ thì biến đổi, có chỗ lại thường còn; có cái sanh, có cái diệt; có pháp tăng, có vật giảm, có cái có, có cái không. Bởi thế nên có ai đến hỏi đạo thì nói rằng: Cũng biến, cũng hằng, cũng sanh, cũng diệt, cũng tăng, cũng giảm, cũng có, cũng không. Lúc nào cũng nói rối loạn như vậy, làm cho người không hiểu chi cả.

Chấp duy cái Không. Người tu thiền định, vì quán cả tâm và pháp đều không rồi; rồi cứ chấp ở nơi cái Không. Có ai đến hỏi đạo thì họ chỉ đáp một chữ Không; ngoài chữ Không, ra thì không còn nói chi nữa cả.

Chấp duy cái Có. Người tu thiền định, do quán sát tâm mình biến khắp tất cả, chỗ nào cũng có, rồi cứ chấp ở nơi cái Có. Có ai hỏi, thì họ chỉ nói một chữ Có.

Chấp Cũng Có và Cũng Không. Người tu thiền định vì thấy ở nơi cảnh đã lăng xăng, còn tâm thì rối loạn, nên có người đến hỏi đạo thì đáp rằng “cái cũng có” cũng tức là “cái cũng không”; trong cái “cũng không” cũng tức là cái “cũng có”. Lúc nào họ cũng nói rối loạn như vậy, không ai gạn cùng được.

Người tu thiền định vì mất chánh kiến mê mờ tánh Bồ Đề, khởi ra các lối chấp như vậy, nên đều lạc vào ngoại đạo

6. Chấp mười sáu tướng có

Người tu thiền định khi tướng ấm hết, chỉ còn hành ấm dao động, họ thấy một nguồn sống vô tận, nên sanh tâm chấp cho “chết rồi còn tướng”.

Chấp về sắc uẩn có bốn: a) chấp sắc uẩn là “ta”, b) chấp “ta” có sắc uẩn, c) chấp sắc uẩn thuộc nơi “ta”, d) chấp “ta” ở nơi sắc uẩn.

Còn Thọ, tướng, hành mỗi uẩn cũng đều có bốn lối chấp như vậy, thành mười sáu tướng. Hoặc chấp phiền não và Bồ đề hai tánh thật có, hết phiền não mới được Bồ đề; hai tánh không chung gặp nhau.

Vì hành giả trong lúc tu thiền, mất chánh tri kiến, mê mờ tánh Bồ đề, khởi ra các lối tà chấp trên, nên đều lạc vào ngoại đạo.

7. Chấp tám món vô tướng

Người tu thiền định khi sắc, thọ, tướng đã diệt rồi, lúc bấy giờ thấy thân hình hiện tiền đây còn không thật có, thì khi chết rồi làm gì có các hình tướng. Vì so sánh như vậy, nên chấp chết rồi không có hình tướng. Thấy sắc ấm như vậy thì thọ, tướng, hành cũng như vậy chấp hiện tại và vị lai đều không tướng, thành ra tám món vô tướng. Hoặc chấp Niết bàn chỉ có cái tên suông, không có như quả, rốt ráo đoạn diệt. Vì hành giả mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh tri kiến, khởi ra các lối tà chấp như vậy, nên đều lạc vào ngoại đạo

8. Chấp tám món câu phi

Người tu thiền định, đối với ba ấm: Sắc, Thọ và Tưởng, trước kia thấy có mà nay lại không; còn đối với hành ấm thiên lưu hiện nay thì có, mà về sau lại không. Vì họ chấp mỗi ấm đều có hai tướng: chết rồi phi hữu và phi vô; cả bốn ấm thành ra tám tướng. Bởi hành giả mê mờ tánh Bồ Đề, mất chánh tri kiến nên lạc vào ngoại đạo

9. Chấp năm món đọa diệt

Người tu thiền định, khởi ra các chấp “cõi dục thì sắc thân” diệt hết ; Cõi Sơ thiên các “dục” diệt hết, cõi Nhị thiên các “khổ” diệt hết, cõi Tam Thiên các “vui” diệt hết; cõi Tứ Thiên các “xả” diệt hết

Như vậy, xoay vần cùng tột cả năm chỗ đều chấp hiện tiền tiêu diệt, diệt rồi không sanh trở lại. Vì hành giả mê mờ Bồ đề, mất chánh tri kiến, sanh các lối tà chấp như vậy, nên rơi vào ngoại đạo

10. Chấp năm Niết bàn hiện tại

Người tu thiền định, khi thọ ấm hết, xét cùng cội gốc của sanh loại, khởi ra chấp năm chỗ Niết Bàn: a) Chấp dục giới là cảnh Niết Bàn, b) Chấp cõi sơ thiên là Niết Bàn, c) Chấp Nhị thiên là Niết bàn, d) Chấp Tam thiên là Niết Bàn, e) Chấp cõi Tứ thiên là Niết Bàn. Vì cảnh giả mê muội tánh Bồ Đề, chấp năm cảnh vui cõi trời hữu lậu mà cho là Vô Vi Niết Bàn, nên rơi vào ngoại đạo

A Nan, mười cảnh ma về hành ấm này, là do hành giả dụng tâm sai lầm nên mới sanh ra như vậy. Vì mê mờ không

biết, tự cho là chứng Thánh, sanh ra đại vọng ngữ, ắt đọa vào ngục vô gián. Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên đem các việc ma này truyền dạy cho chúng sanh đời sau, chớ để cho người tu hành bị tâm ma khởi lên làm lại. Các ông phải bảo hộ người tu hành đi thẳng đến đạo Bồ Đề

V. MA THỨC ẤM

1. Chấp minh đế: Người tu thiền định khi hành ấm hết, chỉ còn thức ấm, các tướng sanh diệt đã hết, mà tâm thanh tịnh diệt chưa hiện bày. Lúc bấy giờ nếu hành giả móng tâm chấp là chơn thường, thì chánh kiến, mê mờ tánh Bồ đề, thành bạn bè với phái ngoại đạo Ta-tỳ-ca-la, chấp minh đế (sơ tướng A-Lại-da) là cái chỗ trở về của vạn vật trái với thành Niết bàn, đọa về ngoại đạo

2. Chấp năng sanh: Người tu thiền định khi hành ấm hết, các tướng sanh diệt đã diệt, mà tâm thanh tịnh diệt chưa hiện, khi đó thấy thức tâm mình châu biến, rồi khởi ra cái chấp: Tất cả chúng sanh đều do ta sinh ra. Vì sanh tâm chấp như thế, nên mất chánh kiến, mê lầm tánh Bồ Đề, thành bà con của trời Đai Ngã Mạn (Mê Hê Thủ La Thiên)

3. Chấp chơn thường: Người tu thiền định khi hành ấm hết, thức ẩn hiện ra, rồi sanh tâm nghi: Thân mình và mười phương hư không đều từ thức kia hiện ra, nên sanh tâm chấp cho Thức là chơn thường, mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ Đề, thành bè bạn của trời Tự Tại

4. Chấp cây cỏ đều biết: Người tu thiền định khi hành ấm hết, tướng sanh diệt đã diệt, chơn tâm tịch diệt chưa

hiện bày, lúc bấy giờ thức ấm biến khắp tất cả, rồi sanh tâm chấp: Mùi hương cây cỏ cũng đều là hữu tình, cùng với người không khác. Có cây chết làm người, người chết trở lại làm cỏ cây. Mê mờ tánh Bồ Đề, mất chánh kiến, nên sẽ làm bè bạn với hai chúng ngoại đạo Bà Tra và Tát Ni, chấp tất cả vạn vật đều có tri giác (biết)

5. Chấp tứ đại hóa sanh: Người tu thiền định khi hành ấm hết, chơn tâm chưa hiện, lúc bấy giờ thấy lửa sáng, nước trong, gió động, đất cứng, do bốn món này sanh ra các vật, rồi chấp cho là thường còn, hết lòng cung kính phụng thờ. Như ông Ca Diếp Ba và phái Bà La Môn thờ lửa, thờ nước.v.v... để cầu ra khỏi sanh tử, mê mờ tánh Bồ Đề, mất chánh kiến, đọa làm ngoại đạo.

6. Chấp hư vô: Người tu thiền khi hành ấm hết, thức ấm viên minh, rồi sanh ra chấp cái thức ấm hư vô, là chỗ nương của muôn vật, tất cả các vật đều về chỗ hư vô. Vì vậy mà mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ Đề, nên thành bè bạn với trời Vô tướng, Tứ không và thần Hư không.

7. Tham cầu sống lâu: Người tu thiền định khởi tâm tham cầu thân này thường còn, cố làm cho thân này sống hoài không chết, nên thành bè bạn của tiên A Tư Đà, cầu mạng sống lâu, mê mờ tánh Bồ Đề, mất chánh kiến, đọa vào ngoại đạo.

8. Tham huyền cảnh dục

Người tu thiền định khi hành ấm hết, lúc bấy giờ thấy thân thể và thức tâm tiêu diệt, cho nên sanh tâm lưu luyến

lại cảnh trần, tự biến hóa ra nhiều cảnh đẹp và nhiều mỹ nữ, rồi mặc tình vui thú. Vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ Đề, nên thành bè bạn của Thiên Ma ở cõi trời Tự Tại (đảnh cõi Dục).

9. Định tánh Thinh Văn: Người tu thiền định khi hành ấm hết, các tướng sanh đã diệt, mà chơn tâm tịch diệt chưa viên, lúc bấy giờ khởi tâm tham luyến ở chỗ không tịch, chẳng muốn tăng tiến, vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ Đề, đọa vào hàng Định tánh Thinh Văn, như ông Võ Văn Tỳ Kheo, sanh tâm tăng thượng mạn.

10. Định tánh Duyên Giác: Người tu thiền định, khi hành ấm hết, chỉ thấy một màu thanh tịnh sáng suốt, lúc bấy giờ sanh tâm chấp cho đó là Niết Bàn; rồi tham trước cảnh này, không cầu tăng tiến, mê mờ tánh Bồ Đề, mất chánh kiến, nên đọa vào hàng Định tánh Duyên Giác

A Nan! Mười thứ cảnh giới thiền định trên, giữa chừng thành điên, là do nương theo mê hoặc, ở nơi chưa cứu cánh chấp cho là đủ, ấy đều do thức ấm với dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này hiện tiền, mỗi mỗi đều dùng tâm mê chấp những tập quán ưa thích cũ của mình, cho là cứu cánh mà ngừng nghỉ tại đó, tự nói đã đầy đủ đạo Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ, lạc vào tà ma ngoại đạo, khi hết nghiệp báo chiêu cảm, bị đọa ngục A Tỳ, còn hàng Thanh Văn, Duyên Giác thì chẳng cầu tiến thêm. Các người đã phát tâm theo đạo Như Lai, sau khi ta nhập diệt, nơi thời mạt pháp, phải

đem pháp môn này truyền dạy cho đời sau, khiến tất cả chúng sanh đều rõ biết nghĩa này, chớ để cho kiến ma, tạo nghiệp tâm họ nhập tri kiến Phật, từ bắt đầu đến khi thành tựu chẳng bị lạc đường

Chư Phật trong quá khứ hằng hà sa kiếp nhờ pháp môn này mà khai ngộ, thành đạo Vô Thượng. Nếu đứt được thức ấm thì lục căn hỗ dụng lẫn nhau, do hỗ dụng này được vào cấp bậc Kim Cang Càn Huệ Bồ Tát, ở trong đó phát khởi chơn trí, trong suốt như mặt trăng ở trong ngọc lưu ly, từ đó cho đến siêu việt thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh và Kim Cang thập địa, Đăng Giác viên minh vào trong biển Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, Bồ Đề viên mãn, quy về Vô Sở Đắc

Đây là những ma vi tế trong lúc tu tập thiền định mà chư Phật đã giác ngộ từ đời quá khứ, cảnh ma hiện tiền, người nhận biết được liền tẩy trừ tâm cấu nhiễm của mình, chẳng lọt vào tà kiến, thì ấm ma tiêu diệt, thiên ma vỡ nát, đại lực quỷ thần hoảng sợ chạy trốn. Các loại yêu tinh ly mị chẳng còn sanh ra, những căn hạ liệt cũng được tinh tấn, tâm chẳng mê lầm nơi Đại Niết Bàn, thẳng đến Bồ Đề, chẳng gì thiếu sót.

Nếu các chúng sanh chưa hiểu Thiên Na, chẳng biết Phật pháp mà ưa tu tam muội, e họ mắc phải tà kiến, nên khuyên họ trì chú Phật Đảnh Đà La Ni của Ta, Ngươi nên kính vâng lời dạy sau cùng về đường tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

A Nan nghe Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ kính vâng, lại bạch Phật rằng: Như lời Phật dạy, trong tướng ngũ ấm, năm thứ hư vọng vốn là bản tâm, chúng con bình thường chưa được Như Lai khai thị tỉ mỉ như thế. Loại ngũ ấm này khi tu tập tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp? Năm lớp này đến đâu là bờ? Xin Như Lai phát lòng đại từ, khiến đại chúng được biết, và làm đạo nhân tương lai cho tất cả chúng sinh.

Phật bảo ngài A Nan: Diệu tâm sáng tỏ, bốn giác trong sạch, vốn chẳng có sanh tử và những trần cấu, tất cả chúng sanh, cho đến hư không, đều do vọng tưởng mà sanh khởi. Cái bốn giác vốn sáng tỏ trong sạch này, vọng sanh các tướng thế gian, như Diễn Nhã Đạt Ma mê đầu nhận bóng. Vọng vốn chẳng nhân, lại nơi vọng tưởng lập tánh nhân duyên, kẻ mê nhân duyên cho là tự nhiên, thật ra, tính hư không còn là huyền hóa, nhân duyên và tự nhiên đều do vọng tâm của chúng sanh tạo thành.

A Nan, biết chỗ vọng khởi, thì nói vọng duyên, nếu vọng vốn không, thì các vọng nhân duyên vốn chẳng thể có, huống là chẳng biết lại cho là tự nhiên. Vì thế, Như Lai nói: Bản nhân ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Thân người trước tiên, do niệm tưởng của cha mẹ sanh ra, tâm người nếu chẳng có niệm tưởng thì chẳng thể đến hợp với tưởng của cha mẹ mà thọ sanh, Như trước ta đã nói, tưởng tượng vị chua thì tiết ra nước miếng, tưởng tượng leo dốc thì lòng bàn chân ghê rợn, dốc cao chẳng có,

vật chưa chưa đến, thân người nếu chẳng cùng loại với hư vọng thì làm sao nghe nói chưa lại tiết ra nước miếng? Nên biết sắc thân hiện tiền của người, gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng thứ nhất.

Như trên đã nói, tưởng tượng leo dốc thì khiến thân thật chịu ghê rợn; vì cái nhân niệm tưởng cảm thọ, lay động sắc thân, nay trước mắt người ham thuận, chán nghịch, hai hiện tượng này giao tranh với nhau, gọi là Hư Minh Vọng Tưởng thứ hai.

Bởi do niệm tưởng sai khiến sắc thân; nếu sắc thân với niệm tưởng chẳng cùng loại, thì tại sao thân người lại theo niệm tưởng sai khiến? Đủ thứ hiện tượng, tương ứng với niệm tưởng, hễ tâm sanh thì thân nhận, lúc thức là niệm tưởng, lúc ngủ thành chiêm bao. Vậy thì niệm tưởng của người lay động vọng dục, gọi là Dung Thông Vọng Tưởng thứ ba.

Lý tạo hóa chẳng ngừng, âm thầm dời đổi, móng dài, tóc mọc, sức mòn, hình nhân, ngày đêm thay đổi mà không hề hay biết.

A Nan, ấy nếu chẳng phải là người, thì tại sao thân người lại dời đổi? Nếu ắt phải là người, thì sao người lại chẳng hay biết? Vậy thì, hành ấm của người niệm chẳng ngừng, gọi là U Âm Vọng Tưởng thứ tư.

A Nan nên biết, tánh trong lặng này chẳng thật, như dòng nước chảy gấp, trông như tịch lặng vì chảy nhanh mà chẳng thấy, chứ chẳng phải không chảy, nếu chẳng phải là

cội gốc của niệm tưởng, thì đâu huân tập sự vọng? Nếu lục căn chưa được hỗ dụng tự tại, thì vọng tưởng chẳng bao giờ diệt trừ được. Vậy nên cái Kiến, Văn, Giác, Tri của người, hòa hợp bởi tập khí vi tế, thành mừng tưởng hư vô nơi tánh Trạng Liễu, gọi là tướng vi tế của Diên Đảo Vọng Tưởng thứ năm.

A Nan! Ngũ ấm này do Năm thứ vọng tưởng kể trên mà thành. Nay người muốn biết bờ bên sâu cạn, thì Sắc với Không là bờ bên của Sắc Ấm; Xúc với Lìa là bờ bên của Thọ Ấm; Nhớ với Quên là bờ bên của Tưởng Ấm, Diệt với Sanh là bờ bên của Hành Ấm, Trạng nhập hợp Trạng, là bờ bên của Thức Ấm.

Cội gốc của ngũ ấm từng lớp sanh khởi; sanh do thức mà có, diệt theo sắc mà trừ; Lý thì Đốn Ngộ, theo ngộ cùng tiêu. Sự chẳng thể bỗng diệt, phải dần dần mới được dứt sạch.

KẾT KHUYẾN LƯU THÔNG

- Ta đã khai thị cho người về gút kết của khăn bông, tại sao còn chẳng rõ mà lại hỏi nữa! Người đối với cội gốc vọng tưởng này, nơi tâm được khai ngộ, rồi mới có thể truyền đạt cho người tu hành trong đời mật pháp, khiến họ biết sự hư vọng, tự sanh nhàm chán, biết có Niết Bàn, chẳng lưu luyến tam giới. Nay A Nan! Nếu có người đem thất bảo chất đầy mười phương hư không để cúng dường vô số Phật, tâm chẳng buông lung, ý người thế nào, người ấy do nhân duyên cúng dường Phật này, có được phước nhiều chăng?

A Nan đáp rằng: Hư không vô tận, thất bảo vô biên. Xưa kia có người cúng Phật bảy xu, còn được phước báo làm Chuyển Luân Vương, huống là dùng thất bảo đầy khắp hư không để cúng dường, làm sao phước ấy lại có bờ bến, thật vô lượng vô biên!

Phật bảo A Nan: Lời nói của chư Phật chẳng có hư vọng, nếu có người gây các tội Tứ Trọng (Sát, đạo, dâm, vọng), Thập Ba La Di, phải trải qua địa ngục A Tỳ phương này phương kia, cho đến cùng tột các ngục A Tỳ mười phương trong sát na, chẳng nơi nào không trải qua, nếu người ấy dùng một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp, liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục, thành cõi an lạc được phước siêu việt, hơn người cúng dường trước kia gấp trăm ngàn lần, ngàn vạn lần như thế cho đến toán số thí dụ đều chẳng thể so bằng.

Này A Nan! Nếu có chúng sanh hay đọc tụng, thọ trì kinh chú này như ta nói, thì phước báo cùng tột số kiếp cũng chẳng thể hết; nếu nương theo lời dạy của ta mà tu hành, thì thẳng đến Bồ Đề rốt ráo chẳng còn nghiệp ma.

Phật thuyết kinh này xong, các hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Ba Di, tất cả cõi trời, Người, A Tu La trong thế gian, các vị Bồ Tát, Nhị Thừa, Thần Tiên, Đồng tử ở các cõi khác, Đại lực quỷ thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, đánh lễ ra về.

LƯỢC GIẢI

Này A Nan hỏi Phật về Ngũ ấm đến đâu là bờ bến, đức Phật giải thích kỹ càng, có nguyên nhân có bờ bến từ cạn đến

sâu. Ngũ uẩn, tức là Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn. Năm thành tố này nhóm hợp lại thành thân thể con người. Ngũ uẩn có nhiều tên gọi: Ngũ uẩn, ngũ ấm hay Ngũ thủ uẩn, .v.v..

Nên biết Sắc chẳng tại Sắc, vì Không hiển Sắc, nên Sắc với Không là bờ bến của Sắc Ấm. Thọ chẳng tự Thọ, vì Xúc có Thọ, nên Xúc với Là là bờ bến của Thọ Ấm, Tưởng chẳng phải Tưởng, vì ghi nhớ là Tưởng, nên Nhớ và Quên là bờ bến của Tưởng Ấm; Hành chẳng phải Hành, vì sanh diệt chẳng ngừng, gọi là Hành, nên Sanh với Diệt là bờ bến của Hành Ấm; Thức gọi là Trạng Liễu (tịch tịnh sáng suốt), là đã diệt sanh diệt, tánh Thức nhập vào cội gọi trong lặng, mà hợp với trạng nhiên, có nhập có hợp, tức là bờ bến của Thức Ấm. Trạng Nhập là Thức Ấm, Trạng Xuất là Hành Ấm. Chơn Tánh cùng khắp pháp giới, nên chẳng có xuất nhập, nay Trạng Nhập dần dần đi vào, cho đến nhập vô sở nhập, tức đến chỗ chẳng sanh diệt. Hành giả tu thiền định ở đây, chính là tu Thủ Lăng Nghiêm Đại Thiền Định.

Tâm là theo ý nghĩa Tập khởi, không giống như ý nghĩa tích tập chúng tử sanh khởi hiện hành trong pháp tướng Duy Thức đã nói, mà chỉ cho vọng niệm bỗng nhiên tập khởi. Ý là ý nghĩa Tư lương, có đủ công năng tác dụng hằng tâm tư lương (kiểm soát tư tưởng). Theo Duy Thức thì đó là Đệ nhất nhiễm ô ý. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận giải là có năm thứ ý

Thức là Liễu việc (hiểu rõ ráo mọi việc), Cả sáu thức đều gồm luôn trong đó. Sắc là chỉ cho vật chất cụ thể hiện tại

thường nói đến, cũng chỉ cho sanh mạng nhục thể của chúng sanh do tứ đại tổ hợp. Tâm, Ý, Thức, ba thứ này gọi chung là tinh thần. Chúng sanh do sắc tâm hòa hợp và sẵn có Phật tánh tiềm ẩn trong đó, Phật tánh ở trong tâm thức. Ngoài tâm thức này ra, không có Phật tánh nào tồn tại riêng được

Nên trong kinh Lăng Già, Đức Phật từng nói: Ngã thuyết A Lại Da thức tức thị Như Lai Tạng (Ta nói A Lại Da thức chính là Như Lai Tạng)

Như Kinh văn trên nói, Phạm tội Tứ Trọng, Thập Ba La Di là cái tội cực ác, phải chịu cái quả báo cực khổ cho đến cùng tột tất cả địa ngục A Tỳ. Kẻ phạm tội như vậy tại sao chỉ cần dùng Một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc. Vậy nếu thật như thế thành không có nhân quả hay sao? Nếu người hiểu làm việc này thì cho là làm cái nhân cực ác cũng không sao? Vì chỉ cần biết thuyết pháp thì tội lớn đến mức nào cũng tiêu ngay lại còn được phước báo vô cùng tận. Kinh nói dùng: Một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc. Ấy là ám chỉ người liễu ngộ mới có thể liền tiêu nghiệp chướng.

THƯ MỤC THAM KHẢO



Bản Việt Ngữ:

- Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, *Phật Học Phổ Thông*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2009.

- Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*. Nhà In Sen Vàng xuất bản, năm 1965.

- Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Âm - Nghĩa. Nhà In Sen Vàng, năm 1964.

- Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Diễn Lục – dịch*. Xuất bản năm 1970.

- HT. Thích Từ Thông, *Thủ Lăng Nghiêm Kinh Trục Chi Đề Cương*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2008.

- HT. Thích Thanh Kiểm, *Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2006.

- HT. Thích Từ Thông, *Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2010.

- HT. Thích Chơn Hy, *Thiền Lâm Nghi Thức*, tập 1 – tập 4. NXB. Văn Hóa - Văn Nghệ, Tp. HCM 2013.

- Thượng Tọa Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Viên Giác*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016.

- TT. Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Hoa Nghiêm*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016 (tái bản).

- TT. Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Đại Bát Niết Bàn*.
NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2017.

Bản Hán Ngữ:

01). 大正藏第 26 冊 No. 1519 妙法蓮華經憂波提
CBETA 電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

02). 大正藏第 09 冊 No. 0264 添品妙法蓮華經 CBETA
電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

03). 大正藏第 09 冊 No. 0262 妙法蓮華經 CBETA 電子
佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

04). 大正藏第 09 冊 No. 0263 正法華經 CBETA 電子佛
典 2014.04, 依大正藏所編輯

05). 御製大乘妙法蓮華經序 No. 262 [Nos. 263, 264]

06). 大正藏第 09 冊 No. 0269 佛說法華三昧經 CBETA
電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

07). 大智度論 Taishō Vol. 25, No. 1509

08). 大方廣佛華嚴經疏 Taishō Vol. 35, No. 1735

09). 佛說救拔焰口餓鬼陀羅尼經 CBETA 電子版, 大
正新脩大正藏經 Vol. 21, No. 1313

10). 敕修百丈叢林清規 Taishō Vol. 48, No. 2025

MỤC LỤC



Lời Nói Đầu	07
Tổng Luận Kinh Thủ Lăng Nghiêm.....	11
Đề Mục Của 10 Phẩm	47
Bài 01. Nhân Duyên Sở Thuyết	49
Bài 02. Tâm Bản Vạn Pháp	85
Bài 03. Minh Tâm Chân Vọng	119
Bài 04. Nhị Nghĩa Quyết Định	161
Bài 05. Phương Tiện Đa Môn	219
Bài 06. Nhĩ Căn Ưu Việt	259
Bài 07. Đại Thừa Tâm Giới	301
Bài 08. Thuyết Chân Thật Ngữ	347
Bài 09. Tiến Trình Tu Chứng	397
Bài 10. Giải Trừ Sở Chấp	447
Thư Mục Tham Khảo	481

ĐẠI CƯƠNG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Biên dịch: TT. THÍCH TRÍ HẢI



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 – Fax: (04).37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Biên tập : Nguyễn Thị Thanh Thủy

Sửa bản in : TN. Hạnh Tâm

Trình bày : ĐĐ. Thích Nguyên Độ

Bìa : Nguyễn Ngọc Phúc

Liên kết xuất bản:

TT. THÍCH TRÍ HẢI

Chùa Thiền Lâm, Tân Nhuận Đông, Châu Thành, Đồng Tháp.

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, P. 7, Q. 3, Tp. HCM

Nhà máy in: Lô B5-8 Đường D4, KCN. Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM

Số ĐKXB: 3639 - 2020/CXBIPH/01-102/TG

Quyết định XB số: 346/QĐ - NXBTG, ngày 17/ 09/ 2020

Số ISBN: 978-604-61-7204-8

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2020

**Phật tử NGUYỄN VĂN HƯNG
Pháp danh PHƯỚC TIẾN
Ấn tống 1.000 quyển**

ĐẠI CƯƠNG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

